

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



ĐOÀN THỊ NGỌC ANH

**TRUYỀN THUYẾT PHẠM NHAN
VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ ÁC THẦN
CỦA NGƯỜI VIỆT Ở BẮC BỘ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



ĐOÀN THỊ NGỌC ANH

**TRUYỀN THUYẾT PHẠM NHAN
VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ ỨC THẦN
CỦA NGƯỜI VIỆT Ở BẮC BỘ**

Chuyên ngành : Văn học dân gian

Mã số : 9 22 01 25

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Hà

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan mọi kết quả của đề tài “Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ” là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của **PGS.TS Nguyễn Thị Bích Hà**

Các kết quả nghiên cứu trình bày trong luận án là trung thực và chưa được ai công bố dưới bất kì hình thức nào.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Tác giả

Đoàn Thị Ngọc Anh

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình thực hiện đề tài “Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ” tác giả luận án đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và động viên của quý thầy cô, đồng nghiệp, gia đình và bạn bè.

Tác giả luận văn xin bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với cô giáo, PGS. TS Nguyễn Thị Bích Hà người đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ tác giả hoàn thành luận văn này.

Tác giả luận văn xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với các Giáo Sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, các thầy cô trong tổ Văn học Việt Nam 1, khoa Ngữ văn, trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tạo điều kiện về mọi mặt của Ban giám hiệu, Ban chủ nhiệm khoa Ngữ văn - Trường Đại học Hải Phòng, sự động viên, giúp đỡ nhiệt tình của các đồng nghiệp trong tổ Văn học Việt Nam, khoa Ngữ văn, Trường Đại học Hải Phòng nơi tác giả luận văn đang công tác.

Tác giả luận án luôn ghi nhớ sâu sắc những tình cảm quan tâm và tấm lòng của gia đình, bạn bè đã động viên, khích lệ và giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Ngoài ra, trong quá trình điền dã thực tế tại các địa phương, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình và cung cấp những nguồn tài liệu quý báu của:

- Ban quản lý di tích đền Kiếp Bạc - Hải Dương, đình Tràng Kênh - Hải Phòng, đình Hưng Học - Quảng Ninh.

- Ông Ngô Đăng Lợi - nguyên chủ tịch hội khoa học lịch sử Hải Phòng

- Ông Phạm Khắc Hồng - nguyên trưởng ban quản lý di tích đền Kiếp Bạc

- Ông Phan Thanh Kiêm - trưởng ban khánh tiết đình Hưng Học

- Anh Nguyễn Sĩ Đông - Nhân viên Ban quản lý di tích đền Kiếp Bạc, Hải Dương

Cùng rất nhiều cơ quan tổ chức văn hoá và nhân dân các địa phương tác giả điền dã.

Tác giả luận án xin được trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng 05 năm 2019

Tác giả

Đoàn Thị Ngọc Anh

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| LỜI CAM ĐOAN | i |
| LỜI CẢM ƠN | ii |
| MỤC LỤC | iii |
| DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU | vi |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Lí do chọn đề tài | 1 |
| 2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu | 3 |
| 3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu..... | 4 |
| 4. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu..... | 5 |
| 5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài..... | 6 |
| 6. Cấu trúc luận án..... | 7 |
| Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI | 8 |
| 1.1. Cơ sở lý thuyết của đề tài | 8 |
| 1.1.1. Xác định một số thuật ngữ, khái niệm..... | 8 |
| 1.1.2. Lý thuyết về mối quan hệ giữa tín ngưỡng dân gian và văn học dân gian | 18 |
| 1.1.3. Từ thuyết vật linh đến tục thờ ác thần trong lịch sử..... | 24 |
| 1.1.4. Lý thuyết về “an ninh tinh thần” và các nghi thức thờ cúng xuất phát từ sự sợ hãi | 31 |
| 1.2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu | 35 |
| 1.2.1. Lịch sử nghiên cứu về ác thần | 35 |
| 1.2.2. Lịch sử nghiên cứu về Phạm Nhan..... | 42 |
| 1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và định hướng của đề tài | 47 |
| 1.3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài..... | 47 |
| 1.3.2. Định hướng nghiên cứu của đề tài..... | 48 |
| <i>Tiểu kết chương 1</i> | 49 |
| Chương 2. KHẢO SÁT HỆ THỐNG TRUYỀN THUYẾT PHẠM NHAN | 50 |
| 2.1. Nhận diện truyền thuyết Phạm Nhan | 50 |
| 2.1.1. Số lượng truyền thuyết | 50 |
| 2.1.2. Sự phân bố truyền thuyết..... | 53 |
| 2.1.3. Nhân vật Bá Nhan và Phạm Nhan..... | 58 |

| | |
|---|-----|
| 2.2. Nhân vật Phạm Nhan trong truyền thuyết | 62 |
| 2.2.1. Tên gọi Phạm Nhan | 62 |
| 2.2.2. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm nhân vật | 64 |
| 2.2.3. Hành trạng nhân vật..... | 65 |
| 2.2.4. Về sự tái sinh gây hại | 67 |
| 2.3. Cốt truyện Phạm Nhan | 68 |
| 2.3.1. Những môtip chính trong truyền thuyết Phạm Nhan | 68 |
| 2.3.2. Kết cấu truyền thuyết Phạm Nhan..... | 85 |
| <i>Tiểu kết chương 2</i> | 90 |
| Chương 3. TRUYỀN THUYẾT PHẠM NHAN VÀ KIỂU TRUYỆN VỀ ÁC THẦN CỦA NGƯỜI VIỆT | 92 |
| 3.1. Kiểu truyện về ác thần của người Việt | 92 |
| 3.1.1. Ác thần và truyền thuyết về ác thần trong văn hóa Việt | 92 |
| 3.1.2. Sự tương quan giữa kiểu truyện về ác thần của người Việt với truyền thuyết Phạm Nhan | 103 |
| 3.2. Cặp đôi nhân vật Phạm Nhan - Đức Thánh Trần trong truyền thuyết về ác thần và phúc thần | 106 |
| 3.2.1. Tương phản về môtip..... | 106 |
| 3.2.2. Tương phản về kết cấu | 107 |
| 3.3. Truyền thuyết Phạm Nhan trong đời sống văn hóa dân gian | 110 |
| 3.3.1. Truyền thuyết về tục chữa bệnh | 110 |
| 3.3.2. Truyền thuyết về tục cầu con..... | 112 |
| 3.3.3. Truyền thuyết về tục che mặt của người phụ nữ | 114 |
| <i>Tiểu kết chương 3</i> | 116 |
| Chương 4. TỤC THỜ PHẠM NHAN TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ ÁC THẦN CỦA NGƯỜI VIỆT | 117 |
| 4.1. Hiện tượng Phạm Nhan trong văn hóa tín ngưỡng người Việt | 117 |
| 4.1.1. Một số quan niệm khác nhau về việc thờ cúng Phạm Nhan | 117 |
| 4.1.2. Những dấu tích thờ cúng Phạm Nhan | 120 |
| 4.1.3. Những hèm tục có liên quan đến Phạm Nhan trong dân gian..... | 123 |
| 4.1.4. Phạm Nhan - Đức Thánh Trần: hai loại hình tín ngưỡng..... | 126 |
| 4.2. Tín ngưỡng, tục thờ ác thần của người Việt | 133 |

| | |
|---|------------|
| 4.2.1. Quan niệm về việc thờ ác thần | 133 |
| 4.2.2. Di tích thờ ác thần | 134 |
| 4.2.3. Những nghi lễ và tập tục thờ cúng ác thần của người Việt..... | 136 |
| 4.3. Những đặc điểm có tính chất quy luật trong tín ngưỡng thờ Phạm Nhan và tục thờ ác thần của người Việt | 141 |
| 4.3.1. Đặc điểm về nguồn gốc của việc thờ cúng ác thần | 141 |
| 4.3.2. Đặc điểm về bản chất của việc thờ ác thần | 144 |
| <i>Tiểu kết chương 4</i> | 147 |
| KẾT LUẬN | 148 |
| DANH MỤC NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN | 151 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 152 |
| PHỤ LỤC | 161 |

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

| STT | Tên bảng, biểu | Số trang |
|------------|---|-----------------|
| 1 | Bảng 2.1: Bảng thống kê số lượng truyền thuyết về Phạm Nhan | 51 |
| 2 | Biểu đồ 2.1: Biểu đồ thể hiện tỉ lệ phân bố truyền thuyết Phạm Nhan giữa các nguồn tư liệu | 53 |
| 3 | Bảng 2.2: Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ truyền thuyết về Phạm Nhan qua nguồn điền dã tại các địa phương | 54 |
| 4 | Bảng 2.3. Bảng thống kê tần suất xuất hiện của các môtip trong truyền thuyết Phạm Nhan | 86 |
| 5 | Bảng 3.1: Bảng thống kê tên ác thần và truyền thuyết về những hành vi gây ác | 93 |
| 6 | Bảng 3.2: Bảng phân loại ác thần | 97 |
| 7 | Bảng 4.1: Bảng thống kê di tích, địa điểm thờ cúng ác thần | 135 |

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Truyền thuyết, một thể loại văn học dân gian mang lại nhiều giá trị cho lịch sử văn học dân tộc. Bên cạnh vô số những truyền thuyết ngợi ca các vị anh hùng dân tộc còn có một mảng truyền thuyết về những nhân vật phản diện. Đó là những tên tướng giặc, những kẻ bán nước, những người làm điều ác có hại cho nhân dân. Mảng truyền thuyết này chưa được tập trung khai thác trong giới nghiên cứu văn hóa, văn học dân gian. Chúng tôi chọn đề tài: “Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ” bởi những lí do sau:

- *Lí do khoa học:*

Văn học dân gian là một bộ phận không thể tách rời của văn hóa dân gian, một thành phần không nhỏ trong nội hàm khái niệm Folklore, văn học dân gian gắn bó mật thiết với những sinh hoạt văn hóa xã hội của nhân dân. Mọi quan hệ giữa văn học dân gian trong đó có thể loại truyền thuyết với những sinh hoạt tín ngưỡng dân gian là mối quan hệ có tính chất quy luật, tương tác lẫn nhau. Truyền thuyết tạo cho những hoạt động sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng thêm phong phú, thiêng liêng, cao cả, ngược lại chính những hoạt động văn hóa này nhằm minh chứng, khẳng định cho sự tồn tại của thể loại truyền thuyết.

Việt Nam là một quốc gia có bề dày lịch sử với biết bao biến cố thăng trầm, khốc liệt, những cuộc chiến tranh kéo dài vì sự sinh tử tồn vong của dân tộc. Trên chặng đường dài mấy nghìn năm lịch sử ấy, văn học dân gian trong đó có thể loại truyền thuyết đã lưu giữ những biến chuyển trong đời sống văn hóa, xã hội. Đó là nguồn tư liệu vô cùng quý, luôn đồng hành cùng với chính sử trên con đường tìm hiểu cội nguồn dân tộc. Nói như M.Gorki: *“Không thể nào hiểu được lịch sử chân chính của nhân dân lao động nếu không hiểu biết sáng tác dân gian truyền miệng. Từ thời cổ, văn học dân gian đã theo sát lịch sử một cách độc đáo”*.

Truyền thuyết, một thể loại văn học dân gian phát triển rục rờ cùng những thăng trầm của lịch sử dựng nước và giữ nước, gắn liền với những tên tuổi của các vị anh hùng dân tộc như: Hai Bà Trưng, Thánh Gióng, Trần Hưng Đạo... Đó là những truyền thuyết ca ngợi, vinh danh công đức của các vị chủ tướng - những con người đã làm nên huyền thoại, đã sống trong muôn triệu trái tim người Việt để khi mất đi họ được phong thần, tôn thánh. Có một mạch truyền thuyết được tách ra bên cạnh những câu chuyện về những người có công với nhân dân đất nước là mạch truyện kể về những nhân vật hết sức bình thường, thậm chí đó còn là những tên bán nước, những bè lũ cướp nước... Nhân vật phản diện trong truyền thuyết của người Việt là

những kẻ chuyên làm điều ác có hại cho dân. Phạm Nhan là một nhân vật như vậy. Nhân vật Phạm Nhan là một mắt xích quan trọng trong việc tìm hiểu về lịch sử văn hóa gắn với một thời kỳ huy hoàng chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Song chúng tôi thấy, nhân vật này chưa thực sự được các nhà nghiên cứu văn hóa, văn học dân gian quan tâm đến. Mặc dù truyền thuyết về Phạm Nhan vẫn âm ỉ, vẫn lặng thầm trôi chảy trên cửa miệng dân gian, đặc biệt là ở vùng Bắc Bộ Việt Nam. Chúng tôi tìm hiểu truyền thuyết về Phạm Nhan là một cách tiếp cận hoàn toàn mới dưới góc độ của chuyên ngành nghiên cứu văn học dân gian. Từ đó mở ra một cách nhìn nhận, tiếp cận và công nhận sự tồn tại của thể loại truyền thuyết về ác thần trong kho tàng văn học dân gian của dân tộc.

- Lí do thực tiễn:

Tín ngưỡng dân gian là một lĩnh vực rộng lớn, vô cùng phong phú, đa dạng. Từ thời xưa, tục thờ thần, thờ thánh của người Việt đã thể hiện rõ bản chất tín ngưỡng đa thần bản địa. Trong lịch sử, ông cha ta đã bảo lưu rất nhiều hình thái tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Sẽ thấy sự hiện diện của những hình thái sơ khai từ thời nguyên thủy như tín ngưỡng vạn vật hữu linh, các tín ngưỡng thờ sinh thực khí với hành vi giao phối, các tín ngưỡng thờ thần thiên nhiên như Tứ pháp (mây, mưa, sấm, chớp), tín ngưỡng Tứ phủ, tín ngưỡng thờ động vật, thờ nhân thần, thờ cúng tổ tiên... Với hệ thống nhân thần, trong tín ngưỡng người Việt, những nhân vật được thờ phụng thường là các vị anh hùng có công với nước, giúp dân khai hoang lập ấp, hay những nhân vật có công dựng nghề, khởi nghiệp. Bên cạnh đó, các vị thần nhiều khi cũng chỉ là những nhân vật hết sức bình thường, thậm chí tầm thường như một người chết bất đắc kỳ tử, một tay ăn trộm, tướng cướp hay kẻ ăn mày, người hót phân... Những nhân thần dạng này hầu hết giống nhau ở chỗ đều chết vào giờ thiêng nên linh ứng với cộng đồng, khiến cho người dân khiếp sợ mà lập đền, miếu thờ phụng. Ngoài ra, phải kể đến những nhân vật từng làm ác cũng được nhân dân thờ phụng. Đã là “ác” nhưng vẫn được gọi là “thần”, điều này chỉ được lí giải khi chúng ta đi sâu tìm hiểu cội rễ của những hình thức sinh hoạt tín ngưỡng dân gian. Những hoạt động tín ngưỡng này tuy không có được nghi thức trang trọng và phổ biến như những sinh hoạt chính thống, nhưng vẫn được diễn ra đều đặn, thường xuyên, âm thầm trong sinh hoạt đời thường của nhân dân. Trên thực tế, chúng ta chỉ có thể tìm hiểu về loại hình tín ngưỡng này thông qua việc khảo sát trong đời sống văn hóa dân gian. Để đi tìm một cứ liệu khoa học có tính chất tổng hợp hay mô tả hình thức tín ngưỡng thờ cúng ác thần của người Việt là một việc vô cùng khó khăn đối với những người quan tâm đến vấn đề này. Đó cũng là một lời khẳng định: loại hình tín ngưỡng này chưa được quan tâm trong giới nghiên cứu văn hóa dân gian. Phạm Nhan là một dạng ác thần, tìm hiểu truyền thuyết

này kết hợp với nghiên cứu tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt là một địa hạt mới, hấp dẫn cho việc khai thác một cách toàn diện về văn hóa dân gian Việt Nam.

Hiện nay, được sự quan tâm của Bộ văn hóa thể thao và du lịch với phong trào phục dựng những giá trị di sản văn hóa dân tộc, các lễ hội tín ngưỡng ở nhiều địa phương trong cả nước cũng dần được khôi phục. Song trong xã hội hiện đại, đã bắt đầu nảy sinh những hiện tượng biến tướng ở nhiều hình thái tín ngưỡng. Trong đó có những vấn đề ngày càng trở nên bức xúc, được phản ánh nhiều trên công luận, như hiện tượng buôn thần bán thánh, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội... Nhiều năm qua, báo chí cùng các phương tiện truyền thông liên tục phản ánh mọi thực trạng văn hóa xã hội, được xem như hệ lụy của phong trào đua chen tín ngưỡng với nhiều vấn nạn nhức nhối. Ở đây, trong xu thế phát triển văn hóa nói chung, việc tôn trọng tự do tín ngưỡng, việc kết hợp sinh hoạt văn hóa với du lịch, dịch vụ trở thành nhu cầu thiết yếu. Sự quan tâm của Nhà nước trong việc ban hành pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (ngày 18/6/2004) đã và đang định hướng hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng dân gian. Những công trình nghiên cứu về văn hóa, tín ngưỡng một cách chuyên sâu sẽ là cứ liệu khoa học giúp nhân dân có những định hướng tốt trong những hoạt động tìm hiểu, khai thác và thực hành sinh hoạt tín ngưỡng của mình.

- Lí do chuyên môn:

Truyền thuyết là một thể loại văn học dân gian có trong chương trình dạy học Ngữ văn trong nhà trường từ phổ thông đến đại học. Nghiên cứu truyền thuyết giúp chúng tôi tiếp cận với hệ thống lí thuyết về thể loại cũng như mối quan hệ giữa truyền thuyết với văn hóa và thực tiễn đời sống. Nghiên cứu truyền thuyết về ác thần qua hiện tượng nhân vật Phạm Nhan, đặt trong mối quan hệ với tín ngưỡng của người Việt đồng thời có sự so sánh, mở rộng với văn hóa tín ngưỡng của một số nước lân cận và trên thế giới chính là một cách tự nâng cao năng lực nghiên cứu, khả năng giải quyết vấn đề và trau dồi kiến thức phục vụ cho công tác giảng dạy môn Văn học dân gian của bản thân tác giả luận án trong trường đại học. Luận án cũng sẽ là nguồn tài liệu tham khảo bổ ích và lí thú cho những sinh viên Ngữ văn.

Từ những lý do trên, chúng tôi đã chọn đề tài: ***Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ*** để nghiên cứu.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

- Qua việc nghiên cứu truyền thuyết Phạm Nhan, chúng tôi muốn tìm hiểu một cách toàn diện hơn về thể loại truyền thuyết trong văn học dân gian và văn hóa dân gian.

- Tìm hiểu truyền thuyết và tín ngưỡng Phạm Nhan trong tục thờ ác thần của người Việt là cách để người viết tăng cường khả năng nghiên cứu và hiểu sâu sắc hơn

về một loại tín ngưỡng vốn vẫn tồn tại trong đời sống văn hóa Việt mà chưa được giới nghiên cứu folklore quan tâm.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xác định cơ sở lí thuyết và thực tiễn của đề tài, minh định một số khái niệm, thuật ngữ có liên quan tạo cơ sở để triển khai vấn đề cần nghiên cứu, tổng hợp được lịch sử nghiên cứu về ác thần, lịch sử nghiên cứu về Phạm Nhan ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Đánh giá được tình hình nghiên cứu và nêu lên định hướng của đề tài.

- Thống kê, khảo sát số lượng, sự phân bố truyền thuyết Phạm Nhan qua các nguồn tư liệu. Khai thác truyền thuyết Phạm Nhan ở các phương diện nội dung và hình thức thể hiện. Tìm hiểu truyền thuyết Phạm Nhan trong hệ thống truyền thuyết dân gian người Việt để làm nổi bật những đặc trưng nghệ thuật so với những truyền thuyết về các nhân vật phúc thần khác trong văn hóa dân gian người Việt.

- Đặt Phạm Nhan trong đời sống văn hóa dân gian. Làm rõ bản chất của hiện tượng Phạm Nhan trong văn hóa tín ngưỡng người Việt. Tìm hiểu những dấu tích thờ cúng và những phong tục dân gian có liên quan đến Phạm Nhan. Lý giải nguyên nhân tồn tại những hoạt động tín ngưỡng Phạm Nhan trong cộng đồng.

- Từ hiện tượng Phạm Nhan, mở rộng tìm hiểu về tín ngưỡng thờ cúng ác thần của người Việt ở Bắc Bộ. Hệ thống hóa số lượng, di tích và mô tả những nghi thức sinh hoạt, những hèm tục trong tín ngưỡng thờ ác thần. Nêu được những đặc điểm có tính chất quy luật của hiện tượng thờ cúng ác thần trong đời sống tâm linh người Việt.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính được chúng tôi hướng tới là truyền thuyết về Phạm Nhan được lưu truyền qua các nguồn tư liệu khác nhau.

Đặt Phạm Nhan trong bối cảnh văn hóa - sinh hoạt, chúng tôi mở rộng đối tượng nghiên cứu tới sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt: tín ngưỡng thờ ác thần. Một loại hình tín ngưỡng đặc biệt đã và đang tồn tại một cách âm thầm trong mỗi làng quê, trên mỗi miền đất Việt.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu:

- Truyền thuyết về Phạm Nhan được nghiên cứu dựa trên những phương diện: nhân vật, cốt truyện và kết cấu truyền thuyết, mối quan hệ giữa truyền thuyết với tín ngưỡng dân gian.

- Đề tài khai thác một trong những sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng độc đáo, đầy bí hiểm trong dòng chảy văn hóa dân gian người Việt: tín ngưỡng thờ ác thần.

Phạm vi tư liệu:

- Truyền thuyết về Phạm Nhan được ghi chép trong sách cổ: *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Việt điện u linh tập lục toàn biên*, *Thiên Nam ngữ lục*, *Công dư tiếp ký*, *Tang thương ngẫu lục*, *Sự tích Trần Hưng Đạo*, *Trần Triều Hưng Đạo Vương truyện*... Tất cả những tư liệu này đều là tư liệu Hán Nôm, chúng tôi được tiếp cận ở văn bản dịch.

- Về tư liệu điền dã, nguồn truyền tụng trong dân gian: Truyền thuyết về Phạm Nhan gắn liền với chiến công của Đức Thánh Trần. Bởi vậy, qua khảo sát chúng tôi thấy, ở những vùng có lưu truyền truyền thuyết về Đức Thánh Trần Hưng Đạo đều có kể chuyện về Phạm Nhan. Theo đó, chúng tôi đã tiến hành điền dã tại một số địa phương: Nam Định, Hải Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng... Chúng tôi sử dụng tư liệu trong dân gian như một nguồn tư liệu để nghiên cứu.

4. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Hướng tiếp cận

4.1.1. Hướng tiếp cận Folklore học

Đề tài luận án thuộc chuyên ngành ngữ văn dân gian, khai thác truyền thuyết Phạm Nhan dưới góc độ chuyên ngành, chúng tôi chú trọng tới hướng tiếp cận từ góc độ Folklore học. Đề tài căn cứ vào đặc trưng thể loại, cụ thể là thể loại truyền thuyết để mở ra các cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu cũng như triển khai nội dung của luận án. Sưu tầm truyền thuyết Phạm Nhan qua các dạng hiện và dạng ẩn. Phân tích truyền thuyết Phạm Nhan về cốt truyện và kết cấu. Nghiên cứu truyền thuyết Phạm Nhan dưới góc độ văn hóa, gắn truyền thuyết với các hoạt động nghi lễ, việc thực hiện hành vi tín ngưỡng, từ đó cho thấy mối quan hệ giữa truyền thuyết Phạm Nhan với loại hình tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt.

4.1.2. Hướng tiếp cận liên ngành

Truyền thuyết là một thể loại có đặc trưng nguyên hợp đặc thù trong các loại hình văn học dân gian với mối quan hệ chặt chẽ với lịch sử, dân tộc học, văn hóa học, văn học dân gian... Tìm hiểu truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt, chúng tôi sử dụng hướng tiếp cận liên ngành (dân tộc học, văn hóa học, tôn giáo học, khoa học về lịch sử, địa lý v.v...) để lý giải một hiện tượng độc đáo trong văn học, văn hóa dân gian người Việt.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

4.2.1. Phương pháp điền dã

Tác giả luận án đã tiến hành điền dã tại một số địa phương có liên quan đến trận đánh Bạch Đằng năm 1288, những nơi ghi dấu ấn của Hưng Đạo Vương diệt Phạm Nhan, cũng như đánh đuổi quân xâm lược Nguyên Mông: vùng đảo Hà Nam thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh; các huyện Chí

Linh, Nam Sách tỉnh Hải Dương; một số nơi tại Nam Định, Hải Phòng, Huế - nơi có dấu tích thờ cúng Phạm Nhan. Chúng tôi đã tiến hành điền dã nhiều lần, nhiều thời điểm tại những địa phương khác nhau và bằng những cách thức khác nhau để có thể thu thập, ghi chép những nguồn tư liệu truyền tụng trong dân gian. Những tư liệu liên quan đến luận án được chúng tôi bảo mật và chuyển tải một cách chính xác thông qua hệ thống dữ liệu, phiếu điều tra...

4.2.2. Phương pháp so sánh loại hình

Trong quá trình nghiên cứu đề tài: phương pháp loại hình học là phương pháp hiệu quả giúp chúng tôi tìm hiểu truyền thuyết Phạm Nhan trong một mạch truyền thuyết riêng về những nhân vật ác thần, đồng thời đặt truyền thuyết Phạm Nhan như một mắt xích trong chuỗi truyền thuyết về Đức Thánh Trần Hưng Đạo để có những căn cứ khoa học xác đáng nhằm góp phần lí giải một hiện tượng đặc biệt trong văn hóa dân gian người Việt như Phạm Nhan.

4.2.3. Phương pháp ngữ văn dân gian

Phương pháp ngữ văn dân gian được vận dụng trong việc phân tích nhân vật dựa trên đặc trưng thi pháp về thể loại truyền thuyết (diễn biến số phận, hành động, mối quan hệ của nhân vật với một số lực lượng khác...); phân tích ý nghĩa văn học, ý nghĩa dân tộc học, văn hóa học... của các môtip; vai trò kết nối của các môtip trong toàn bộ kết cấu truyện. Khi phân tích tư liệu chúng tôi chọn những dẫn chứng tiêu biểu cho những truyền thuyết về Phạm Nhan và truyền thuyết về các nhân vật ác thần khác và cuối cùng rút ra nhận xét, đánh giá tổng hợp.

4.2.4. Phương pháp hệ thống

Truyền thuyết Phạm Nhan là một mắt xích trong chuỗi truyền thuyết về ác thần của người Việt, chúng tôi sử dụng phương pháp hệ thống nhằm tìm hiểu một cách tổng thể các đặc trưng riêng về kiểu truyện, sự tương tác giữa các thành tố (nhân vật, cốt truyện, môtip). Phương pháp hệ thống có một vai trò quan trọng đối với việc khảo sát truyền thuyết về ác thần, các tiêu chí: nguồn gốc, tính chất, hành trạng, chức năng của các nhân vật ác thần.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

“Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ” là công trình nghiên cứu chuyên sâu và đầy đủ nhất về truyền thuyết Phạm Nhan. Thực hiện đề tài này, chúng tôi đã tập trung tìm hiểu, khảo sát và tập hợp một mảng truyền thuyết ít được lưu tâm trong kho tàng văn học dân gian người Việt.

Nghiên cứu đề tài này, chúng tôi đã giải quyết được những vấn đề sau:

- Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu truyền thuyết về Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt. Đề tài đưa ra một cái nhìn phân tích, hệ thống về vấn đề nghiên cứu trên tất cả các phương diện: khảo sát tư liệu, nguồn gốc hình thành, đặc

trung, chức năng, quan niệm nghệ thuật, phương thức phản ánh đặc biệt về thế giới, con người, ý nghĩa tâm linh, đời sống văn hóa tín ngưỡng còn nhiều bí ẩn trong dân gian.

- Phạm Nhan là một nhân vật truyền thuyết có mối liên hệ ràng buộc với nhân vật Đức Thánh Trần. Trong chuỗi truyền thuyết lớn về Đức Thánh Trần, truyền thuyết về Phạm Nhan giống như một nhánh nhỏ làm nên một mạch truyện lớn. Tuy nhiên, trong giới nghiên cứu văn hóa và văn học dân gian, thì đây là lần đầu tiên nhân vật này được coi là đối tượng nghiên cứu chính của một đề tài khoa học.

- Nhân vật Phạm Nhan thuộc một tuyến khác trong hệ thống nhân vật truyền thuyết của người Việt. Phạm Nhan đại diện cho tuyến ác, cho phía kẻ địch, một nhân vật phản diện. Nghiên cứu truyền thuyết về Phạm Nhan giúp chúng ta có được sự đối sánh giữa hai dòng truyền thuyết về phúc thần, thượng đẳng thần với truyền thuyết về ác thần, hạ đẳng thần và thấy được những quan niệm khác nhau về kiểu nhân vật này trong dân gian.

- Luận án góp phần tái dựng diễn biến lưu truyền của truyền thuyết về Phạm Nhan và các nhân vật ác thần khác thông qua việc tìm hiểu mối quan hệ qua lại giữa truyền thuyết dân gian và phong tục, tập quán dân gian; truyền thuyết dân gian và các di tích vật thể; truyền thuyết đã được sưu tầm, văn bản hóa và truyền thuyết đang sống bằng hơi thở của nhân dân.

- Luận án đã mở rộng từ một hiện tượng Phạm Nhan trong tín ngưỡng dân gian sang các nhân vật ác thần, tà thần đang có một đời sống phong phú, phức tạp trong thực tiễn sinh hoạt văn hóa, phong tục của nhân dân. Vấn đề thờ cúng những nhân vật là ác thần, tà thần... là một vấn đề được bỏ ngỏ lâu nay. Luận án của chúng tôi đang trên con đường đi tìm lời giải đáp cho một bài toán đầy ẩn số. Đây cũng chính là một trong những đóng góp đặc sắc của đề tài này.

6. Cấu trúc luận án

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục; Luận án của chúng tôi được kết cấu làm 4 chương. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về cơ sở lí thuyết và tình hình nghiên cứu của đề tài

Chương 2. Khảo sát hệ thống truyền thuyết Phạm Nhan

Chương 3. Truyền thuyết Phạm Nhan và kiểu truyện về ác thần của người Việt

Chương 4. Tục thờ Phạm Nhan trong tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt.

Chương 1.

TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

Nghiên cứu truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt là một hướng khai thác vấn đề mới. Người viết đã tìm hiểu những bài viết, những công trình chuyên luận nghiên cứu riêng về vấn đề này, nhưng kết quả thu được rất ít. Những bài viết về truyền thuyết Phạm Nhan hầu như được triển khai trong những nội dung nhỏ lẻ, không mang tính hệ thống. Phạm Nhan chỉ được nhắc đến như một sự liên hệ, mở rộng vấn đề trong các công trình nghiên cứu về Đức Thánh Trần. Đây cũng là một trong những khó khăn của chúng tôi trong quá trình sưu tầm tư liệu. Tuy nhiên, để thực hiện đề tài này chúng tôi đã dựa vào một số lý thuyết cơ sở và những nghiên cứu nhỏ lẻ trước đó về nhân vật.

Trong nội dung chương 1, chúng tôi triển khai ba vấn đề:

- Cơ sở lý thuyết của đề tài
- Lịch sử nghiên cứu truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần
- Đánh giá tình hình nghiên cứu và định hướng của đề tài

1.1. Cơ sở lý thuyết của đề tài

1.1.1. Xác định một số thuật ngữ, khái niệm

1.1.1.1. Truyền thuyết

Truyền thuyết được gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau trên thế giới: tiếng Anh gọi là *legend*; tiếng Pháp dùng chữ *légende* và tiếng Đức dùng chữ *sage*. Truyền thuyết là từ gốc Hán, nhưng không phải thuật ngữ đã có từ xa xưa ở Trung Quốc. Nhà nghiên cứu Kiều Thu Hoạch cho biết: “Theo giới nghiên cứu Folklore Trung Quốc thì đây là một danh từ được chuyển dịch từ thuật ngữ *sage* trong tiếng Đức” [52,132]. Chữ *sage* trong tiếng Đức có nghĩa là truyện ngắn về sự kiện trong quá khứ mà không cần có sự đảm bảo về lịch sử.

Ở Việt Nam, có lẽ Đào Duy Anh là người sớm sử dụng từ truyền thuyết khi ông viết về vấn đề “Những truyền thuyết đời thượng cổ nước ta”. Đến những năm 50 của thế kỉ XX, thuật ngữ truyền thuyết đã được sử dụng nhiều hơn. Các tác giả nhóm Lê Quý Đôn trong công trình *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, khi xác định ranh giới giữa thần thoại với truyền thuyết, bước đầu định nghĩa truyền thuyết như sau: “Truyền thuyết là tất cả những chuyện lưu hành trong dân gian có thật xảy ra hay không thì không có gì đảm bảo. Như vậy có những truyền thuyết lịch sử mà cũng có những

truyền thuyết khác, hoặc đính dǎng về một đặc điểm địa lý (Chuyện nàng Tô Thị, Chuyện Núi Vọng Phu...) hoặc kể lại gốc tích một sự vật gì (Chuyện bánh chưng bánh giầy, Chuyện Trầu Cau), hoặc giải thích phong tục tập quán, hoặc nói về sự tích các nghề nghiệp, và tất cả những chuyện kì lạ khác” [27, 60]. Đến những năm 60, danh từ truyền thuyết cũng như nội dung truyền thuyết dân gian đã trở nên quá quen thuộc với nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, qua cuộc tranh luận khá sôi động về một truyền thuyết cụ thể: truyền thuyết Mị Châu - Trọng Thủy diễn ra trên Tập san Nghiên cứu văn học (tiền thân của Tạp chí Văn học). Từ cuối những năm 60 cho đến những năm 70 trở đi, đến những năm cuối thế kỉ XX có nhiều bài báo, công trình khoa học, giáo trình đại học viết về truyền thuyết.

Năm 1970, trong giáo trình Văn học dân gian của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đỗ Bình Trị đã định nghĩa: “Truyền thuyết là những truyện cổ đính líu đến lịch sử mà lại có sự kì diệu - là lịch sử hoang đường - hoặc là những truyện tưởng tượng ít nhiều gắn với lịch sử” [102].

Năm 1971, trong một bài tiểu luận “Truyền thuyết anh hùng trong thời kì phong kiến”, tác giả Kiều Thu Hoạch đã đưa ra một quan niệm về truyền thuyết mà cho đến nay vẫn được nhiều nhà nghiên cứu chấp nhận. Theo ông: “Truyền thuyết là một thể loại truyện kể truyền miệng, nằm trong loại hình tự sự dân gian, nội dung cốt truyện của nó kể lại truyện tích của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong vật địa phương theo quan điểm của nhân dân, biện pháp nghệ thuật phổ biến của nó là khoa trương, phóng đại, đồng thời nó cũng sử dụng các yếu tố hư ảo, thần kì như cổ tích và thần thoại; nó khác cổ tích ở chỗ không nhằm phản ánh xung đột gia đình, sinh hoạt xã hội và số phận cá nhân mà thường phản ánh những vấn đề thuộc phạm vi quốc gia, dân tộc rộng lớn; nó khác thần thoại ở chỗ nhào nặn tự nhiên và xã hội trên cơ sở sự thật lịch sử cụ thể chứ không phải là hoàn toàn trong trí tưởng tượng và bằng trí tưởng tượng” [16].

Năm 2001, giáo trình Văn học dân gian Việt Nam của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Lê Chí Quế đã đưa ra định nghĩa: “Truyền thuyết là một thể loại trong loại hình tự sự dân gian phản ánh những sự kiện, nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa hay nhân vật tôn giáo thông qua sự hư cấu nghệ thuật thần kì” [97,49].

Vấn đề phân loại truyền thuyết có nhiều khuynh hướng khác nhau. Các nhà folklore Nhật Bản cũng có nhiều cách phân loại khác nhau đối với thể loại truyền thuyết. Trong đó có quan niệm của Seki Keigo, đứng trên lập trường nghiên cứu so sánh để phân loại truyền thuyết. Ông căn cứ vào hình thái tồn tại và chức năng của

truyền thuyết làm tiêu chuẩn phân loại. Theo cách phân loại của ông thì truyền thuyết được chia làm 3 loại: “Truyền thuyết thuyết minh (giải thích sự đời); truyền thuyết lịch sử và truyền thuyết tín ngưỡng. Loại thứ nhất - truyền thuyết thuyết minh bao gồm những loại truyền thuyết về các hiện tượng tự nhiên có liên quan đến thiên thể; những truyền thuyết về nguồn gốc động thực vật; những truyền thuyết về nham thạch, tảng đá, núi, hang núi, đèo dốc, đỉnh núi, ao chuôm, đầm vục; những truyền thuyết về nguồn gốc các di tích kiến trúc văn hóa, các từ đường v.v... Loại thứ hai - truyền thuyết lịch sử bao gồm những truyền thuyết về các nhân vật lịch sử và những truyền thuyết về các sự kiện lịch sử. Loại thứ ba - truyền thuyết tín ngưỡng bao gồm những truyền thuyết phản ánh tín ngưỡng nảy sinh trong quần chúng về phép ma, về thần núi, thủy thần, thủy quái, về những tinh linh ở ao hồ, long vương, thần rắn, về thần tổ tiên trong các gia đình, về yêu ma, quỷ quái các loại, về người khổng lồ”[52,94].

Đối với giới folklore Trung Quốc tình hình phân loại truyền thuyết cũng chưa có được tiếng nói chung: Có tài liệu thì chia truyền thuyết thành 6 loại (truyền thuyết nhân vật, truyền thuyết lịch sử, truyền thuyết địa phương, truyền thuyết sản vật, truyền thuyết phong tục, truyền thuyết thời sự). Có tài liệu phân loại truyền thuyết gọn gàng hơn, chỉ gồm 3 loại: truyền thuyết nhân vật, truyền thuyết sự kiện lịch sử, truyền thuyết phong vật địa phương v.v...

Ở Việt Nam vấn đề phân loại truyền thuyết cũng có khá nhiều ý kiến khác nhau. Đỗ Bình Trị căn cứ vào sự khác biệt của đối tượng được truyện kể đến và chức năng cụ thể của từng bộ phận để chia thành ba biến thể được định danh gồm: truyền thuyết địa danh, truyền thuyết phổ hệ và truyền thuyết về nhân vật và sự kiện lịch sử. Tác giả Lê Chí Quế lại có cách phân loại khác khi chia truyền thuyết thành ba loại: truyền thuyết anh hùng, truyền thuyết lịch sử và truyền thuyết về ác danh nhân văn hóa. Tác giả Kiều Thu Hoạch đưa ra một cách phân loại khác. Theo ông, truyền thuyết có thể chia làm hai loại lớn: truyền thuyết nhân vật và truyền thuyết phong vật (phong tục và sản vật). Trong từng loại lại bao gồm nhiều tiểu loại. Truyền thuyết về nhân vật có thể căn cứ vào tính chất của câu chuyện mà chia thành những tiểu loại khác nhau như: truyền thuyết anh hùng, truyền thuyết phản diện, truyền thuyết tôn giáo (theo nghĩa rộng). Trong giáo trình Văn học dân gian của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội do NXB Giáo dục xuất bản năm 2012, chương truyền thuyết do Vũ Anh Tuấn chấp bút đã nhóm truyền thuyết thành hai nhóm chính: truyền thuyết danh nhân văn hóa, truyền thuyết về các nhân vật tôn giáo.

Để giải quyết được yêu cầu và nhiệm vụ của luận án, chúng tôi dựa vào quan điểm và cách phân loại truyền thuyết của nhà nghiên cứu Nhật Bản Seki Keigo và nhà nghiên cứu folklore Việt Nam Kiều Thu Hoạch. Theo ý của các nhà nghiên cứu thì sự tồn tại của truyền thuyết không phải chỉ để phản ánh lịch sử và tôn vinh những nhân vật anh hùng. Truyền thuyết ra đời và tồn tại còn vì những lí do tâm lí xã hội khác, nhằm phản ánh tín ngưỡng dân gian về lực lượng thần linh, ma quỷ, về thế lực có quyền năng và ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống văn hóa của con người. Sau này trong công trình nghiên cứu về *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*, tác giả Trần Thị An đã lí giải về sự tồn tại của tiểu loại “truyền thuyết tín ngưỡng” hay “truyền thuyết tôn giáo” như sau: “Trong kho tàng truyền thuyết Việt Nam cũng như truyền thuyết thế giới, có một bộ phận truyền thuyết đang được lưu truyền, đang tiếp tục được sáng tạo, tiếp tục nảy sinh không dựa trên nhu cầu bày tỏ sự tôn vinh các biểu tượng lịch sử mà dựa trên nhu cầu tâm lý về sự sùng bái lực lượng siêu hình (mà truyện kể Việt Nam gọi là ma, quỷ, hồn...) hoặc khát vọng giải mã những bí ẩn của đời sống (sự hiện hữu của lực lượng siêu hình trong đời thực) [1,58]. Điều đó càng cho thấy mối liên hệ máu thịt giữa truyền thuyết và các hoạt động tín ngưỡng dựa trên niềm tin vào phép màu nhiệm của thế giới tâm linh. Các truyền thuyết về những nhân vật có phép lạ, có khả năng đặc biệt không cần phải là những anh hùng danh nhân, đôi khi chỉ là những hồn ma, những quỷ thần có thể mang đến vận may hoặc sự trừng phạt đối với người trần. Sự đồn đại về phép lạ của các vị thần linh khiến cho nhiều tầng lớp trong xã hội bị thu hút và hấp dẫn bởi những tin đồn đó: “Nhóm truyền thuyết lan truyền về phép lạ hiện hữu trong đời sống của cộng đồng mà mỗi người, dù ít dù nhiều, đều liên can hoặc tham dự. Nhóm truyền thuyết này liên quan đến tín ngưỡng dân gian, đến sức mạnh của phép lạ được huyền truyền có thể mang đến vận may hoặc sự phù hộ hay trừng phạt đối với người trần mà lực lượng siêu nhiên mang tới. Tất cả những trải nghiệm đó đều được coi là “bí ẩn của đời sống tâm linh” [1,73]. Niềm tin đối với những sức mạnh thần bí đã lôi kéo được sự tham gia nhiệt thành của nhân dân vào các hoạt động tín ngưỡng như là sự lây lan của hiệu ứng đám đông. Sự ám thị của những điều kì lạ xảy ra trong cuộc sống đối với con người chính là nhu cầu giải tỏa tinh thần và khát vọng nhận được nhiều ân huệ từ thần thiêng.

Như vậy, theo quan điểm của nhà nghiên cứu Nhật Bản Seki Keigo thì truyền thuyết Phạm Nhan thuộc vào loại thứ ba - truyền thuyết tín ngưỡng. Theo cách phân loại của Kiều Thu Hoạch: truyền thuyết Phạm Nhan thuộc tiểu loại truyền thuyết về nhân vật phản diện. Và theo sự lí giải của Trần Thị An thì truyền thuyết Phạm Nhan được ra đời dựa trên nhu cầu tâm lý về sự sùng bái lực lượng siêu hình (ma, quỷ), thỏa mãn khát vọng lí giải những bí ẩn của đời sống.

1.1.1.2. Thần

Thờ thần là một hoạt động tâm linh thừa nhận sự hiện hữu của các thế lực siêu nhiên, có quyền lực siêu phàm, có thể tác động đến đời sống của con người. Từ niềm tin vào sự bất tử của linh hồn và một thế giới thần bí ở đó các linh hồn đã chết vẫn tồn tại trong một cuộc sống khác. Từ đó, con người nâng lên thành những hoạt động tôn vinh, thờ phụng các thế lực siêu nhiên, linh hồn của những người đã chết với hi vọng được gia hộ, ban phúc tài và cầu sự an lành nơi trần thế. Thần cũng được phân chia theo nhiều thứ hạng, cấp bậc khác nhau. Dưới sự thừa nhận của nhà nước phong kiến, thông qua các sắc phong ta thấy có: thượng đẳng thần, trung đẳng thần, hạ đẳng thần. Về nguồn gốc của thần lại có thiên thần là những thần được giáng từ cõi trời; nhiên thần là những thần hóa thân từ các hiện tượng tự nhiên; nhân thần là con người ưu tú có công lao hoặc thành tích kì diệu được nhân dân tôn thờ. Về chức năng và đặc tính của thần có phúc thần và ác thần.

Thoạt kì thủy, thần là lực lượng siêu nhiên được gắn với sức mạnh thần bí. Khi sự nhận thức của con người về thế giới còn mơ hồ và lạ lẫm, người nguyên thủy không giải thích được những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên. Vì thế họ đã gán cho những hiện tượng tự nhiên ấy những sức mạnh thần bí và khả năng siêu phàm. Trong tư duy của người cổ đại, vạn vật đều có linh hồn “vạn vật hữu linh” và thần có ở mọi nơi, mọi vật. Có thần ở từng cây cỏ, bìa rừng, bến nước, thần ở các loại vật, thậm chí ngay từ một bộ phận trong cơ thể con người cũng có một vị thần chủ trì cai quản. Đó chính là tín ngưỡng đa thần có nguồn gốc từ thời nguyên thủy của loài người. Từ tín ngưỡng này, người ta nâng lên mức tôn giáo sơ khai, gọi là đa thần giáo.

Theo *Từ điển Bách khoa văn hóa* do giáo sư A.A. Radugin chủ biên: “Thần linh là những thực thể gắn với con người, môi trường sống của con người và thế giới vật thể xung quanh con người. Thần linh là những nhân vật huyền thoại, truyền thuyết, cổ tích, thấp hơn thánh thần, và chỉ làm những công việc có tính chất phụ giúp, thậm chí cả những hành vi chống lại con người. Thần linh có sức mạnh tích cực, nhưng không toàn năng. Có ba loại quan hệ giữa con người với thần linh: cầu xin, cộng tác và đấu tranh chống lại” [4,502]. Định nghĩa đã chỉ rõ sự khác biệt giữa thần linh và thần thánh. Thần chỉ làm những công việc mang tính phụ giúp và có thể gây họa hay trừng phạt con người, còn Thánh là những vị thần có quyền năng cao hơn thần linh và luôn ban tài tiếp lộc cho con người. Radugin đã giới hạn khái niệm thần trong thế giới của những nhân vật cụ thể, không bao gồm các vật linh. Đồng thời về khả năng của thần cũng được chế định ở mức độ nào đó. Quan hệ giữa thần và con người được biểu hiện cụ thể ở các hành vi: cầu xin, cộng tác và cả những sự đấu tranh chống lại nhau.

Theo *Từ điển Văn hóa dân gian* (NXB Văn hóa thông tin 2002) Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Vũ định nghĩa: “Thần - nhân vật siêu trần được tôn thờ, ngưỡng mộ hay sợ hãi, vì được quan niệm là có trình độ thông minh xuất chúng, có quyền uy phép lạ, ở trong cõi vô hình mà biết rõ những việc diễn ra trong đời sống con người”[70,493]. Trong định nghĩa này, các tác giả nhấn mạnh sức ảnh hưởng của thần trong đời sống của con người: con người đối với thần có hai trạng thái ngưỡng mộ và sợ hãi. Thần được quan niệm có sức mạnh kì diệu, có khả năng thông tỏ, bao quát tất cả sự việc trên thế gian.

E. Tylor đã đồng nhất khái niệm thần với ma khi đề cập tới văn hóa tín ngưỡng ở Trung Quốc: “Ma (thần) theo triết học Trung Quốc là phần tinh tế và mềm mại của hàng vạn vật thể ấy. Tất cả những gì siêu nhiên và khác thường đều được gọi là ma. Cũng giống như không thể nắm bắt được nguyên lý âm dương được gọi là thần. Kẻ nào biết được cách rời khỏi thế gian rồi lại được sinh ra ở đây, kẻ đó hiểu được tác động của ma (thần) [29,784]. Trong quan niệm của người nguyên thủy toàn bộ thế giới vật linh đều được gọi chung là ma, trong đó có ma thiện, ma ác. Những “ma đặc biệt” có sức mạnh huyền bí có thể tạo phúc hay trừng phạt con người tương đương với khái niệm thần. Như vậy, có thể thấy thần có thể là ma, nhưng ma chưa chắc đã là thần.

Thần tượng trưng cho thế lực siêu thực, có những khả năng huyền bí. Chính những khả năng này khiến cho con người chỉ có thể hướng tới thần mà khó có thể nắm bắt được thần. Thần có sức ảnh hưởng rộng lớn tới đời sống tâm linh của con người: “Thần thường hiển linh để tỏ lộ quyền uy, thần báo mộng lành dữ, làm việc phán xét phân xử, trông chừng sinh hoạt tốt đẹp cho nhân dân... Dân chúng đến với thần để thề bồi, cầu đảo, mưa nắng điều hòa, cầu lợi làm ăn, để tạ thần”[103, 89]. Con người muốn giao hữu với thần linh để thỏa mãn những ước nguyện của mình. Thần có thể mang đến cho con người cả điềm lành và điềm dữ. Phương cách để hóa giải mọi điềm lành dữ ấy được thực hiện qua các nghi thức cầu cúng. Nhân dân phải thực hiện các nghi thức để có được sự tương thông, giao hữu với thế giới thần linh nhằm: cầu xin, chuộc tội, tạ lỗi với thần.

Đứng trước sức mạnh huyền bí và thế giới linh thiêng của các vị thần, con người luôn có thái độ *kính* và *sợ*. Có thể nói tư duy tín ngưỡng của người Việt nói chung lấy *kính* làm thái độ ứng xử cơ bản đối với cái thiêng. Kính vì ơn hay kính vì sợ cũng cùng chung một mục đích là cầu bình an. Tư duy của người Việt “có thờ có thiêng có kiêng có lành”. Người ta kính và sợ nhưng người ta cũng muốn tạo dựng mối quan hệ hài hòa, nương tựa lẫn nhau giữa người và thần, giữa thế giới trần tục và thế

giới thiêng. Nhân dân ý thức được rằng thần linh một mặt ban phát phúc lành, che chở điều dữ, nhưng mặt khác chính họ cũng di dưỡng, bảo lưu thần linh. Vì thiêng nên thờ và do thờ nên mới thiêng.

Nhân dân có quyền lựa chọn vị thần mà mình tin tưởng để thờ cúng và phục tùng. Tạ Chí Đại Trường đã khẳng định: “Sự phong thần không phải theo thể chế quốc gia của lớp trí thức nho gia trung ương mà xuất phát từ không khí và trình độ tín ngưỡng làng xã [103, 229]. Như vậy, thần dù đi ra từ đâu và đứng ở vị trí nào hoàn toàn được lựa chọn theo quan điểm của nhân dân. Sức mạnh của niềm tin sẽ chiến thắng tất cả những rào cản trên con đường tìm đến với thần của họ. Sự thừa nhận của nhân dân đối với những vị thần mà họ tôn thờ thể hiện nguyên lí niềm tin: “Niềm tin của dân gian lớn hơn sự tỉnh táo của trí thức” [107, 91].

Thần là một khái niệm có nội hàm phức tạp, đa dạng. Sự phức tạp này là do quan niệm khác nhau của nhân dân khi thực hiện hành vi tín ngưỡng của mình. Và cũng bởi thần thuộc về thế giới siêu thực nên con người không thể nắm bắt được. Xuất phát từ niềm tin vào ma quỷ và linh hồn của người chết, niềm tin vào sự bất tử của một cõi âm ty, con người cho rằng thần có ở khắp mọi nơi dõi theo và phù trợ cho thế giới của người sống. Theo luận thuyết hồn linh của Tylor thì tất cả những thánh, thần, những người có công và uy tín trong cộng đồng, hay các cô hồn vô thừa nhận, thậm chí là những ác ma, quỷ dữ luôn làm hại con người v.v... đều được thờ cúng trong các vùng tín ngưỡng khác nhau. Dựa vào ý kiến của các nhà nghiên cứu đi trước và sự nhận thức của bản thân, chúng tôi tạm đưa ra 3 quan niệm rộng hẹp khác nhau về thần:

Theo nghĩa rộng nhất tất cả thế giới siêu nhiên và hồn linh đều được coi là thần. Bao gồm toàn bộ các thần tự nhiên: thần sông, núi, thần nước, thần đá, thần cây v.v... và thế giới linh hồn của con người sau khi chết. Những linh hồn đó là những ma tổ tiên, những người có công với cộng đồng, những người chết bất thường v.v... Thần được thờ cúng tại một địa điểm linh thiêng.

Theo nghĩa hẹp hơn, thần là linh hồn của con người, những người chết vào giờ thiêng hay giờ phạm và có sự linh nghiệm, ứng thiêng ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người trần. Thần được cúng tế trong các trường hợp con người xác định thần có thể phù hộ hay gây họa cho ai đó.

Theo nghĩa hẹp nhất, thần đối lập với các hạng ma, quỷ xấu xa. Bản chất của thần là sự tốt đẹp, tôn quý. Thần là những nhân vật lịch sử, những người có công lao đối với cộng đồng khi mất đi trở thành thần được nhân dân lập đình, đền để tôn thờ.

Chúng tôi cho rằng thần bao gồm những linh hồn đặc biệt có khả năng linh ứng với cộng đồng có thể phù hộ hoặc gây họa cho con người. Trong thế giới thần luôn tồn tại song song hai điều thiện - ác. Đối với sự linh ứng của thần không chỉ có gia hộ độ trì mà còn có cả những thách thức và sự trừng phạt. Con người tin và nương theo thần để điều chỉnh hành vi của mình từ đó tạo thành những sinh hoạt tín ngưỡng mang tính cộng đồng. Thần sẽ được cộng đồng tổ chức cúng tế định kỳ hằng năm vào thời gian và địa điểm được định sẵn. Đôi khi cũng có những lễ cúng đột xuất vì các lí do khác nhau như việc con người có thể làm thần thất ý, tức giận nên thần đã giáng họa bất thành linh, hoặc việc thần tác oai gây bệnh hành hạ khiến con người phải cầu đảo để mong được bình an v.v... Lựa chọn quan niệm về thần bao gồm cả thần thiện và thần ác là cơ sở giúp chúng tôi triển khai đề tài luận án. Và Phạm Nhan chính là ác thần trong thế giới của những linh hồn đã thực hiện hành vi gây họa cho con người. Chúng tôi cho rằng dù là những người có công với cộng đồng, hay những kẻ đã từng gây họa chỉ cần có sự linh ứng thì sẽ thu hút được niềm tin của con người. Từ niềm tin đó phát triển thành những hành vi tín ngưỡng sau được lưu truyền rộng rãi trong dân gian, trở thành những sinh hoạt văn hóa không thể thiếu đối với bất cứ một cộng đồng hay dân tộc nào. Từ những phân tích trên, chúng tôi tạm định nghĩa về thần như sau: *Thần là lực lượng siêu trần được con người nể sợ, sùng bái, thờ phụng tại các đền, miếu. Thần có khả năng linh ứng với cộng đồng thông qua các hành vi ban phúc hoặc gây họa. Con người tin và nương theo thần để điều chỉnh hành vi của mình từ đó tạo thành những sinh hoạt tín ngưỡng mang tính cộng đồng.*

1.1.1.3. Phúc thần

Phúc thần được hiểu là những vị thần tạo phúc cho nhân gian, đem đến cho chúng nhân những điều tốt đẹp, may mắn trong cuộc sống. Theo *Từ điển Văn hóa dân gian*: “Phúc thần là những vị thần có công đức, ban phúc lợi cho người trần” [70,494]

Dân gian quan niệm những vị thần linh mà họ chuyên tâm thờ phụng sẽ mang lại niềm hạnh phúc cho họ giữa trần thế. Khi con người cảm thấy bế tắc với thực tại, họ hướng tới thế giới thần linh để tìm lối thoát cho tâm hồn mình. Phúc thần là những vị thần được phụng thờ trên cơ sở của sự tự nguyện và niềm mong muốn báo đáp công ơn của những vị thần đó lúc còn tại thế. Những người có công khai hoang mở đất, những người có công dạy dân trồng trọt chăn nuôi, những người có công đánh giặc giữ nước v.v... họ sẽ bất tử trong lòng nhân dân. Những người đó lúc sinh thời có công với dân với nước, làm nhiều việc tạo phúc đến khi thác hóa cũng sẽ trở thành những vị phúc thần tiếp tục sứ mạng hộ quốc an dân. Họ sống mãi trong niềm ngưỡng vọng, sùng kính và tôn thờ của nhân dân. Phúc thần là biểu tượng được xây dựng nhằm thỏa

mãn nhu cầu tâm linh hướng về cái cao cả, chân thiện mỹ, cứu giúp con người trong những khó khăn đời thường cũng như cầu tài lộc.

Phúc thần có vị trí rất quan trọng trong tâm thức dân gian người Việt. Đối với phúc thần, con người không chỉ có sự đồng cảm trong nhu cầu tâm linh mà còn có sự đồng cảm về các giá trị văn hoá. Sinh hoạt tín ngưỡng thờ phúc thần góp phần củng cố ý thức cộng đồng của dân tộc Việt. Tín ngưỡng thờ phúc thần phản ánh ước nguyện tâm linh của dân chúng, đồng thời phản ánh trình độ tư duy của con người trong xã hội. Tư duy hướng thiện và niềm tin vào sự chiến thắng của chính nghĩa. Trong đời sống văn hóa tâm linh của người Việt cũng như các dân tộc trên thế giới, phúc thần được đặt trong mối tương quan và sự đối lập với ác thần. Nếu như phúc thần luôn mang lại niềm vui, sự may mắn trong cuộc sống thì ác thần luôn gieo nỗi bất hạnh và khổ đau cho con người. Phúc thần có thể thấu hiểu và đồng cảm với mọi nỗi bi ai của trần thế. Vào lúc con người rơi vào tuyệt vọng nhất, họ hướng tâm mình về thế giới của thần để được tựa nương vào sức mạnh linh thiêng, huyền bí. Khác với ác thần luôn thể hiện các trạng thái giận dữ, phúc thần luôn mang lại cho con người cảm giác yên tâm, thư thái. Ngay cả khi con người làm những việc có lỗi vẫn được những vị phúc thần mà họ tôn thờ bao dung, che chở. Đó là lí do khiến cho phúc thần được thờ phụng với một quy mô lớn và phạm vi rộng rãi. Chúng tôi cho rằng phúc thần là sứ giả thân thiện, chuyên chở niềm vui, sẵn sàng nâng đỡ, che chở cho cuộc sống của con người trước mọi biến cố, bất trắc của cuộc đời. Phúc thần là đại diện cho điều thiện, cho lẽ phải sẽ trừng trị và đấu tranh với những thế lực ma tà, quỷ quái đại diện cho điều ác. Phúc thần được vinh phong trong niềm tôn kính, phụng thờ của nhân dân.

1.1.1.4. Ác thần

Ác thần mặc dù không được công nhận như một hình thức tín ngưỡng chính thống, song trên thực tế việc thờ cúng ác thần vẫn đã diễn ra trong hoạt động văn hóa dân gian. Theo *Từ điển Văn hóa dân gian*: “Thần ác là những thần chủ trì cái xấu, làm hại người đời, gọi là tà thần hoặc hung thần” [70, 494]. Việc xác định ác thần phải dựa vào hành vi gây ác của thần, thông thường có ba trường hợp: thứ nhất nhân vật sống làm việc ác nhưng sau khi chết không tiếp tục tạo ác; thứ hai khi sống làm việc ác, sau khi chết tiếp tục hành ác; thứ ba khi sống không hành ác nhưng sau khi chết lại tạo nghiệp ác. Trường hợp thứ nhất không được xem là ác thần, ác thần nằm trong hai trường hợp còn lại. Những vị ác thần này có thể lúc sinh thời là những kẻ bán nước hại dân, những quân cướp nước, những phù thủy dùng phép thuật để hành ác (trường hợp Phạm Nhan). Sinh thời tạo nghiệp xấu, khi chết ắt không thể trở thành một thần tốt,

cho dù họ có giỏi đến mấy, có khả năng đặc biệt về phép thuật nhưng vì không đứng cho chính nghĩa nên vẫn được coi là tà đạo. Ác thần cũng có thể là những người khi sống không có gì đặc biệt, nhưng chết vào giờ phạm trở thành thần lang thang đi tìm đòi sự giải đáp cho số phận của mình nên quấy nhiễu nhân dân, gây nhiễu loạn cuộc sống nơi trần thế, tạo nên những sóng gió, gieo rắc tai ương, bất hạnh, bệnh dịch khắp nơi. Trước những xáo trộn và ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống, con người không thể không tin vào thế giới tâm linh nơi có các vị thần ngự trị. Và để mong cầu bình an, con người có thể đáp ứng tất cả những điều kiện của thần, sự thị uy của thần, sẵn sàng thực hiện các hành vi cầu khẩn, hiến tế v.v...

Quan niệm ác thần được xác lập bởi một số tiêu chí: trước tiên, thần cũng thuộc lực lượng siêu trần, có sức mạnh thần bí khiến con người không thể tiệm cận được. Thứ hai, thần là những linh hồn chết vào giờ độc, phạm phải những điều cấm kỵ nào đó trong tam giới, khiến không được siêu sinh. Thứ ba, thần sinh thời là những kẻ bất đạo, làm điều thất đức, chết rồi lại tác oai tác quái hại người, hại đời.

Dựa trên những tiêu chí trên, chúng ta có thể thấy Phạm Nhan thuộc tiêu chí thứ ba: khi sống vốn là kẻ cầm đầu quân cướp nước, khi chết lại lẩn khuất khắp nơi để hành hạ những người dân vô tội. Đối với Phạm Nhan mặc dù là người có tài (có thể chữa bệnh, có phép thần thông biến hóa, am hiểu binh pháp có khả năng điều khiển âm binh v.v...). Nhưng chỗ đứng của Phạm Nhan lại ở bên kia chiến tuyến. Phạm Nhan đại diện cho quân xâm lược đe dọa tới sự sống còn của một đất nước, một dân tộc. Phạm Nhan sử dụng tài thuật của mình để làm điều ác trái với chính đạo. Điều đó khiến cho Phạm Nhan dù có giỏi đến đâu cũng bị coi là tà đạo.

Trong thế giới thần linh của người Việt, có sự tồn tại của ác thần bên cạnh phúc thần cho thấy một đời sống tín ngưỡng dân gian phong phú, phức tạp, một bức tranh về hệ thống thần đa dạng, nhiều vẻ. Nếu như phúc thần được nhân dân thờ cúng xuất phát từ niềm kính vì ơn, thì với ác thần xuất phát từ nỗi sợ hãi mà nhân dân thực hiện hành vi tín ngưỡng. Tuy nhiên, trong sâu thẳm tiềm thức dân gian cho rằng bất cứ một vị thần nào dù chính đạo hay tà đạo, dù thiện hay ác chỉ cần hết lòng thành kính và cầu khẩn thì họ vẫn mang phúc đến cho nhân gian. Và khi đã tôn thờ một vị thần nào thì sẽ bảo vệ vị thần mà họ thờ, và bảo vệ cái tín ngưỡng mà họ theo. Thờ ác thần cũng được thực hiện trên nguyên lí của niềm tin, và niềm tin ấy của dân gian không cần đến sự lí giải và không phải lúc nào cũng được thể hiện một cách minh bạch, tường tận. Trong dân gian, còn lưu truyền bài ca dao về hiện tượng tín ngưỡng đặc biệt lạ thường trong đời sống văn hóa dân gian người Việt:

Tín thay có tục lạ đời
 Thánh ơ là thánh, thần ơ là thần
 Có làng lại thờ quân cướp nước
 Lúc sinh thời phép nước chẳng dung
 Có làng lại thờ thần hèn hạ
 Gã đánh đơm cùng thằng hót phân
 Có làng lại thờ thần dâm dục
 Gái qua đình làng phải tóc vấy lên
 Tục thờ tế lễ về đêm
 Để cho trai gái thỏa niềm hoang dâm

(sưu tầm từ thanh đồng Trần Vũ Tiến - Quảng Yên, Quảng Ninh)

Qua khảo sát hiện tượng Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt, chúng tôi thấy rằng: con người thờ phụng cái ác trước hết xuất phát từ sự sợ hãi, và những lo âu pháp phông của một thế giới tâm linh đầy bí ẩn. Cái mà con người muốn đổi lại từ sự phục tùng, và những nghi thức lễ tục đối với ác thần chính là niềm mong mỏi được bình an. Đối với các nghi thức thờ cúng ác thần chủ yếu xuất phát từ sự sợ hãi nhưng sau này khi các hành vi tín ngưỡng được thực hiện trong dân gian thì nhân dân có ý bảo vệ cho vị thần được thờ và họ cho rằng có thể được nhận ân huệ từ chính những vị thần ác đó. Như vậy xuất phát từ sự sợ hãi và tư tưởng mong cầu bình an, tránh hiểm họa dần dần tín ngưỡng thờ ác thần có sự chuyển biến sang niềm tin và mong muốn cũng được ban tài lộc. Bởi lẽ trong quan niệm dân gian đối với ác thần nếu không thờ thì sẽ phải gánh lấy sự trừng phạt, gặp nhiều hiểm họa, nhưng khi đã thờ ngoài bình an, con người còn có thể được các ác thần ban cho sức khỏe hoặc sự may mắn nào đó. Đó cũng chính là lí do hình thành nên loại hình tín ngưỡng thờ ác thần. Nếu thờ ác thần mà nhân dân vẫn gặp phải bất trắc, vẫn bị trừng phạt v.v... thì có lẽ loại hình tín ngưỡng này đã bị hủy bỏ.

1.1.2. Lí thuyết về mối quan hệ giữa tín ngưỡng dân gian và văn học dân gian

Văn học dân gian là một bộ phận trong chỉnh thể văn hóa dân gian, là một hiện tượng đặc biệt của văn hóa dân gian được sáng tạo một cách thâm mỹ, mang thuộc tính văn hóa, có các biểu hiện giá trị văn hóa. Văn học dân gian hòa mình trong môi trường văn hóa với những biểu hiện, quan niệm về thế giới, những hoạt động thực hành sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn hóa dân gian được kết tinh trong các mã văn hóa. Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa, tác giả Nguyễn Bích Hà đã khẳng định: “Hàng loạt những mã văn hóa đã hòa nhập cùng tín ngưỡng, nấu mình trong thần tích, kí thác ở tâm linh, ẩn tàng trong phong tục tập

quán, thẩm thấu vào văn học dân gian mà lí giải được nó sẽ tạo ra sự hấp dẫn cùng giá trị khoa học to lớn mà nó đem lại. Riêng với văn học dân gian, nhiều chi tiết trong đó chính là nơi lưu giữ một cách hồn nhiên và trung thành các tín hiệu văn hóa, như một bảo tàng văn hóa” [37, 23]. Có thể thấy, hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng, các phong tục tập quán, những giá trị văn hóa truyền thống là hơi thở, là sự sống tồn của các tác phẩm văn học dân gian. Văn học dân gian giúp bảo tồn các hình thức tín ngưỡng, những sinh hoạt văn hóa cộng đồng; ngược lại các hoạt động thực hành tín ngưỡng sẽ nuôi dưỡng những giá trị nghệ thuật văn học dân tộc.

Trải qua thời gian, các tầng văn hóa chồng chéo, đan xen với nhau tạo nên một diện mạo folklore phong phú, phức tạp. Vladimir Propp đã chỉ ra vai trò của folklore trong việc kết thành các tầng văn hóa khác nhau trong xã hội: “Folklore cũng như các hiện tượng văn hóa tinh thần khác, không in dấu ngay tức khắc những chuyển biến xã hội, mà trong những điều kiện mới, còn giữ lại khá lâu những hình thức cũ. Bởi vì dân tộc nào cũng đều trải qua một số trình độ phát triển và tất cả những trình độ phát triển ấy đều được phản ánh, đều lắng đọng trong folklore, cho nên folklore của mọi dân tộc đều có tính chất nhiều tầng văn hóa, đó là một trong những hiện tượng đặc trưng của folklore. Nhiệm vụ của khoa học là ở chỗ bóc ra cho được từng tầng lớp của cái khối nham kết phức tạp ấy mà tìm hiểu nó và giải thích nó” [118, 62]. Theo ý kiến của Vladimir Propp tất cả những chuyển biến, thay đổi trong xã hội sẽ được khúc xạ trong folklore, và cứ như vậy trải qua nhiều thời kì khác nhau, folklore sẽ chứa đựng nhiều tầng văn hóa, tín ngưỡng. Nhiệm vụ của khoa văn học dân gian là phải bóc ra được từng tầng văn hóa trong cái “khối nham kết phức tạp” đã được đúc kết, tạo dựng bởi các thế hệ, qua nhiều thời kì lịch sử văn hóa khác nhau.

Với các nhà nhân học, văn hóa dân gian là một trong số những bộ phận quan trọng nhất cấu thành nền văn hóa của một dân tộc. Nó quan trọng chỉ khi nó là một trong số những điều phổ biến, nghĩa là không có nền văn hóa nào được biết đến mà không bao gồm văn hóa dân gian. Bascom - giáo sư nhân học của trường Đại học Calirornia khẳng định: “Tất cả các khía cạnh của văn hóa có quan hệ tương hỗ với nhau ở những mức độ khác nhau, bởi vì văn hóa dân gian thông qua các chức năng của nó, là một sự phê chuẩn về phong tục và tín ngưỡng, cả tôn giáo lẫn thế tục” [118, 84].

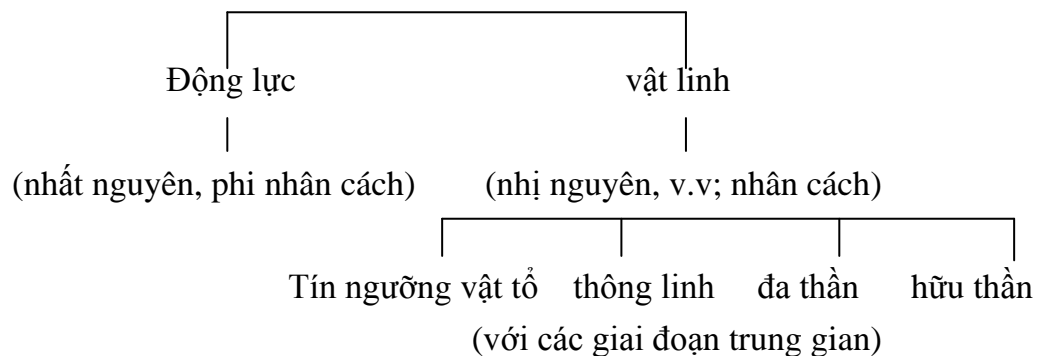
Đề cập đến chức năng của văn hóa dân gian Bascom cho rằng: “ngoài chức năng tiêu khiển, văn hóa dân gian còn phê chuẩn đức tin, quan điểm và thể chế đã được thiết lập, cả thiêng liêng lẫn thế tục, và nó đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo dục của xã hội không có chữ viết” [118, 91]. Folklore là tấm gương của văn hóa, người ta chỉ có thể hiểu folklore của một dân tộc thông qua hiểu biết thấu đáo về văn hóa của họ. Chức năng quan trọng của văn học dân gian là chức năng thể hiện niềm

tin, thực hiện “một sự phê chuẩn về phong tục, tín ngưỡng” mang đến không khí thiêng liêng, thần kì trong văn hóa dân gian.

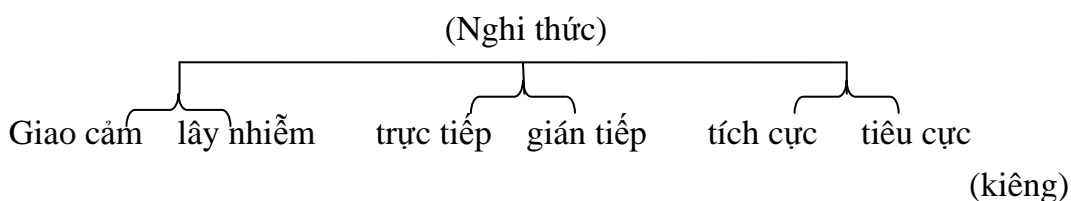
Giữa văn học dân gian và tín ngưỡng dân gian được kết nối nhau bởi những yếu tố bí truyền. Thông qua những tác phẩm văn học dân gian chúng ta thấy có một sự thừa nhận mà ai cũng cảm thấy nhưng ít khi được diễn đạt thành lời về khả năng huyền bí của các vị thần, về niềm tin đối với sự tồn tại của những vị thần đó. Truyền thuyết dân gian có mối quan hệ mật thiết với sinh hoạt tín ngưỡng dân gian của nhân dân nhằm củng cố thêm niềm tin bất biến đối với thế giới thần linh trong đời sống văn hóa người Việt. Những dấu ấn văn hóa được lưu giữ một cách hồn nhiên và khéo léo trong các tác phẩm văn học dân gian. Chẳng hạn: tín ngưỡng thờ đá từ rất xa xưa được lưu giữ lại trong truyện *Sự tích núi Vọng Phu*, tín ngưỡng thờ lửa trong truyện *Sự tích đầu rau* nếu không chiếu từ cái nhìn văn hóa không phải ai cũng nhận ra được.

Arnold van Gennep nghiên cứu về các *Nghi thức chuyển tiếp* ông đã thiết lập sơ đồ các nghi thức chuyển tiếp trong đó thể hiện lí thuyết về cái thiêng liêng - Tôn giáo và ma thuật [118, 258 - 280]:

Sơ đồ Lí thuyết:



Sơ đồ Kỹ thuật (Ma thuật):



Lí thuyết về *Nghi thức chuyển tiếp* của Gennep được mô tả bởi thuyết động lực và thuyết vật linh. Thuyết động lực được hiểu là lí thuyết phi nhân cách hay nhất nguyên; thuyết vật linh chỉ lí thuyết nhân cách chủ nghĩa, dù thể lực nhân cách hóa là một linh hồn, đơn nhất hay đa tạp, một thể lực động vật hay thực vật (totem), có hình người hay vô định hình. Nhìn vào sơ đồ chúng ta thấy bên cạnh các nghi thức giao cảm và nghi thức có cơ sở vật linh, còn có những nhóm nghi thức có cơ sở động lực

(phi nhân cách) và những nghi thức lây truyền, những nghi thức sau này dựa trên tính vật chất và khả năng truyền lan, do tiếp xúc hay cách quãng, của những phẩm chất tự nhiên hay tập nhiễm. Các nghi thức giao cảm không nhất thiết thuộc loại vật linh; các nghi thức lây truyền cũng không nhất thiết thuộc loại động lực; đây là bốn phạm trù độc lập với nhau, nhưng được ghép lại thành từng cặp bởi hai trường phái nghiên cứu những hiện tượng ma thuật - tôn giáo theo quan điểm khác nhau.

Đối với một nghi thức có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp. Khi nói nghi thức trực tiếp ta hiểu đó là nghi thức có hiệu quả tác động tức thì, không có sự can thiệp của tác nhân tự chủ: nguyện rửa, yểm bùa, v.v.... Trái lại nghi thức gián tiếp là một thứ xung động khởi đầu, kích động cho một năng lực thuộc loại đó, chẳng hạn một con quỷ hay một loại ma, hoặc một vị thần, sẽ can thiệp có lợi cho người thực hành nghi thức: cầu nguyện, khấn, thờ cúng... Có thể phân biệt các nghi thức tích cực, là những ý muốn được thể hiện thành hành động, và các nghi thức tiêu cực, thường được gọi là điều kiêng. Điều kiêng là một sự cấm đoán, một mệnh lệnh “không được làm”, “không được tác động”. Điều kiêng tồn tại với tư cách là đối trọng của các nghi thức tích cực.

Như vậy, giữa văn học dân gian và tín ngưỡng dân gian được kết nối với nhau thông qua các nghi thức chuyển tiếp. Các nghi thức chuyển tiếp này chính là chất xúc tác tạo nên những yếu tố thiêng liêng, huyền bí trong đời sống văn hóa dân gian, cái mà Arnold van Gennep gọi là tôn giáo dân gian và ma thuật. Thông qua thuyết vật linh xuất hiện các hình thức tín ngưỡng: tín ngưỡng vật tổ, tín ngưỡng đa thần, tín ngưỡng hữu thần và hiện tượng thông linh với thế giới thần. Con người có thể giao cảm với thế giới thần linh thông qua các nghi thức, và niềm tin đối với thế giới linh thiêng giống như một sự lây nhiễm có tính lan truyền rộng. Đối với các nghi thức có sự thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp, tích cực hoặc tiêu cực sẽ có sự biểu hiện cụ thể thông qua những sinh hoạt văn hóa cộng đồng như các hiện tượng cầu cúng, khấn nguyện và những điều kiêng kỵ thần bí. Từ tín ngưỡng đến văn học dân gian là sự chuyển giao giá trị từ văn hóa đến nghệ thuật. Các hoạt động tín ngưỡng dân gian khúc xạ vào văn học dân gian những hình ảnh chân thực của lịch sử văn hóa, đức tin và sự sống trường tồn các hoạt động thờ cúng của cộng đồng. Văn học dân gian là mảnh đất bảo lưu, gìn giữ và nuôi nấng những giá trị văn hóa tín ngưỡng qua từng thời kì lịch sử.

Văn học dân gian và tín ngưỡng dân gian có mối liên quan chặt chẽ và được thể hiện thông qua những quan niệm khác nhau. Trong tín ngưỡng, niềm tin của nhân dân đối với các vị thần mà họ tôn thờ không cần đến sự lí giải. Ở thế giới tâm linh ấy “có cả

sự ngưỡng mộ xen cả nỗi sợ hãi, bất lực” [37, 65]. Nói về sự chuyển thể từ tín ngưỡng đến văn học dân gian, tác giả Nguyễn Bích Hà cho rằng: “Từ tín ngưỡng đến sự thẩm thấu và thể hiện tín ngưỡng đó trong văn học dân gian có một khoảng cách khá lớn, trải qua một số khúc xạ, một số lựa chọn tự nhiên trong tiếp nhận và thể hiện, không phải tín ngưỡng nào cũng đi vào văn học dân gian và được đồ chiếu vào văn học dân gian như nó vốn có... Văn học dân gian là sự tự ý thức văn hóa, vì vậy khó chỉ ra rằng tín ngưỡng A có sự thể hiện A trong văn học dân gian. Hầu như không bao giờ tín ngưỡng được thể hiện toàn bộ hay rõ rệt trong đó mà chỉ một số yếu tố nổi trội tập trung nhất của tín ngưỡng được kết tinh trong các mã văn hóa, được thẩm thấu vào văn học dân gian mà thôi” [37, 66]. Tín ngưỡng dân gian từ tín hiệu văn hóa đến tín hiệu thẩm mỹ trong văn học dân gian phải trải qua quá trình lựa chọn, có sàng lọc và sự chấp thuận tâm thức tập thể. Trong văn học dân gian chúng ta gặp những yếu tố nổi trội nhất của tín ngưỡng được kết tinh thông qua các mã văn hóa. Nhiệm vụ của người nghiên cứu văn học dân gian là đi tìm lời giải cho các mã văn hóa đó. Quá trình tìm kiếm lời giải chính là quá trình xâm nhập vào đời sống văn hóa dân gian để bóc tách các lớp văn hóa đã chồng chéo lên nhau qua nhiều thời kì lịch sử. Thông qua trí tưởng tượng dân gian những nghi thức lễ tục, những hoạt động thực hành tín ngưỡng được thể hiện một cách sinh động, hấp dẫn kết tinh trong các hình tượng nghệ thuật dân gian.

Trong mối quan hệ giữa văn học dân gian và tín ngưỡng dân gian, chúng tôi chú ý tới mối quan hệ giữa truyền thuyết và tín ngưỡng. Truyền thuyết thuộc thể loại truyện kể dân gian là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa lâu đời, những trầm tích lịch sử đã phủ dày lớp bụi thời gian: “Sở dĩ niềm tín ngưỡng có sức sống lâu bền trong lòng dân tộc là do những câu chuyện dân gian được sáng tác và lưu truyền rộng rãi, phủ lên các nhân vật siêu nhiên vàng hào quang huyền thoại linh thiêng. Truyện kể làm xương cốt, bệ đỡ, chỗ dựa cho niềm tin, còn niềm tin cùng những hành động nghi lễ hội hè tưởng niệm làm sống động, phong phú hơn nội dung truyện kể. Mối quan hệ giữa tín ngưỡng và truyện kể song song tồn tại, xoắn bện chặt chẽ, thẩm thấu qua nhau trong sinh hoạt cộng đồng người Việt Nam như một chỉnh thể không tách rời” [37, 66].

Tín ngưỡng không đơn thuần phản ánh thế giới quan mà còn giúp chúng ta tái dựng lại chính nền văn hóa. Tín ngưỡng dân gian với tư cách là một bộ phận của truyền thống năng động và không ngừng phát triển, không hề tĩnh tại mà liên tục biến đổi vì các cá nhân phải tự điều chỉnh những hiểu biết của mình cho phù hợp với những hoàn cảnh riêng. Bằng khả năng thẩm thấu, và sự gia nhập một cách tự nhiên vào văn học dân gian, tín ngưỡng trở thành yếu tố cốt lõi trong nghệ thuật dân gian. Văn học dân gian nói chung, thể loại truyền thuyết nói riêng trở thành nơi lưu giữ quý báu của những phong tục, nghi lễ, các hoạt động tín ngưỡng dân gian. Đó chính là nơi mà tín

ngưỡng dân gian được lĩnh hội thông qua sự kết tinh trong những hình tượng nghệ thuật. Truyền thuyết sẽ nghèo nàn và nhàm chán nếu không có sự tham gia một cách tự nguyện và ràng buộc của các hình thức tín ngưỡng dân gian. Ngược lại những lễ tục dân gian sẽ nằm im lìm nếu không được truyền thuyết đánh thức, khơi dậy thông qua trí tưởng tượng bay bổng và sức sáng tạo vô biên của trí tuệ nhân dân.

Trước truyền thuyết thì thể loại thần thoại đã mô tả và tái hiện lại một thế giới thần linh vô cùng đa dạng, phong phú. Ở thế giới đó có thần thiện và thần ác, có thần ánh sáng và thần bóng tối, có đấng sinh tạo và cả đấng hủy diệt... tất cả tạo nên sự cân bằng trong vũ trụ. Dù là thần thiện hay thần ác đều có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới nhân loại. Tuy nhiên, chúng tôi chọn nghiên cứu ác thần trong truyền thuyết là bởi ở truyền thuyết có mối dây liên kết chặt chẽ với đời sống văn hóa, những sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng. Truyền thuyết không chỉ tái hiện sự tồn tại của các vị thần mà còn mô tả những ảnh hưởng của thần trong đời sống. Hơn nữa, từ truyền thuyết các hoạt động thực hành tín ngưỡng được mở rộng và diễn hóa một cách sinh động. Nghiên cứu ác thần trong truyền thuyết cho chúng tôi thấy sự đối chiếu giữa văn hóa và văn học, giữa hoạt động tín ngưỡng và nghệ thuật. Chính những hoạt động thực hành tín ngưỡng trong dân gian đã chứng minh cho sự tồn tại của truyền thuyết về ác thần. Ngược lại truyền thuyết về ác thần trở thành bệ đỡ cho những sinh hoạt mang tính chất cộng đồng đó. Giữa truyền thuyết và tín ngưỡng dân gian có một mối liên hệ bền chặt, tín ngưỡng giúp truyền thuyết có một sức sống lâu bền và truyền thuyết tạo khả năng lan tỏa và sự bảo tồn vĩnh cửu với những sinh hoạt tín ngưỡng dân gian.

Dựa vào những nghiên cứu đi trước có tính chất lí thuyết về mối quan hệ giữa văn học dân gian và tín ngưỡng dân gian, giữa truyền thuyết và tín ngưỡng, chúng tôi vận dụng triển khai đề tài “Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ”. Truyền thuyết Phạm Nhan ra đời không dựa trên nhu cầu tôn vinh các biểu tượng lịch sử mà xuất phát từ nhu cầu giải mã những bí ẩn của đời sống tâm linh. Tín ngưỡng thờ Phạm Nhan thuộc loại tín ngưỡng thờ cúng ác thần đang hiện tồn trong đời sống văn hóa người Việt. Mối quan hệ giữa truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần thuộc phạm trù của nguyên lí niềm tin và sự sợ hãi trước sức mạnh kì ảo của lực lượng vô hình. Việc thực hiện các hành vi tín ngưỡng đối với Phạm Nhan xuất phát từ sự sợ hãi đối với một hình tượng tác oai tác quái, chuyên gieo rắc bệnh tật và khổ đau. Truyền thuyết về Phạm Nhan giúp lí giải cho một hiện tượng tín ngưỡng lạ thường của nhân dân. Trước sức mạnh không thể khống chế được, nhân dân chỉ còn biết tìm đến sự cầu nguyện, cúng khấn để xoa dịu thần linh và mong cầu sự

bình an đến với mình. Tín ngưỡng thờ Phạm Nhan là sự cụ thể hóa giúp truyền thuyết trở nên hấp dẫn và đáng tin hơn. Mối quan hệ giữa truyền thuyết và tín ngưỡng dân gian là cơ sở, căn cứ giúp chúng tôi lí giải và triển khai nội dung của đề tài.

1.1.3. Từ thuyết vật linh đến tục thờ ác thần trong lịch sử

Trong tâm thức tất cả các dân tộc, dù ở thời đại nào thì sự tồn tại của thế giới thần linh luôn được đặt song song cùng sự tồn tại của thế giới trần tục. Dấu ấn của thuyết hồn linh được thể hiện rõ qua các quan niệm dân gian: *trần sao âm vậy, người sao ma vậy, có thờ có thiêng có kiêng có lành...* Vì thế từ trong văn hóa nguyên thủy con người đã xây dựng niềm tin về sự tồn tại của những linh hồn sau khi chết. E. Tylor người chủ trương thuyết vật linh cho rằng: “Việc các bộ lạc nguyên thủy coi những hình ảnh của người chết hiện lên trong giấc mơ hay trong ảo giác là linh hồn của họ đang lưu lại ở những người sống, không những giải thích được lòng tin tương đối phổ biến của người hoang dã vào sự tiếp tục tồn tại của linh hồn sau khi thân thể đã chết, mà còn đem lại cái chìa khóa để mở ra nhiều sự suy luận về tính chất của sự tồn tại ấy [29,587]

Thuyết vật linh tách làm hai tín điều chủ yếu: tín điều thứ nhất bao trùm hồn của những thực thể khác nhau có thể tiếp tục tồn tại cả sau khi chết hay sau khi thân thể bị hủy diệt; tín điều thứ hai bao trùm những vị thần được đưa lên trình độ cao của những vị thần hùng mạnh. Cơ sở tâm lí xã hội của thuyết vật linh chính là thừa nhận sự tồn tại của các thực thể tâm linh có khả năng ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của con người. Hơn nữa, bởi vì những người thờ vật linh cho rằng linh hồn có liên lạc với người sống, và ngược lại. Những hành vi của con người sẽ đem lại niềm vui hay sự bất mãn cho linh hồn. Từ đó dẫn tới sự sùng kính thế giới hồn linh một cách tự nhiên, con người thông giao với những linh hồn đã chết để cầu xin, mong ước. Như vậy, thuyết vật linh trong sự phát triển đầy đủ của nó bao trùm cả những tín ngưỡng thờ thần. Những tín ngưỡng chuyển thành sự thờ cúng thật sự trên thực tiễn.

Tín ngưỡng vật linh rộng lớn, chúng ta đều thấy rằng người sống nhiệt thành mời người chết về trong những trường hợp nhất định. Đó là sự tôn kính các bóng ma, một trong những tín ngưỡng sâu sắc và mạnh mẽ nhất trên toàn thế giới, thừa nhận với một thái độ vừa tôn kính, vừa sợ hãi sự tồn tại của các linh hồn mang theo sức mạnh hiền hoặc dữ khi hiện ra giữa mọi người. Quy luật chung của xã hội luôn có cả cái thiện lẫn cái ác, chính và tà đều giữ một sức mạnh ngang nhau. Niềm tin này đã trở thành phương tiện cho sự tồn tại của loại hình tín ngưỡng thờ thần trong đó có cả thần thiện và thần ác.

Thuyết vật linh phát triển từ học thuyết về linh hồn thành học thuyết rộng hơn về ma, đã trở thành triết học đầy đủ của tôn giáo tự nhiên. Ý niệm về ma giống với ý niệm về linh hồn. Trạng thái chuyển tiếp: các hạng linh hồn chuyển thành những thứ quý hiền và quý dữ. Học thuyết về ma nhập vào thân thể người, động vật, thực vật và vào những vật không hồn khác. Quỷ ám và việc quỷ nhập vào con người như những nguyên nhân gây các bệnh tật và những sự tiên tri - Bái vật giáo - ma gây bệnh v.v...

Linh hồn người chết trên thực tế được thừa nhận và phát triển như một trong những loại quỷ hay thần thánh. Đối với những bộ lạc hoang dã, khi đứng trước linh hồn người chết, cũng như đứng trước những ma dữ, sự khiếp sợ là điều hết sức thông thường. “Người Australia cho rằng ma những người chết đã chôn biến thành quỷ dữ. Theo những ý niệm của người Tân Tây Lan, linh hồn người chết biến đổi về bản chất đến mức có thể gây hại cho những người thân và những người được quý trọng. Người Caribê nói rằng trong số những linh hồn khác nhau của con người, chỉ có một số tới được bờ biển để lật ngược những con thuyền, còn một số khác thì đi vào rừng và trở thành ma dữ. Một bộ lạc ở Trung Phi học thuyết tôn giáo chủ yếu nhất của họ là tin vào ma và thuộc tính đặc trưng của chúng là muốn gây hại cho người sống. Người *patagon* thường xuyên sợ linh hồn những thầy đồng của họ mà sau khi chết sẽ biến thành quỷ dữ. Các bộ lạc *turan* ở Trung Á sợ các pháp sư của mình sau khi chết nhiều hơn khi sống, vì họ trở thành một loại ma đặc biệt, có hại nhất do bản chất của chúng. Ở người Mông Cổ, chúng làm tình làm tội người ta để buộc phải cúng lễ vật cho chúng” [29, 688].

Từ tâm lý của các bộ lạc nguyên thủy, nỗi sợ ngày xưa trước ma quỷ cho đến nay vẫn còn cho thấy một tín ngưỡng cổ xưa. Việc sùng kính ma người chết là một trong những nhánh tôn giáo rộng lớn của loài người.

E. Tylor đã đưa ra những dẫn chứng cụ thể về thực trạng văn hóa tín ngưỡng của người cổ trên thế giới. Việc thờ cúng người chết đã trở thành tập tục chung của toàn nhân loại. Đối với nhân loại từ trong tư duy nguyên thủy, con người đôi khi sợ và phục tùng thần ác hơn là thần thiện. Sự sợ hãi đối với thần ác khiến họ phục tùng và tự nguyện bán mình cho thần: “Ở Tây Phi họ sùng kính ma xấu với sự tận tâm to lớn không gì sánh được đối với họ” [29, 693]. Sự sợ hãi là một sự thúc đẩy mạnh hơn cả sự yêu thương.

Do người nguyên thủy chưa phân biệt được “ma”, “quỷ” hay “thần” nên tín ngưỡng dân gian đối với những linh hồn người chết sinh sôi trong đời sống. Người nguyên thủy trên khắp thế giới đều cho rằng bất cứ một linh hồn người chết nào cũng

có sức ảnh hưởng tới người sống. Vì vậy, họ sợ cả những ma người thân, những thầy pháp, thầy đồng, những kẻ ăn mày, những người không được chôn cất, chết vì dịch hạch hay bị giết, những người phụ nữ sau sinh hay những linh hồn trẻ con v.v... Những linh hồn này ở một thế giới linh thiêng nào đó có thể gây hại cho cuộc sống của con người bất cứ lúc nào. Trước những điều huyền hoặc về sức mạnh kì bí khó nắm bắt ấy, con người mang theo niềm tin về một thế giới có thật sau khi chết. Ở đó tất cả những người chết đều trở thành ma, trong số đó lại có ma hiền và ma dữ. Những ma do tu luyện có được pháp lực mạnh hơn, có khả năng điều khiển hành vi của con người được coi là thần, trong số các thần cũng có thần thiện và thần ác. Lúc này, mọi hành vi tín ngưỡng hướng tới thế giới hồn linh đó không còn xuất phát từ niềm tin thuần khiết nữa mà là niềm tin vụ lợi. Con người muốn xoa dịu các linh hồn, gửi tặng kèm lễ vật, cúng tế thức ăn trước hết nhằm tránh được tai họa cho mình. Như vậy, theo quan niệm rộng “thần” bao gồm toàn bộ những linh hồn sau khi chết, những ma, quỷ có khả năng tiếp xúc, giao tiếp với thế giới người sống. Người nguyên thủy tin rằng linh hồn có thể liên lạc với người sống, và ngược lại. Những hồn ma có thể giao tiếp với con người thông qua các giấc mơ, báo mộng, có thể phát ra những âm thanh thì thào, khe khẽ vào ban đêm v.v... Từ đó, dẫn tới những hành vi cầu cúng để đáp ứng, cầu xin và mong ước của con người với thế giới hồn linh đó. Tuy nhiên, không phải tất cả những ma người chết đều có những khả năng đặc biệt hay sức mạnh thiêng liêng. Theo nghĩa hẹp “thần” là một loại “ma đặc biệt”, mang theo sức mạnh hiền hoặc dữ khi hiện ra giữa mọi người. Những thần mang sức mạnh hiền được gọi là thiện thần, còn những thần mang sức mạnh dữ được gọi là ác thần. Sức mạnh của thần thiện và thần ác thường là ngang nhau. Nhưng với tâm lí luôn sợ cái ác sẽ dẫn đến những hành vi phục tùng cái ác hơn là với cái thiện. Niềm tin có tính vụ lợi của nhân dân dẫn đến sự hình thành loại tín ngưỡng thờ cúng ác thần nhằm trao đổi điều kiện giữa con người với các thần ác.

Thuyết vật linh và sự tồn tại của linh hồn một mặt lý giải những hiện tượng rối loạn bệnh tật và kích động, chủ yếu gắn với những cơn hứng khởi, quan điểm này phổ biến đến mức hầu hết các học thuyết về trạng thái bệnh tật đều bắt nguồn từ đó. Về lí thuyết, những trường hợp người sống mắc phải một số căn bệnh kì lạ, được quan niệm là do những thần ác quấy nhiễu và chỉ tìm đến cầu cúng để hóa giải. Trong ý thức của người nguyên thủy, họ coi mỗi vị thần đều có khả năng gây bệnh và có một cá tính rõ ràng đến mức nào đó. Hiện nay, việc thờ ác thần vẫn hiện tồn trong đời sống văn hóa của các dân tộc. Có lẽ sự sùng kính này đã không thay đổi từ những thời xa xưa nhất của văn hóa nguyên thủy:

Theo E. Tylor, ở quần đảo Ấn Độ, người ta thực hiện hành vi tín ngưỡng thần ác bằng việc cầu xin chúng bằng lễ bạc, nhảy múa và những thức ăn đặt trong rừng để xin chúng buông các nạn nhân ra, hoặc ở việc đẩy ra biển những con thuyền nhỏ chở lễ vật để gửi tới những vị thần đó.

Ở Châu Mỹ có những bộ lạc ít văn hóa coi bệnh tật là do các ma dữ gây ra. “Chẳng hạn người *dacota* cho rằng ma trừng phạt người ta vì những hành vi xấu xa, đặc biệt do không làm lễ cúng người chết. Những con ma này có khả năng phái vào thân thể một người nào đó ma của bất cứ thực thể hay đối tượng nào” [29,706].

Ở Châu Phi theo những quan điểm triết học của người *basuto* và *zulu*, nguyên nhân của bệnh tật là ma người chết lọt vào một người để gọi người này tới chỗ mình hay để nhắc nhở phải cúng lễ vật cho người chết. Những thứ ma này được các thầy phù thủy hay chính bệnh nhân nhận ra vì trong giấc mơ của mình, người bệnh nhìn thấy ma một người chết đến hành hạ mình [29,707].

Thần linh được gán cho một ý thức và sức mạnh riêng, được con người giao tiếp bằng sùng kính, ngưỡng mộ, cầu xin, cúng tế v.v... Từ vô số linh hồn thần đã đóng góp những vai trò rất khác nhau trong đời sống con người và trên toàn thế giới, đến một số ít những vị thần hùng mạnh có khả năng chế ngự cuộc sống con người. Con người đã gán mọi cái tốt và cái xấu trong đời sống của mình vào những hiện tượng lạ lùng của thế giới tâm linh tạo thành những biểu tượng phúc thần và ác thần. Họ sống trong sự giao tiếp mật thiết với thế giới thần linh. Họ tin rằng thần ác cũng có thể rung cảm trước lòng thành và tấm chân tình mà họ dành cho thần. Họ có thể đáp ứng các loại lễ vật và thực hiện các nghi thức cúng khấn theo hẹn định chỉ cần đổi lại lấy sự bình an trong cuộc sống.

Như vậy học thuyết này có thể nói lên tính chất và số phận của con người chịu sự chi phối của thế lực bí ẩn. Triết học nhị nguyên cho thấy trong thế giới thần linh sẽ có những thần tốt và thần xấu, thần thiện và thần ác có thể mang đến hạnh phúc hay bất hạnh cho con người. Con người tin vào sự tồn tại và sức mạnh siêu thực của thần linh, thực hiện các hành vi thông quan với thần linh qua các hoạt động cầu khẩn, qua những vật phẩm tiến cúng v.v... lâu dần trở thành tín ngưỡng dân gian bao gồm tín ngưỡng thờ phúc thần và tín ngưỡng thờ ác thần. “Có những bằng chứng chắc chắn rằng người hoang dã có thể tiếp nhận và đưa vào những tín ngưỡng của mình học thuyết của người Châu Âu về ma lành và ma dữ... Những tín ngưỡng đích thực của người hoang dã cho chúng ta thấy trên thực tế những hình thức thô sơ của các ý niệm làm cơ sở cho các hệ thống thần học nhị nguyên của các cư dân văn minh. Tất nhiên,

ngay cả ở những bộ lạc thô thiển của người hoang dã, tư duy con người đã quan tâm tới vấn đề sâu sắc về cái thiện và cái ác... Thuyết vật linh của các bộ lạc nguyên thủy không mang tính chất một bộ luật đạo đức mà đó chỉ là một thứ triết học về tự nhiên và con người, nên cả nhị nguyên của người hoang dã cũng không phải là lí thuyết về những nguyên tắc trừu tượng, đó chỉ là lí thuyết về sự sung sướng và đau khổ, về cái lợi rơi xuống số phận của từng người, của gia đình người đó hay với sự phát triển rộng nhất của ý tưởng đó, của bộ lạc. Sự phân biệt chật hẹp và sơ khai ấy giữa cái thiện và cái ác [29,892]. Sự đối lập giữa các yếu tố thiện và ác, cả hai thần thiện và thần ác cùng tồn tại để gieo niềm vui hay bất hạnh, hạnh phúc hay những khổ đau cho con người. Niềm tin dân gian đôi khi cho rằng thần thiện thì xa vời và không hoạt động còn thần ác thì ở gần và năng nổ, và vì thế, khi thờ cúng ác thần chủ yếu hướng tới chỗ làm động lòng một sức mạnh thù địch.

Người da đỏ Bắc Mỹ, lưu truyền truyền thuyết về sự tồn tại của thần thiện và thần ác, được hình tượng hóa qua hai nhân vật Trí Thiện và Trí Ác: “Truyền thuyết do thủ lĩnh dân tuskator David Cusick, tín đồ Kitô giáo, kể lại năm 1825 như một niềm tin chung của dân mình. Ông ta kể rằng, vào thời cổ, đã có hai thế giới: thế giới thấp chìm vào tăm tối và có nhiều quái vật ở, và thế giới cao có người ở. Khi có mang sắp đẻ, một người đàn bà rơi từ thế giới cao xuống thế giới tăm tối bên dưới. Bà rơi vào một con rùa, trên lưng nó có một mảnh đất nhỏ đợi bà, và con rùa ấy trở thành một hòn đảo. Bà mẹ trên đời này đẻ ra hai anh em sinh đôi đã đến tuổi trưởng thành. Một chàng trai thì rất tốt, được gọi là Enigorio, Trí Thiện, còn chàng kia thì rất ác, được gọi là Enigonhahetgea, Trí Ác. Trí Thiện không thích sống trong tối tăm, chàng muốn có càng nhiều ánh sáng càng tốt. Trí Ác, trái lại muốn thế giới trong trạng thái như cũ....Trí Ác đi khắp hòn đảo dựng lên núi cao, những thác nước và những dốc đứng, tạo ra những con bò sát có hại cho con người... Trí Ác lặn vào tối tăm vĩnh cửu và biến thành ma ác [29, 896 - 899].

Thổ dân châu Mỹ gọi vị thần tối cao của họ là Oki. Đối với những người dân nơi đây tất cả những gì do điều ác gây ra cho họ mà họ không thể ngăn ngừa được, trong mắt họ đều trở thành đối tượng thần thánh: chẳng hạn họ thần thánh hóa lửa, nước, chớp, sấm, những khẩu đại bác và thần hóa chủ yếu của họ là quỉ. Họ gọi nó là Oki và thờ nó vì sợ hơn là vì thiện cảm. Theo chính lời họ, họ thường giao tiếp với nó và cố gắng giống nó về bề ngoài càng nhiều càng tốt, trong những ngôi đền của họ, có tượng nó, một pho tượng thô thiển, bôi màu mè, mang những chuỗi đồng và những vòng hạt cườm, xấu xí như vị thần này phải là như thế. Sự mô tả độc đáo này đáng

được chú ý, ít ra như một ý kiến mẫu mực của một người châu Âu ít học thức và đầy định kiến về các vị thần của người hoang dã. Trong con mắt của ông ta, các vị thần này thật sự là những con quỷ. Nhưng những nguồn khác chúng ta biết rằng “oki” là một từ thuộc ngôn ngữ huron, đó là tên gọi chung đối với ma hay thần linh.

Trong những truyền thuyết cổ của người *iroquois*, mặt trời và mặt trăng như thần nam và thần nữ của ngày và đêm đã mang tính chất một người bạn lớn của con người, thần thiện và thần ác. Còn về truyền thuyết vũ trụ được nhân cách hóa trong truyện kể về hai anh em, Sáng và Tối về sau này biến thành một huyền thoại về thiện và ác.

Ở Châu Á cổ giai đoạn này đã biến sự tương phản của ánh sáng và bóng tối thành yếu tố thiện và ác đối lập nhau.

Ở lục địa phía nam, như Martius nhận xét hết sức gợi cảm về những bộ lạc hoang dã ở Brasil: “Tất cả người da đỏ đều có niềm tin vào yếu tố ác thống trị họ, ở nhiều người cũng thấy rõ ý niệm yếu ớt về cái thiện nhưng sự tôn trọng cái thiện này lại ít hơn sự sợ hãi cái ác. Có thể cho rằng họ coi quyền năng của ma thiện yếu hơn nhiều so với quyền năng của ma ác về mọi thứ đưng tới số phận con người” [29, 902].

Tư tưởng chủ đạo của tôn giáo Zoroastre là sự đấu tranh giữa các thần thiện và ác thần trên mặt đất, được quan niệm như sự tương phản giữa ngày và đêm, của ánh sáng và bóng tối, được nhân cách hóa trong những hình ảnh Ahura - Mazda và Anra - Mainyu, trong những thần thiện và ác Ormuzd và Ahriman.

Ở Trung Quốc, người ta tin rằng đám đông những linh hồn bất hạnh không có gì trên mặt đất, chẳng hạn linh hồn những kẻ ăn mày và người hủi, có thể quấy nhiễu người sống nhiều, vì thế người ta cứ thỉnh thoảng phải vỗ về chúng bằng việc cúng thức ăn, tuy cũng hết sức ít ỏi: “Một người cảm thấy khó ở hay sợ bị thất bại trong công việc, thường đốt vài bộ áo quần giấy và tiền thoi một cách cẩn thận cho chur vị dưới âm ti ấy” [29, 689]. Những ý niệm tương tự cũng phổ biến khá rộng ở Đông Dương và Ấn Độ: “Ở đó nhiều hạng quỷ vốn là linh hồn người ta ngày xưa, chủ yếu là những người không được chôn cất, chết vì dịch hạch hay bị giết, cũng như của những người đàn ông độc thân và những người đàn bà khi sinh đẻ. Vì những lẽ đó chúng thường trả thù người sống” [29, 689].

Thế giới các vị thần trong đời sống văn hóa tâm linh của người dân Trung Quốc cũng hết sức đa dạng, phức tạp. Trong công trình *Thần linh ở muôn nơi - Tập tục tín ngưỡng dân gian* tác giả Trương Quảng Trí và Cao Hữu Bằng đã cho chúng ta thấy một bức tranh về các phong tục tín ngưỡng của người dân Trung Quốc. Ở đó thế giới thần linh bao gồm các thần từ trong nhà đến thần ngoài ngõ, những thần từ trên trời

đến các thần dưới mặt đất, từ đấng tối cao đến những loài muông thú cỏ cây. Người dân Trung Quốc tưởng tượng xung quanh cuộc sống của con người ở đâu và chỗ nào cũng ngự trị thần. Ngay trong mỗi ngôi nhà đều có vị thần chủ gọi là “Thần trong nhà”, bước chân ra cửa có “Môn thần” (thần cửa), đi trên đường có “Thần đường”, trên trời có “Ngọc hoàng đại đế”, các vị “Tinh quân”, dưới đất có “Thần hoa”, “Thần cỏ”, “Thần cây”, “Thần sâu bọ”.v.v... Thần cũng được phân chia theo đặc tính, chức năng thiện - ác. Trong thời cổ đại khi nhận thức và tư duy của con người còn mê muội, lạc hậu, người ta quan niệm bên trong cơ thể con người cũng có thần. Người Trung Quốc cổ đại quan niệm có bao nhiêu loại bệnh thì có bấy nhiêu loại thần gọi chung là “Dị thần” hay “Thần dịch bệnh, Thần gây bệnh”. Những thần này kí sinh trong cơ thể mỗi con người gây nên những thương tổn về tinh thần và sức khỏe. Dị thần nằm trong hệ thống thần linh của người Trung Quốc hết sức phong phú và phức tạp, bao gồm: Ôn thần (bệnh truyền nhiễm); Thần đậu mùa; Thần sốt rét; Thần đau đầu; Thần che mắt; Thần gây bệnh về đường thở; Thần gây bệnh về cơ/ gân; Thần trộm hồn trẻ con; Thần xúi quẩy/ xui xẻo; Thần làm cho trẻ khóc đêm; Thần móng tay, móng chân... Những thần này đều giống nhau ở đặc tính gây bệnh, mang lại những đau đớn trên cơ thể con người và nếu nghiêm trọng có thể dẫn đến mất mạng. Con người cổ đại tưởng tượng ra một sức mạnh to lớn có khả năng điều phối, chỉ đạo các bộ phận trong cơ thể mình. Đó chính là lí do ra đời và tồn tại những dị thần này.

Như vậy, có thể thấy tư tưởng máu chốt của thuyết vật linh chính là quan niệm về sự tồn tại của thế giới linh hồn ở đó có cả thiên thần và ác quỷ tất cả đều có ảnh hưởng tới đời sống của con người, thần thiện mang tới niềm vui, còn thần ác gieo bất hạnh. Từ thời nguyên thủy việc thờ cúng thần linh xuất phát từ sự sợ hãi, đặc biệt với ma lực của ác thần càng khiến cho con người sợ hãi và phải phục tùng nhiều hơn với thiện thần. Những nghi thức cúng tế được tiến hành nhằm cầu nguyện những điều tốt lành sẽ được mang đến, và những điềm dữ sẽ được mang đi. Quan niệm về ác thần được xác lập từ thời cổ và có ảnh hưởng tới cuộc sống hiện tại. Dư âm của những tập tục cúng khấn đối với ác thần hiện nay tuy đã nhạt dần do sự thay đổi tư duy của người hiện đại. Tuy nhiên, trong tín ngưỡng dân gian con người vẫn không quên những hành vi để xoa dịu và trao đổi với ác thần nhằm dẹp yên những lo lắng và sợ hãi trong cuộc sống, tìm đến sự bình an trong tâm hồn mình.

Quan niệm và tục thờ ác thần đã có từ trong lịch sử nguyên thủy của loài người. Sự tồn tại của hình thức tín ngưỡng thờ cúng ác thần lạ nhưng không mới. Trải qua thời gian, hình thức tín ngưỡng này đã có những thay đổi, biến tướng cho phù hợp với hệ

tâm lí xã hội. Tư duy của người hiện đại không còn muốn phục tùng cái ác như người xưa, nên số lượng các ác thần được thờ cũng bị thu hẹp và dần không còn được tổ chức công khai. Vì thế dẫn đến hiện tượng nguy trang tín ngưỡng, nghĩa là tại một ngôi đền người ta có thể nguy tạo các loại hình tín ngưỡng thờ cúng khác nhau nhưng thực chất trong sâu cùng các lớp tín ngưỡng ấy, nhân dân đang thờ cúng một vị ác thần có thể bị cảm đoán. Trong đời sống văn hóa dân gian của người Việt, việc thờ cúng, phụng sự Phạm Nhan gặp phải sự cảm đoán từ phía chính quyền, sự khinh bỉ, nhieếc móc của những người dân theo chính đạo. Nhưng không vì thế mà tín ngưỡng thờ Phạm Nhan bị triệt tiêu, một số bộ phận nhân dân vẫn âm thầm tổ chức những nghi lễ phụng sự. Tuy nhiên, đó không phải sự phụng sự đối với cái ác mà là niềm sùng bái đối với một vị thần linh có sức ảnh hưởng quá lớn trong đời sống của họ. Những hành vi tín ngưỡng ấy xuất phát từ sự sợ hãi, nỗi lo âu pháp phông hơn là sự yêu thương, thành kính. Dựa vào sự tổng kết của các nhà nghiên cứu về quan niệm và tục thờ ác thần trong lịch sử, chúng tôi đã có căn cứ để tìm hiểu sâu hơn về tín ngưỡng thờ Phạm Nhan nói riêng và tín ngưỡng thờ ác thần nói chung của người Việt. Những kiến thức lí thuyết ấy giúp chúng tôi xác lập được các khái niệm: thần, phúc thần, ác thần và lí giải căn kẽ hiện tượng Phạm Nhan trong hệ thống tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt.

1.1.4. Lí thuyết về “an ninh tinh thần” và các nghi thức thờ cúng xuất phát từ sự sợ hãi

Trong văn hóa tín ngưỡng dân gian việc thờ phụng mang tính cộng đồng có từ lâu đời và khá phức tạp, ngoài việc tôn kính, vinh danh những nhân vật kiệt xuất còn quan tâm cả tới những đối tượng rất bình thường, thậm chí những linh hồn gây họa. Quy luật tồn tại của thế giới luôn có hai trạng thái đối lập. Trong đời sống xã hội, đạo đức của con người cũng vậy, thiện và ác, tốt và xấu luôn đồng hành. Đó là lí do khiến đời sống sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân luôn có hai đối tượng được thờ phụng: phúc thần và ác thần. Việc thờ phụng phúc thần được coi là hình thức tín ngưỡng chính thống và có vô số lí do chính đáng để tồn tại, còn việc thờ ác thần vì sao có mặt trong sinh hoạt tín ngưỡng dân gian? Lí do quan trọng đầu tiên của việc thờ ác thần chính là để trấn an nỗi sợ hãi về những ma lực gây hại cho cộng đồng.

Oscar Saleminck là nhà nhân học nổi tiếng ở Hà Lan, ông quan tâm nghiên cứu về sự tái sinh của các tôn giáo xứ ở Đông Nam Á trong bối cảnh xuyên quốc gia và nhân học về sự an toàn của con người. Ông tập trung tìm hiểu về nhu cầu an toàn tự thân của con người và đưa ra lí thuyết về “an ninh tinh thần”. Lí thuyết này, cho rằng cuộc sống của con người luôn ở trong trạng thái bất trắc: sức khỏe, của cải, vận may

đều ngăn ngừa, phù du và luôn có thể bị mất đi đồng thời những vận rủi của con người đều được cho là do các linh hồn có ác ý... Bởi vậy con người luôn có mong muốn tìm kiếm sự an toàn trong một xã hội đầy bất trắc, việc giao tiếp với linh hồn qua trung gian, việc cầu cúng, lập đền miếu... có thể làm dịu bớt những lo lắng cụ thể, những bất an và rủi ro trong hiện tại. Tìm kiếm sự can thiệp về mặt tinh thần có thể được giải thích như là một hình thức của sự đền bù đối với tình trạng bất an và lo lắng của con người trong cuộc sống.

Oscar Saleminck xác định việc tìm kiếm an toàn tinh thần của con người trong xã hội Việt Nam đương đại qua việc phân tích một số vấn đề liên hệ giữa an ninh con người, an định tôn giáo và an toàn tinh thần; chữa bệnh và an ninh; an ninh kinh tế; an toàn nhân sinh; tự do, rủi ro và an ninh.

Khái niệm an ninh con người là một khái niệm tương đối mới, theo Oscar Saleminck: “An ninh con người thường được định nghĩa từ các khía cạnh kinh tế (không thể thiếu thốn), thể lý và chính trị (không sợ hãi) và sinh học (cho các thế hệ tương lai được thừa hưởng môi trường tự nhiên lành mạnh)” [17,2]

Có nhiều khoa học, nhiều nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu về nội hàm khái niệm an ninh con người: Nhóm nghiên cứu của Vrije Universiteit Amsterdam đã mở rộng khái niệm an ninh con người để bao chứa cả các khía cạnh thể lý, vật chất về sự “không thiếu thốn” lẫn “không sợ hãi” và các khía cạnh văn hóa sinh tồn. Nghĩa là an ninh của con người được xác định bao gồm trạng thái không sợ hãi của tinh thần, con người cần được bảo vệ ở các trạng thái cảm xúc được thể hiện qua các biểu trưng tôn giáo, xúc cảm, nhận thức và văn hóa. Zygmunt Bauman (2001) trong cuốn sách Cộng đồng chỉ ra áp lực giữa phong trào hướng về tự do và tìm kiếm an ninh trên cái nền của toàn cầu hóa và cái hiện đại hay đổi thay, đến lượt nó làm suy yếu các “cộng đồng đạo đức” truyền thống với những cam kết mặt đối mặt bền vững giữa người với người. Thomas Hylland Eriksen (2004) đề cập đến khía cạnh đối lập có thể có của an ninh con người đó là tự do, nhưng tự do và rủi ro thường là hai mặt của một vấn đề. Khi gắn an ninh con người với sự an định tôn giáo và an toàn xã hội, các nhà nghiên cứu nhân học đã chú trọng đến tính tộc người, con người tìm kiếm một mức độ an toàn nhất định trong bản sắc (giai cấp, giới, tôn giáo) của họ. Mọi liên hệ trong việc xác lập căn cước hay bản sắc ở cấp độ cá nhân và tập thể, cũng như giữa các chiều kích đa dạng của chính bản sắc thường rất phức tạp. Điều này dẫn đến tình huống nghịch lý là nỗ lực giành được hoặc tạo ra sự an định trong một lĩnh vực này có thể làm mất đi sự an toàn trong một lĩnh vực khác.

An ninh con người có mối liên hệ qua lại với việc chữa bệnh. Trong cuộc sống có rất nhiều những hiện tượng lạ, những căn bệnh lạ mà y học không xử lý được, nhưng thế giới tâm linh lại có thể giải tỏa được. Hiện tượng lên đồng, gọi hồn người mất nhằm mục đích chữa trị ốm đau, bệnh tật khá phổ biến trong đời sống dân gian. Oscar Salemink cho rằng: “Con người sử dụng nhiều chiến lược cụ thể mang tính văn hóa để đảm bảo sức khỏe và sự an vui của mình. Nhiều người lên đồng và những người tin theo đã tìm được phương cách đối mặt và vượt qua những vấn đề sức khỏe (thể chất và tâm thần) và những điều bất hạnh thông qua thực hành lên đồng... Trong đời sống thực của con người, sức khỏe và sự an lành luôn gắn kết với vấn đề an toàn thân thể, sinh kế, việc trao quyền và sự thỏa mãn nhu cầu liên quan đến tôn giáo hoặc văn hóa” [17,8].

An ninh con người còn được đặt trong mối quan hệ với an toàn sinh kế và tinh thần của chủ nghĩa tư bản, nghĩa là khi con người có cảm giác dễ tổn thương và bất an kinh tế sâu sắc chính là ảnh hưởng của các lực lượng thị trường hay thay đổi hoặc những quyết định kinh doanh sai lầm không giải thích được, những tác động diễn ra mà không thể nhận thức hoặc dự đoán được. Theo như Philip Taylor: “Sự bươn chải trên thị trường đã chuyển đổi cuộc sống của họ, gây ra sự trục trặc, một cảm giác bất lực và cảm giác bị kiểm soát bởi các lực lượng xa xôi, mạnh mẽ và vô hình” [17,9]. Chính cảm giác về sự bất lực này điều khiển nhiều người tìm cách vượt qua bằng thực hành tôn giáo mà Taylor chỉ ra, đặc biệt là trong việc lên đồng. Khi tìm hiểu an ninh con người dưới góc độ kinh tế có thể thấy lên đồng đóng một vai trò trong việc tạo ra an toàn kinh tế trong quan điểm của những người tin theo. Họ tăng cường sự quyết đoán cần thiết và niềm tin để có thể thành công trong kinh doanh và thực ra tấp nập vốn xã hội dựa trên niềm tin vào những ân phước được thánh ban cho. Những khách hàng sẽ dùng tiền bạc và lộc khi làm lễ được vay mượn của thánh thần để đầu tư vào công việc kinh doanh của mình. Nếu việc kinh doanh thành công, khách hàng phải trả lại thánh thần với lãi suất, nếu không thánh sẽ nổi giận và gây hại. Niềm tin rằng các linh hồn có thể giúp đỡ thông qua người làm trung gian rất quan trọng trong tình huống mà con người cảm thấy bị mất phương hướng, bị những lực lượng thị trường mạnh mẽ, xa xôi và vô hình chi phối.

Khi tìm kiếm sự an toàn hiện sinh nơi thế giới bên kia và cả ở cuộc sống hiện tại, các nhà nghiên cứu nhân học cho rằng: “Trong quan niệm về vũ trụ luận chi phối ở Việt Nam, cái chết là một chuyến đi chứ không phải là một sự ra đi hoàn toàn, có nghĩa là các linh hồn người chết vẫn tiếp tục bảo trợ chúng ta thêm một thời gian nữa”

[17,12]. Quan niệm linh hồn người chết luôn dõi theo hoạt động của người sống dẫn đến các hoạt động, nghi lễ thờ cúng nhằm mục đích xoa dịu linh hồn bởi các linh hồn có thể ban phước cũng như gây hại cho cuộc sống của con người ở thế giới hiện tại. Nếu linh hồn người chết không được chôn cất với những lễ nghi phù hợp sẽ lang thang giữa hai thế giới và có thể gây hại đến người sống. Từ trong phạm vi gia đình đến ngoài xã hội việc không thể đáp ứng những nhu cầu của nghi lễ chôn cất chu đáo, sự tồn tại của những linh hồn lang thang cơ nhỡ, đói khát, không nơi trú ngụ là nguồn gốc của những lo lắng về mặt nhân sinh. Đó còn là nguồn gốc của bất an trầm trọng và lo lắng cho tình hình hiện tại của con người. Con người tin rằng khi không đáp ứng được những yêu cầu của người chết thì những rủi ro, không may mắn sẽ được xem là sự trách phạt của linh hồn. Mặt khác, nếu thực hành các nghi lễ thông qua sự giúp đỡ của người giao tiếp với hồn sẽ gia tăng sự tự tin, sự an lành, sức khỏe cho con người. Theo Oscar Salemink “đó chính là các thành tố tối cần thiết trong ý thức của họ về an ninh con người” [17,14].

Trong bài viết “*Motif thi thể trôi dạt hiển linh và được thờ cúng - lý giải từ tiếp cận nhân học ở các cộng đồng ngư dân Bắc Bộ và bắc Trung Bộ*” trên tạp chí Văn học số 6/2016, tác giả Trần Thị An đã đi tìm lời giải cho các hiện tượng thờ cúng những thi thể trôi dạt tại một số địa phương ven biển qua việc tổng hợp những vấn đề lí thuyết về sự giải tỏa nỗi sợ hãi và tìm kiếm sự an toàn về mặt tinh thần cho con người. Tác giả đã giới thiệu lí thuyết của Malinowski về các nghi thức thờ cúng xuất phát từ sự sợ hãi (*anxiety-ritual theory*): “Trong công trình *Vai trò của tôn giáo và ma thuật*, Malinowski viết: “Nơi nào có hiểm nguy, bất trắc, mật độ đổi thay và sợ hãi lớn, hoặc ở những hình thức mạo hiểm, ma thuật sẽ nảy sinh”. Trong một công trình nổi tiếng khác, *Ma thuật, khoa học và tôn giáo*, Malinowski viết: “Chức năng của ma thuật là nghi lễ hóa lạc quan của con người, nâng cao niềm tin của họ trong chiến thắng của hy vọng đối với sự sợ hãi. Ma thuật thể hiện giá trị lớn hơn cho con người trong tự tin đối với nghi ngờ, trong kiên định đối với dao động, trong lạc quan đối với bi quan”. Vận dụng lí thuyết này để lý giải các hình thức ma thuật sinh ra từ sự bất lực và nỗi sợ hãi trước sức mạnh tự nhiên, Theodore Rosenthal and Bernard J. Siegel đã viết: “Ma thuật nảy sinh với tư cách là những hình thức mang tính biểu tượng để giải quyết nỗi sợ hãi, sự thất bại hay những mối đe dọa - là những thứ mà con người đối đầu với những lực lượng thiên nhiên mà họ không thể kiểm soát nổi”. Theo mạch khai triển lí thuyết này, Patrick B. Mullen đã hướng sự quan tâm của mình tới việc thực hành tín ngưỡng của ngư dân. Trong một công trình nghiên cứu về ngư dân vùng biển Texas, Patrick B.

Mullen đã viết: “Tín ngưỡng dân gian có chức năng khác biệt với những ý hướng tinh thần được thú nhận. Bên dưới bề mặt của các chức năng mang tính phương tiện là những phản ứng tâm lý quan trọng hơn. Những chức năng tâm lý cơ bản được hình thành từ các ngư dân biển là do họ phải đương đầu với những nguy hiểm vật chất, những hiểm họa của thiên nhiên và sự hoảng loạn tâm lý khi họ thực hành nghề nghiệp của mình. Tình trạng hiểm nguy và bất trắc này sản sinh ra trạng thái tâm lý sợ hãi liên quan đến những thực hành ma thuật của ngư dân”[3]. Vận dụng lí thuyết trên, tác giả Trần Thị An đã đưa đến kết luận cho những hành vi, nghi thức cúng tế những linh hồn vốn là những thi thể trôi dạt trên biển xuất phát từ việc “thực hành 2 chức năng của tôn giáo/tín ngưỡng: giải tỏa nỗi sợ hãi và tìm kiếm sự an toàn về mặt tinh thần”[3].

Như vậy có thể thấy, điểm mấu chốt của thuyết “an ninh tinh thần” chính là việc tìm kiếm sự bình an, tránh đi những rủi ro trong cuộc sống có muôn vàn bất trắc. An ninh tinh thần là lí thuyết mang tính hiện đại. Lí thuyết chủ yếu hướng tới lí giải những hành động của con người gặp phải trong cuộc sống hiện đại như rủi ro, bất trắc trong sức khỏe, thua lỗ trong làm ăn kinh doanh... Những thực hành lễ tục cầu cúng giúp con người tìm kiếm sự an ủi và bình yên trong tâm hồn. Con người thờ cúng ác thần chính là sự cụ thể hóa mong muốn giải tỏa những bất an, sự rủi ro trong cuộc sống, là sự cần thiết trong ý thức về an ninh con người. Thờ cúng Phạm Nhan trước hết là để giải tỏa nỗi sợ hãi, sự ám ảnh về những căn bệnh quái ác do hồn ma của Phạm Nhan tạo nên.

1.2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

1.2.1. Lịch sử nghiên cứu về ác thần

1.2.1.1. Trên thế giới

Bước đầu tìm hiểu các nền văn hóa cổ đại, chúng tôi thấy rằng tín ngưỡng thờ cúng đa thần xuất hiện ở nhiều nơi trên thế giới. Và trong thế giới các vị thần linh đó luôn có sự tồn tại giữa hai mặt thiện và ác, lành và dữ:

Will Durant khi tìm hiểu *Lịch sử văn minh Ấn Độ* đã kết luận: “Người Ấn cho rằng đời sống cũng như vũ trụ, qua ba giai đoạn liên tiếp: sinh, trưởng rồi diệt. Vì vậy có ba thứ thần: Thần Brahama - đức sáng tạo, thần Vichnou - đức bảo tồn, thần Shiva - đức hủy diệt” [133]

Sự thờ phụng thần Shiva đáng kể là cổ nhất trong Ấn giáo mà đồng thời cũng là yếu tố thâm thúy nhất, ghê gớm nhất. Ông John Marshall nói ở Mohenjo - Daro có những “dấu vết không cãi được” của sự phụng thờ Shiva: có một cái tượng nhỏ của

Shiva ba đầu và có ba cái cột nhỏ bằng đá mà ông cho rằng tượng trưng dương vật. Rồi ông kết luận: “Như vậy sự phụng thờ Shiva là tôn giáo cổ nhất thế giới”

Thần Shiva là một cách uyên từ, nói ngược với ý mình muốn diễn. Vì nghĩa gốc của từ Shiva là tốt, có hảo ý, mà thần Shiva lại là một ông Ác, tàn phá mọi vật, tượng trưng cái năng lực thiên nhiên tàn khốc hủy diệt mọi cơ thể, mọi loài vật, mọi lý tưởng, mọi công trình, mọi hành tinh, nghĩa là hủy diệt hết thảy, không chừa một cái gì.

Cũng trong công trình *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, Will Durant còn đề cập đến một số vị ác thần nữa tiêu biểu là: nữ thần Kali (vợ của Shiva), nữ thần này còn được gọi với nhiều tên khác nhau: Parvati, Uma, Durga. Trong vị thần này có cả phần thiên thần và ác quỷ, bởi Kali - Parvati không phải chỉ là thần chết, hủy diệt mà còn là thần Sinh đẻ nữa, vừa hiền hậu vừa tàn ác. Nhà nghiên cứu cho biết: “Cho tới thế kỉ trước, sự phụng thờ nữ thần Kali này gồm nhiều nghi thức đổ máu, có khi còn giết người để tế nữa, nhưng ngày nay nữ thần chỉ đòi được tế bằng dê cái thôi. Dân chúng tạc hình nữ thần đó, mặt mày đen thui, miệng hoác ra, lưỡi lè ra, nữ thần trang sức bằng những con rắn và thần múa trên một cây ma, bông tai là xác đàn ông, chuỗi hạt gồm toàn những sọ người, mặt và ngực bôi đầy máu. Thần có bốn tay một tay cầm thanh gươm, một tay cầm đầu người mới chặt, còn hai tay kia đưa ra như để ban phúc, che chở” [133]

Cùng tác giả, trên con đường tìm hiểu Lịch sử văn minh Ả Rập ông nhận thấy: “Thế giới vô hình trong kinh Coran đầy những thiên thần, quỷ thần và một quỷ sứ. Thiên thần là thư kí và sứ giả của Allah, ghi những hành vi thiện và ác của mỗi người. Bản thể của quỷ thần là lửa, trái với thiên thần, bọn này ăn uống, giao cấu rồi chết, có một số ít theo kinh Coran nên từ thiện (LXXII,8), còn đa số là hung thần, gieo rắc tội ác cho loài người, Iblis là chúa bọn hung thần đó”

Trở về với thần thoại, chúng ta sẽ thấy trong thần thoại Hy Lạp có hàng nghìn các vị thần với những quyền năng khác nhau, họ có thể mang lại cả điều tốt lẫn điều xấu cho con người, dưới đây là một số vị thần tiêu biểu:

- Thần Apep còn có tên là Apophis. Đây là một vị ác thần, hiện thân của bóng tối và sự hỗn loạn.

- Nữ thần chiến tranh Sekhmet - một cỗ máy chém giết tàn bạo. Sekhmet đã trừng trị hơn một nửa số dân trên toàn lục địa.

- Thần Set (hay Seth) là ác thần trong thần thoại Ai Cập cổ đại.

Radugin tìm hiểu về thần thoại Hy Lạp đã cho biết: “Sự khủng hoảng của việc thờ các thần Hy Lạp bắt đầu diễn ra khi xuất hiện nhà nước - giai cấp thời sơ khai và khi manh nha nhận thức về ý niệm. Ngay trong các câu chuyện thần thoại Hy Lạp ở

thời kỳ “anh hùng”, khái niệm về cái Ác đã xuất hiện” [4,504]. Trong thế giới thần thoại Hy Lạp, thần Ác được xác lập vị trí và có ảnh hưởng lớn đến đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Hy Lạp cổ đại. Ở đó con người nể sợ trước sức mạnh có thể tàn phá, hủy diệt cả thế giới của các vị thần. Trước thần, con người trở nên quá nhỏ bé và nhu nhược, con người sợ các thần Ác hơn đối với những thần Thiện. Nên các Thần Ác chi phối nhiều hơn tới những hành động tín ngưỡng của người cổ đại.

Nhật Chiêu khi tìm hiểu về *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*, đã cho biết các thần thoại và truyền thuyết của dân tộc Kojiki và Nihongi đã được lưu truyền từ lâu trước khi bước vào cuộc sống “thành văn” của Kojiki. Tác phẩm Kojiki được chia làm ba tập. Tập đầu bao gồm các huyền thoại liên quan đến các hành động trực tiếp của chư thần. Tập hai là cuộc đời của các anh hùng được thần linh trợ giúp hay cản trở. Tập cuối là các câu chuyện nhân thế khi mà thần linh chỉ còn là đối tượng để tôn thờ. Trong tác phẩm này, chúng ta bắt gặp huyền thoại về thần Amaterasu - nữ thần mặt trời, chỉ vì giận em trai là thần Bão, nữ thần Mặt trời đã lánh vào Thiên Nham Động Amano Iwato không chịu soi sáng thế giới nữa, làm cho tám vạn thần linh cũng điêu đứng. Đây cũng được xem là biểu hiện của tính ác trong một vị thần.

Nghiên cứu tìm hiểu về tập tục tín ngưỡng dân gian Trung Quốc, Trương Quảng Trí và Cao Hữu Bằng đã thống kê hệ thống thần linh cùng những phong tục, tập quán có liên quan trực tiếp tới các vị thần. Các tác giả đã phác họa diện mạo văn hóa tín ngưỡng của người Trung Quốc cổ đại. Trong đó niềm tin vào sự tồn tại và thờ cúng ác thần đã có từ rất lâu. Thần đường hay còn gọi là “Tổ đường” là vị thần coi sóc mọi hoạt động đi lại, giao thông của con người. Thần đường có hai loại thần đường trắng và thần đường đen. Thần đường trắng chính là cát thần, không những bảo vệ sự an toàn cho người dân mà còn chỉ cho người ta cách tránh tai họa. Nếu gặp thần đường trắng con người thường cong lưng chào và nói lời cảm ơn. Bên cạnh sự tồn tại của thần đường trắng còn có ác thần gọi là thần đường đen. Thần đường đen thường cướp trộm tài sản, thậm chí còn cướp đi linh hồn và tính mạng con người. Những người dân khi đi ra đường thường hay mắng thần đường đen và mong gặp thần đường trắng. Truyền thuyết dân gian Trung Quốc có nói nếu gặp thần đường đen thì dùng nắm đấm đánh vào mũi của mình cho ra máu, rồi hắt ra bên ngoài 4 lần có thể khiến thần đường đen sợ hãi không bám theo nữa hoặc trên mặt vẽ hình chữ thập, rồi nhỏ nước bọt có thể đuổi thần. Để đuổi thần đường đen còn một cách nữa là đá một bãi, sau đó nói một câu: “Nâng gậy đánh thần đường đen”. Thần đường là thần ảnh hưởng trực tiếp tới tính mạng và vận phúc của con người. Thần cũng có thể mang lại may mắn nhưng

cũng có thể cướp đi tất cả. Để mong cầu may mắn và bình an đến, con người thường thờ cúng thần đường, đặc biệt với những người phải đi xa vào sau tết, khi bắt đầu xuất hành. Vào những dịp đó người dân thường đốt pháo trước khi xuất hành để cầu sự phù hộ của thần đường. Khi đi đón dâu hoặc trong đám ma người ta dùng nhạc cụ và đốt pháo, còn rắc một số đồ cúng trên đường, nếu là đám ma thì bỏ một số giấy tiền để cầu mong thần đường bảo vệ trên đường đi gặp thuận lợi, may mắn.

Cũng trong công trình *Thần linh ở khắp muôn nơi - Tập tục tín ngưỡng dân gian* tác giả Trương Quang Trí và Cao Hữu Bằng còn dành một chương độc lập để viết về các dị thần ở Trung Quốc. Những dị thần này luôn làm cho con người bị ốm, nếu nghiêm trọng có thể dẫn đến mất mạng. Đó là các thần: Ôn thần, Thần đậu mùa; Thần sốt rét; Thần đau đầu; Thần che mắt; Thần gây bệnh về đường thở; Thần gây bệnh về cơ/gân; Thần trộm hồn trẻ con; Thần xúi quẩy/ xúi xẻo; Thần làm cho trẻ khóc đêm;...

Ôn thần hay còn gọi là dị quỷ thần, đi đến đâu cũng gây tổn thương cho người và muông thú. Ôn chỉ một loại bệnh truyền nhiễm cấp tính, tỉ lệ tử vong cao. Sở dĩ ôn thần khiến cho người ta sợ hãi vì phạm vi lây truyền của bệnh lớn.

Thần bệnh đậu mùa là thần mang đến những cơn đau nhức, trên thân thể con người mọc lên các loại mụn nhọt rất ghê sợ. Thần này cũng có thể dẫn con người về với thế giới của tử thần.

Thần đau đầu theo truyền thuyết là do một loài sâu bướm từ một sợi tóc của Thái thượng lão quân biến thành thường được gọi là côn trùng bạch đầu. Côn trùng này rất thèm ăn, muốn được người ta thờ cúng mình, nên hoành hành gây cho con người những trận đau đầu không ngớt.

Thần che mắt có hai loại: thần che mắt trắng và thần che mắt đỏ. Thần che mắt trắng là những thần khiến người ta mắc bệnh không nhìn rõ, mắt bị mờ. Thần che mắt đỏ là thần khiến con người mắc bệnh đau mắt đỏ.

Thần nghẹn cổ là loại thần gây nên các bệnh về đường thở, họng. Khi bị thần xâm phạm sẽ thấy đau trong họng.

Thần gây bệnh về cơ gân/ cơ giật theo truyền thuyết là do một ma treo cổ biến thành. Khi ma treo cổ còn sống hay bị người ta coi thường nên sau khi chết trả thù bằng cách bóp gân người.

Thần trộm hồn trẻ con thường cướp đi linh hồn của trẻ con rồi nộp cho những nơi chuyên quản lí linh hồn hoặc tặng cho những ma chết đuối sắp được hoàn hồn. Trong âm phủ có nhiều việc liên quan đến việc buôn bán linh hồn. Trong dân gian

những ma quỷ hay đi tìm một người để người đó giữ hồn trong âm gian thay nó, khi đó ma quỷ sẽ được tự do. Bởi vậy ma quỷ hay đi trộm hồn người già hoặc trẻ con.

Từ việc hệ thống hóa các dị thần này với những hành vi tạo ác trên nhân gian, tác giả Trương Quảng Trí và Cao Hữu Bằng đã đi đến kết luận: “Nơi đâu cũng có thần. Thậm chí còn có hiện tượng vì vấn đề tiêu hóa không tốt, họ cũng hình dung ra như có thần đánh rắm đang trêu. Vì thế chúng ta có thể nói rằng: tất cả các vị thần đều giống nhau vì có điểm khác biệt gì đó là cơ sở tạo nên các loại thần. Trong thời cổ, việc sản sinh các vị thần là nền văn minh vĩ đại. Còn ngày nay sự tồn tại của thần là sự mê muội không thể giải thích. Bất luận là tín thần có những ước vọng tốt đẹp đến thế nào đối với sự giải phóng và phát triển của xã hội, những vị thần như thế này mãi mãi là sự trở ngại. Tuy nhiên sự sùng bái tổ tiên hay nhân vật anh hùng thời cổ đại lại là một việc khác”[144, 235].

Như vậy, ác thần đã xuất hiện từ rất sớm và có ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống văn hóa của nhân loại. Con người đều hãi hùng trước sức mạnh và quyền năng vô cùng lớn của các vị thần này. Họ run sợ trước mọi rung chuyển, biến đổi của xã hội khi các vị thần giận dữ và sẵn sàng thực hiện các hoạt động cúng bái, hiến tế. Ngày nay, hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng ác thần vẫn còn tồn tại ở rất nhiều nơi trên thế giới, thậm chí trở thành sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng cộng đồng trong Hindu giáo, Hồi giáo, Kitô giáo...

1.2.1.2. Ở Việt Nam

Việt Nam là một đất nước khí hậu nhiệt đới, thiên nhiên hùng vĩ. Từ ngàn xưa thiên nhiên đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho con người. Thông qua trí tưởng tượng con người đã phủ lên thiên nhiên tấm áo choàng rộng lớn được dệt bằng huyền thoại. Mỗi ngọn núi, con sông, mỗi cánh rừng, cây cối, đất đai... đều có truyền thuyết và thần linh riêng. Tất cả những biểu hiện của thiên nhiên đều được quy chiếu bởi sức mạnh của một vị thần. Các nhiên thần ấy đa phần mang sức mạnh hung dữ, có thể gây nên giông bão, chết chóc hại người, hại vật. Những kiểu thần như vậy chúng tôi cho rằng thuộc hàng ác thần. Truyền thuyết kể ở đất Phong Châu thời thượng cổ có một cây lớn gọi là cây chiên đàn cao hơn ngàn nhẫn, cành lá xum xuê, không biết che rợp tới mấy ngàn dặm. Cây trải qua hàng mấy ngàn năm khô héo mà biến thành yêu tinh, thường thay ánh đổi dạng, rất dũng mãnh, có thể giết hại người vật (*Truyện Mộc tinh*). Hay ở biển Đông có con tinh Ngư xà (còn gọi là Ngư tinh) dài hơn năm mươi trượng, chân nhiều như chân rết, biến hóa vạn trạng, linh dị khôn lường, khi đi thì âm âm như mưa, lại ăn được thịt người nên ai cũng sợ (*Truyện Ngư tinh*). Truyện Hồ tinh ở đất Long

Biên xưa có hòn núi đá nhỏ, dưới núi có huyết, có con cáo chín đuôi sống hơn nghìn năm, có thể thành yêu quái, biến hóa vạn cách, thành người hoặc thành quỷ, đi khắp nhân gian (*Truyện Hồ tinh*). Người Việt tin rằng thế giới có những nguyên lí sinh tồn làm cho con người và vạn vật trở nên sống động. Có những nguyên lí tạo nên sự tan tác và chết chóc cho con người. Từ đó họ hình dung ra những vị thần mang sức mạnh hung ác có thể gây hại cho con người ở bất cứ đâu. Những thần cây, thần nước, thần đá... này sở dĩ có sức mạnh thần bí là do uy lực của tuổi trải qua hàng ngàn năm, hay do chính sự hùng vĩ của thiên nhiên. Luồng sức mạnh của trái đất cũng có thể truyền cho các vật thể một tác động siêu nhiên. Vì thế, ác thần tự nhiên được hình thành từ rất sớm trong nhận thức còn non trẻ của người nguyên thủy.

Trong thế giới tâm linh của người Việt, bên cạnh những vị thần tự nhiên mang sức mạnh hung ác, dữ tợn, còn có những nhân thần mang ác khí cũng được liệt vào hàng ác thần. Tuy nhiên, vì không được coi như thần chính thống, nên các dạng ác thần này, rất ít được nhắc đến hay được xác lập vị trí trong hệ thống thần linh Việt. Nguyễn Văn Huyền trong công trình *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* đã khái quát các khía cạnh của đời sống tôn giáo người Việt: từ việc xác định sự tồn tại của linh hồn người chết, đến sự khẳng định có một thế giới ma quỷ tồn tại và có tác động đáng kể đối với người sống. Ông cho rằng trong thế giới hồn linh ấy “các hồn được hiện ra dưới một hình thức vật chất, hoặc thông thường hơn hiển hiện bằng những hành vi kỳ diệu: gieo rắc bệnh tật, chết chóc, trộm cướp, bắt hòa xung đột trong dân cư hoặc bằng cách che chở cho dân tránh khỏi một trận lụt, một đám giặc cướp, hay báo trước cho dân qua miệng một người hoặc bằng báo mộng một thiên tai hoặc một tai nạn nào đó” [57, 716]. Dẫu không được gọi tên một cách trực tiếp, nhưng dựa vào ý kiến của tác giả Nguyễn Văn Huyền và đối chiếu với những tiêu chí về phúc thần và ác thần như đã nêu ở phần trên, chúng tôi nhóm những hồn linh có hành vi gieo rắc bệnh tật, chết chóc... vào nhóm ác thần, còn phúc thần bao gồm những hồn linh luôn che chở, giúp đỡ con người. Người Việt Nam thừa nhận sự có mặt của vô số ma quỷ và thần linh. Đối với họ, tất cả các thực thể siêu tự nhiên, hồn người chết, ma quỷ, thần linh đều có thể giao tiếp với con người thông qua những phép lạ và giấc mộng.

Trần Ngọc Thêm khi viết *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* có đề cập đến khái niệm tà thần. Ở đây, khái niệm tà thần có sự mở rộng đối tượng hơn so với khái niệm ác thần. Ông cho rằng ngoài những vị thần được vua thừa nhận, đó là những người có công lập ra làng xã, những anh hùng dân tộc thì “có rất nhiều làng thờ những người vốn là trẻ con, người ăn mày, ăn trộm, người mù, người gắp phân, người chết nghẹn...

tóm lại những người có lí lịch không hay ho gì, loại này bị gọi là tà thần. Sở dĩ những người này được thờ là vì theo niềm tin của dân làng, chết vào giờ thiêng nên đã ra oai (gây dịch bệnh, hỏa hoạn) khiến cho dân nể sợ”[123, 285]. Trong những loại được gọi là tà thần ấy có những linh hồn có sức ảnh hưởng xấu tới thế giới con người như gây nên dịch bệnh, chết chóc và những hành vi đảo lộn cuộc sống trần thế chính là ác thần. Tuy nhiên, Trần Ngọc Thêm đã không chỉ ra và đi sâu vào nghiên cứu sự tồn tại của loại thần ác này.

Đồng quan điểm của tác giả Trần Ngọc Thêm, trong bài viết *Nhìn lại một thế kỉ nghiên cứu tín ngưỡng dân gian*, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Ngô Đức Thịnh và Phạm Quỳnh Phương cũng cho rằng “trong tín ngưỡng dân gian luôn có sự tồn tại của hai loại thần: thần do triều đình sắc phong và thần trong tín ngưỡng bản địa của người dân địa phương. Những thần được sắc phong bởi niềm tin dân gian đôi khi được coi là “dâm thần”, “dâm từ” theo quan điểm của nhà nước Nho giáo” [46,241]. Như vậy, có thể thấy, nhân dân có sự bảo trợ cho những vị thần đặc biệt của họ, ngay cả khi nhà nước phong kiến không thừa nhận. Việc thực hiện các hành vi tín ngưỡng đối với những hạng thần không chính thống này được thể hiện qua những tập tục địa phương.

Tuy không để lại thành tựu rực rỡ như thần thoại, truyện cổ Hy Lạp, Ấn Độ... nhưng truyền thuyết dân gian Việt Nam có sức sống bền bỉ lâu dài, và được thăng hoa trong xúc cảm nhân dân từ đời này qua đời khác. Nếu như thế giới thần linh ở Ấn Độ, Ai Cập... được chia thành hai tuyến thiện - ác thì trong truyền thuyết dân gian Việt Nam các thần linh cũng có hai loại lành - dữ, phúc - tà, thiện - ác khác nhau. Tuy nhiên, ở một đất nước nông nghiệp nhỏ bé, con người ưa thích hòa bình, có lối sống trọng tình, hướng thiện thì những nhân vật ác thần ít được xây dựng, đề cập đến (ít nhưng không hẳn là không có). Trong đời sống tâm linh của người Việt, bên cạnh những vị phúc thần được tôn lên hàng Thần, Thánh có công với dân tộc, có sức mạnh bảo trợ nhân dân, còn có một thế giới bí ẩn khác. Đó là thế giới của ác thần. Ác thần ở một khía cạnh nào đó mang tính ác, hiện thân là ma quỷ hay quỷ nhiều đời sống nhân dân. Những câu chuyện truyền miệng trong dân gian về ác thần có rất nhiều: Thần trẻ con ở làng Dương Xá vì bị ngỗng đuổi ngã mà chết, sau hiển linh làm thần hay bắt vía trẻ em, Bà Chúa Ngựa ở huyện Cẩm Giàng - Hải Dương, tục truyền bà có tính cực dâm, người đàn bà ấy sống thì hoành hành làm đảo lộn trật tự xã hội, chết hóa thần và cũng được thờ cúng, những người đến cúng thường lấy lõi mít làm hình dương vật để cúng và cầu đảo được nhiều điều ứng nghiệm, rồi những ma trâu, thần ăn trộm, thần hót phân...

Nhìn lại lịch sử nghiên cứu tìm hiểu về tín ngưỡng dân gian người Việt, chúng ta thấy ác thần chưa được tác giả nào quan tâm, nghiên cứu như một loại hình tín ngưỡng hay là một kiểu nhân vật trong truyền thuyết. Mặc dù tín ngưỡng này thực sự đã và đang có mặt trong đời sống văn hóa của dân tộc, len lỏi âm thầm, rộng khắp dưới mỗi mái nhà của người Việt thông qua những tục lệ, kị húy... Một số ý kiến mới dừng lại ở việc gọi tên, định danh về ác thần mà chưa đưa ra được những giải mã thỏa đáng về quan niệm tín ngưỡng dân gian ẩn sâu dưới lớp vỏ của hiện tượng văn hóa này. Tìm hiểu về ác thần giúp chúng tôi có cái nhìn toàn diện về đời sống văn hóa tín ngưỡng Việt, trong đó Phạm Nhan là một hiện tượng tiêu biểu.

1.2.2. Lịch sử nghiên cứu về Phạm Nhan

Phạm Nhan là nhân vật có nguồn gốc từ lịch sử. Truyền thuyết Phạm Nhan được xây dựng nhằm thoả mãn tính hiếu kì và lòng căm thù của nhân dân. Tội ác của Phạm Nhan trong lịch sử đã trở thành nỗi ám ảnh trong đời sống văn hóa dân gian. Hiện tượng Phạm Nhan giúp cho chúng ta nhận diện văn hóa dân gian đa chiều hơn, ở đó có cả thiện và ác, có chính và tà. Xét cả về phương diện truyền thuyết cũng như tín ngưỡng dân gian, Phạm Nhan đủ điều kiện để trở thành một đối tượng được nghiên cứu một cách độc lập, nhằm tìm hiểu về một nhân vật truyền thuyết vốn là kẻ thù của dân tộc, một nhân thần được xếp vào hàng ác thần tiêu biểu. Tuy nhiên, Truyền thuyết về Phạm Nhan chưa được trở thành một đối tượng nghiên cứu chuyên biệt và có tính hệ thống. Lâu nay, một số công trình, bài viết có đề cập tới Phạm Nhan đều ở dạng những bài viết riêng lẻ, và những nhận định rời rạc. Tổng hợp kết quả tìm được từ những công trình, bài viết có nhắc tới Phạm Nhan, chúng tôi tạm nhóm những ý kiến đó theo nội dung nghiên cứu:

Về tên gọi Phạm Nhan:

“Từ *Nhan* theo gợi ý của giáo sư Trần Quốc Vượng có thể là biến âm của từ ma- nậm (nậm là nước, ma-nậm là ma dưới nước và thành *nhan*. Như vậy, “*nhan*” có nghĩa là ma quỷ dưới nước. Tâm thức những người dân chài, dân sông nước thường chịu sự chi phối của “*nhan*”. Dân gian hình dung bất cứ con sông nào, dòng nước nào cũng luôn có một thế lực đe dọa công việc làm ăn, sức khỏe, và sự sống còn của con người. Cái sức mạnh bí ẩn vô hình đã được con người vật chất hóa thành một nhân vật cụ thể: giặc Phạm Nhan. Từ chỗ chỉ là ma nước, giặc sông, truyền thuyết dân gian đã hình dung sự bành trướng của Nhan ở trên rừng, mặt đất qua câu chuyện chặt Phạm Nhan làm ba khúc: khúc lên rừng thành vắt, khúc xuống sông thành đĩa, khúc trên bờ

thành muỗi. Đây là những con vật chuyên hút máu người, có thể có mặt ở khắp nơi. Truyền tích dân gian đã đẩy tầm hiểm họa của Nhan đến mức phổ biến” [90; 96-97].

Nói về Phạm Nhan, Tạ Chí Đại Trường khẳng định: “Phạm Nhan là một nhan bị tội. Từ nhan hãn là danh xưng của thần nói chung ở vùng này, vùng sông nước của xã An Bài mà Thần được hưởng sự thờ cúng của đám dân chài lưới ở đó... Điểm nổi bật là “thần đi khắp nước để tìm hút máu” (đàn bà). Ông còn đưa ra giả thiết: “Điều đáng chú ý là vùng Đông Triều xưa có xã An Bài, cũng bao gồm xã An Sinh, đất phong cho cha Trần Quốc Tuấn, Trần Liễu không phải để bù việc mất vợ mà như là với tính cách trưởng tộc, vì đất An Sinh là quê của họ Trần. Và họ Trần gốc dân chài hãn có lúc cũng thờ thần Nhan” [103, 128].

Ý kiến của hai nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường và Trần Quốc Vượng đã gợi ý cho chúng tôi nhiều điều khi xác định danh tính nhân vật Phạm Nhan trong truyền thuyết.

Về hành trạng nhân vật:

Từ nguồn gốc xuất thân đến sự hóa thân thành quỷ thần của Phạm Nhan, sách *Thiên nam ngữ lục* có ghi Bá Linh (một cách gọi tên khác của nhân vật Phạm Nhan) là con của Long Vương. Sau khi bị Trần Hưng Đạo chém đầu, hồn Bá Linh trở về thủy phủ khóc lóc với cha. Long Vương vì thương con nên dùng phép biến hãn thành ba con quỷ cho quay lại dương gian và được gọi bằng ba cái tên: Nguyễn Ngông, Nguyễn Nghênh và Nguyễn Bá Linh. Ba con quỷ này thường trêu ghẹo đàn bà con gái, giở mọi trò quỷ quái. Nhân dân gọi chung là quỷ Phạm Nhan.

Tài liệu *Thần tích Đức Thánh Trần* do Bắc Việt tương kế hội xuất bản năm 1963, tại Sài Gòn có bài viết về Phạm Nhan với nhan đề “*Phạm Nhan một kẻ tà thần hại dân hại nước gươm thần trừ đi*” với nội dung:

Theo “Trần Đại Vương bình Nguyên thực lục” thì thời nhà Trần có Nguyễn Sĩ Thành đã chết đi rồi sống lại đem việc thiên đình kể lại cho mọi người nghe rằng:

“Vùng Đông Triều tỉnh Hải Dương, có người đàn bà, chồng là khách buôn Phúc Kiến nằm mộng giao cấu với Long tinh, đẻ ra đứa con làm loạn nước Nam, việc ấy trên thiên đình đã biết, Thượng đế sai Thanh Y đồng tử xuống trần để dẹp”.

Thời ấy Trần Liễu phu nhân đang thụ thai, một đêm nằm mộng thấy một cậu bé mặc áo xanh chạy vào lòng, rồi sau sinh ra người anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn.

Sau này quân Nguyên sang ta bắt được Nguyễn Bá Linh nói là con một người đàn bà ở Đông Triều.

Và tục truyền trong trận thủy chiến cuối cùng vào năm 1288 quân ta bắt được nhiều tù binh. Trong số đó có tên Nguyễn Bá Linh, có phép tàng hình, phải dùng chỉ ngũ sắc mới bắt được nó.

Sau xét ra nó là con một khách buôn ở Quảng Đông, mẹ là người làng An Bài thuộc huyện Đông Triều tỉnh Hải Dương. Theo cha sang Tàu học đỗ đến tiến sĩ nhà Nguyên lại có phép phù thủy, ẩn hiện khôn lường, thường tàng hình vào cung điện nhà vua làm những việc dâm ô. Sau bị bắt phải tội chém.

Lúc đó nhà Nguyên đem quân sang ta, Bá Linh xin tha cho tội chết để lập công, nó nói thông thạo đường lối nước Nam, xin làm hướng đạo cho quân sĩ và đồng thời đem tài giúp Nguyên. Vua Nguyên nghe nói liền dùng và tha cho nó tội chết.

Theo quân Nguyên về nước nó làm nhiều tội ác nên ở Bạch Đằng giang nó không thoát khỏi lưới trời. Nó bị bắt và bị xử tử hình, nhưng chém đầu này, nó lại mọc lên đầu khác. Sau phải dùng thanh kiếm của Hưng Đạo Vương mới chém được nó.

Khi đem kiếm ấy ra, Bá Linh biết mình không thoát chết, kêu xin cho ăn một bữa cơm thịnh soạn cuối cùng. Ngài cho ăn, ăn xong Bá Linh lại hỏi sau khi chết rồi sẽ cho ăn gì nữa. Ngài giận bảo rằng “cho người ăn sản huyết đàn bà”.

Viết về câu chuyện Phạm Nhan, sách *Việt Điện u linh tập lục toàn biên* chép khi Phạm Nhan sắp bị hành hình có xin Hưng Đạo Vương: “Phải cho tôi ăn giống gì chứ”, Vương giận liền bảo: “Cho mi ăn máu đẻ của đàn bà”. Bởi vậy, sau khi chết, hồn hẩn đi đâu gặp sản phụ thì lập tức hợp hồn họ ngay. Những người đàn bà đó sẽ bị ốm liên miên không thuốc gì chữa khỏi khiến họ rất sợ hãi. Những người bệnh thường đến đền thờ Trần Hưng Đạo lấy chiếu cũ trong đền, bí mật trải ra giường cho người bệnh nằm lên, rồi đem chân nhang đốt ra tro quậy nước cho uống thì chắc chắn sẽ khỏi. Có người mới chỉ mang chiếu từ đền Hưng Đạo Vương về nhà thì bệnh cũng đã khỏi.

Truyện thuyết vùng Kiếp Bạc còn lưu truyền chuyện Phạm Nhan gắn với công lao của bà hàng cơm. Truyện kể rằng Hưng Đạo Vương đã giao cho bà hàng cơm nhiệm vụ theo dõi các binh thuyền của giặc và mọi nội tình thông qua những binh lính vào hàng ăn. Một hôm có người vận đồ xanh, tướng mạo hung dữ vào hàng uống rượu. Được biết đây là tướng giặc Phạm Nhan, sau khi chuốc rượu say, bà liền dò hỏi: “nghe nói tướng quân tài giỏi có nhiều phép màu lắm phải không?”. Đang say sưa, hẩn khoe khoang: “Ta có phép thần thông, người đang to hóa nhỏ, không dây nào trói được, chém đầu này mọc đầu khác”. Bà liền khích hẩn: “Tướng quân tài giỏi như vậy còn sợ ai chém nữa”. Phạm Nhan đáp: “Muốn trói ta phải bằng chỉ ngũ sắc thì ta không hóa nhỏ được, muốn chém đầu để không mọc được đầu khác, phải dùng vôi tôi, phân gà sấp và bồ hóng

bếp bôi lên lưỡi kiếm”. Nắm được điều bí mật, bà hàng cơm đã báo ngay cho Hưng Đạo Vương, nhờ đó bắt sống được Phạm Nhan và dùng chỉ ngũ sắc trói chặt lại. Khi sắp bị chém, Phạm Nhan thấy vôi, phân gà sấp và bò hống bếp đã bôi trên lưỡi kiếm, hấn sợ hãi biết chắc là chết, xin Hưng Đạo Vương một ân huệ: chém hấn thành ba đoạn, một đoạn vứt xuống sông, một đoạn vứt lên bờ, còn một đoạn vứt lên rừng. Đoạn vứt xuống sông biến thành đĩa, đoạn vứt lên bờ biến thành muối, đoạn vứt lên rừng biến thành vát. Ngày nay nhân dân gặp những con vật đó thường gọi là giặc Phạm Nhan” [12, 9-10].

Hồ Đức Thọ trong công trình “Trần triều Hưng Đạo Đại Vương” có nhắc đến: “Phạm Nhan là một tên tướng giặc có yêu thuật thường hay gây tai vạ cho nhân dân, nhất là phụ nữ nên khi ốm đau dai dẳng không rõ nguyên nhân thường nghi là ma làm (chỉ Phạm Nhan)” [125].

Trong công trình “*Khảo sát truyền thuyết và một số phong tục, lễ hội ở vùng đảo Hà Nam - Quảng Ninh*” (Luận văn thạc sĩ) của Nghiêm Thị Mai Lan, tác giả đã xếp Phạm Nhan vào nhóm nhân vật kẻ thù trong chuỗi truyền thuyết khảo sát được ở vùng đảo này: “Câu chuyện về tên Phạm Nhan bắt trung bắt hiếu là một minh chứng cho lòng căm thù giặc sâu sắc của nhân dân. Và hình tượng Phạm Nhan là một tiêu biểu cho kiểu nhân vật kẻ thù rất hiếm thấy. Rất có thể Phạm Nhan là một nhân vật có thật, một tên dẫn đường cho giặc. Song điều đáng chú ý ở đây là câu chuyện về một kẻ vừa bắt trung vừa bắt hiếu đã trở thành loài hút máu người ghê tởm đáng khinh đáng ghét nhất. Hình tượng hóa cái ác, cái xấu bằng những con vật hết sức điển hình như thế là một sự sáng tạo độc đáo của nhân dân trong việc bộc lộ nỗi căm thù, ghê tởm của mình đối với kẻ hút máu người không tanh” [77]. Truyền thuyết về kiểu nhân vật kẻ thù là một sự độc đáo trong hệ thống truyền thuyết vùng đảo Hà Nam.

Về hành trạng nhân vật Phạm Nhan trong truyền thuyết, các ý kiến đều thống nhất: Phạm Nhan tinh thông tài thuật phù thủy, có khả năng biến hóa khôn lường. Trong cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông, Phạm Nhan là kẻ cầm đầu giặc sang tàn sát nước ta, bị tướng Trần Hưng Đạo tiêu trừ, nhưng hiểm họa không mất đi mà tiếp tục hóa thân trở thành những loài hút máu người. Hồn ma Phạm Nhan đi khắp nơi để gây dịch bệnh, hành hạ phụ nữ...

Về hiện tượng Phạm Nhan trong văn hóa tín ngưỡng dân gian:

Về nơi thờ cúng Phạm Nhan trong sách *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên và *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đều ghi rằng đền Phạm Nhan ở bên bờ sông Thanh Lương huyện Đông Triều. Sách *Công dư tiếp ký* còn ghi rõ: “đền thờ Phạm Nhan ngày trước trong tự điển được đặt lên hàng thượng đẳng, chỉ vì một hôm xa giá của Hoàng

thượng đi tuần du, khi qua cửa miếu thì thuyền của hậu cung không tiến lên được. Hoàng thượng cả giận, hạ lệnh cho quan hầu đem sủng bản vào trong đền và xuất xuồng một bậc” [24,347].

Nhiều tài liệu khác lại ghi rằng đền Phạm Nhan ở bên bờ sông Nam Sách. Sách *Đại Việt sử ký tiền biên* của sử quán triều Nguyễn ghi rằng: “Đền thờ Hưng Đạo Vương ở Vạn Kiếp và đền thờ Phạm Nhan ở sông Nam Sách đều còn. Xét phép tế tự nên tôn chính bỏ tà thì đền Phạm Nhan nên bỏ đi” [94,399]. Sách *Sự tích Trần Hưng Đạo* còn ghi rõ đền Phạm Nhan “ở bên bờ sông Nam Sách, đối diện với đền thờ Hưng Đạo Vương. Người phụ nữ qua đền thờ này đều bị bệnh, phải có đồ thờ (bát, chén hoặc chiếu) trong đền Hưng Đạo Vương giắt vào người thì ma đi, bệnh khỏi” [45,33].

Trong *Công dư tiếp ký, Tang thương ngẫu lục, Trần Triều Hưng Đạo Vương truyện...* đều có ghi chép về Nguyễn Nhan tên chữ là Bá Linh (thường gọi là Phạm Nhan) khi sống là tên tướng giặc, khi chết thì quấy nhiễu đàn bà và trẻ em. Những người mắc phải vía Phạm Nhan không thuốc gì chữa khỏi. Người bệnh thường đến đền thờ Trần Hưng Đạo, lấy chiếu cũ trong đền, bắt thần bắt người bệnh nằm lên, rồi đem chân nhang đốt ra tro quấy thành nước cho uống thì sẽ khỏi. Có người mới chỉ mang chiếu từ đền Vương về nhà thì bệnh cũng đã thuyên giảm. Chính vì thế người ta cảm nhận được anh linh diệu kỳ của Trần Hưng Đạo.

Trong sách *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề có bài “An Bài xã dân từ khả hủy” (nên phá hủy đền thờ nhằm nhĩ ở xã An Bài) có thêm một số chi tiết khác. Như có hồn hai người đánh cá đùa cợt rủ hồn Bá Linh đi chơi, hợp thành một nhóm tam hồn. Hễ khi muốn chòng ghẹo một phụ nữ, họ gọi tên Bá Linh và chỉ tay vào người, người ấy sẽ bị ma ám. Vì sợ hãi, họ phải lập miếu thờ. Sách *Công dư tiếp ký* cũng ghi rằng: “nếu ai sớm biết là mắc phải bệnh Phạm Nhan thì tới ngay đền Vạn Kiếp làm lễ cầu đảo và đem chiếu mới đổi lấy chiếc chiếu cũ đem về, bí mật trải cho bệnh nhân nằm, và lại xin thêm một ít chân hương đem về đốt cháy thành than, rồi hòa với nước cho bệnh nhân uống, thì các chứng bệnh đều tiêu tan hết” [24,346].

Luận văn thạc sĩ *Tìm hiểu hiện tượng tín ngưỡng Đức Thánh Trần* của Phạm Quỳnh Phương có đề cập đến Phạm Nhan như một mắt xích quan trọng trong việc tìm hiểu tín ngưỡng Đức Thánh Trần. Tác giả khẳng định: “Tín ngưỡng Đức Thánh Trần là một hình thức tín ngưỡng thờ Phúc thần có liên quan đến thờ tà thần - dấu ấn còn lại của tín ngưỡng nguyên thủy”. Đối với các di tích và hoạt động thờ cúng Đức Thánh Trần, thì “giặc Phạm Nhan được nhắc tới như một bóng ma luôn lẩn quất. Người dân cầu cứu sự trợ giúp của Thánh nhưng cũng ẩn giấu trong đó cả sự kính sợ tà ma. Vì

vậy, dân thần, “thần nhảm nhí” cũng được ăn theo sự phụng thờ có tính chất quốc lễ đối với đức Thánh cao cả” [90].

Trong công trình *Thần, người và đất Việt*, tác giả Tạ Chí Đại Trường có viết: “Mối liên hệ thờ cúng giữa Phạm Nhan và Trần Hưng Đạo chứng tỏ một thần nhảm nhí giữ được hương khói đến năm trăm năm không phải vì không có một Địch Nhân Kiệt như nhà nho thế kỉ XVIII đã than thở (ý nói Vũ Phương Đề) mà vì người dân đã biết cách lập được một cơ cấu truyện tích để ghép thần của họ với một vị phúc thần của nhà Trần... Uy thế của người chiến thắng của Trần Quốc Tuấn làm cho ông có được tư thế cao hơn nữa, xứng đáng là phúc thần của đất hương hỏa, đủ quyền áp đảo các thần nhảm nhí ở địa phương, trong đó có thần Nhan. Và do đó, thần Nhan tồn tại theo sự thờ cúng thần Vạn Kiếp trong truyện tích mang kịch tích của chiến tranh hơn là sự thật lịch sử”[103,127].

Các ý kiến về những nơi thờ tự và những hèm tục liên quan đến tục thờ Phạm Nhan cho thấy rõ mối quan hệ giữa truyền thuyết và tín ngưỡng dân gian. Hình tượng Phạm Nhan được xây dựng trong trí tưởng tượng của dân gian về một nhân vật kẻ thù bị trừng phạt, sau khi chết linh hồn nơi đất khách quê người, sẵn trong lòng đầy oán hận, nên thường xuyên hiện về quấy nhiễu, làm hại nhân dân. Một loạt những hiện tượng lạ xảy ra ở những vùng Phạm Nhan đi qua khiến cho dân gian liên tưởng nhiều tới những căn bệnh mang tên Phạm Nhan. Các truyền thuyết về Phạm Nhan có rất nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo, nghiêng về yếu tố tâm linh của người dân. Sự xuất hiện của các yếu tố hoang đường kì ảo đó không chỉ mang lại không khí thiêng thường thấy trong truyền thuyết mà còn góp phần làm nổi bật mối quan hệ gần gũi giữa truyền thuyết và đời sống văn hóa tâm linh của người dân.

1.3.Đánh giá tình hình nghiên cứu và định hướng của đề tài

1.3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Nhìn lại lịch sử nghiên cứu truyền thuyết Phạm Nhan, có thể thấy rõ mấy điểm sau:

- Một số ý kiến của những nhà nghiên cứu có bàn về tên gọi Phạm Nhan. Các ý kiến đó tập trung lí giải về từ “Nhan” được xem là danh xưng chung cho những thần vùng sông nước.

- Về hành trạng nhân vật: có khá nhiều ý kiến thống nhất Phạm Nhan vốn là kẻ thù của dân tộc, khi sống đi đến đâu gây tàn sát cả muôn loài cây cỏ, khi chết trở thành loài quỷ hút máu người. Nhân vật Phạm Nhan trở thành nỗi ám ảnh không nguôi của người dân Việt.

- Về hiện tượng Phạm Nhan trong tín ngưỡng dân gian: Tín ngưỡng thờ Phạm Nhan mang bản chất của tín ngưỡng thờ ác thần. Việc thực hiện các hành vi tín ngưỡng đối với Phạm Nhan xuất phát từ nỗi sợ hãi và niềm kính hoàng về những điều kì dị xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Tín ngưỡng Phạm Nhan có liên quan mật thiết tới những hành vi tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần - một hiện tượng thờ Phúc thần của người Việt.

- Truyền thuyết về Phạm Nhan chưa được nghiên cứu với tư cách một đối tượng trực tiếp và triển khai dưới dạng các chuyên luận mang tính hệ thống. Chưa có một công trình nào nghiên cứu về truyền thuyết Phạm Nhan dưới góc độ một thể loại văn học, một tác phẩm folklore trọn vẹn, cũng như đánh giá được vị trí của nhân vật này trong đời sống văn hóa tín ngưỡng dân gian.

Tuy vậy, những nghiên cứu đi trước đã gợi ý cho chúng tôi rất nhiều vấn đề để có thể lí giải hình tượng Phạm Nhan trong truyền thuyết cũng như trong tín ngưỡng dân gian. Với mong muốn hệ thống hóa và khai thác những điểm khác biệt về truyền thuyết Phạm Nhan so với những truyền thuyết về các nhân vật ác thần và phúc thần khác, chúng tôi lựa chọn đề tài Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt làm đề tài nghiên cứu của luận án. Đây là một vấn đề mới lạ và hấp dẫn.

1.3.2. Định hướng nghiên cứu của đề tài

Dựa trên những đánh giá về tình hình nghiên cứu như trên, chúng tôi xác định hướng nghiên cứu của đề tài:

- Hệ thống hóa truyền thuyết về Phạm Nhan ở vùng Bắc bộ. Nghiên cứu truyền thuyết Phạm Nhan dưới góc độ một tác phẩm folklore trọn vẹn. Diễn hóa những đặc điểm về cốt truyện, về môtip truyền thuyết Phạm Nhan. Trên cơ sở đó, làm rõ những đặc trưng khác biệt giữa truyền thuyết về ác thần so với truyền thuyết về các nhân vật phúc thần khác trong đời sống văn hóa, văn học dân gian.

- Đánh giá vị trí, những ảnh hưởng và hệ lụy của truyền thuyết Phạm Nhan trong đời sống văn hóa dân gian. Phân tích những quan niệm khác nhau về việc thờ cúng Phạm Nhan. Khai thác những dấu tích thờ cúng Phạm Nhan của người Việt ở Bắc bộ. Tập trung làm rõ sự ám ảnh của hiện tượng Phạm Nhan trong đời sống văn hóa dân gian, thông qua các phong tục, kì hủ trong dân gian về nhân vật này.

- Đặt Phạm Nhan trong hệ thống tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt, luận án sẽ tập trung làm rõ một số vấn đề: quan niệm dân gian về việc thờ ác thần; giải thích về tục thờ ác thần; hệ thống các ác thần được người Việt thờ cúng; những di tích, nghi lễ thờ cúng ác thần của người Việt.

Tiểu kết chương 1

Trong chương tổng quan chúng tôi đã nêu ra những cơ sở lí thuyết và tổng quan về tình hình nghiên cứu làm căn cứ thực hiện đề tài: “Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ”.

Để triển khai được những nhiệm vụ mà luận án đặt ra, trước tiên chúng tôi xác định rõ cơ sở lí thuyết làm nền tảng định hướng cho đề tài. Tác giả tập trung vào việc minh định một số khái niệm, thuật ngữ cốt lõi, liên quan trực tiếp tới đề tài luận án, đó là các khái niệm “truyền thuyết”, “thần”; “phúc thần”; “ác thần”. Các khái niệm này là cơ sở để tác giả xếp loại Phạm Nhan - đối tượng nghiên cứu của luận án vào hàng ác thần. Lí thuyết vật linh, lí thuyết về an ninh tinh thần và lí thuyết về mối quan hệ giữa tín ngưỡng dân gian và văn học dân gian được chúng tôi nêu ra, phân tích và vận dụng vào các nội dung nghiên cứu của luận án.

Tìm hiểu về tình hình nghiên cứu của đề tài, chúng tôi đã lược sử những công trình trước nay trên thế giới và ở Việt Nam có nghiên cứu về ác thần và lịch sử nghiên cứu về Phạm Nhan. Tìm hiểu lịch sử nghiên cứu về ác thần, chúng tôi thấy khái niệm ác thần đã có từ xa xưa trong lịch sử loài người, tín ngưỡng thờ ác thần đã tồn tại khá lâu trong đời sống văn hóa dân gian. Tuy nhiên, ác thần chưa được tác giả nào quan tâm, nghiên cứu như một đối tượng độc lập. Tìm hiểu về ác thần giúp chúng tôi có cái nhìn toàn diện về đời sống văn hóa tín ngưỡng Việt, trong đó Phạm Nhan là một hiện tượng tiêu biểu. Nghiên cứu về Phạm Nhan đã có một số tác giả đề cập đến ở một số điểm như tên gọi, hành trạng nhân vật và đôi điều lí giải về hiện tượng Phạm Nhan trong văn hóa tín ngưỡng dân gian. Lược sử nghiên cứu về Phạm Nhan, chúng tôi thấy các ý kiến đều ở dạng những bài viết riêng lẻ, và những nhận định rời rạc. Truyền thuyết Phạm Nhan chưa được nghiên cứu như một đối tượng độc lập và có tính hệ thống.

Cũng trong nội dung chương 1, tác giả luận án đã đưa ra những đánh giá khách quan về tình hình nghiên cứu, trên cơ sở đó triển khai những định hướng, nhiệm vụ mà đề tài hướng tới giải quyết, nhằm mang lại những nội dung mới nhất trong nghiên cứu về Phạm Nhan cũng như tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt.

Trên cơ sở những lí thuyết nền cùng việc phân tích thực tiễn nghiên cứu về truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt, chúng tôi có căn cứ để đi sâu nghiên cứu truyền thuyết Phạm Nhan dưới góc nhìn thể loại qua việc hệ thống truyện kể và phân tích môtip và kết cấu truyện. Nhiệm vụ này được giải quyết trong nội dung chương 2.

Chương 2. **KHẢO SÁT HỆ THỐNG TRUYỀN THUYẾT PHẠM NHAN**

Trong hệ thống truyền thuyết của người Việt, bên cạnh những truyền thuyết về người anh hùng giải phóng dân tộc, còn có một mảng truyền thuyết về những kẻ xấu xa, những quân cướp nước đáng khinh ghét. Truyền thuyết về Phạm Nhan thuộc nhóm truyền thuyết về những tên tướng giặc đó. Khắc họa kiểu nhân vật kẻ thù là một nét độc đáo trong hệ thống truyền thuyết lịch sử của người Việt. Ở chương 1, chúng tôi đã trình bày cơ sở lí thuyết và thực tiễn để thực hiện đề tài. Chúng tôi dành toàn bộ chương 2 để khảo sát, thống kê truyền thuyết về nhân vật Phạm Nhan. Dựa trên kết quả khảo sát chúng tôi đưa ra những kết luận về số lượng, sự phân bố truyền thuyết ở các vùng khác nhau. Phân tích truyền thuyết Phạm Nhan dưới góc độ đặc trưng thể loại: những đặc điểm tiêu biểu về cốt truyện, về môtip truyền thuyết...

2.1. Nhận diện truyền thuyết Phạm Nhan

2.1.1. Số lượng truyền thuyết

Truyền thuyết về Phạm Nhan chiếm số lượng không nhiều trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam nhưng lại có một vị trí khá đặc biệt và độc đáo trong mạch truyền thuyết lịch sử của dân tộc ta. Phạm Nhan được khắc họa tiêu biểu nhất cho cái xấu, cái ác và sự căm ghét, sợ hãi của nhân dân. Suu tầm truyền thuyết về nhân vật này thực sự rất khó khăn cho người nghiên cứu. Tài liệu được ghi chép rất ít; tài liệu trong dân gian thì hầu như bị phong tỏa trong bí mật riêng của từng người dân, từng vùng đất khác nhau. Thống kê số lượng truyền thuyết về Phạm Nhan, chúng tôi chủ yếu dựa vào hai nguồn tư liệu: nguồn truyền tụng trong dân gian và nguồn được ghi chép trong các tài liệu, thư tịch cổ:

- Nguồn truyền tụng trong dân gian: truyền thuyết về Phạm Nhan gắn liền với chiến công của Đức Thánh Trần. Bởi vậy, qua khảo sát chúng tôi thấy, ở những vùng có lưu truyền truyền thuyết về Đức Thánh Trần Hưng Đạo đều có kể chuyện về Phạm Nhan. Theo đó, chúng tôi tìm thấy: 20 truyền thuyết Phạm Nhan được lưu truyền trong dân gian ở một số vùng: Nam Định, Hải Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng.

- Nguồn được ghi chép trong sách cổ: chuyện về Phạm Nhan được ghi chép trong một số tài liệu: *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Việt điện u linh tập lục toàn biên*, *Thiên Nam ngữ lục*, *Công dư tiếp ký*, *Tang thương ngẫu lục*, *Sự tích Trần Hưng Đạo*, *Trần Triều Hưng Đạo Vương truyện*... Trong mỗi tài liệu trên đều có ghi chép về câu chuyện Phạm Nhan, chúng tôi tìm được 9 câu chuyện có kể về Phạm Nhan ở những đoạn đời khác nhau từ khi sinh ra (đặc điểm xuất thân) lớn lên, trưởng thành, rồi kết thúc cuộc đời bằng cái chết dưới tay Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, cho đến cả kiếp hóa sinh sau khi đã chết và việc

Phạm Nhan được thờ ở bên bờ sông Nam Sách đối diện với đền thờ Hưng Đạo Vương đều được nhắc tới trong những tài liệu, thư tịch cổ đã kể trên.

Cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Bảng thống kê số lượng truyền thuyết về Phạm Nhan

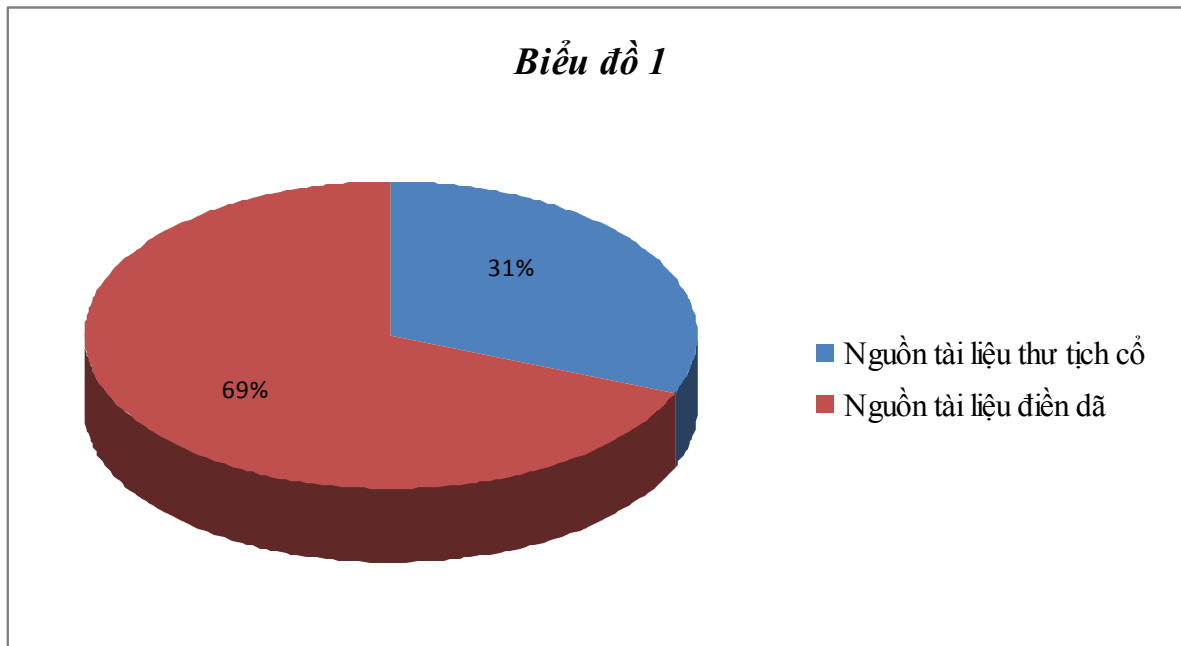
| STT | Tên truyền thuyết | Nguồn tư liệu |
|-----|---|---|
| 1 | Truyền thuyết Phạm Nhan | Ghi theo lời kể của ông Phan Thanh Kiếm (69 tuổi) - Trưởng ban khánh tiết đình Hưng Học, phường Nam Hòa, Hà Nam, Quảng Ninh |
| 2 | Khi Phạm Nhan ra trận | Ghi theo lời kể của chú Mỡ (61 tuổi) thôn Cầu Miếu, phường Phong Cốc, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh |
| 3 | Sự tích miếu Vua Bà và việc diệt Phạm Nhan | Ghi theo lời kể của bà cụ bán nước ở miếu Vua Bà - Yên Giang, Quảng Ninh |
| 4 | Phạm Nhan hóa thân | Truyện sưu tầm ở xã Liên Hòa, Quảng Yên, Quảng Ninh |
| 5 | “Phục, Phá bịt má, Hà Nam vá tròn” | Ghi theo lời kể của ông Phạm Lê Công, đình Tràng Kênh - Hải Phòng |
| 6 | Phạm Nhan và tục che mặt của phụ nữ Thủy Nguyên - Hải Phòng | Ghi theo lời kể của ông Phạm Lê Công, đình Tràng Kênh - Hải Phòng |
| 7 | Căn bệnh mang tên Phạm Nhan | Theo lời kể của ông Nguyễn Văn Thắng (59 tuổi) thủ nhang đình Trung Cốc - Nam Hòa - Quảng Yên, Quảng Ninh |
| 8 | Nỗi ám ảnh về Phạm Nhan | Theo lời kể của cô Điệp (48 tuổi), Cầu Miếu, phường Phong Cốc, Quảng Yên, Quảng Ninh |
| 9 | Truyền thuyết Phạm Nhan liên quan đến sắc đẹp của người phụ nữ. | Theo lời kể của bà Quế (70 tuổi), làng Hải Yên, Quảng Yên, Quảng Ninh |
| 10 | Sự tích miếu “Linh ứng tôn thần” tại thôn Hưng Học | Ghi theo lời kể của ông Phan Thanh Kiếm (69 tuổi), trưởng ban khánh tiết đình Hưng Học, Nam Hòa, Quảng Yên, Quảng Ninh |
| 11 | Phạm Nhan trong trận đại thắng Bạch Đằng năm 1288 | Theo lời kể của ông Thắng thủ nhang đền Trung Cốc, Nam Hòa, Quảng Yên, Quảng Ninh |
| 12 | Sự tích miếu Phạm Nhan | Ghi theo lời kể của ông Phạm Khắc Thịnh (70 tuổi) thủ nhang đền Kiếp Bạc |

| | | |
|-----------------------------------|---|---|
| 13 | Thần Phạm Nhan | Ghi theo lời kể của cụ Nguyễn Thị Hợi (83 tuổi) Chí Linh - Hải Dương |
| 14 | Truyện thuyết về tuổi thơ của Phạm Nhan | Truyện sưu tầm ở Hải Dương |
| 15 | Chuyện tình yêu của Nhan | Truyện sưu tầm ở Hải Dương |
| 16 | Về sự ra đi và trở về của Phạm Nhan trên đất An Bài | Truyện sưu tầm ở Hải Dương |
| 17 | Sự tích Miếu Ông ở thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, huyện Nam Sách, Hải Dương | Ghi theo lời kể của bà Chèn (74 tuổi) thủ nhang đình An Bài, Chí Linh, Hải Dương |
| 18 | Sự tích “Bệnh Phạm Nhan” và ngôi miếu thờ địa ở thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, Chí Linh - Hải Dương | Ghi theo lời kể của bà Thanh (70 tuổi) trông chùa Mãng Xứ, thôn Cầu Quan, xã Tân Dân - Chí Linh - Hải Dương |
| 19 | Truyện Phạm Nhan gắn với công lao của bà hàng cơm | Ghi theo lời kể của ông Phạm Khắc Hồng - nguyên trưởng BQL di tích đền Kiếp Bạc |
| 20 | Nghề thờ Phạm Nhan ở An Bài | Ghi theo lời kể của anh Nguyễn Sỹ Đông - Ban quản lí di tích đền Kiếp Bạc |
| 21 | Truyện Phạm Nhan | Tổng tập Văn học dân gian người Việt, tập 5; tác giả Kiều Thu Hoạch. |
| 22 | Bản khác về truyện Phạm Nhan | Theo “Trente contes & Lesgende Tonkinois” - 30 truyện cổ tích và truyện thuyết Bắc Kỳ |
| 23 | Sự tích ra đời của Phạm Nhan | Theo Cung lục linh tích hành trạng |
| 24 | Bản khác về sự ra đời của Phạm Nhan | Theo Thiên Nam Ngữ lục |
| 25 | Phạm Nhan bị diệt trước kiếm thần của Trần Hưng Đạo | Trần Triều Hưng Đạo Đại Vương truyện |
| 26 | Thu phục Phạm Nhan | Trần Triều Hưng Đạo Đại Vương truyện |
| 27 | Phạm Nhan một kẻ tà thần, hại dân hại nước, gươm thần trừ đi | Trích theo “Thần tích Đức Thánh Trần”, Bắc Việt tương tế hội, 1963; Tài liệu do BQL di tích Kiếp Bạc cung cấp |
| 28 | Chuyện Phạm Nhan trong “Sự tích Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn” | Trích theo Bùi Văn Tam, Sự tích các vị thần linh thờ ở đền làng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, tr. 359 -377 |
| 29 | Truyện phi Phạm Nhan của người Nùng | Trích theo Hoàng Nam, Dân tộc Nùng ở Việt Nam, Nxb VHDT, H.1992, tr. 151 - 152 |
| Tổng số = 29 truyện thuyết | | |

Trên đây là bảng thống kê số lượng truyền thuyết về Phạm Nhan mà chúng tôi sưu tập, tìm kiếm được. Đó mới chỉ là những số lượng thống kê bước đầu, bởi lẽ kho tàng văn học dân gian là vô tận, những sáng tác trong dân gian vẫn đang trong quá trình được tập hợp lại. Tuy nhiên thống kê này đã giúp chúng tôi có nguồn tư liệu đủ để có thể khai thác những đặc điểm về truyền thuyết Phạm Nhan trong kho tàng văn học dân tộc.

2.1.2. Sự phân bố truyền thuyết

Qua khảo sát, thống kê từ các nguồn tài liệu, tư liệu khác nhau chúng tôi thu được 29 truyền thuyết về Phạm Nhan trong đó số lượng truyền thuyết về Phạm Nhan được văn bản hóa là 9 trên 29 truyền thuyết chiếm 31%. Số lượng truyền thuyết về Phạm Nhan được lưu truyền trong dân gian là 20 trong tổng số 29 truyền thuyết thu thập được, chiếm 69%. Dựa vào bảng 2.1 chúng tôi có biểu đồ thể hiện tỉ lệ phân bố như sau:



Biểu đồ 2.1: Biểu đồ thể hiện tỉ lệ phân bố truyền thuyết Phạm Nhan giữa các nguồn tư liệu

Số lượng truyền thuyết Phạm Nhan được lưu truyền trong dân gian chiếm số lượng nhiều hơn số truyền thuyết được văn bản hóa. Dựa vào kết quả điền dã chúng tôi thấy truyền thuyết Phạm Nhan được lưu truyền nhiều và tập trung nhất ở hai địa phương thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh, thị xã Chí Linh - Hải Dương, một số ít tại Hải Phòng.

Bảng 2.2: Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ truyền thuyết về Phạm Nhan qua nguồn điền dã tại các địa phương

| STT | Tên địa phương | Tên truyền thuyết | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
|---------------|----------------|--|----------|-----------|
| 1 | Quảng Ninh | <ul style="list-style-type: none"> - Truyền thuyết Phạm Nhan - Khi Phạm Nhan ra trận - Sự tích miếu Vua Bà và việc diệt Phạm Nhan - Phạm Nhan hóa thân - Căn bệnh mang tên Phạm Nhan - Nỗi ám ảnh về Phạm Nhan - Truyền thuyết Phạm Nhan liên quan đến sắc đẹp của người phụ nữ. - Sự tích miếu “Linh ứng tôn thần” tại thôn Hưng Học - Phạm Nhan trong trận đại thắng Bạch Đằng năm 1288 | 09 | 45% |
| 2 | Hải Phòng | <ul style="list-style-type: none"> - “Phục, Phá bịt má, Hà Nam vá tròn” - Phạm Nhan và tục che mặt của phụ nữ Thủy Nguyên - Hải Phòng | 02 | 10 % |
| 3 | Hải Dương | <ul style="list-style-type: none"> - Sự tích miếu Phạm Nhan - Thần Phạm Nhan - Truyền thuyết về tuổi thơ của Phạm Nhan - Chuyện tình yêu của Nhan - Về sự ra đi và trở về của Phạm Nhan trên đất An Bài - Sự tích Miếu Ông ở thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, huyện Nam Sách, Hải Dương - Sự tích “Bệnh Phạm Nhan” và ngôi miếu thờ địa ở thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, Chí Linh - Hải Dương - Truyện Phạm Nhan gắn với công lao của bà hàng cơm - Nghề thờ Phạm Nhan ở An Bài | 09 | 45% |
| Tổng = | | | 20 | 100% |

Căn cứ vào bảng thống kê trên, chúng tôi nhận thấy truyền thuyết về Phạm Nhan có sự phân bố không đồng đều giữa các địa phương được điền dã. Hải Dương vùng đất được coi là quê hương của Phạm Nhan và Quảng Ninh - cửa ngõ của trận chiến Bạch Đằng nơi Phạm Nhan đã bỏ mạng dưới tay của Hưng Đạo Vương: số lượng truyền thuyết xuất hiện nhiều, mật độ dày (9/29 truyền thuyết), chiếm 31% tổng số truyền thuyết. Cuối cùng là Hải Phòng số lượng truyền thuyết về Phạm Nhan mà chúng tôi tìm kiếm, thống kê được còn hạn chế, mới dừng lại ở 2/29 truyền thuyết, chiếm 7% tổng số truyền thuyết đã thu thập được.

Đời sống đích thực của truyền thuyết dân gian luôn gắn liền với không gian địa lý, lịch sử, văn hoá. Những điều kiện đó chi phối sự nảy sinh, tồn tại, sức sống lâu bền của truyền thuyết qua thời gian. Với những chi tiết đặc biệt trong tiểu sử, Phạm Nhan đã bước vào đời sống dân gian với màu sắc huyền bí. Nếu như trong chính sử Nhan là kẻ thù cướp nước, thì trong tâm thức dân gian, Nhan được hình dung như một vị ác thần có uy lực mạnh mẽ. Ở những địa phương mà Phạm Nhan từng đi qua đều gây nên những tác động làm nhiễu loạn đời sống của nhân dân. Sự phân bố truyền thuyết Phạm Nhan khác nhau giữa các nguồn tư liệu và giữa các địa phương cho thấy mức độ ảnh hưởng đậm nhạt của nhân vật này trong đời sống văn hóa dân gian.

Như vậy, sự phân bố không đồng đều về số lượng truyền thuyết giữa các nguồn tư liệu và giữa các địa phương tiến hành khảo sát thể hiện nhiều vấn đề xung quanh đời sống của truyền thuyết. Nó phản ánh mật độ phân bố ít, nhiều khác nhau giữa các nơi trong việc lưu truyền truyền thuyết, cũng như mức độ đậm, nhạt ảnh hưởng của Phạm Nhan tới đời sống của nhân dân tại một số nơi đó, từ trước tới nay. Đây là một hiện tượng đáng lưu ý, nhưng không có gì lạ, bởi mỗi địa phương là một không gian địa lý, lịch sử, văn hoá riêng tạo nên những môi trường sống khác nhau của truyền thuyết mà chúng ta hoàn toàn có thể lý giải được. Bên cạnh đó, văn học dân gian địa phương hình thành và tồn tại một cách có quy luật. Có những quy luật nảy sinh từ đặc điểm của các địa phương về lịch sử, địa lý, xã hội, văn hoá, con người. Có những quy luật nảy sinh từ chính những đặc trưng của văn học dân gian.

Trong quá trình điền dã thực tế để khảo sát truyền thuyết, chúng tôi đã tìm hiểu vấn đề này và nhận thấy những điều kiện về địa lý, lịch sử, văn hoá là nguyên nhân cơ bản chi phối hiện tượng trên.

Thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa. Nơi đây được coi là vùng trung tâm trong trận chiến Bạch Đằng của quân dân nhà Trần

chống lại quân xâm lược Nguyên Mông. Trên địa bàn thị xã có rất nhiều di tích lịch sử, văn hóa, đó là những chứng tích ghi lại những chiến công oanh liệt của quân dân ta đã diễn ra tại đây. Năm 938, chúa Nam Hán xuất quân tiến đánh nước ta theo đường biển qua đường Ninh Hải, Hạ Long. Ngô Quyền đã cắm cọc gỗ ở sông Bạch Đằng, mở đầu kỷ nguyên độc lập tự chủ của dân tộc ta. Năm 981, đạo quân xâm lược nhà Tống lại dong buồm theo vùng biển Đông Bắc tiến đánh nước ta, nhưng vừa đến cửa sông Bạch Đằng thì đã bị đạo quân của Lê Hoàn dùng trận địa cọc chặn đánh, phải vội vàng rút chạy. Năm 1076, đoàn thuyền chiến của quân Tống rời Khâm Châu men theo bờ biển Đông Bắc Đại Việt, tiến về cửa sông Bạch Đằng với ý đồ xâm lược nước ta. Tại đây, Lý Thường Kiệt đã cho quân yểm sẵn, tập kích địch mười trận khiến cho quân địch thất điên bát đảo phải tháo chạy. Ta đã phá tan kế hoạch phối hợp tác chiến của địch; giành thắng lợi cuối cùng với bộ binh địch trên sông Như Nguyệt. Tiếp đến, vào giữa thế kỉ XIII, trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, vùng đất này lại một lần nữa chứng tỏ sức mạnh và ý chí kiên cường của mình. Những năm 1258, 1285 sau khi bị thua lớn ở Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, quân Nguyên Mông đã phải tháo chạy toi tả. Lần xâm lược thứ 3 (1287 - 1288) của quân xâm lược lại tiếp tục chịu sự thất bại nhục nhã với các trận đại thắng Bạch Đằng của quân dân nhà Trần trên vùng biển Đông Bắc.

Có thể nói, Quảng Yên là một vùng đất có bề dày lịch sử hàng ngàn năm, nơi ghi dấu biết bao chiến công oanh liệt của dân tộc, nơi in dấu chân của biết bao vị anh hùng đã trở thành huyền thoại. Vì những lẽ đó, kho tàng truyền thuyết dân gian rất phong phú trong đời sống của từng người dân, từng nếp nhà Quảng Yên, truyền thuyết về đề tài lịch sử rất phổ biến. Bên cạnh đó, Quảng Yên còn có nhiều lễ hội truyền thống, phong tục tập quán đặc trưng của cư dân vùng châu thổ sông Hồng. Cụm di tích Bạch Đằng: đền thờ Trần Hưng Đạo (phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên), đền Trung Cốc (phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên), đình Trung Bản (xã Liên Hòa, thị xã Quảng Yên) đều được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia. Cụm ba di tích này là nơi thờ phụng, tưởng nhớ công đức của Hưng Đạo Đại Vương cùng các tướng sĩ. Lần theo những nơi có di tích, truyền thuyết về Đức Thánh Trần Hưng Đạo, chúng tôi tìm được khá nhiều truyền thuyết về Phạm Nhan. Khảo sát trên địa bàn thị xã Quảng Yên chúng tôi thấy truyền thuyết về Phạm Nhan phổ biến chủ yếu tại ba điểm:

- Phường Yên Giang: nơi có đền thờ Trần Hưng Đạo, miếu Vua Bà. Đền tọa lạc trên đồi đất bên bờ sông Bạch Đằng, nơi diễn ra trận đại thắng năm 1288 mà những cọc gỗ dưới đầm Yên Giang là một minh chứng.

- Phường Nam Hòa: nơi có đền thờ Trung Cốc thờ Trần Hưng Đạo và tướng quân Phạm Ngũ Lão. Tương truyền trong khi đi thị sát trận địa cọc để chống quân Nguyên (1287 - 1288), thuyền chở Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão bị mắc cạn ở gò đất này. Quân lính hộ vệ đã phải huy động dân binh, thuyền chài đến kéo thuyền của hai ông ra khỏi nơi cạn. Sau khi thắng trận, dân làng tưởng nhớ đến công lao của hai ông, đã lập đền thờ tại đây.

- Xã Liên Hòa: xã có di tích đình Trung Bản, được xây dựng vào thế kỉ XVIII trên mảnh đất tương truyền là nơi Trần Hưng Đạo đứng chỉ huy trận đánh Bạch Đằng năm 1288. Dân địa phương còn kể lại rằng chính trên gò đất cao này, sau khi thắng trận, Hưng Đạo Vương đã xõa tóc cho khô sau khi gội đầu. Cũng có người kể rằng, gò đất này là nơi Hưng Đạo Vương khi đánh giặc, mái tóc đen dày của ông bị xỏ tung, ông chống kiếm, tay búi lại mái tóc. Sau khi Hưng Đạo Vương qua đời, người dân địa phương tôn ông làm thành hoàng làng thờ trong đình.

Về thị xã Chí Linh - Hải Dương: Chí Linh là một thị xã ở phía đông bắc tỉnh Hải Dương, nằm giữa miền rừng núi phía đông bắc Bắc Bộ và miền đồng bằng của châu thổ sông Hồng. Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang; Phía Tây giáp tỉnh Bắc Ninh; Phía Đông giáp huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh; Phía Nam giáp các huyện: Nam Sách, Kinh Môn. Thị xã có 40 km đường sông với 3 con sông bao bọc là sông Kinh Thầy, sông Thương, sông Đông Mai. Những đặc điểm riêng về địa lý đã tạo cho Chí Linh có vị trí chiến lược quân sự, kinh tế quan trọng. Mùa xuân năm 981, An Lạc - Chí Linh được Lê Hoàn chọn làm một hậu cứ bảo vệ phòng tuyến chống quân xâm lược Tống. Thời Lý và thời Trần, Chí Linh đều được chọn làm căn cứ quân sự trong thế trận phòng tuyến sông Cầu của Lý Thường Kiệt và thế trận quyết chiến lược của Trần Hưng Đạo. Đặc biệt Vạn Kiếp với ba mặt núi non bao bọc, nằm sát sông Thương, ở phía tây bắc huyện đã trở thành đại bản doanh của quân đội nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai (1258) và lần thứ ba (1287). Về tên gọi hành chính và ranh giới phân vùng, nơi đây có nhiều lần thay đổi trong lịch sử:

- Từ thời Trần, Chí Linh có tên gọi là Bàn Châu hay Bàn Hà sau đó gọi là Phượng Sơn, từ thế kỉ XV chính thức có tên gọi là Chí Linh cho đến ngày nay.

- Thời Lý, Trần, Chí Linh thuộc lộ Nam Sách.

- Thời Lê Sơ, Chí Linh thuộc về Đông Đạo.

- Dưới triều Mạc và suốt thời kì chiến tranh Trịnh - Nguyễn cho đến hết triều Tây Sơn, Chí Linh thuộc trấn Hải Dương.

- Tháng 6 năm 1886, Pháp cho lập huyện nha Chí Linh trực thuộc phủ Nam Sách.
- Từ năm 1947 Chí Linh thuộc liên tỉnh Quảng Hồng.
- Năm 1948 thuộc về Quảng Yên, thời gian này toàn huyện có 18 xã và một thị xã Phả Lại.
- Năm 1955 huyện Chí Linh trở về trực thuộc tỉnh Hải Dương.
- Năm 2010 huyện Chí Linh đã được chính phủ nâng cấp thành thị xã Chí Linh. Hiện nay Chí Linh có 12 xã và 8 phường.

Chí Linh vùng đất địa linh nhân kiệt với phong cảnh kỳ thú, có lẽ vì thế mà không ít danh nhân xưa đã tụ hội về đây: Chu Văn An, Nguyễn Thị Duệ, Trần Nguyên Đán, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Trãi... Dẫu trải qua nhiều thời đại với những hưng vong, thăng trầm, mảnh đất này vẫn bừng lên khí phách của các bậc tiền nhân. Từ xa xưa mảnh đất này đã được coi là danh lam cổ tự.

Có thể nói, sự phân hoá về không gian địa lý, lịch sử, văn hoá giữa các vùng đã tạo nên sự phân bố không đồng đều của các truyền thuyết. Song bên cạnh những nét khác biệt ấy luôn tồn tại một nét văn hoá rất chung, đó là sức ảnh hưởng, độ lan tỏa của một nhân vật truyền thuyết trong đời sống văn hóa dân tộc. Đây cũng là một đặc trưng của văn học dân gian và đặc điểm tồn tại của truyền thuyết từ trước tới nay.

2.1.3. Nhân vật Bá Nhan và Phạm Nhan

Truyền thuyết là những truyện dân gian có liên quan đến lịch sử. Nó không phải là chính sử mà là một thứ dã sử, lịch sử dân gian. Nhưng trên thực tế, mối quan hệ giữa lịch sử và truyền thuyết không tách biệt và đơn giản như vậy, nhất là lịch sử dân tộc khi chưa có chữ viết thì mọi biến cố thăng trầm của lịch sử được ghi lại bởi đâu? Từ đó, có thể thấy truyền thuyết và lịch sử có mối quan hệ gắn bó mật thiết.

Truyền thuyết là những câu chuyện dân gian phản ánh những nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử. Nó vừa hiện thực vừa hoang đường, vừa có cái đáng tin cậy lại vừa có cái đáng ngờ. Trong bài *“Văn học dân gian là một kho tàng quý báu cho sử học”*, tác giả Nguyễn Đông Chi viết: *“Cái mà ta gọi là truyền chí là những truyện kể được quét một lớp sơn ảo tưởng. Tuy nhiên, nếu nhà làm sử khéo tay sẽ chọn lấy phần tinh chất, phần cốt lõi của hiện thực sau khi đã bác bỏ lớp ảo tưởng kia”*[14].

Truyền thuyết luôn gắn bó với sự thật lịch sử. Nó được khơi nguồn từ những con người, những sự kiện có thực trong cuộc sống. Nhiều nhân vật trong truyền thuyết cũng là những nhân vật trong chính sử, trong sự nghiệp chung được nhiều người thừa nhận, noi theo. Tuy nhiên, những nhân vật lịch sử khi đi vào truyền thuyết đã được

hình tượng hoá để phản ánh lịch sử một cách nghệ thuật. Nhiều nhân vật trong truyền thuyết có xuất thân kỳ lạ đến mức chúng ta không thể tin được như Thánh Gióng là con của người mẹ do đâm phải vết chân lạ mà mang thai, Hai Bà Trưng là con của bà mẹ nằm mơ mà có mang, Lý Công Uẩn là con hoang của một nhà sư khi vị này vô tình bước qua bụng bà quét chùa, v.v... Trong sự phản ánh đó, không phải bao giờ sự thật lịch sử cũng được tôn trọng, bởi truyền thuyết tập trung phản ánh ước mơ, khát vọng, quan điểm của nhân dân hơn là phản ánh trung thực, khách quan lịch sử. Thậm chí quan điểm đó của nhân dân có lúc đi ngược lại quy luật tự nhiên, thiếu cơ sở khoa học nhưng lại phù hợp với tín ngưỡng, tâm lý của con người trong những hoàn cảnh, những thời điểm nhất định và được số đông nhân dân xem là hợp lý.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Bích Hà đã chỉ rõ vai trò của truyền thuyết đối với lịch sử: *“Mặc dù văn học dân gian có sử dụng nhiều yếu tố hư cấu, tưởng tượng nhưng cốt lõi của những tư liệu đó vẫn là nguồn sử liệu quý báu, mang dấu ấn văn hoá lịch sử. Khi chưa có chính sử, nguồn tư liệu văn học dân gian là nguồn sử liệu duy nhất để tái hiện lịch sử dân tộc. Khi có chính sử, văn học dân gian là nguồn tư liệu hỗ trợ cho chính sử, góp phần đính chính, sàng lọc các sự kiện lịch sử theo quan điểm của nhân dân, qua đó hiểu thêm về chính sử sâu sắc hơn”* [37].

Điều chủ yếu mà truyền thuyết muốn phản ánh không phải là lịch sử như thế nào, mà lịch sử đem lại cái gì cho nhận thức và tình cảm của nhân dân. Truyền thuyết không phải là sự sao chép lịch sử một cách đơn thuần mà là sự lựa chọn và tái tạo với tư duy và cảm xúc thẩm mỹ. Nếu lịch sử quan tâm đến sự kiện, diễn biến, kết quả thì truyền thuyết quan tâm đến các môtip, chi tiết mang tính nghệ thuật. Nói như cố thủ tướng Phạm Văn Đồng: *“Những truyền thuyết dân gian thường có một cái lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lí tưởng hoá, gửi gắm vào đó tâm tình thiết tha của mình cùng với thơ và mộng. Chắp đôi cánh của sức tưởng tượng và nghệ thuật dân gian làm nên những tác phẩm văn hoá mà đời đời con người ưa thích”*

Phạm Nhan là một nhân vật gắn liền với thời kì lịch sử khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn diệt quân Nguyên Mông. Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn - con trai của An Sinh Vương Trần Liễu. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất ông chỉ huy quân thủy, bộ chặn giặc ở biên giới. Năm 1283 ông được phong chức Quốc công tiết chế thống lĩnh toàn bộ lực lượng quân sự. Với cương vị tổng chỉ huy, ông có công hiển to lớn trong cuộc kháng Nguyên lần thứ 2 (1285) và lần 3 (1288). Trong vô vàn những chiến công ông đạt được phải kể đến câu chuyện Hưng Đạo Vương diệt giặc Phạm Nhan. Truyện Hưng Đạo Vương chém giặc Phạm

Nhan là truyện ca ngợi tài năng của ông trước một kẻ thù gian xảo. Trần Hưng Đạo được sử sách ghi công, đời đời ca tụng, còn Phạm Nhan trong sử liệu dân tộc ta gần như không tồn tại. Xét về mặt lịch sử dân tộc, Phạm Nhan là một tên giặc nhưng tên giặc này cũng không để lại ấn tượng mạnh mẽ như những Hốt Tất Liệt, như Thoát Hoan, Ô Mã Nhi...

Trong truyền thuyết, nhân vật Phạm Nhan lại được khắc họa khá kĩ lưỡng từ lai lịch nguồn gốc, đặc điểm hành trạng, tài thuật và sự độc ác khi đánh chiếm nước ta. Nhân vật này tạo nên một mắt xích trong chuỗi truyền thuyết về Đức Thánh Trần. Phạm Nhan một kẻ kiêu ngạo, hống hách và tin rằng với tài thuật phù thủy biến hóa khôn lường hẳn sẽ không phải khuất phục trước bất kì ai. Mặc dù vậy với sức mạnh của lòng dân và trí tuệ vượt bậc của một Thánh quân, Phạm Nhan đã phải đối diện với họa diệt vong. Phạm Nhan bị chém thành ba mảnh - một cái chết tất yếu dành cho kẻ giặc xảo trá, mưu mô. Nhân dân hả hê trước cái chết đốn hèn của tên tướng giặc Phạm Nhan. Nếu như nhân vật Đức Thánh Trần trong truyền thuyết được xây dựng vừa thỏa mãn được đời sống tâm linh của nhân dân, vừa lí giải được những quan điểm về lịch sử, thì Phạm Nhan trong truyền thuyết được xây dựng nhằm thỏa mãn tính hiếu kì và lòng căm thù của nhân dân. Tội ác của Phạm Nhan trong lịch sử đã trở thành nỗi ám ảnh trong cuộc sống của dân gian.

Trong lịch sử Việt Nam, Phạm Nhan được nhắc tới không nhiều, không ấn tượng như các tướng giặc Hốt Tất Liệt, Thoát Hoan... nhưng trong truyền thuyết Phạm Nhan là một nhân vật đặc biệt, có sự ảnh hưởng lớn với đời sống của nhân dân. Điều đó cũng xuất phát từ tâm lý muốn đề cao Đức Thánh Trần của người dân Việt cho nên họ xây dựng nhiều câu chuyện về Phạm Nhan. Càng khắc họa nhân vật Phạm Nhan độc ác, ghê sợ bao nhiêu càng tôn lên phẩm chính và giá trị hộ quốc an dân của Quốc công tiết chế Hưng Đạo Đại Vương.

Phạm Nhan rất mờ nhạt trong lịch sử Việt Nam nhưng trong lịch sử Trung Quốc, chúng tôi thấy được ghi chép rất chi tiết cụ thể trong một số tài liệu sách sử. Tài liệu do Viện nghiên cứu khoa học lịch sử nội Mông Cổ xuất bản cho thấy Phạm Nhan là một trong 15 vị tướng của Mông Cổ. Phạm Nhan tên Trung Quốc là 伯颜 tức là Bá Nhan. “Bá Nhan sinh năm 1236 mất năm 1294 hoặc 1295. Ông sinh ở Trung Á, là hậu duệ của tướng quân Mông Cổ. Gia đình có truyền thống võ nghệ. Sau này ông tìm đến thành đô để gặp Hốt Tất Liệt và được trọng dụng. Năm 1274 Bá Nhan thống soái đại quân tiến đánh Tống. Chỉ huy 2 vị tướng khác tấn công đánh bại quân Tống, tiến vào Hán khẩu. Quân Tống bị thương vong hơn 10 vạn, giành chiến thắng ở Ngạc Châu (tên

gọi khác của tỉnh Hồ Bắc - Trung Quốc). Sau đó Bá Nhan lại dẫn binh đánh bại quân Tống ở Đinh Gia Châu, tiêu diệt quân chủ lực của Tống. Năm 1275 chiếm lĩnh Kiến Khang (Nam Kinh) sau đó tấn công Thường Châu và Đồ Thành. Năm 1276 tiến thẳng đánh kinh đô Tống ở Lâm An, nước Tống đại bại. Sau đó Bá Nhan dẫn quân tiến về phía Bắc giao chiến với các châu phản loạn. Từ sau năm 1281 liên tục trấn thủ vùng Bắc sa mạc hỗ trợ Hốt Tất Liệt bình định các châu phản loạn”[142, 528 -529]. Một số tài liệu khác: *Bá Nhan và cuộc chiến bình Tống; Sách ảnh thông sử Trung Quốc; Những vị tướng trong lịch sử Trung Quốc* đều viết rằng Bá Nhan là tướng lĩnh quan trọng trong thời kì đầu nhà Nguyên. Là nhà chính trị, nhà quân sự của nhà Nguyên. Từng thống lĩnh hơn 20 vạn đại quân chinh phạt Tống. Bá Nhan là một trong những vị tướng được nhà Nguyên xem trọng và đã từng mang lại nhiều chiến công cho nhà Nguyên.

Phạm Nhan trong lịch sử và truyền thuyết Việt Nam với Bá Nhan trong lịch sử Trung Quốc có thể là một nhưng cũng có thể là hai nhân vật khác nhau. Bá Nhan là nhân vật có thật còn Phạm Nhan là nhân vật truyền thuyết được nhân dân hư cấu, rất có thể người Việt chỉ dựa vào Bá Nhan để hư cấu nên nhân vật Phạm Nhan. Tuy vậy, dựa vào một số chi tiết về tên gọi, về xuất thân người Tàu, về thời kì mà nhân vật sinh sống rất có thể Phạm Nhan và Bá Nhan là một người. Một số tư liệu lịch sử ghi chép Bá Nhan là một đại tướng quân đã giúp vua Nguyên đi chinh phạt các vùng đất khác nhau. Truyền thuyết về Phạm Nhan của người Việt cũng kể rất rõ ràng về gốc tích và hành trạng nhân vật là tướng của nhà Nguyên sang nước ta để xâm lược.

Truyền thuyết về Phạm Nhan của người Việt luôn kể song hành những câu chuyện giữa Phạm Nhan và Hung Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, hai nhân vật đại diện cho hai chiến tuyến khác nhau. Với người Việt Nam Trần Hưng Đạo là anh hùng cứu quốc, còn Phạm Nhan là kẻ thù xâm lược. Ở mỗi vị trí khác nhau, hình ảnh người anh hùng hay tên tướng giặc được nhân dân khắc họa qua trí tưởng tượng để bày tỏ tình cảm và nguyện vọng của mình. Với Hung Đạo Vương nhân dân bày tỏ niềm mến yêu, kính trọng và cả sự biết ơn vô bờ. Còn Phạm Nhan luôn được nhân dân nhắc tới với niềm căm hận và ngọn lửa oán hờn. Truyền thuyết là một thể loại tự sự đặc sắc của văn học dân gian được xây dựng từ nhu cầu thiêng hoá thực tại và tôn vinh lịch sử của kí ức cộng đồng. Ý thức về cội nguồn, niềm tin vào sự hào hùng của lịch sử, niềm tin vào sự bất tử của các anh hùng dân tộc, niềm tin vào những miền thiêng liêng của đời sống tâm linh đã được nhân dân ta từ đời này sang đời khác, gửi gắm vào truyền thuyết. Truyền thuyết về Phạm Nhan giúp cho chúng ta nhận diện lịch sử đa chiều hơn, ở đó có cả thiện và ác, chính và tà. Tác giả dân gian xây dựng hình tượng nhân vật bằng cách hình tượng

hóa và kỳ ảo hóa các nhân vật lịch sử theo quan điểm và ước mơ của mình. Và tùy theo thái độ yêu ghét đến mức quyết liệt của mình, nhân dân đã sử dụng các yếu tố ly kỳ, huyền thoại, những chi tiết bịa đặt một cách hợp lý để xây dựng nhân vật theo đúng suy nghĩ của mình, theo đúng điều mình mong ước. Với tình cảm tin yêu, kính phục những người anh hùng dân tộc, thì từng hành động, từng chi tiết nhỏ cũng có thể được nhân dân truyền thuyết hóa với một vẻ đẹp lung linh. Cũng tương tự như vậy, với lòng căm thù quân xâm lược, nhân dân mặc sức để trí tưởng tượng của mình hả hê nhìn bọn giặc như một lũ ma quỷ bản thủ rơi vào sự thất bại nhục nhã.

2.2. Nhân vật Phạm Nhan trong truyền thuyết

2.2.1. Tên gọi Phạm Nhan

Qua hệ thống truyền thuyết khảo sát được, cùng thực tiễn điền dã dân gian, chúng tôi thấy có những tên gọi khác nhau cùng đề chỉ về Phạm Nhan. Căn nguyên của những tên gọi đó là gì, ý nghĩa của mỗi cách gọi tên khác nhau là điều mà nhiều người còn băn khoăn. Về nhân vật Phạm Nhan, truyền thuyết được nhắc tới với các danh xưng như: Phạm Nhan, Nguyễn Bá Linh, Nguyễn Nhan. Phổ biến nhất, khi nhắc tới nhân vật này là tên gọi Phạm Nhan. Hai chữ “Phạm Nhan” cũng có nhiều cách lí giải khác nhau, thông qua đó thể hiện trực tiếp bản chất của nhân vật. Thứ nhất, Phạm Nhan được hiểu là họ - tên của nhân vật; Thứ hai, là danh xưng chung cho những thần sông nước; Thứ ba, là cách để gọi tên tội ác của nhân vật.

Khi hiểu Phạm Nhan là họ và tên của nhân vật, có nghĩa *Phạm* là họ, còn *Nhan* là tên. Tuy nhiên, có 10/29 truyền thuyết kể về Phạm Nhan đều có nhắc tới tên thật của nhân vật này là Nguyễn Bá Linh. Nhân vật được giới thiệu có gốc tích, lai lịch cụ thể: mẹ người làng An Bài, Đông Triều; cha là thương khách người Phúc Kiến - Quảng Đông (Trung Quốc). 1/29 truyền thuyết kể cha Phạm Nhan tên là Nguyễn Bá Quang. Hai truyền thuyết kể rằng Phạm Nhan là con của một người con gái họ Nguyễn, quê ở Đông Triều. Như vậy, theo lẽ thông thường nếu Phạm Nhan theo họ bố hoặc mẹ đều là họ Nguyễn. Vậy giữa tên gọi Nguyễn Bá Linh và Phạm Nhan có sự liên kết đặc biệt nào? Có 6/29 truyền thuyết cho rằng Bá Linh là tên thật của nhân vật này, và sau khi sang Trung Quốc theo học thi đỗ Tiến sĩ mới lấy tên chữ là Phạm Nhan. Theo đó Phạm Nhan là tên chữ của Nguyễn Bá Linh, sau khi hấn đi thi và ra làm quan. Như vậy, chữ Phạm trong “Phạm Nhan” sẽ không được hiểu là họ của nhân vật, mà nên hiểu là tên chữ, hay tên hiệu mà người xưa hay đặt. Trong đó chữ Phạm (范) được lấy

theo nghĩa là khuôn mẫu, mực thước; chữ Nhan (顏) trong từ nhan sắc. Như vậy tên chữ Phạm Nhan có nghĩa là vẻ đẹp khuôn mẫu, chuẩn chỉ.

Cách lí giải thứ hai về tên gọi Phạm Nhan là danh xưng chung cho những thần vùng sông nước. Như đã dẫn trong mục 1.2.1, Tạ Chí Đại Trường khẳng định: “Phạm Nhan là một nhan bị tội. Từ nhan hãn là danh xưng của thần nói chung ở vùng này, vùng sông nước của xã An Bài mà Thần được hưởng sự thờ cúng của đám dân chài lưới ở đó... Điểm nổi bật có vẻ là yếu tố trung tâm là “thần đi khắp nước để tìm hút máu” (đàn bà). Ông còn đưa ra giả thiết: “Điều đáng chú ý là vùng Đông Triều xưa có xã An Bài, cũng bao gồm xã An Sinh, đất phong cho cha Trần Quốc Tuấn, Trần Liễu không phải để bù việc mất vợ mà như là với tính cách trượng tộc, vì đất An Sinh là quê của họ Trần. Và họ Trần gốc dân chài hẳn có lúc cũng thờ thần Nhan”. Đồng quan điểm nhan là cách gọi thần sông nước giáo sư Trần Quốc Vượng đã phân tích: từ *nhan* có thể là biến âm của từ ma - nậm (nậm là nước, ma-nậm là ma dưới nước và thành *nhan*. Như vậy, “*nhan*” có nghĩa là ma quỷ dưới nước. Tâm thức những người dân chài, dân sông nước thường chịu sự chi phối của *nhan*. Dân gian hình dung bất cứ con sông nào, dòng nước nào cũng luôn có một thế lực đe dọa công việc làm ăn, sức khỏe, và sự sống còn của con người. Cái sức mạnh bí ẩn vô hình đã được con người vật chất hóa thành một nhân vật cụ thể: giặc Phạm Nhan.

Cách lí giải thứ ba, Phạm Nhan là tội ác của nhân vật này với những hệ lụy mà nhân vật gây nên sau khi chết dưới tay kiếm của Hưng Đạo Vương. Theo Từ điển Trích dẫn: 犯 (phạm) có nghĩa là xâm lấn, động chạm; 顏 (nhan) là dáng mặt, vẻ mặt.

Phạm nhan là xâm phạm, động chạm vào dáng vẻ, nhan sắc. Về cách hiểu này, chúng tôi thấy sự hợp lí khi liên quan đến những truyền thuyết có kể về căn bệnh mà người phụ nữ mắc phải có tên là bệnh Phạm Nhan. Chuyện kể về việc trước khi chết, nhân vật này hỏi Hưng Đạo Vương: Ngài cho tôi ăn món gì? Căm phẫn trước những việc làm quái ác của kẻ dẫn giặc về dày xéo quê mẹ, Hưng Đạo Vương đã tức giận mà nói rằng: cho mi ăn máu đẻ của đàn bà. Vì vậy mà sau khi chết, hãn luôn tìm phụ nữ để tác oai tác quái, hoành hành gây bệnh. Nhất là đàn bà sau khi mới sinh nở nếu có việc phải đi qua chỗ mà Phạm Nhan bị hành hình thì sẽ bị bắt vía, hút hết máu, gây mòn dần cho đến chết.

Ở Trung Quốc, khi tìm hiểu về nhân vật này, chúng tôi thấy còn có tên gọi là Bá Nhan. Bá Nhan là một trong 15 vị tướng của Mông Cổ, tên gọi này được ghi chép

trong các tư liệu lịch sử. Trong đó chữ Bá (伯) có nghĩa là tước vị hàng thứ ba trong 5 tước - công, hầu, bá, tử, nam, thời phong kiến.

Như vậy về tên gọi chúng ta có thể thấy nhân vật có nhiều cách gọi khác nhau. Một trong những lí do tạo nên nhiều cách gọi tên như vậy là do đặc trưng truyền miệng và tính dị bản của văn học dân gian nói chung, truyền thuyết nói riêng. “Phạm Nhan” nên được nhìn nhận từ góc độ một biểu tượng với nhiều lớp văn hóa chồng xếp: văn hóa gốc (một lực lượng tự nhiên ở vùng sông nước có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe cư dân đặc biệt phụ nữ); một lớp văn hóa bồi đắp (một kẻ dâm dăng do liên quan đến bệnh phụ khoa) hay lớp văn hóa muộn hơn: một kẻ xâm lược do gắn bó với vùng chiến trận. Tên gọi Phạm Nhan phổ biến trong đời sống văn hóa, văn học dân gian của người Việt. Phạm Nhan có nội dung lí giải về sự gây họa của nhân vật này trong dân gian. Lâu dần được sử dụng như cách gọi tên riêng. Trong luận án chúng tôi sử dụng cách gọi Phạm Nhan để chỉ đối tượng nghiên cứu.

2.2.2. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm nhân vật

Hầu hết những nhân vật truyền thuyết đều có đặc điểm xuất thân một cách kì lạ. Sự ra đời của những nhân vật chính diện luôn được nhân dân thiêng hóa với nguồn gốc thần thánh. Chính xuất thân thiêng liêng, sự ra đời kỳ ảo đó tạo nên những dự báo cho hành trạng, công tích của họ sau này.

Về sự ra đời của Đức Thánh Trần, truyền thuyết kể rằng: Trần Hưng Đạo là con trai An Sinh vương Trần Liễu, vốn là một vị thiên thần tinh vàng tướng ngọc Thanh Tiên Đồng Tử, theo lệnh Ngọc Hoàng xuống đầu thai vào gia đình thân vương. Khi Ngài được sinh ra trong nhà hào quang tỏa sáng, hương thơm ngào ngạt.

Cũng ra đời kì lạ, nhưng không có màu sắc thiêng, Phạm Nhan có lẽ xuất hiện cùng thời điểm với Trần Hưng Đạo, được truyền thuyết lưu lại: Vào thời kì đầu của nhà Trần, ở đất Nam Định có một người tên là Nguyễn Sĩ Thành đã chết, tự nhiên sống lại kể chuyện ở trên trời rằng: ở vùng Đông Triều tỉnh Hải Dương có người con gái họ Nguyễn, vợ của một thương khách ở Phúc Kiến, mơ thấy giao hợp với giao long, đẻ ra một kẻ về sau sẽ gây loạn ở đất nước ta. Thượng đế nghe tin, bèn cho Thanh Tiên đồng tử xuống phương Nam trừ họa giúp dân lành. Thanh Tiên đồng tử đầu thai làm con của An Sinh Vương Trần Liễu và Thiệu Đạo quốc mẫu, xuống trần được đặt tên là Trần Quốc Tuấn. Còn mối hiểm họa của dân tộc, do người con gái họ

Nguyễn sinh ra kia chính là tên giặc Phạm Nhan. Cùng là môtip nằm mộng nhưng hai con người, hai số phận và tính cách khác nhau. Một kẻ sinh ra đã là nghiệt chủng, được báo trước sẽ gây họa cho nước Nam, một người sinh ra để kinh bang tế thế làm rạng rỡ cho nước nhà. Đức Thánh Trần ra đời sau giấc mơ của một vị quốc mẫu khi thấy một đồng tử mặc áo xanh xin nguyện đầu thai làm con và giấc mơ của một đạo sĩ khi chiêm tinh thấy có sao rơi về phương Nam. Còn Phạm Nhan ra đời sau giấc mộng giao hợp với giao long của người con gái họ Nguyễn, là vợ của một thương khách người Phúc Kiến.

Trong quá trình sưu tầm, điền dã chúng tôi tìm thấy ba mươi truyền thuyết về Phạm Nhan, nhìn chung các truyền thuyết đều gặp nhau ở môtip về sự ra đời kì lạ của nhân vật này. Có truyền thuyết nói rằng Nguyễn Bá Linh là con của một người lái buôn người Quảng Đông - Trung Quốc, mẹ người An Bài - Đông Triều.

Có 4 bản kể nói rằng mẹ Bá Linh bị vua Thủy Tề trêu ghẹo, một lần bà đi mò cua ở biển thấy con rắn quấn vòng quanh chân và sau đó bà về mang thai, sinh ra Nguyễn Bá Linh.

Môtip về sự ra đời kì lạ của nhân vật Phạm Nhan có liên quan đến chi tiết nằm mộng. Một người phụ nữ vùng Đông Triều nửa đêm nằm mộng thấy giao hợp với giao long; một người phụ nữ dan díu với vua Thủy Tề; một người phụ nữ bị Long Vương trêu ghẹo... Những chi tiết đồng nhất này cho thấy Phạm Nhan có nguồn gốc từ nước. Sự ra đời của nhân vật này đều có những chi tiết báo trước về một kẻ được sinh ra đã là mầm mống gây loạn cho đất nước. Đó cũng chính là dụng ý của tác giả dân gian khi tạo nên một sự ra đời khác biệt đối với một nhân vật đặc biệt và dự báo trước cho những hành trạng của nhân vật sau này.

2.2.3. Hành trạng nhân vật

Hành trạng của nhân vật truyền thuyết có liên quan mật thiết đến đặc điểm xuất thân. Nếu nhân vật được ra đời trong những biểu hiện kì diệu như bầu trời bỗng tỏa ánh hào quang hay hương thơm bay ngát một vùng thì ắt sẽ là những người có quý tướng, thiên phúc. Hành trạng của những nhân vật như vậy, nam sẽ là những đấng kinh bang tế thế, nữ là những tuyệt sắc giai nhân, tài đức vẹn toàn. Cuộc đời của họ sẽ mang lại niềm vui, an lạc và hạnh phúc cho nhân dân. Ngược lại, với những kẻ sinh ra đã lỗi đạo có hoàn cảnh xuất thân kì dị sẽ báo trước một cuộc đời đầy tội lỗi, chuyên gây nên những ai oán sâu hận cho nhân gian. Trần Hưng Đạo và Phạm Nhan là đại diện tiêu biểu cho hai hiện tượng nói trên.

Trần Hưng Đạo có xuất thân từ tiên giới, là Thanh Tiên Đồng Tử giáng sinh. Mục đích xuống trần của ông là trừ yêu diệt họa, cứu giúp nhân dân. Truyền thuyết dân gian khắc họa hình tượng nhân vật vừa là một thần tiên giáng hạ, vừa là một võ tướng giỏi cầm quân xông pha trận mạc, vừa là nhà chính trị đa mưu túc kế, biết địch, biết ta. Phải chăng linh dị núi sông đã hun đúc và kết tinh khí phách dân tộc trong con người Trần Hưng Đạo. Hành trạng của Đức Thánh Trần gắn với nơi tuyến đầu trận mạc. Cuộc đời của Ngài là cuộc đời của người anh hùng giải phóng dân tộc. Chiến công diệt giặc Nguyên - Mông là sự hợp sức của toàn quân, toàn dân, cùng tài thao lược của vị tổng chỉ huy quân sự Hưng Đạo Đại Vương.

Phạm Nhan ngay từ khi sinh ra đã được dự báo là kẻ xấu, gây nhiều nhương phiền hà cho đất Nam. Phạm Nhan là kết quả của sự đan dứ giữa người phụ nữ họ Nguyễn, quê ở Đông Triều với giao long. Có truyền thuyết kể rằng cha Phạm Nhan là người Phúc Kiến - Trung Quốc. Sách Việt điện u linh chép: “Thời kì đầu của nhà Trần, ở địa phận Sao Dực, Sao Chân có dải khí trắng bốc lên, thần Tản Viên thấy thế đoán sắp tới sẽ có nạn ngoại xâm bèn tâu Thượng đế. Thượng đế bèn hỏi: Ai vì trẫm đi quét dải khí trắng đó sẽ cho mang theo Phi thiên thần kiếm, cờ ấn, tam bảo của Lão tử, ngũ tài của Thái công giáng hạ vào nhà Thân vương làm danh tướng, khi hóa trở thành phúc thần không? Sau đó Thanh Tiên Đồng Tử xin đi”[45]. Như vậy, sự ra đời của Phạm Nhan và sự ra đời của Trần Hưng Đạo có mối liên quan mật thiết với nhau. Phạm Nhan vốn là dải khí trắng mang điềm xấu còn Hưng Đạo Vương chính là Thanh Tiên Đồng Tử mặc áo xanh xuất hiện để diệt trừ dải khí trắng đó.

Từ sự ra đời kì lạ đến khi lớn lên, trưởng thành và chết đi của nhân vật Phạm Nhan đều cho thấy những biểu hiện của đứa trẻ ngỗ nghịch, của kẻ bán nước hại dân, của ác thần ám ảnh trong dân gian. Nguyễn Bá Linh có một tuổi thơ tại quê mẹ không mấy bình yên, ngay từ bé đã hẳn đã có tính xấu là thích rình con gái trong làng tắm. Bá Linh lớn lên là một đứa trẻ ngỗ nghịch, cả dân làng đều không ưa. Rồi Linh bỏ đất Việt, sang Trung Hoa, dùi mài kinh sử, thi đỗ tiến sĩ. Lâu năm chuyên tâm nghiên cứu chước thuật, phù phép ma quỷ, luyện khí, luyện công, Linh có tài biến hóa khôn cùng. Khi vào trong cung chữa bệnh, Linh đã dùng tà thuật chuyên thôi miên các cung nữ làm chuyện dâm ô, vẽ bùa, vẽ các hình thù kì quái lên chỗ kín cung nữ, sờ soạng trong đêm tối, thông dâm một lúc với nhiều người.

Lời đồn đại những hình thù kì quái trên thân thể cung nữ lan đi, việc dâm ô lộ ra. Một đạo sĩ cao tay được bí mật nhập quách thành. Sau ba sáu ngày hết một kỳ Địa

sát, Bá Linh bị phát giác. Triều đình chiếu tội trăm quyết. Linh cầu xin vua Nguyên cho đáo công chuộc tội.

Linh tâm rằng, hấn vốn sinh ra ở nước Việt, thông thạo tiếng người lương dân, nhận rõ đường đi ngõ ngách, xin nhận làm hướng đạo cho quân Nguyên. Hốt Tất Liệt chấp thuận cho Linh tham gia vào quân của Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ, sang xâm lăng Đại Việt để có cơ lập công. Lại còn cho Linh tùy ý dùng tà thuật, cốt là trừng trị được dân chúng nước sở tại.

Linh đi, cầm lửa trong tay, mang nước phép đen trong bầu, rước voi về giày mả tổ. Linh dẫn đoàn quân thủy xâm lăng dọc theo đường mép biển Đông, tiến vào đánh phá Đại Việt. Binh thuyền giặc tiến qua cửa Vạn Ninh, Móng Cái, rồi vào đến cửa An Bang, Quảng Yên. Linh tận sức giúp đội quân viễn chinh, dùng tà thuật gây thật nhiều tội ác.

Như vậy, hành trạng của nhân vật Phạm Nhan gắn liền với những chiêu trò kì quái với phụ nữ, và những tà thuật được sử dụng để hại người. Dầu mang dòng máu Việt song lại làm hướng đạo dẫn đường cho quân xâm lược, vậy Phạm Nhan trở thành giặc của dân tộc ta. Những đặc điểm hành động, cuộc đời của nhân vật Phạm Nhan hoàn toàn phù hợp với dự báo về sự ra đời kì lạ của một nhân vật sẽ gây loạn cho đất nước.

2.2.4. Về sự tái sinh gây hại

Thông thường nhân vật trong truyền thuyết sau khi chết đều trở nên bất tử. Dân gian mong muốn họ sẽ hòa mình vào hồn thiêng sông núi để vẫn tiếp tục theo dõi và nâng đỡ cho những ước mơ của mình. Tuy nhiên, với Phạm Nhan sự tái sinh của nhân vật này lại gieo đau đớn, bất hạnh cho con người. Một kẻ khi sống là giặc, khi chết hóa tà chuyên làm việc ác. Hung Đạo Vương đã bắt và diệt được tên giặc Phạm Nhan trong trận Bạch Đằng. Hình phạt trăm thành ba đoạn là sự trừng trị xứng đáng cho những tội ác của nhân vật này. Nhưng sau khi chết, cái ác đó không mất đi mà thêm một lần nữa vẫn tái sinh để gây hại cho nhân gian. Ba phần thân xác của Phạm Nhan bị quăng ba nơi: một đoạn vút xuống đất, một xuống sông và một lên núi. Cái chết không toàn thân của kẻ giặc, sau này được dân gian truyền nhau về sự tái sinh của ba đoạn thân xác đó. Đoạn vút lên rừng biển thành con vắt, đoạn xuống sông thành con đĩa, và sau cùng đoạn trên đất là con muỗi. Cả ba con vật đều là loài hút máu người. Ba loài vật này là sự hình dung trong kinh ghét, oán hận của nhân dân về kiếp tái lai của Phạm Nhan.

Đặc biệt sau khi chết, Phạm Nhan trở thành khắc tinh của những người phụ nữ Việt. Truyền thuyết kể: Khi biết chắc không thể thoát khỏi trước thân uy của Hung Đạo Vương, hấn có hỏi: phải cho tôi ăn gì? Hung Đạo Vương vô cùng tức giận đã nói “Cho mi ăn máu đẻ của đàn bà”. Vì thế sau này hồn Phạm Nhan đi khắp cả nước, gặp

người đàn bà nào đẻ, thời ngủ với, hễ người nào phạm phải vía của Bá Linh thì sẽ bệnh tật ốm đau mãi, uống thuốc không khỏi. Sự tái sinh của nhân vật này không chỉ ở những loài hữu hình như vất, đĩa, muối mà còn ở dạng vô hình mà dân gian vẫn gọi là quỷ Phạm Nhan. Đã hơn bảy thế kỉ trôi qua mà hình bóng của con quỷ đội lốt người ấy vẫn lẩn quất đâu đây trong những mảnh đời bất hạnh, tại những xóm làng của người Việt. Căn bệnh mang tên Phạm Nhan trở thành nỗi ám ảnh đến ghê người của người phụ nữ. Kiếp trần ai Phạm Nhan đã khắc vào bia đá lịch sử hình ảnh của tên giặc hại nước hại dân, kiếp tái lai Phạm Nhan lại khắc vào bia miệng truyền đời của dân gian về một loài quỷ hút máu người không tanh. Tội ác của Phạm Nhan khiến trời đất không dung, lòng người phẫn nộ. Tuy nhiên thiện luôn luôn thắng ác, chính ắt sẽ diệt tà. Tay kiếm của Hung Đạo Vương từng chém đứt Phạm Nhan thành ba mảnh, thì hình tượng Đức Thánh Trần cũng sẽ át vía được kẻ ác thần tội lỗi này. Với những người mắc phải căn bệnh Phạm Nhan quái ác đến kêu cầu ở đền Vạn Kiếp - đền thờ Trần Hưng Đạo, đem chiếu mới đổi lấy chiếu cũ ở đền về để nằm và lấy tàn hương ở trong đền hòa nước uống thì sẽ khỏi bệnh.

Phạm Nhan sau khi chết hóa quỷ thần, tái sinh gieo bệnh tật, khổ đau cho con người. Điều đó làm cho nhân dân sợ nhưng không khuất phục. Hình tượng Đức Thánh Trần như bức tượng đài luôn che chở, phù trợ cho nhân dân. Nhân dân tìm đến với Đức Thánh để cầu mong trừ tà, sát quỷ. Như vậy, sự tái sinh của nhân vật truyền thuyết là sự kết hợp của quá khứ và hiện tại, hư và thực để tạo nên một chuỗi sự kiện có liên đới với nhau. Phạm Nhan sống ác, chết cũng ác. Còn Hung Đạo Vương sống làm nên chiến công hiển hách, chết hóa phúc thần trừ họa, diệt yêu. Dù ma quỷ Phạm Nhan có tác oai tác quái cỡ nào thì trước chân mệnh phúc thần cũng là kẻ bại trận, chịu thua.

2.3. Cốt truyện Phạm Nhan

Cốt truyện bao gồm toàn bộ các sự kiện được tạo dựng trong tác phẩm tự sự. Cốt truyện bao gồm nhiều yếu tố tạo thành như kết cấu tác phẩm, nhân vật, các môtip, tình tiết, yếu tố trần thuật... Nghiên cứu truyền thuyết Phạm Nhan, chúng tôi chỉ tập trung vào các môtip và kết cấu truyện, đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất góp phần làm nổi bật nội dung truyền thuyết Phạm Nhan.

2.3.1. Những môtip chính trong truyền thuyết Phạm Nhan

“Môtip là những yếu tố, những bộ phận lớn hoặc nhỏ đã được hình thành ổn định bền vững và được sử dụng nhiều lần trong sáng tác văn học nghệ thuật, nhất là trong văn học nghệ thuật dân gian”[39]. Môtip cũng là những thành tố có thể biến đổi, diễn hóa theo từng thời kì, từng vùng đất, và đặc điểm của từng nhân vật truyền thuyết.

Môtip trong truyền thuyết Phạm Nhan cũng nằm trong những dạng thức môtip truyền thuyết nói chung. Tuy nhiên do đặc trưng về hình tượng nhân vật có sự khác biệt so với những nhân vật truyền thuyết thông thường, Phạm Nhan là nhân vật phản diện nên môtip có sự biến đổi khác biệt trong những yếu tố ổn định, bền vững. Phân tích truyền thuyết Phạm Nhan chúng tôi chọn 6 môtip tiêu biểu: Môtip ra đời kì lạ; Môtip về tính dâm; Môtip về sự hóa thân, gây họa; Môtip không chế bằng vật đặc biệt; Môtip báo mộng; Môtip nuôi âm binh là những môtip có sự xuyên suốt với các tình tiết cốt truyện. Hi vọng rằng sự phân tích của chúng tôi sẽ mang lại những hiệu quả nhất định trong việc tái hiện và mô tả truyền thuyết Phạm Nhan một cách hệ thống.

2.3.1.1. *Môtip ra đời kì lạ*

Môtip về sự ra đời kì lạ là một trong những môtip phổ biến trong truyện kể dân gian trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Môtip ra đời kì lạ có lẽ bắt nguồn từ thời kì thần thoại. Khi quan niệm về sự sinh đẻ chưa rõ ràng, con người tưởng tượng ra rất nhiều cách chào đời khác nhau. Từ thần thoại, truyện cổ tích đến truyền thuyết môtip này đều được xem như sự mở nút quan trọng tạo nên sự mạch lạc cho cốt truyện. Khi phân tích sự diễn hóa của các môtip trong truyện Thạch Sanh, tác giả Nguyễn Bích Hà đã liệt kê 10 dạng khác nhau của sự sinh đẻ thần kì trong các truyện cổ: (a) *Đứa trẻ ra đời do thiên nhiên cảm ứng*; (b) *Đứa trẻ ra đời do người mẹ ăn hoặc uống phải dị vật*; (c) *Đứa trẻ ra đời do người mẹ uống nước đựng trong dị vật*; (d) *Đứa trẻ ra đời do người mẹ nằm mộng*; (e) *Đứa trẻ ra đời do người mẹ kết hợp với một con vật nào đó*; (f) *Đứa trẻ ra đời do người mẹ kết hợp với thần linh*; (g) *Đứa trẻ ra đời do người mẹ sinh ra một bọc trứng hoặc một cục thịt*; (h) *Đứa trẻ ra đời từ một quả cây hoặc từ một cây tre, khúc gỗ...*; (i) *Đứa trẻ ra đời là do được một lực lượng siêu nhiên đầu thai hoặc do thần thánh mượn cửa để xuống trần gian*; (k) *Đứa trẻ ngay từ khi ra đời đã có dị tật hoặc là một con vật* [35]. Chiều theo 10 dạng thức ra đời kì lạ của các nhân vật trong truyện cổ, chúng tôi thấy sự ra đời của nhân vật Phạm Nhan vừa có những chi tiết thuộc dạng thức (d) lại vừa có những chi tiết thuộc dạng thức (e). Nghĩa là sự ra đời của Phạm Nhan vừa có chi tiết liên quan đến người mẹ nằm mộng mà thụ thai, vừa có chi tiết do người mẹ kết hợp với con vật nào đó.

Về dạng thức nằm mộng, trong những tư liệu truyền thuyết về Phạm Nhan có nhiều câu chuyện nhắc tới chi tiết người mẹ nằm mộng và mang thai: “*Một người phụ nữ vùng Đông Triều nửa đêm nằm mộng thấy giao hợp với giao long, rồi sau sinh ra Phạm Nhan*” (*Truyện thuyết số 2 - phần Phụ lục*). Rất nhiều truyền thuyết của người Việt được bắt đầu bằng sự mang thai kì lạ, trong đó nằm mộng là một trong những chi

tiết xuất hiện với tần số nhiều. Nói về sự ra đời kì lạ của Thánh Mẫu Liễu Hạnh, truyền thuyết kể rằng: “*Thái bà chiêm bao được Tây Cung Vương Mẫu cho quả đào thơm. Kể từ đó bà có mang, rồi ngày 6 tháng 3 niên hiệu Thiệu Bình (1434) triều vua Lê Thái Tông, bà sinh được một bé gái xinh tươi, đặt tên là Phạm Thị Nga*”[63]. Một bản kể khác kể về sự ra đời của Mẫu Liễu Hạnh, nhưng không phải từ giấc mơ của người mẹ mà từ giấc mơ của người cha: “*Đêm ấy, Lê Thái Công nằm mơ thấy được người dẫn vào một toà cung điện nguy nga... Một nương tử áo hồng mang khay rượu ra, lỡ làm rớt chiếc chén ngọc, Ngọc Hoàng nổi giận, phạt trách xuống cõi nhân gian... Giật mình tỉnh giấc cũng là lúc vợ ông sinh được một người con gái, trong nhà sự nở rộ hương hoa, ông đặt tên con là Giáng Tiên*”[63]. Sự ra đời của Hưng Đạo Đại Vương cũng có rất nhiều điều thần kỳ. Theo Sự tích Trần Hưng Đạo trong Tổng tập văn học dân gian người Việt (tập 5): “*Khi sắp sinh Ngài, đức thân mẫu sinh ra Ngài nằm mộng thấy đám mây ngũ sắc từ giời mà xuống, đến trước mặt hoá thành đường đi, ở trong đường mây ấy lại thấy hai đồng tử, một người mặc áo xanh, một người mặc áo đỏ, người mặc áo xanh cầm cái gậy, người mặc áo đỏ cầm con dao vàng, đánh nhau một lúc, người mặc áo đỏ thua chạy, người mặc áo xanh đuổi chém được đầu. Người mặc áo xanh trở về thả vào bụng đức từ mẫu. Lúc đức thánh mẫu tỉnh ra, mới biết là mộng, nói chuyện với đức thánh phụ. Đức thánh phụ có bảo rằng: “Nhà ta phúc hậu nên giời cho đấy, tất có thiên thánh giáng trần, đằm sinh thánh kiệt chứ không phải là mộng thường nhân*”. Sự ra đời của Hưng Đạo Vương có sự liên kết với sự ra đời của Phạm Nhan - đối tượng mà chúng tôi đang nghiên cứu. Sự móc nối giữa các truyền thuyết về Hưng Đạo Vương với truyền thuyết Phạm Nhan cho thấy đặc trưng liên văn bản của văn học dân gian và sự sống đôi của các cặp nhân vật. Theo giấc mơ của Thiệu Đạo quốc mẫu, em bé áo xanh xin đầu thai làm con của bà chính là Thanh Tiên Đồng Tử được Ngọc Hoàng phái xuống trần để diệt họa trừ tai giúp dân. Còn *đồng tử mặc áo đỏ*, hay chính là *dải khí trắng* bốc lên ở địa phận sao Chẩn, sao Dục như trong truyền thuyết đã kể, chính là sự đầu thai của Phạm Nhan - kẻ mà Hưng Đạo Vương sẽ tiêu diệt như định mệnh trời ban.

Cùng cho rằng Phạm Nhan là con của giao long, một số truyền thuyết không tái hiện chi tiết nằm mộng mà chỉ đề cập đến sự kết hợp giữa người mẹ với một con vật. Điểm này khiến chúng ta xếp sự ra đời kì lạ của Phạm Nhan vào dạng thức (e) *Đưa trẻ ra đời do người mẹ kết hợp với một con vật nào đó*, như tác giả Nguyễn Bích Hà đã liệt kê. Môtip này chúng ta cũng thường gặp trong một số truyền thuyết. Truyền thuyết về *Trần Giới*, *Trần Hà* trong truyền thuyết thời Hùng Vương có kể một câu chuyện:

“Trong làng có một người họ Trần tên Vĩnh, tuổi đã cao mà vẫn chưa có con. Một hôm người vợ ra bến sông tắm có giao long nổi lên phủ quanh mình. Sau về có mang 12 tháng, đẻ ra một cái bọc nở ra hai người con trai đặt tên là Giới và Hà”. Hai anh em Trần Giới, Trần Hà sau này giúp Tản Viên Sơn Thánh đánh quân Thục. Truyền thuyết về Thánh Linh Lang được thờ tại đền Thủ Lệ (Ngọc Khánh - Ba Đình - Hà Nội) cho rằng thần nguyên là hoàng tử con vua Lý Thánh Tông với vương phi Hạo Nương. Một lần vương phi Hạo Nương đi tắm ở hồ Tây, gặp giao long nổi lên quán lấy người, từ đó mang thai 14 tháng, sinh ra đứa bé có tướng mạo khôi kỳ, lưng có 18 vì tinh tú, bụng có chùm sao Bắc đẩu, đặt tên là Hoàng Lang. Như vậy, người mẹ kết hợp với một con vật rồi sinh con là một trong những dạng thức quen thuộc trong truyền thuyết của người Việt.

Truyền thuyết nói về sự ra đời của Phạm Nhan là do mẹ của y bị vua Thủy Tề trêu ghẹo, một lần bà đi mò cua ở biển thấy con rắn quấn vòng quanh chân và sau đó bà về mang thai, sinh ra Nguyễn Bá Linh. Có truyền thuyết lại kể rằng: “Có người đàn ông người Hoa chết trong lần đi buôn thuyền, trên sông Bạch Đằng và biến thành một loài thường luồng đáng sợ. Một hôm mẹ Nhan đi bắt cua, bắt cá ven bờ sông Cầm, bị thường luồng quấn chặt chân. Người đàn bà đó về mang thai, và sau sinh ra Phạm Nhan” (truyền thuyết số 23 - Phần phụ lục). Ở dạng thức này Phạm Nhan là kết quả của người mẹ kết hợp với những loài ở dưới nước như rồng, rắn, thường luồng. Theo đó Phạm Nhan có nguồn gốc từ nước, tổ tiên chính là các loài thủy quái. Điều này có sự hợp lý với cách lí giải tên gọi Phạm Nhan như đã trình bày trong mục 2.2.1. Khi một số ý kiến của các nhà nghiên cứu cho rằng tên Nhan dùng để chỉ chung cho loại thần quỷ dưới nước. Với những người dân chài họ thờ thần Nhan như thờ thần chủ của mình. Sau này Phạm Nhan cũng được thờ tại một số làng chài ven biển ít nhiều có sự liên quan đến chi tiết này.

Ở một số truyền thuyết yếu tố lịch sử đậm hơn màu sắc thần bí, huyền thoại. Sự ra đời của Phạm Nhan được kể như một sự xuất thân bình thường của bao người khác: Cha người Quảng Đông - Trung Quốc, mẹ quê ở An Bài - Đông Triều. Những truyền thuyết này chú trọng tới sự xuất thân gốc Tàu của Phạm Nhan. Chi tiết được kết nối với chuỗi hành động dẫn giặc về dày xéo quê mẹ của nhân vật này.

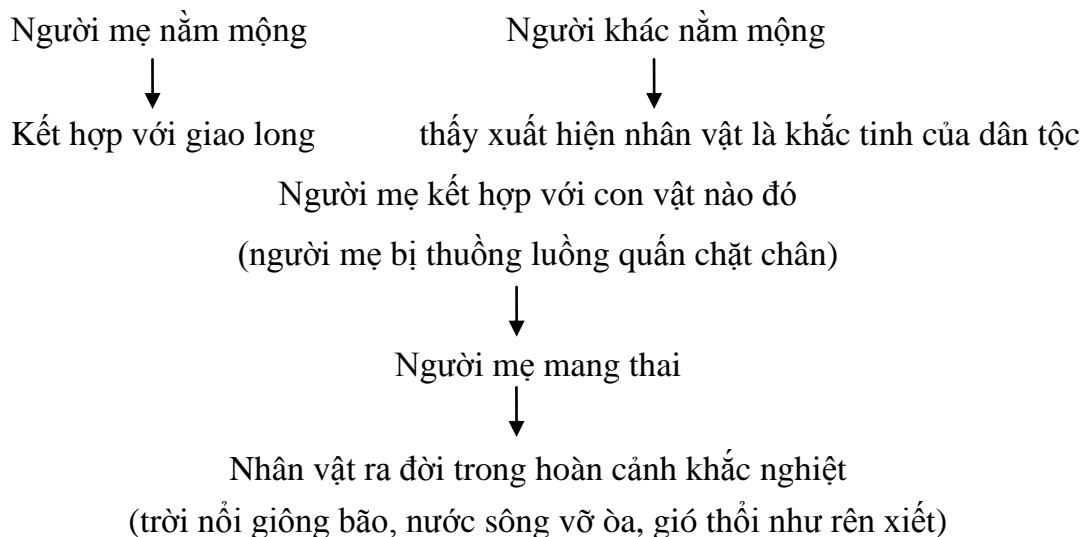
Trong quan niệm của nhân dân, những dịch nhân hào kiệt thường có xuất thân phi thường. Bởi vậy liên quan tới sự ra đời của họ luôn có những chi tiết mang màu sắc huyền thoại, thần kỳ. Những trường hợp của Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Đức Thánh Trần Hưng Đạo, anh em Trần Giới, Trần Hà, hay Thánh Linh Lang trong những truyền

thuyết kể trên đều là những nhân vật có chiến tích phi thường. Sự ra đời của họ luôn báo trước những phúc lành sau này. Ngược lại, sự ra đời kì lạ của Phạm Nhan lại cho thấy những điều không hay về một kẻ được sinh ra sẽ gây loạn cho đất nước. Cùng trong một dạng thức nhưng những tình tiết cụ thể trong mỗi truyền thuyết về Phạm Nhan đều có những dự báo không lành về hành trạng sau này. Đó cũng chính là dụng ý của tác giả dân gian khi tạo nên một sự ra đời khác biệt đối với một nhân vật phản diện trong lịch sử cũng như trong truyền thuyết.

Môtip này xuất hiện trong 3 truyền thuyết nên các chi tiết, tình tiết cụ thể có sự khác nhau, bao gồm:

- Người phụ nữ vùng Đông Triều nằm mộng thấy giao hợp với giao long, rồi sau sinh ra Phạm Nhan
- Thiện đạo quốc mẫu - mẹ của Hưng Đạo Đại Vương nằm mộng thấy 2 đứa trẻ một mặc áo xanh, một mặc áo đỏ đánh nhau một lúc. Người mặc áo xanh trở thẳng vào bụng đứ từ mẫu, còn kẻ mặc áo đỏ kia thua chạy, bị người mặc áo xanh đuổi chém đầu chính là Phạm Nhan sau này.
- Người đàn bà góa bên bến sông Cầm, bị thương luồng quán chặt chân, sau đó về mang thai.
- Ngày hấn chào đời trời nổi giông bão, nước sông vỡ òa, gió thổi như rên xiết...

SƠ ĐỒ:



Môtip sự ra đời kì lạ nằm ở phần đầu cốt truyện Phạm Nhan. Môtip là sự mở đầu có tính chất liên kết với các tình tiết cốt truyện diễn ra sau đó. Sự ra đời kì lạ của các nhân vật truyền thuyết khá phong phú và thể hiện nhiều quan niệm cũng như nhiều

nội dung khác nhau. Sự ra đời kì lạ của nhân vật thường có tác dụng báo hiệu hành trạng cuộc đời của nhân vật. Phạm Nhan là một nhân vật ngay từ khi ra đời đã được dự báo những điềm không may mắn, mang lại hiểm họa, gây hại cho đất nước. Như vậy, môtip về sự ra đời của Phạm Nhan có gắn bó mật thiết với quá trình hoạt động của nhân vật tạo nên một kết cấu truyện hoàn chỉnh, khép kín.

2.3.1.2. Môtip về tính dâm

Môtip này chỉ xuất hiện trong những truyền thuyết về nhân vật phản diện. Dâm tính là một trong những biểu hiện xấu xa của nhân vật. Môtip về tính dâm trước nay chưa được nhắc tới hay tìm hiểu cụ thể. Bởi trong khoa nghiên cứu văn học dân gian chưa có công trình nào nghiên cứu những nhân vật dâm ô như một đối tượng độc lập. Liên quan đến đề tài luận án, nhân vật Phạm Nhan không chỉ là tên tướng giặc mà còn là một kẻ có bản tính dâm loài từ trong trứng nước cho đến khi chết vẫn không từ. Mở rộng phạm vi tìm hiểu, chúng tôi thấy còn có rất nhiều truyền thuyết có sử dụng môtip về tính dâm để lột tả bản chất của nhân vật. Ở Nghệ An lưu truyền câu chuyện về Ngô Bát Ngạo: *“Sinh thời hấn là một ông Trạng bên Tàu, văn hay chữ tốt, tài đối đáp ít ai bì. Nhưng cái bệnh mê gái của hấn cũng ít ai bì sánh”* [32]. Và cũng vì thói dâm ô mà hấn bị vua Tàu hạ lệnh chém đầu. Chết rồi, trở thành một con quỷ cụt đầu, hấn lò mò trốn sang Việt Nam để tìm người đẹp. Hấn hay rình mò phụ nữ, đàn bà xinh đẹp, làm phép tạo gió cuốn họ vào bụi duối rồi giở trò đồi bại. Hấn lang thang khắp nơi, nay làm người này ốm, mai làm người kia đau. Cũng là tên giặc Tàu họ Ngô, ở Hải Phòng có truyền thuyết về Ngô Văn Ngạo: *“Vì tội ham mê tửu sắc, chuyên hãm hiếp những người con gái đẹp nên bị triều đình bắt và xử tội xiên dây thép vào cổ tay, chặt đầu vứt trôi sông. Xác không đầu trôi đến vùng đất Cam Lộ - Hùng Vương (Hải Phòng)”*(ghi theo lời kể của sư thầy Thích Diệu Mười trụ trì chùa Cam Lộ). Sau này hồn ma tên giặc Tàu họ Ngô lần quất trong làng ngoài xóm gây bao phiền nhiễu cho nhân dân. Trong đêm tối hấn thường lên vào phòng ngủ với những người con gái, phụ nữ đẹp. Ban đầu những người này còn tưởng như chồng mình, nhưng sau đó thì thấy ớn lạnh mới biết là bị ma ám, ma theo. Rồi những người phụ nữ đẹp ấy mắc bệnh, người thì hóa điên, hóa dại, người thì ốm liệt giường, không thuốc thang nào chữa được. Sự tích về đền *Trăm Một* ở huyện Diễn Châu, Nghệ An có kể câu chuyện về anh học trò vì giờ thối chọc ghẹo, là lời “bóp quả đào tiên” của các cô gái mà phải nhận lấy cái án tử [32]. Nhân vật Từ Vinh trong truyền thuyết *Từ Đạo Hạnh hay là sự tích Thánh Láng* nổi tiếng là kẻ đam mê sắc dục. Hấn có thói quen lên vào nhà các cô gái xinh, kể cả những người phụ nữ đã có chồng, thời hóa phép thành diện mạo như chồng của người

đó rồi chiếm lấy thân xác của người phụ nữ để thỏa mãn lòng dục. Vợ của Diên Thành, là người phụ nữ trẻ tuổi, nhan sắc xinh đẹp khó ai sánh kịp. Những đêm Diên Thành hầu vắng mặt, Từ Vinh tàng hình lọt vào buồng của nàng, rồi biến thành chồng nàng lên giường giao hoan. Sáng dậy, y lại tàng hình đi ra khỏi cổng trước mắt bọn gác. Vì thế, chẳng những cả nhà Diên Thành hầu không một ai biết mà chính người đàn bà nọ cũng không ngờ là ngoài chồng mình ra, còn có một người đàn ông thứ hai nữa. Xưa nay đàn ông hữu dâm thì nhiều, phụ nữ mà dâm đảng lại là một trường hợp đặc biệt. Sự tích về miếu bà Chúa Ngựa ở Hải Dương cho biết, nơi đây thờ một người phụ nữ có tính cực dâm. Hễ gặp đàn ông là tư thông, mà không ai đáp ứng xuể được lòng dục của bà [43]. Như vậy, có thể thấy môtip về tính dâm lập lại khá nhiều trong truyền thuyết của người Việt.

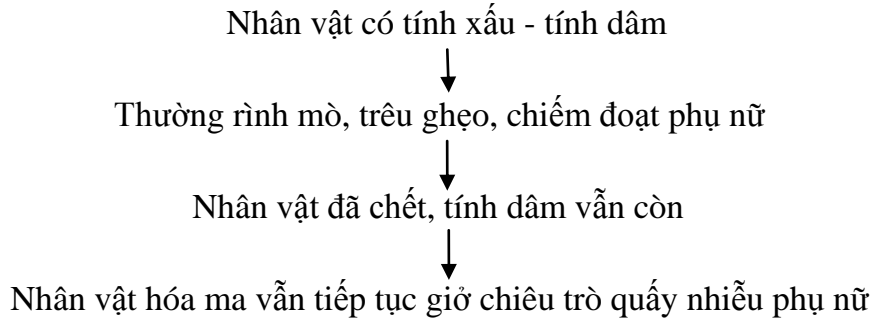
Cũng nằm trong môtip này, nhân vật Phạm Nhan mang bản tính dâm từ khi còn là một đứa trẻ: *“Nhan sinh ra ở ngay bên sông Cầm. Hắn có một tính xấu là thích rình bọ con gái trong làng tắm chỗ dưới sông Cầm. Nhan bò ở bờ sông như con mèo rình chuột, nấp trong bụi cây nhìn nhưng không rõ lắm. Nhan lặn dưới sông như con rái cá. Con rái cá chìm xuống ngay chỗ có những đứa con gái đang tắm, tay chạm vào bầu vú căng nhọn như mầm măng mới nhú”* (truyện thuyết số 20). Lớn lên theo cha về Tàu học hành, đỗ tiến sĩ triều nhà Nguyên, lại cao tay phù thủy, có phép tàng hình biến hóa. Thường vào cung trị bệnh cho các cung nữ, rồi thường biến hóa thành con gái, lên vào cung tư thông với cung nhân. Sau này theo vó ngựa của quân Nguyên sang nước ta, Phạm Nhan vẫn chứng nào tật ấy. Tính xấu không bỏ được. Bản tính dâm đảng ấy ngay cả khi hắn chết đi vẫn còn vương vất mãi, gây nên bao khổ sầu bi oán cho nhân dân, đặc biệt là những người phụ nữ. Phàm là phụ nữ hễ bị Phạm Nhan bắt vía sẽ vàng vọt xanh xao, đau ốm liên miên.

Môtip về tính dâm xuất hiện trong 6 truyện thuyết, đây là môtip nằm ở phần phát triển của cốt truyện khi bản chất xấu xa của nhân vật đã được bộc lộ. Môtip gồm những hành động, sự kiện như sau:

- Phạm Nhan ngay từ bé đã có tính xấu thích rình bọ con gái trong làng tắm ở sông Cầm
- Phạm Nhan lớn lên sống ở triều nhà Nguyên, thường vào cung trị bệnh cho các cung nữ, rồi biến hóa thành con gái, lên vào cung tư thông với cung nhân.
- Khi Phạm Nhan cùng Thoát Hoan sang đánh chiếm nước ta, hắn thường lên đi khắp vùng gặp cô gái nào đẹp hút hồn thời bắt lấy làm nhục.

- Sau khi chết, Phạm Nhan cùng với hai người nữa hợp thành tam hồn đi khắp nơi hễ gặp gái đẹp là trêu ghẹo rồi bày trò ngu vớ, khiến cho người ta mang bệnh.

SƠ ĐỒ:



Môtip về tính dâm đã góp phần làm rõ một phần tính cách của nhân vật Phạm Nhan. Môtip này có tính chất riêng lẻ, độc lập tương đối với toàn bộ cốt truyện. Không phải là sự phản ánh duy nhất về nhân vật, song khai thác môtip tính dâm, đặt tương quan với các truyền thuyết khác có xuất hiện môtip này, chúng tôi nhận thấy đây là một môtip quan trọng giúp đánh giá, nhìn nhận trực tiếp về bản chất xấu xa của nhân vật Phạm Nhan.

2.3.1.3. Môtip khống chế bằng vật đặc biệt

Môtip khống chế bằng vật đặc biệt xuất hiện khá nhiều trong truyền thuyết của người Việt, đặc biệt là truyền thuyết về người anh hùng. Để khống chế quân giặc hay một thế lực thù địch nào đó, người anh hùng luôn có sự trợ giúp của những vũ khí có khả năng đặc biệt. An Dương Vương vì có nỏ thần trong tay nên mới bách trận bách thắng, làm quân Triệu Đà nhiều phen kinh hãi. Sau này vua Lê Thái Tổ cũng nhờ có thanh kiếm thần Thuận Thiên do Đức Long Quân cho mượn mà đánh tan được 10 vạn quân Minh hung bạo. Những vật có khả năng khống chế đối phương thường là những vật dụng có nguồn gốc thần tiên (nỏ thần, kiếm thần...) có đôi khi lại là những vật dụng bình thường nhưng có khả năng trấn át được kẻ thù. Chỉ ngũ sắc là vật dụng mỏng manh, nhỏ bé và hết sức quen thuộc, bình thường trong đời sống hàng ngày, nhưng trong một số truyền thuyết những sợi chỉ ngũ sắc ấy lại có sức mạnh khống chế không hề tầm thường. Truyền thuyết *Từ Đạo Hạnh hay là sự tích Thánh Láng* có kể câu chuyện: Nhà sư Đại Điền đã dùng chỉ ngũ sắc bày cách cho Diên Thành hầu khống chế Từ Vinh - một kẻ đam mê dục sắc (đã dẫn ở mục 2.3.1.2. Môtip về tính dâm). Nhà sư đưa cho Diên Thành sợi chỉ ngũ sắc và dặn: “Về đưa sợi chỉ này cho vợ, chờ lúc gian tế đến, lẳng lặng buộc vào ngang lưng. Một mặt cho rắc một lớp tro mỏng trước cửa buồng, cho người nấp chỗ kín canh gác. Đợi lúc nào thấy có dấu chân giẫm lên tro thì đóng ngay cửa lại, dán lá bùa này vào rồi cho người tức tốc đến đây báo tin cho bản

đạo. Bàn đạo sẽ vì hầu trừng trị con dâm quỷ”. Diên Thành hầu về, làm đúng như lời đã dặn. Quả nhiên, một đêm nọ Từ Vinh tàng hình mò tới. Hai tên nô hầu chực đêm ở cửa, bỗng nhìn thấy có những dấu chân tiến vào buồng mà không thấy có người, vội dán lá bùa lên cách cửa rồi phi báo cho chủ biết. Đêm ấy, Từ Vinh vô tình, không ngờ có cạm bẫy đang giương ra chờ mình, nên chỉ một lúc sau người vợ Diên Thành hầu đã buộc được sợi chỉ ngũ sắc quanh lưng mà hắn cũng không hay biết gì cả. Nhờ có sợi chỉ ngũ sắc mà Từ Vinh dù có tài thuật biến hóa khôn lường cũng hết phương trốn tránh. Môtíp này đã thể hiện sự sáng tạo trong quan niệm của dân gian về những vật có khả năng phi thường có thể khống chế được những thế lực hùng mạnh hay những biến ảo khôn lường.

Trong truyền thuyết về Phạm Nhan thì Hung Đạo Vương chính là một sức mạnh có khả năng khống chế toàn phần đối với tên giặc này. Trần Hưng Đạo giáng trần là hiện thân của Thanh tiên đồng tử phụng sự bên cạnh Thái Thượng lão quân, phụng mệnh Ngọc Hoàng thượng đế tay cầm ấn son, kiếm bạc giáng xuống trần gian cứu giúp đất nước, nhân dân Đại Việt. Để diệt Bá Linh, Hung Đạo Vương nói: *“Ta thừa xưa có học được dị thuật, ta lập thành đồ trận gọi là Cửu cung bát quái, lại may có một thanh thần kiếm, vậy để ngày mai ta dẫn quân vào thành dàn trận, đánh nhau với quân Nguyên, kỳ bất được yêu nhân mới thôi.”*[11]. Cửu cung bát quái đồ, theo thuyết âm dương là một hình họa tượng trưng cho ngũ hành bát quái vị phương gồm kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, và các hướng đông, tây, nam, bắc...với các cung càn: khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài. Trong đó các cung và phương vị ứng với thực tiễn như trời đất hòa hợp vậy. Trời có ngũ hành, đất có ngũ phương, người có ngũ sự, phật giáo có ngũ uẩn, nho giáo có ngũ kinh... Đó cũng là lí do mà dùng chỉ ngũ sắc có sức mạnh khống chế đặc biệt đến vậy, bởi nó tượng trưng cho quy luật của trời đất. Trong chiến trận chống quân Nguyên cũng như công cuộc bắt trời Phạm Nhan, Hung Đạo Vương đã bày trận đồ cửu cung bát quái: *“Hung Đạo Vương bày thành đồ thế, chia quân dàn ra 8 cửa, mỗi cửa một sắc cờ, mặt chính Đông cờ xanh, mặt chính Tây cờ trắng, mặt chính Bắc cờ đen, mặt chính Nam cờ đỏ, góc Đông Nam dán cờ sắc đỏ trắng, góc Tây Bắc dán cờ sắc xanh đen, góc tây Nam dán cờ sắc trắng đỏ, góc Tây Bắc dán cờ sắc trắng đen. Mỗi mặt dàn 300 quân, 50 tên kỵ mã cầm cờ, 250 tên bộ tốt cầm khí giới, ở chính giữa có một toán quân cầm cờ vàng”* [45]. Khi Bá Linh dẫn 500 quân đánh ở mặt Đông vào, Hung Đạo vương cầm thanh kiếm thần, niệm chú mấy câu rồi cầm lá cờ vàng phát lên. Tất cả các binh tướng trong trận đồ di chuyển đủ các màu cờ kiếm giáo mác sáng lòa khiến Bá Linh không biết đường nào mà đánh, quân sĩ rối loạn và

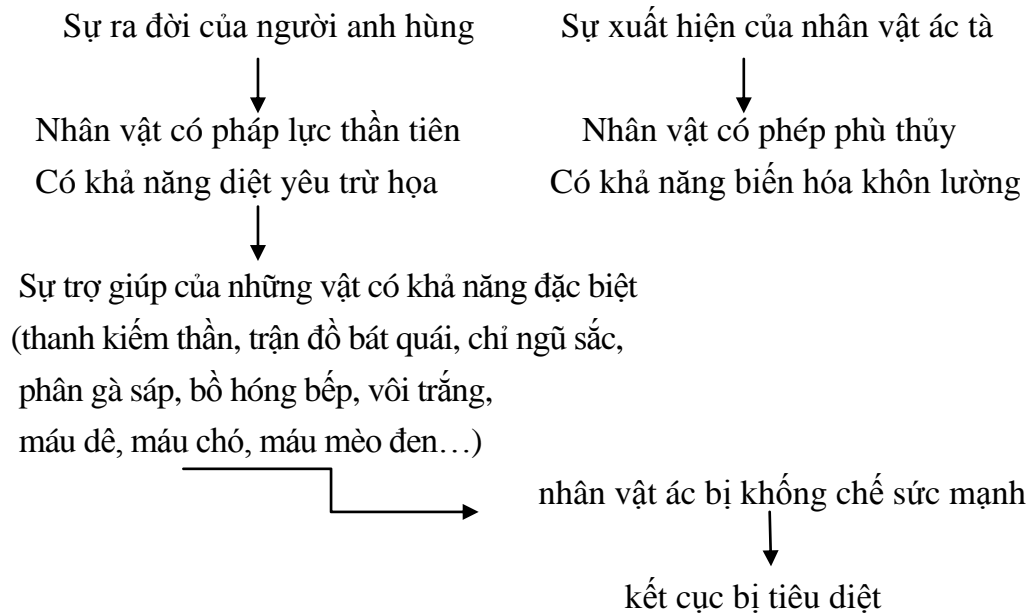
chính hắn cũng bị mất phương hướng sợ hãi phải dùng đến phép độn giáp để biến mất, còn 500 quân thì bị chết và bị bắt sống.

Phạm Nhan được truyền thuyết kể là một kẻ cũng từng học qua chức thuật phù thủy, có phép thần thông biến hóa khôn lường, người đang to bồng dung thu nhỏ lại, hắn có hàng trăm cái đầu chặt đầu này lại mọc đầu khác. Muốn trói được Phạm Nhan cần đến chỉ ngũ sắc. Muốn chém được Phạm Nhan cần bôi vôi tôi, phân gà sấp và bồ hóng bếp vào thanh kiếm thần của Trần Hưng Đạo thì mới hiệu nghiệm. Ngoài ra truyền thuyết về Phạm Nhan còn nhắc đến những vật có khả năng khống chế ác khí Phạm Nhan đó là chó đen, mèo đen, dê đen, máu của chúng ô uế, khi tắm máu của những con vật này vào đầu mũi tên ngọn giáo thì pháp thuật của Phạm Nhan sẽ mất linh, đồng thời âm binh của giặc sẽ hiện nguyên hình.

Diệt giặc Phạm Nhan có sự hợp sức đồng lòng của toàn dân (đại diện là bà lão hàng cơm); toàn quân (đại diện là tướng quân Yết Kiêu thân chinh xuống thuyền dùng chỉ ngũ sắc bắt trói Phạm Nhan) và sức mạnh của thần uy Hưng Đạo Đại Vương (vốn là Thanh Tiên Đồng Tử giáng trần), lại thêm thanh kiếm thần do Tiên Mẫu ban tặng. Môtip này khẳng định sức mạnh của quần chúng, sức mạnh của trí tuệ nhân dân, đặc biệt chứng tỏ sự tôn vinh của nhân dân đối với người anh hùng tài ba Hưng Đạo Đại Vương người kết tinh sức mạnh và trí tuệ của nhân dân. Thể hiện quan niệm của nhân dân chính luôn luôn thắng tà, thiện luôn luôn thắng ác. Phạm Nhan dù có ác ghê gớm đến đâu cũng bị khuất phục bởi sức mạnh của chính nghĩa, trong đó có sự giúp sức không nhỏ của những vật đặc biệt như chỉ ngũ sắc, thanh kiếm thần...

Trong truyền thuyết, nhân vật Phạm Nhan là nhân vật bị khống chế. Phạm Nhan xuất hiện với tư cách là nhân vật phản diện, nhân vật ác cần bị khống chế và trừng trị. Môtip khống chế bằng vật đặc biệt này xuất hiện song song hai tuyến nhân vật: chính và tà, thiện và ác. Người có khả năng khống chế và điều khiển các vật khống chế phải là người có pháp lực mạnh, đứng trên chính nghĩa để diệt trừ tà đạo. Đức Thánh Trần Hưng Đạo có khả năng chém quỷ, trừ tà nhờ sự trợ giúp của thanh kiếm thần, của trận đồ bát quái và các vũ khí dân gian khác. Môtip bao gồm một số hành động (sự kiện) như sau:

- Sự xuất hiện (ra đời) của người anh hùng có xuất thân thần tiên - Trần Hưng Đạo
- Sự xuất hiện và tác quái của ác tà Phạm Nhan
- Sự giáp mặt và giao chiến giữa người anh hùng và kẻ tà đạo xâm lược
- Người anh hùng sở hữu trong tay vũ khí thần tiên, kết hợp với các vũ khí dân gian
- Nhân vật ác tà Phạm Nhan bị tiêu diệt

SƠ ĐỒ:

Môtíp khống chế bằng vật đặc biệt thể hiện quan niệm của dân gian: bất cứ tà thuật nào cũng có thể khống chế được, mặc dù không phải ai cũng làm được điều đó. Người có khả năng điều khiển thần vật để khống chế cái ác, cái xấu phải là người đại diện cho trí tuệ và sức mạnh của nhân dân. Đặc biệt môtip này không thể thiếu những yếu tố mang màu sắc thần bí, góp phần làm cho cốt truyện thêm li kì, hấp dẫn.

2.3.1.4. Môtip về sự tái sinh, gây họa

Môtíp tái sinh có nguồn gốc từ thuyết luân hồi của Phật giáo. Học thuyết tái sinh trong Phật giáo được đề cập đến qua việc đầu thai hoặc luân hồi. Việc tái sinh này không nhất định phải thành một con người mà vào một trong sáu cõi. Sáu cõi luân hồi bao gồm: thiên, a tu la, nhân, súc sinh, ngã quỷ và địa ngục. Theo quan niệm của đạo Phật thì sự tái sinh này được quyết định bởi nghiệp lực, với thiện nghiệp thì sinh vào cõi tốt còn ác nghiệp thì bị sinh vào cõi xấu.

Thông thường trong truyền thuyết chúng ta thường bắt gặp sự tái sinh kì lạ của nhân vật. Với các nhân vật anh hùng, sự tái sinh của họ hợp với quy luật của trời đất, thuận với nguyện ước của nhân dân. Dù thân không còn tại thế nhưng họ vẫn có thể tự luân hồi bằng chính năng lực của mình. Kiếp tái sinh của những nhân vật anh hùng thường là những con vật cao quý, vóc dáng thần tiên. Hai anh em *Thiện*, *Quang* thời Hùng Vương, sau khi giúp vua đánh giặc, trời bỗng tối tăm mịt mù, sóng cuộn âm ỉm, hai ông hóa thành hai con Giao long rồi cuốn theo dòng sông và biến mất. Sự tích *Nam Hải Tào Lực đại vương* kể về người anh hùng tên là Hùng Tuệ là một trong những người con của Lạc Long Quân, có công giúp Lý Nam Đế diệt nhà Lương. Sau

khi diệt giấc về đến làng Cao Mại, bỗng mây gió nổi lên, ông hóa thành con rắn xanh dài hơn mười thước, trườn xuống sông tự hóa. Hay truyện về *Luy Ông* là người anh hùng được sinh ra từ giấc mộng về ngôi sao lớn. Lớn lên có công dẹp giặc ngoại xâm, sau này hóa thành một ngôi sao lớn bay vào không trung .v.v...

Đối với các nhân vật phản diện, sự tái sinh của họ là một điều không ai mong muốn. Bản chất xấu xa của họ vốn không mất đi mà sẽ được chuyển thể sang một dạng ác độc khác tương tự. Dân gian tưởng tượng và lí giải những con vật được coi là kiếp tái sinh của các nhân vật phản diện thường có hình dạng xấu xí, đặc tính đáng ghét. Trong kho tàng truyện cổ của người Việt có rất nhiều câu chuyện kể về sự tái sinh này. *Sự tích con muỗi* kể về sự bội tình, không chung thủy của người vợ, sau này chết đi biến thành con muỗi, sống được nhờ việc đi hút máu của người khác. Hay truyện *Sự tích con khỉ* giải thích loài vật có hình dạng xấu xí, mặt mũi nhăn nheo, lông lá đầy người, đằng sau có đuôi chính là sự hóa thân của cả họ nhà lão trưởng giả độc ác.

Phạm Nhan sau khi bị Hung Đạo Vương chặt làm ba khúc. Khúc chân vút lên rừng biến thành con vắt; khúc đầu vút xuống sông thành con đĩa; khúc thân vút lên bờ thành con muỗi. Cả ba con vật đều là những loài hút máu người, là những con vật mà nhân dân vô cùng căm ghét, ghê tởm và khinh bỉ. Với ba đoạn thân thể được quăng đến ba nơi khác nhau: trên rừng, dưới biển và trên mặt đất sau này hiện hình thành ba loài vật đặc trưng cho miền núi, miền biển và đồng bằng, cho thấy tội ác của Phạm Nhan có mặt ở khắp nơi trên đất nước ta. Đây cũng là chi tiết phù hợp với truyền thuyết kể về hành tẩu sau khi chết của Phạm Nhan, đi khắp nơi để hoành hành, quấy nhiễu. Đồng thời khẳng định nỗi ám ảnh mang tên Phạm Nhan là nỗi sợ hãi, niềm căm phẫn chung. Sự tái sinh của Phạm Nhan giống như một điều tất yếu theo quan niệm của nhân dân về sự di căn của cái ác từ kiếp này sang kiếp khác. Một lần nữa khẳng định tội ác không thể dung tha của nhân vật này. Với bản tính ác độc, lại ham mê sắc dục cái chết không xóa được những tội lỗi mà hắn gây ra. Sự trở lại trong hình hài của những con vật xấu xí, đáng ghét là sự kéo dài thêm bản chất xấu xa, bản thiêu và tanh hôi của tên giặc khát máu. Phạm Nhan sau khi chết cũng hiển, nhưng không phải để phù trợ như trong môtip về phúc thần. Phạm Nhan hiện thân trong những bóng ma, những con quỷ không đâu đi khắp nơi để trêu ghẹo đàn bà, phụ nữ. Hồn Phạm Nhan gặp người đàn bà nào dễ, thời ngủ với, hễ người nào phạm phải vía của Nhan, sẽ đau ốm liên miên, uống thuốc không khỏi.

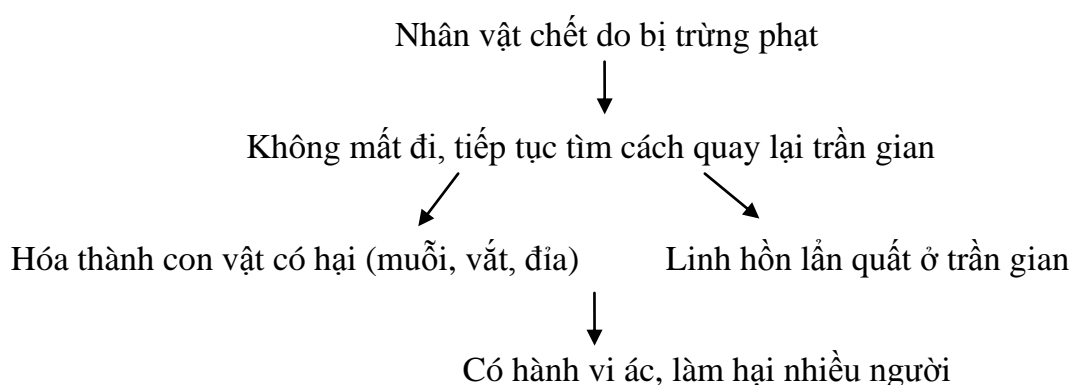
Người Nùng còn lưu truyền câu chuyện ám ảnh về phi Phạm Nhan: “Sau khi bị Hung Đạo Vương chặt làm ba đoạn, hồn vía Phạm Nhan đã kịp bay lên núi và tiếp tục

về hại dân dưới dạng ma nên dân gian vẫn gọi là “*Phạm Nhan slam tòn*” (Phạm Nhan ba đoạn)”(truyện thuyết số 9). Việc thờ phi Phạm Nhan còn được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Tổ tiên có phi Phạm Nhan thì con cháu cũng có. Phạm Nhan sẵn sàng hành động theo ý nghĩ của chủ. Chủ ghét ai, người đó sẽ bị Phạm Nhan đến cắn làm đau đớn và khờ dại đi. Chủ thích con súc vật nào của ai đó, súc vật liền bị Phạm Nhan đến cắn cho thật đau, có trường hợp bị cắn chết. Chính vì vậy, người ta rất sợ chơi với những người có phi Phạm Nhan. Những người bị dư luận cho là có phi Phạm Nhan thường bị mọi người xa lánh và con cái của họ khó dựng vợ, gả chồng.

Môtip về sự tái sinh, gây hại xuất hiện với tần số nhiều nhất trong truyện thuyết Phạm Nhan. Môtip này nằm ở đoạn đời sau của nhân vật, sau khi bị trừng trị, tiêu diệt ở cõi trần nhưng tiếp tục có sự tái sinh, hóa thân và trở lại gây hại cho con người. Môtip bao gồm các hành động, sự kiện sau:

- Nhân vật ác bị trừng trị → chết
- Nhân vật ác chết không toàn thân (bị chặt thành 3 khúc), mỗi khúc vớt ở một nơi.
- Xác nhân vật ác có sự hóa thân: khúc đầu vớt xuống sông thành con đĩa, khúc thân vớt lên bờ thành con muỗi, khúc chân vớt lên rừng thành con vắt (những con vật hút máu người)
- Phạm Nhan hiện thân trong những bóng ma, những con quỷ không đầu đi khắp nơi để trêu ghẹo đàn bà, phụ nữ → những người nào phạm phải vía Phạm Nhan sẽ đau ốm liên miên, uống thuốc không khỏi.

SƠ ĐỒ:



Như vậy, chúng ta thấy môtip tái sinh trong truyện thuyết Phạm Nhan có sự khác biệt với các môtip tái sinh trong truyện thuyết về phúc thần. Sự tái sinh của phúc thần một là để vinh công, hai là tiếp tục chức năng phù trợ. Còn sự tái sinh của Phạm Nhan với mục đích chính là để tiếp tục gây hại, làm nhiều loạn nhân gian. Đồng thời với sự góp mặt của môtip này, tác giả dân gian muốn thể hiện lòng căm thù đối với

nhân vật phản diện. Những người có công trạng, đức hạnh luôn được yêu chuộng, tôn kính; còn những kẻ đồi bại, xấu xa sẽ bị bìa miệng tiếng đời.

2.3.1.5. Môtíp báo mộng

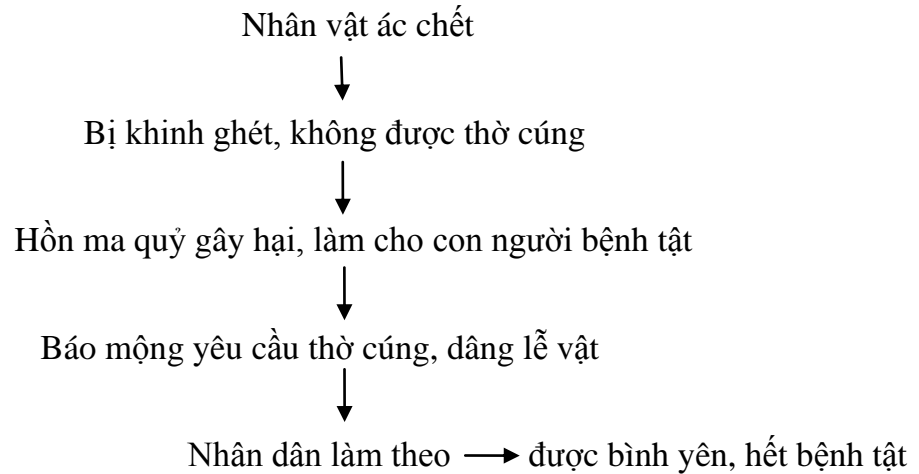
Môtíp báo mộng là một trong những môtip quen thuộc trong sáng tác dân gian. Trong thế giới tâm linh huyền bí, con người luôn tin vào khả năng liên thông với thần linh và một trong những cách liên thông phổ biến là mộng. Dân gian thường tin rằng qua giấc mộng thần linh sẽ gửi gắm những thông điệp nào đó cho con người. Nói đến mộng là nói đến những điều nhìn thấy trong lúc ngủ, những điều ấy thường có chức năng báo trước sự hưng, cát sắp đến. Truyền thuyết sử dụng dạng thức báo mộng để thúc đẩy, dẫn dắt cốt truyện theo hướng li kì, hấp dẫn. Báo mộng trong truyền thuyết có một số dạng như mộng mang thai (trước khi nhân vật ra đời) và mộng hiển, báo (sau khi nhân vật đã qua đời). Ở đây, chúng tôi tập trung vào môtip báo mộng sau khi nhân vật đã qua đời. Dạng thức mộng mang thai đã được nói đến trong mục 2.3.1.1 khi tìm hiểu về môtip ra đời kì lạ của nhân vật.

Trong quan niệm của người phương Đông thì giữa cõi sống và cõi chết có mối quan hệ khăng khít, mặc dù người sống không thấy được thế giới bên kia. Vì vậy, con người thiết lập mối dây liên hệ đặc biệt với thế giới tâm linh thông qua những giấc mộng, những linh tính và hoạt động thần giao cách cảm. Trong thế giới của truyền thuyết, nhân vật sẽ không mất đi mà luôn ẩn hiện đâu đó, bất tử. Báo mộng là cách mà các linh hồn truyền thuyết thông ngôn với thế giới con người. Trong một số truyền thuyết, chúng ta thấy môtip giấc mộng thực hiện chức năng báo về cái chết của người anh hùng đã tử trận. Sau khi chết những vị chủ tướng tìm về với quê hương mình để báo cho bà con dân làng về sự ra đi của mình. Ở Hải Phòng lưu truyền câu chuyện về sự linh thiêng của nữ tướng Lê Chân sau khi hóa, một đêm nữ tướng về báo mộng cho dân làng nếu sáng sớm hôm sau ra bờ sông thấy có vật lạ nên rước về thờ phụng, nếu không sẽ bị Hồng Thiên trách phạt. Dân làng đã đem tảng đá trôi dạt vào bờ về lập đền thờ, từ đó được hưởng phúc khí của bà, con cháu đời đời hưng thịnh. Đa số nhân vật truyền thuyết là những người có chiến tích, công trạng lớn, sau khi thác hóa họ vẫn tiếp tục phù trợ, che chở giúp quốc thái dân an. Đại tướng *Bát Nàn* thời Trung Vương sau khi thác hóa, được nhân dân lập đền thờ tại Tiên La - Thái Bình. Sau này bà báo mộng giúp vua Lê Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành. Khải hoàn, vua phong cho bà là *Bát Nàn* phu nhân *Trình Thục* công chúa. Hay người anh hùng *Lý Phục Man* từng lập nhiều chiến công giúp vua *Lý Nam Đế*. Sau khi thác, ông tiếp tục hiển linh, báo mộng cho vua *Lý Thái Tổ* và sau nữa giúp vua *Trần Thái Tông* dẹp giặc *Mông*.

Không giống như các nhân vật anh hùng, những nhân vật ma quỷ cũng báo mộng, nhưng đa số là mộng mang tính chất dọa nạt, đòi hỏi. Trên đảo Hà Nam - Quảng Ninh, đến nay người dân còn kể cho nhau nghe câu chuyện: có ba thằng giặc Tàu sót lại sau trận đánh của đại tướng quân Trần Hưng Đạo, đã chui vào đồng cỏ trôn, bị mấy bà đi làm đồng phát hiện, liền dùng liềm bả chết. Chẳng ai chịu chôn, xác bốc mùi hôi thối. Làng đặt lệ, mỗi người phải gánh hai sào đất ra lấp, đất lấp thành gò đồng, tiếng địa phương gọi là “đượng”, từ đó có “Đượng ba thằng”. Năm ấy dân làng có dịch bệnh, nằm mộng thấy ba vong hồn đói rét đòi đượng cúng tế mới để cho làng yên. Cùng là môtip nằm mộng nhưng tính chất sự báo mộng của phúc thần khác xa với báo mộng của ác thần. Ác thần thường hiện lên trong giấc mộng để thực hiện một cuộc trao đổi, cưỡng chế nhân dân phải làm theo những yêu sách của họ mới mong đổi được sự bình yên. Tại Hưng Học (Quảng Ninh) vào một năm người dân bị dịch bệnh, Phạm Nhan về báo mộng cho dân làng, yêu cầu dân thờ cúng bằng máu bà đẻ thì mới thoát khỏi. Nhờ làm đúng theo yêu cầu của Phạm Nhan mà dịch bệnh mới hết. Phạm Nhan là một tên tướng bại trận chịu sự trừng phạt của Hưng Đạo Vương nhưng hắn chưa khi nào hết đòi hỏi. Truyền thuyết kể cho đến trước khi đầu lìa khỏi cổ hắn vẫn còn ra điều kiện “Phải cho ta ăn gì chứ?”. Lòng căm thù dồn nén, sự tức giận được trút lên khi tướng và quân đồng lòng “cho mi ăn máu đẻ đàn bà”. Hồn ma của hắn vất vưởng không chôn nương thân, bởi vậy nên hắn phải làm đủ mọi cách, dùng đủ chiêu trò khiến nhân dân kinh hãi mà phải thờ phụng, dâng cúng hắn. Trong giấc mộng hắn báo cho dân làng có chỉ rõ vật phẩm cúng tế và đòi đượng lập miếu thờ để có chốn dung thân. Nhân dân miễn cưỡng phải thực hiện những điều kiện mà hắn đưa ra để đổi lấy tai qua nạn khỏi. Trong tâm thức dân gian, những kẻ xấu khi sống đã đáng sợ, khi chết còn đáng sợ gấp trăm lần. Ở thế giới của sự huyền bí, kì ảo con người không nắm bắt và làm chủ được nên đối với việc nằm mộng thấy người chết, đặc biệt là với những kẻ có dã tâm họ đều kinh hãi, hoảng hốt.

Môtip báo mộng được kết nối vào cốt truyện Phạm Nhan nhằm giải thích cho hiện tượng Phạm Nhan được thờ cúng tại một số địa phương. Môtip gồm các sự kiện sau:

- Nhân vật ác chết
- Xác của nhân vật ác (Phạm Nhan) bị vớt trôi nổi
- Nhân vật không cam lòng, gây nên họa hại sau đó báo mộng cho dân làng chôn cất, lập miếu thờ
- Sau khi được lập miếu thờ thì mới làm cho người dân hết bệnh.

SƠ ĐỒ:

Môtip báo mộng trong truyền thuyết Phạm Nhan thể hiện sự ám ảnh sâu sắc trong tâm thức dân gian về nhân vật này. Những yêu cầu, đòi hỏi về việc thờ cúng và lễ vật chính là sức mạnh đàn áp của ác thần Phạm Nhan với người dân. Môtip này góp phần lí giải nguyên nhân căn bản của những hành vi tín ngưỡng và tập tục thờ cúng của dân gian đối với Phạm Nhan.

2.3.1.6. Môtip phù thủy nuôi âm binh

Âm binh là đội quân tay sai, chịu sự khống chế của các phép tà thuật phù thủy. Âm binh có thể là những loại vong vất vương, không ai thờ cúng cũng như không được nghiệp quả định hướng rõ ràng hoặc chính họ tự nguyện đầu quân dưới quyền lực của thầy pháp để được cúng thí hay do thầy pháp khống chế sai sử. Phù thủy có phép luyện âm binh, âm tướng, thường đêm khuya đến những nơi tha ma mộ địa, đốt hương khấn khứa, luyện phù luyện phép, để cầu cho các âm hồn phải theo hiệu lệnh của mình... Âm binh cũng có thể do thầy phù thủy dùng tà thuật nuôi dưỡng từ những hạt đậu, hạt lúa mà thành. Thầy phù thủy có nhiều phép kỳ lạ, sai khiến âm binh làm những việc của người trần giúp đỡ hay phá phách và chống cả người âm, nhưng phần nhiều thực hiện về đêm: sai âm binh đi tát nước vào ruộng, sai âm binh đi ném đá, gạch vào nhà người khác... Những thầy phù thủy mỗi khi điều khiển âm binh xong phải có lễ khao quân, nếu không âm binh sẽ phản lại đánh trả thầy, và mỗi khi sai âm binh thầy phù thủy phải canh chừng đừng để trời sáng, phải thu âm binh về trước khi có ánh dương ló ra.

Môtip phù thủy nuôi âm binh là một môtip xuất hiện tương đối nhiều trong truyền thuyết có liên quan đến đạo giáo. Truyền thuyết về Cao Biền có kể câu chuyện Biền phù phép nuôi âm binh với mục đích tạo ra đội quân hùng hậu để giúp Biền chiếm đánh nước Nam: “Biền bảo con rể chọn năm giống lúa, mỗi giống một thúng mang đến huyệt đất nói trên, sai đào đúng vào chỗ vai rồng thành năm cái huyệt. Mỗi

huyết hần sai râm một thúng lúa, rồi lấp đất lại thành năm ngôi mộ. Hần giao cho con rể một ngàn nén hương, dặn mỗi ngày thắp một nén, đúng hai năm chín tháng mười ngày thì tự khắc quân gia dưới huyết dậy cả. Lúc đó sẽ lấy được nước Nam dễ như bỡn”[51]. Sau đó vì không làm đúng như lời Cao Biền dặn, người con rể của Cao Biền đã đốt hết hương trước ngày hẹn định, khiến mặt đất chuyển động ở dưới năm ngôi mộ có tiếng động rầm rầm mỗi lúc một lớn. Thế rồi nắp mộ tung ra, bao nhiêu quân gia từ dưới đó nhảy lên. Nhưng vì còn thiếu ngày nên chúng còn non nớt quá chưa đứng vững được, bỏ nghiêng bỏ ngựa, rồi cuối cùng chúng chết hết. Môtip nuôi âm binh thường gắn liền với những nhân vật phù thủy. Cao Biền là một nhà phù thủy từ Trung Quốc sang nước ta làm tiết độ sứ, vì am hiểu phong thủy lại có tài ma thuật, bùa chú nên có âm mưu nuôi âm binh để xây dựng đội ngũ quân lực giúp thao túng mọi việc trên đất Nam. Tuy nhiên, mọi kế hoạch của Cao Biền đều bị thất bại, bởi đó là những âm mưu bất chính, trái với đạo lý luân thường.

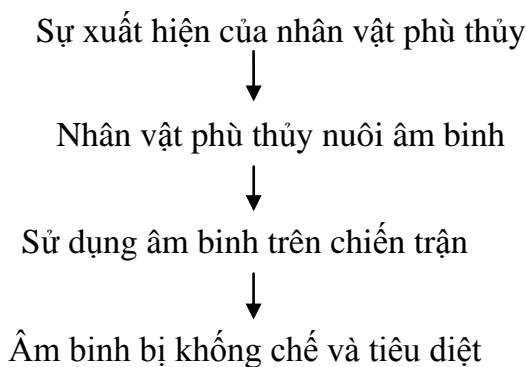
Nhân vật Phạm Nhan trong truyền thuyết cũng có xuất thân từ Tàu, tinh thông tài thuật phù thủy. Trong trận đánh cùng với quân Nguyên sang xâm chiếm nước ta, Phạm Nhan đã sử dụng tất cả các phép lực phù thủy của mình, trong đó có thuật nuôi âm binh. Khi cuộc chiến giữa quân ta và quân Nguyên đang giằng co ác liệt thì Thoát Hoan ra lệnh Phạm Nhan rắc đậu thành binh: “Mỗi nắm đậu gã vung ra mọc thành trăm tên lính mới. Chúng mặc quần áo sử dụng binh khí Mông Cổ. Bọn này chậm chạp, đi đứng như con lật đật nhưng cơ thể cứng như sắt, giáo đâm, tên bắn không thủng” (truyền thuyết số 6). Trong trận Vạn Kiếp, Phạm Nhan cũng phát động âm binh: “Nửa đêm âm binh thần tướng kéo tới bạt ngàn, nhô nhố quân đầu trâu mặt ngựa, mặt mũi dữ tợn như hung thần. Cung nỏ bắn cũng không được âm binh. Trận đó, Hưng Đạo Vương và quân sĩ phải rút lui về Thăng Long” (truyền thuyết số 5). Để diệt được Phạm Nhan và đội âm binh đó, Hưng Đạo Vương đã lập trận đồ cửu cung bát quái, kết hợp với thanh kiếm thần khiến Phạm Nhan và đám yêu nhân đó phải dùng phép độn giáo, tàng hình để trốn mất.

Môtip phù thủy nuôi âm binh chỉ có trong những truyền thuyết về đạo giáo. Trong truyền thuyết có sử dụng nhiều yếu tố bùa chú, ma thuật. Phạm Nhan trong truyền thuyết là nhân vật đã từng được học qua về các chức thuật phù thủy ngoài biệt tài biến hóa khôn lường, chặt đầu này mọc đầu khác Phạm Nhan còn có thuật nuôi âm binh. Môtip phù thủy nuôi âm binh xuất hiện với tần suất 2/29 bao gồm những hành động, sự kiện sau:

- Nhân vật phù thủy xuất hiện.
- Cuộc giao chiến quân sự giữa quân Nguyên và quân dân nhà Trần

- Phạm Nhan tướng quân cho nhà Nguyên trong tình huống hai quân giao tranh đã rắc đậu tạo thành vô số âm binh nhỏ đầu trâu mặt ngựa, mặt mũi dữ tợn như hung thần
- Diệt âm binh phải dùng trận cử cung bát quái

SƠ ĐỒ



Môtip phù thủy nuôi âm binh là môtip mang màu sắc của đạo giáo ở đó đậm yếu tố bùa chú, ma thuật. Trong truyền thuyết Phạm Nhan, môtip này góp phần làm rõ khả năng ma quái của nhân vật phản diện. Phạm Nhan đã sử dụng tà thuật để phục vụ cho những hành vi ác độc và những âm mưu bất chính của mình.

2.3.2. *Kết cấu truyền thuyết Phạm Nhan*

2.3.2.1. *Sự tồn tại của các môtip*

Trong mục 2.3.1 chúng tôi đã chọn phân tích sự diễn hóa của sáu môtip cơ bản của truyền thuyết Phạm Nhan với tư cách là những môtip độc lập tương đối với toàn bộ cốt truyện. Một điều có thể dễ dàng nhận thấy là các môtip đó có mặt trong nhiều cốt truyện khác nhau. Một số môtip chỉ xuất hiện trong kiểu truyện về nhân vật phản diện như môtip về tính dâm; môtip khống chế bằng vật đặc biệt; môtip về sự tái sinh, gây họa; môtip phù thủy nuôi âm binh. Một số môtip xuất hiện ở cả hai kiểu truyện về phúc thần và ác thần là môtip về sự ra đời kì lạ và môtip báo mộng. Tuy nhiên, đặt trong truyền thuyết Phạm Nhan môtip về sự ra đời kì lạ và môtip báo mộng có sự diễn hóa hoàn toàn khác với những cốt truyện về nhân vật phúc thần. Nếu ở kiểu truyện về phúc thần các môtip về sự ra đời kì lạ thường mang tính chất thiêng hóa nhân vật, những yếu tố kì ảo góp phần tô điểm cho nhân vật có nguồn gốc thần tiên, có sứ mệnh kinh bang tế thế, độ nước cứu dân... thì ở kiểu truyện về ác thần này, cũng là sự ra đời kì lạ nhưng các chi tiết, tình tiết trong cốt truyện cho thấy nhân vật có những đặc điểm kì quái, yếu tố kì ảo trong truyện nhấn mạnh vào những đặc tính xấu, sinh ra không được chào đón.

Trong sáu môtip đó, có ba môtip có liên quan tới hoạt động của nhân vật ác thần Phạm Nhan. Đó là:

- Môtip về tính dâm
- Môtip về sự tái sinh, gây họa
- Môtip phù thủy nuôi âm binh

Ba môtip này chính là những môtip quan trọng của cốt truyện ác thần. Trong kiểu truyện về ác thần thì ba môtip này hoặc ít nhất là một trong ba môtip này phải đóng vai trò trụ cột để liên kết với những môtip khác tạo thành truyện về nhân vật phản diện. Nhân vật ác trở thành nhân vật chính của những truyện loại này. Tuy nhiên trong quá trình liên kết các môtip riêng lẻ để tạo thành cốt truyện ổn định, sự liên kết cũng phải dựa theo những nguyên tắc kết cấu chung của truyền thuyết và những nguyên tắc kết cấu đó lại phản ánh quan niệm dân gian mang màu sắc triết học.

Dựa vào việc phân tích sự diễn hóa các môtip trong truyền thuyết Phạm Nhan ở phần trên, chúng tôi gọi tên các môtip như sau:

Môtip 1: Môtip sự ra đời kì lạ

Môtip 2: Môtip về tính dâm

Môtip 3: Môtip không chế bằng vật đặc biệt

Môtip 4: Môtip về sự tái sinh, gây họa

Môtip 5: Môtip báo mộng

Môtip 6: Môtip phù thủy nuôi âm binh

Khảo sát 29 truyền thuyết về Phạm Nhan, chúng tôi thấy tần suất xuất hiện các môtip trong truyền thuyết Phạm Nhan là khác nhau, cũng như trong một truyền thuyết lại tồn tại những môtip khác nhau cấu thành nội dung cốt truyện. Dưới đây là bảng thống kê tần suất xuất hiện các môtip trong truyền thuyết Phạm Nhan qua 29 truyền thuyết đã được đánh số tại phần phụ lục:

Bảng 2.3. Bảng thống kê tần suất xuất hiện của các môtip trong truyền thuyết Phạm Nhan

| Truyền thuyết (số) | Môtip 1 | Môtip 2 | Môtip 3 | Môtip 4 | Môtip 5 | Môtip 6 |
|--------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| 1 | | | | X | | |
| 2 | | | | X | | |
| 3 | X | | | | | |
| 4 | X | | | X | | |
| 5 | | X | X | X | | X |
| 6 | | | X | | | X |
| 7 | X | X | | X | | |
| 8 | | | | X | | |
| 9 | | | | X | | |
| 10 | | | | X | X | |

| | | | | | | |
|--------------------|---|---|---|----|---|---|
| 11 | | x | | | | |
| 12 | | | x | | | |
| 13 | | | | x | | |
| 14 | | | | x | | |
| 15 | | | | x | | |
| 16 | | | | x | | |
| 17 | | | | x | x | |
| 18 | | | | x | | |
| 19 | | | | x | x | |
| 20 | | x | | x | | |
| 21 | | | | x | | |
| 22 | | | | x | | |
| 23 | | x | | | | |
| 24 | | x | | | | |
| 25 | | | | | | |
| 26 | | | | x | | |
| 27 | | | | x | | |
| 28 | | | x | | | |
| 29 | | | | x | | |
| Tần suất xuất hiện | 3 | 6 | 4 | 21 | 3 | 2 |

Nhìn vào bảng thống kê trên chúng ta có thể thấy môtip ra đời kì lạ xuất hiện trong 3 truyền thuyết (truyền thuyết số 3, 4, 7); môtip về tính dâm xuất hiện trong 6 truyền thuyết (truyền thuyết số: 5, 7, 11, 20, 23, 24); môtip khổng chế bằng vật đặc biệt xuất hiện ở 4 truyền thuyết (truyền thuyết số: 5, 6, 12, 28); môtip về sự tái sinh, gây họa xuất hiện trong 21 truyền thuyết (truyền thuyết số: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 26, 27, 29); môtip báo mộng xuất hiện trong 3 truyền thuyết (truyền thuyết số: 10, 17, 19); môtip phù thủy nuôi âm binh xuất hiện trong 2 truyền thuyết (truyền thuyết số: 5, 6). Như vậy có thể thấy môtip về sự tái sinh, gây hại xuất hiện với tần số nhiều nhất, cho thấy cốt truyện Phạm Nhan chủ yếu tập trung làm rõ về phần đời sau khi chết của Phạm Nhan, nhân vật có sự tái sinh, hóa thân và gây hại cho nhân dân. Đây cũng là điểm cốt yếu để bộc lộ và diễn tả bản chất của ác thần này. Môtip về sự tái sinh, gây hại chính là môtip đóng vai trò trụ cột để liên kết với những môtip khác tạo thành truyện Phạm Nhan.

Trong 29 truyền thuyết có truyền thuyết số 5 và truyền thuyết số 7 bao gồm sự liên kết của từ 3, 4 môtip, những truyền thuyết còn lại chỉ có 1 hoặc 2 môtip. Truyền thuyết số 7: “Phạm Nhan một kẻ tà thần, hại dân hại nước, grooms thần trừ đi” bản kể trích theo *Thần tích Đức Thánh Trần* của Bắc Việt tương tế hội bao gồm 3 môtip: môtip về sự ra đời kì lạ; môtip về tính dâm và môtip về sự tái sinh, gây họa. Truyền

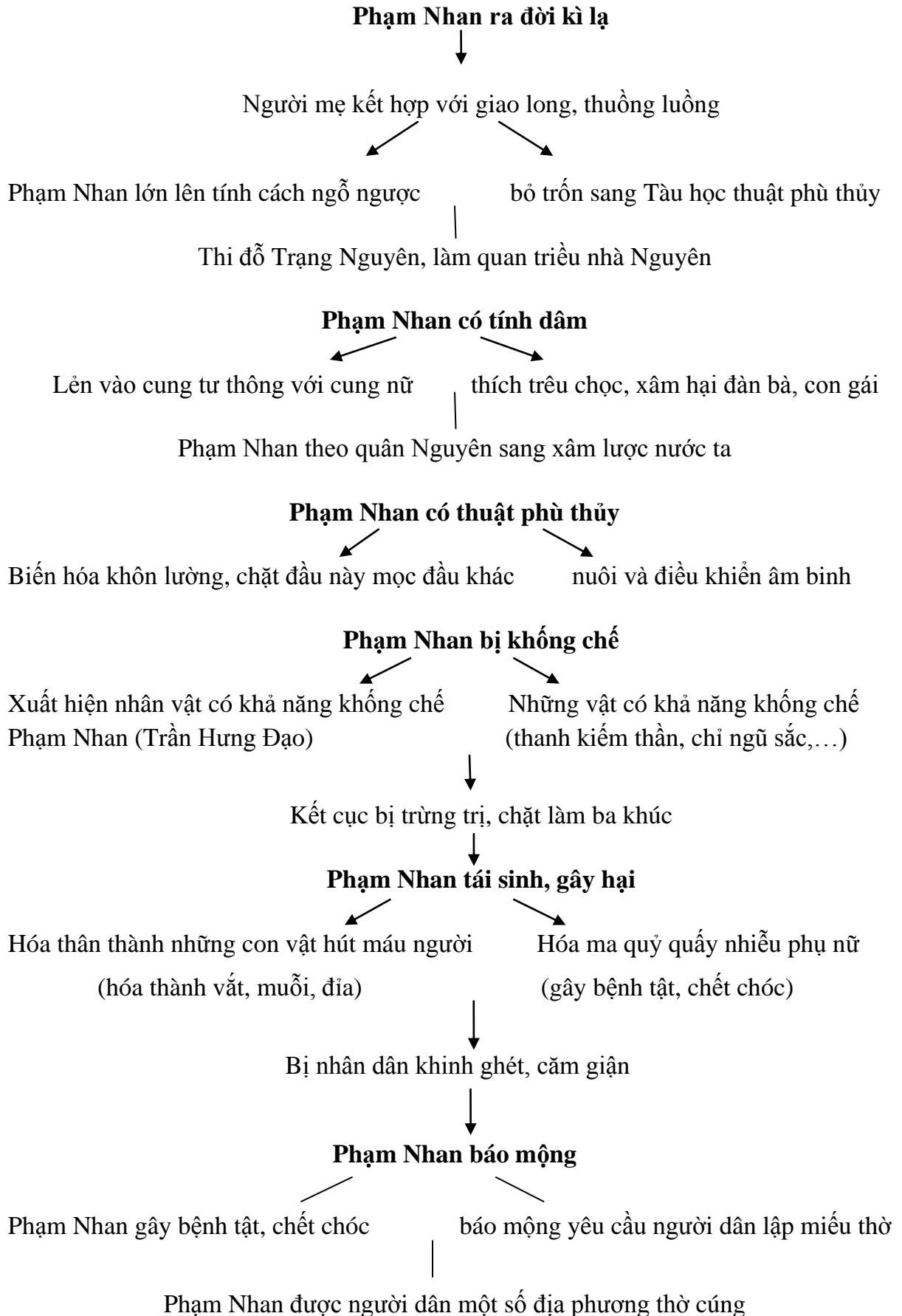
thuyết này có sự liên kết các tình tiết cốt truyện khá đầy đủ từ đặc điểm nhân vật ngay khi ra đời đến bản chất xấu xa là tính dâm và sau khi chết hóa tà thần, ác thần đi khắp đất nước, hễ gặp đâu có sản phụ là theo quấy nhiễu, làm cho đau ốm, gây mòn không thuốc nào chữa khỏi. Truyền thuyết số 5: “Phạm Nhan bị diệt trước kiếm thần của Trần Hưng Đạo, bản kể trích theo *Trần triều Hưng Đạo Đại Vương truyện* là truyền thuyết có số lượng môtip nhiều nhất 4/6 môtip (môtip về tính dâm; môtip không chế bằng vật đặc biệt; môtip tái sinh, gây họa; môtip phù thủy nuôi âm binh). Truyền thuyết này các môtip đều tập trung nhân mạnh vào hành trạng của nhân vật phản diện, những đặc tính, bản chất xấu xa của nhân vật có tính dâm, nuôi âm binh nhằm mục đích phi chính nghĩa, nhân vật bị trừng trị thông qua những vật có khả năng không chế được sức mạnh tàn ác, phù phép tà thuật và sự gây họa của nhân vật sau khi chết gây nên biết bao chết chóc, bệnh tật cho người dân. Có thể thấy trong 29 tư liệu truyền thuyết thì truyền thuyết số 5 và truyền thuyết số 7 có nội dung cốt truyện khá hoàn chỉnh, bao quát toàn bộ những tình tiết, sự kiện quan trọng trong truyền thuyết Phạm Nhan. Những truyền thuyết chỉ có 1 môtip thường là những mẫu chuyện nhỏ lẻ, chỉ góp phần tái hiện một quãng đời hay 1 điểm tính cách nào đó của nhân vật phản diện Phạm Nhan.

Như vậy, có thể thấy mỗi môtip trong truyền thuyết Phạm Nhan đều có một vị trí khác nhau tạo nên sự liên kết giữa các đoạn đời của nhân vật và có chức năng móc nối thành một cốt truyện hoàn chỉnh về nhân vật phản diện này.

2.3.2.2. *Lược đồ kết cấu cốt truyện Phạm Nhan*

Truyền thuyết dân gian có kết cấu cốt truyện lỏng lẻo, một môtip có thể xuất hiện trong nhiều truyện và một truyện có thể bao gồm nhiều môtip khác nhau đã từng có mặt trong những truyện khác, nên các môtip truyền thuyết Phạm Nhan tồn tại khá độc lập. Các môtip trong truyền thuyết là những cấu kiện có sẵn, ổn định, ít biến đổi. Số lượng các môtip là hữu hạn còn số lượng các truyện nảy sinh từ sự liên kết giữa các môtip là vô hạn. Để cấu kết các môtip lại với nhau thành hệ thống cần phải có những yếu tố cầu nối, những yếu tố đó được tác giả Nguyễn Bích Hà ví như “xi măng kết dính các viên gạch riêng lẻ theo những định hướng nhất định để tạo thành những công trình khác nhau” [35, 141]. Lược đồ kết cấu từng môtip và mối liên hệ giữa các môtip cũng thể hiện sự liên kết và các yếu tố liên kết giữa chúng.

Căn cứ vào vị trí của mỗi môtip trong kết cấu truyện, chúng tôi phác họa lược đồ kết cấu truyền thuyết Phạm Nhan như sau:



Như vậy chúng tôi đã móc nối từ các môtip vào cốt truyện, từ các yếu tố liên quan đến nguyên tắc liên kết các yếu tố đó, từ mô hình kết cấu từng môtip đến mô hình kết cấu toàn bộ cốt truyện. Kết cấu truyền thuyết Phạm Nhan được phác họa cụ thể, rõ ràng. Có thể thấy, cốt truyện về Phạm Nhan cũng kết cấu ba chặng giống như các truyền thuyết khác. Tuy nhiên, nội dung của các chặng trong cuộc đời nhân vật Phạm Nhan có những điểm khác biệt rõ rệt. Từ hoàn cảnh xuất thân và đặc điểm kì dị của Phạm Nhan cho đến hành trạng nhân vật trong đó mô tả những thói xấu và tội ác; cuối cùng là sự tái sinh và gây họa của nhân vật đều cho thấy sự khác nhau căn bản giữa truyền thuyết Phạm Nhan với truyền thuyết về phúc thần.

Tiểu kết chương 2

Trong phạm vi chương 2: *Khảo sát hệ thống truyền thuyết Phạm Nhan* chúng tôi đã triển khai 3 vấn đề chính: *Nội dung khảo sát; phân tích nhân vật Phạm Nhan; Cốt truyện Phạm Nhan.*

Khảo sát truyền thuyết Phạm Nhan dưới các nguồn tư liệu khác nhau, chúng tôi đã hệ thống hóa bằng cách lập bảng thống kê số lượng truyền thuyết. Trong đó có phân chia rõ truyền thuyết lưu truyền trong dân gian và những truyền thuyết đã được văn bản hóa. Trên cơ sở những số liệu khảo sát về truyền thuyết Phạm Nhan, chúng tôi lập bảng, biểu thống kê số lượng và mật độ phân bố truyền thuyết Phạm Nhan giữa các nguồn tư liệu và giữa các địa phương trong phạm vi điền dã. Kết quả khảo sát thu thập được 29 truyền thuyết đã giúp chúng tôi có nguồn tư liệu đủ để có thể khai thác những đặc điểm về truyền thuyết Phạm Nhan trong kho tàng văn học dân tộc.

Nhân vật Phạm Nhan trong truyền thuyết là nhân vật phản diện. Hình tượng nhân vật được tác giả dân gian xây dựng vừa thực vừa hư, vừa thần bí vừa có sức ảnh hưởng lớn trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Khai thác hình tượng nhân vật dưới góc độ thi pháp văn học dân gian, chúng tôi tập trung làm rõ một số điểm liên quan trực tiếp đến nhân vật như về tên gọi, về hoàn cảnh xuất hiện, về hành trạng nhân vật và về sự tái sinh, gây họa của nhân vật. Đặc điểm, hành trạng của nhân vật đều cho thấy những nét tính cách xấu, những phẩm chất của kẻ ác đã làm hại đời hại người. Hình tượng Phạm Nhan trong truyền thuyết là một hiện tượng đặc biệt và hết sức phức tạp trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam.

Về cốt truyện và kết cấu truyền thuyết Phạm Nhan, chúng tôi đã tập trung phân tích sự diễn hóa của các môtip trong cốt truyện. Các môtip truyền thuyết Phạm Nhan

khá phong phú ở đó có cả những môtip quen thuộc và những môtip mới lạ, những môtip phổ biến và những môtip là đặc sản riêng của truyền thuyết Phạm Nhan. Chúng tôi thấy mỗi môtip đều có một sinh mệnh riêng độc đáo chi phối nhiều đến tư duy nghệ thuật dân gian. Thông qua đó, chúng ta có thể từng bước khám phá nội dung cốt truyện cũng như đặc điểm hình tượng nhân vật. Các môtip truyền thuyết Phạm Nhan tồn tại tương đối độc lập với nhau cho thấy kết cấu truyện dân gian khá lỏng lẻo, dễ kết hợp và cũng dễ tháo gỡ. Từ việc phân tích sự diễn hóa của các môtip đó, chúng tôi đã tìm hiểu kết cấu truyền thuyết Phạm Nhan và mô tả dưới dạng lược đồ đối với sáu môtip cơ bản tồn tại trong truyền thuyết về Phạm Nhan. Trên cơ sở đó, chúng tôi mô hình hóa nội dung cốt truyện Phạm Nhan bằng sự liên kết các tình tiết và móc nối các yếu tố nội dung trong các môtip.

Truyền thuyết Phạm Nhan thuộc kiểu truyện về ác thần - một kiểu truyện độc đáo của thể loại truyền thuyết. Truyền thuyết về ác thần nói chung, truyền thuyết về Phạm Nhan nói riêng có những đặc trưng khác biệt với truyền thuyết về phúc thần. Truyền thuyết về ác thần Phạm Nhan với những biểu hiện cụ thể trong đời sống văn hóa người Việt. Tất cả những nội dung này, sẽ được chúng tôi làm rõ trong nội dung chương 3: Truyền thuyết Phạm Nhan và kiểu truyện về ác thần của người Việt.

Chương 3.

TRUYỀN THUYẾT PHẠM NHAN VÀ KIỂU TRUYỆN VỀ ÁC THẦN CỦA NGƯỜI VIỆT

Hình tượng Phạm Nhan được xây dựng trong trí tưởng tượng của dân gian là nhân vật kẻ thù bị trừng phạt, sau khi chết linh hồn nơi đất khách quê người, sẵn trong lòng đầy oán hận, nên thường xuyên hiện về quấy nhiễu, làm hại nhân dân. Một loạt những hiện tượng lạ xảy ra ở những vùng Phạm Nhan đi qua khiến cho dân gian liên tưởng nhiều tới những căn bệnh mang tên Phạm Nhan. Các truyền thuyết về Phạm Nhan có rất nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo, nghiêng về yếu tố tâm linh của người dân. Sự xuất hiện của các yếu tố hoang đường kì ảo đó không chỉ mang lại không khí thiêng thường thấy trong truyền thuyết mà còn góp phần làm nổi bật mối quan hệ gắn gũi giữa truyền thuyết và đời sống văn hóa tâm linh của người dân. Trong chương 3, chúng tôi tập trung làm rõ truyền thuyết Phạm Nhan có biểu hiện như thế nào trong đời sống văn hóa dân gian thông qua một số phong tục; đặt cặp đôi nhân vật Phạm Nhan và Trần Hưng Đạo cạnh nhau để làm rõ sự tương phản giữa môtip và kết cấu truyền thuyết của kiểu truyện ác thần và kiểu truyện về phúc thần. Cũng trong nội dung chương 3, tác giả luận án đặt truyền thuyết Phạm Nhan trong kiểu truyện về ác thần của người Việt để làm rõ bản chất của một kiểu truyện trong kho tàng truyền thuyết dân gian

3.1. Kiểu truyện về ác thần của người Việt

3.1.1. Ác thần và truyền thuyết về ác thần trong văn hóa Việt

Trong mỗi nền văn hóa đều có những nét đặc sắc riêng biệt, ở đó sự tồn tại của thế giới thần linh là một trong những biểu hiện của đời sống tinh thần cộng đồng. Đối với dân gian những linh hồn có năng lực đặc biệt nào đó đều được gọi là thần, chữ thần trong thần bí, thần kì. Ác thần cũng thuộc vào hàng thần vì ở họ toát lên những sức mạnh kì ảo có sự ảnh hưởng và khả năng khống chế tới đời sống của con người. Việc thờ cúng các thần linh được thực hiện hầu khắp ở các dân tộc Việt Nam. Hệ thống thần linh được thờ cũng hết sức đa dạng từ thần linh xuất thân thiên giới đến những thần linh xuất thân nhân giới; từ những thần có nguồn gốc tự nhiên đến những thần có xuất thân trần tục; từ những thành hoàng, thổ địa đến các thần linh tổ tiên; từ những anh hùng trong lịch sử đến các thần từng là giặc ngoại xâm.v.v... Sự linh hoạt, hài hòa và bao dung trong đời sống tâm linh Việt dẫn đến tính phức hợp trong tín ngưỡng dân gian bản địa của người Việt. Hệ thống thần linh vô cùng phong phú, phức tạp.

Ác thần với những hành vi gây ác tạo nên sự sợ hãi, kiêng dè trong dân gian. Đa phần thái độ của người dân với những vị thần ác đều thể hiện sự sợ sệt, e ngại nhiều hơn là sự gắn gũi, thân thiện. Bởi lẽ “Thần ác là những thần chủ trì cái xấu, làm hại người đời” [70, 494].

Sự kết nối giữa truyền thuyết và tín ngưỡng dân gian, đã giúp chúng tôi có cơ sở đi tìm những thần linh được coi là ác thần trong dân gian. Căn cứ vào những hành vi gây ác của thần, chúng tôi lập bảng hệ thống các ác thần được tập hợp lại trong vô số thần linh của người Việt.

Bảng 3.1: Bảng thống kê tên ác thần và truyền thuyết về những hành vi gây ác

| STT | Tên thần | Nguồn truyền thuyết | Hành vi gây ác |
|-----|------------------|---|---|
| 1 | Phạm Nhan | <i>Truyền thuyết Phạm Nhan</i> | Phạm Nhan khi sống là tướng giặc, khi chết quấy nhiễu hành hạ người dân, đặc biệt với những người phụ nữ, nếu phạm phải vía Phạm Nhan thì sẽ ốm đau, gặp phải nhiều bất trắc trong và sau khi sinh nở. |
| 2 | Thần Xương Cuồng | <i>Truyện Mộc tinh</i> (Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5) | Cây lớn thành tinh thường thay ánh đổi dạng, rất dững mãnh, có thể giết hại người vật. Biến hóa khôn lường, thường ăn thịt người. |
| 3 | Ngư tinh | <i>Truyện Ngư tinh</i> (Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5) | Con tinh Ngư xà (còn gọi là Ngư tinh) dài hơn năm mươi trượng, chân nhiều như chân rết, biến hóa vạn trạng, linh dị khôn lường, khi đi thì âm âm như mưa, lại ăn thịt người nên ai cũng sợ. |
| 4 | Hồ tinh | <i>Truyện Hồ tinh</i> (Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5) | Đất Long Biên có hòn núi đá nhỏ, dưới núi có huyết, có con cáo chín đuôi sống hơn nghìn năm, có thể thành yêu quái, biến hóa vạn cách, thành người hoặc thành quỷ, đi khắp nhân gian. |
| 5 | Thủy tinh | <i>Truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh</i> | Thủy tinh vì nổi oán hờn không lấy được Mị Nương (con gái vua Hùng thứ mười tám) mà oán nặng thù sâu với Sơn tinh. Kể từ đó hằng năm cứ vào tháng 6, tháng 7 âm lịch Thủy tinh lại hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão, gây nên những trận lụt lớn nhấn chìm không biết bao nhiêu nhà cửa, làm mùa màng thất bát, gây nên những khổ ải cho nhân dân. |

| | | | |
|----|---------------|--|---|
| 6 | Thần sông Độc | <i>Sự tích sông Độc</i> (Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5) | Nếu những khách buôn đi qua không sửa đồ lễ cúng tế thần sông thì buồm, cột, chèo, lái chẳng cái gì còn, thậm chí còn bỏ mạng nơi bến sông. |
| 7 | Thổ thần | <i>Thổ thần hung ác</i> (Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5) | Thổ thần có quyền to và rất hung ác. Lão sai yêu nước, yêu gió, yêu lửa hoành hành quấy nhiễu khắp nơi. Lão đi đến đâu người vật tan tác đến đấy. |
| 8 | Ông Cụt | <i>Sự tích Ghềnh Bợ</i> (Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5) | Từ khi ông Cụt đến ở Gành Bợ thì nước ở đây tự nhiên réo lên âm âm, thuyền bè đi lại rất khó khăn. Vào những hôm trở trời, ông Cụt lại nổi lên. Đầu ông Cụt nhô lên cao ba bốn thước, to như cái thúng cái lớn. Ông Cụt nổi sóng đánh đắm thuyền qua lại. Theo lệ thường, ngày xưa cứ mỗi năm ông Cụt bắt một người để ăn thịt. |
| 9 | Thần yêu hồ | <i>Thần hồ</i> (Theo Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ) | Làng Ngọc Cục huyện Bình Giang - Hải Dương khi xưa truyền rằng có tục thờ yêu hồ. Mỗi năm thần sẽ ăn thịt một người. Dân làng phải bắt một người làm vật hi sinh để cúng thì mới đổi lại một năm bình yên. |
| 10 | Thần trẻ con | <i>Thần trẻ con</i> (Theo Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ) | Sau khi bị ngỗng đuổi ngã xuống hồ chết, thần trẻ con hiển linh làm thần làng. Một năm cả làng sinh ra ốm đau, không được yên, phải mời thầy cúng về cúng thần mới được yên. |
| 11 | Bà chúa Ngựa | <i>Miếu bà chúa Ngựa</i> (Theo Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ) | Bà Chúa có tính cực dâm, hề gặp đàn ông là tư thông, mà không ai đáp ứng xuể được lòng dục. |
| 12 | Cao Biền | <i>Sự tích núi Cánh Diều</i> (Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5) | Cao Biền sau khi chết hóa thành yêu tinh có phép thuật cao cường, thường hại những người đi đường. Nó thường hiện hình giống người con gái trong cung, ăn mặc rất đẹp, có khi lại hóa thành đũa trẻ hay bà lão ngồi bên đường lừa và hại người qua lại. |

| | | | |
|----|------------------------|--|---|
| 13 | Ba tên giặc Tàu | <i>Truyện thuyết về Đương ba thằng</i> (Theo địa chí Quảng Ninh, tập 3) | Ba tên giặc Tàu chết trong trận đánh của tướng quân Trần Hưng Đạo tại vùng đảo Hà Nam - Quảng Ninh. Một năm đã làm cho dân làng bị dịch bệnh, sau dân làng phải mời thầy cúng tế cho ba vong hồn đó mới khỏi bệnh. |
| 14 | Ngô Bát Ngạo | <i>Truyện thuyết về Ngô Bát Ngạo</i> (Theo kho tàng truyện kể dân gian xứ Nghệ, của Ninh Viết Giao, 1993, NXB Nghệ An, Vinh) | Ngô Bát Ngạo là một con quý thường lẫn quất ở các thôn cùng ngõ hẻm xứ Nghệ. Hắn vốn là người Tàu, mắc bệnh mê gái, bị vua Tàu chém đầu. Chết rồi, trở thành một con quỷ cụt đầu, hắn lò mò trốn sang Việt Nam để tìm người đẹp. |
| 15 | Giặc Tàu họ Ngô | <i>Truyện về tên giặc Tàu họ Ngô</i> (ghi theo lời kể của sư thầy Thích Diệu Mười - trụ trì chùa Cam Lộ - Hùng Vương, Hải Phòng) | Tên ma Tàu hãm hại những người phụ nữ đẹp. Nửa đêm lên vào ngủ cùng những người phụ nữ đẹp. Rồi những người phụ nữ đẹp ấy mắc bệnh, người thì hóa điên, hóa dại, người thì ốm liệt giường, không thuốc thang nào chữa được. |
| 16 | Ma ả đào | <i>Truyện ma ả đào</i> Theo Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hồ, tr.173 | Hồn người ả đào nương tựa cây đa sau chùa để làm ma quấy khách. Người nào tuổi trẻ, đẹp trai, đi qua đây thường ốm đau mà chết. |
| 17 | Ma chú Khách người Tàu | <i>Sự tích ma chú Khách ở Thanh Nộn</i> Trích theo Truyện dân gian Kim Bảng, tập 2, NXB Dân trí, 2011 | Hễ trong làng có phụ nữ nào sinh nở mệt mỏi, yếu bóng vía là ban đêm mơ thấy một người đàn ông cao lớn, mắt lồi trố, răng to và trắng nhơn, đến hiếp dâm. Nhiều phụ sản kinh sợ, không dám ngủ một mình, bắt chồng con phải ngủ cùng giường. Chú Khách có thói hoang dâm. |
| 18 | Anh học trò Dâm | <i>Trăm một linh thân</i> Ghi theo Kho tàng truyện kể dân gian xứ Nghệ, của Ninh Viết Giao, 1993, NXB Nghệ An, Vinh | Anh học trò Dâm một lần đi dò trên gái, rồi bị người ta đuổi mà trượt ngã xuống sông. Sau ngày anh chết ít lâu, những vụ chết đuối, đắm đò, đắm thuyền ở khúc sông có bến đò Kia luôn luôn xảy ra. |

| | | | |
|----|---------------------------------|--|--|
| 19 | Quý thần cụt đầu | Ghi theo lời kể của sư thầy Thích Diệu Mười - trụ trì chùa Cam Lộ - Hùng Vương, Hải Phòng | Ở vùng Việt Tiến - Vĩnh Bảo - Hải Phòng có một bóng thần cụt đầu, thoát ẩn thoát hiện trong làng gây nên những đau thương chết chóc. Hễ thần gặp trẻ thì dim trẻ chết đuối, gặp phụ nữ thì giở thói dâm dục; gặp người già thì làm họ đau ốm, bệnh tật. |
| 20 | Hà bá bên bên sông Hóa | Ghi theo lời kể của cụ Trần Thị Bé - phật tử chùa Viên Minh tại Vĩnh Long - Vĩnh Bảo - Hải Phòng | Bên bên đò làng Sura nay là xã Vĩnh Long - Vĩnh Bảo - Hải Phòng tương truyền có vị thần sông rất dữ tợn. Mỗi lần thần giận dữ làm mưa to gió lớn, hắt võ đê, nhân dân khổ hạnh vô cùng. Đặc biệt mỗi năm bên bên sông đó thần đều bắt đi một người. Sau này nhân dân làm miếu, lập đàn cầu thần mới thấy bình yên. |
| 21 | Thần chết | Theo nguồn https://vi.wikipedia.org/wiki/Thần_chết/ | Thần chết là do con người tương tượng, nhân cách hóa về cái chết thành một thực thể sống, có khả năng hiểu biết và nhận thức còn gọi là tử thần hay thần chết. Người phương Tây miêu tả thần chết như một bộ xương người cầm lưỡi hái lớn, mặc áo choàng đêm hoặc đôi khi là một bộ trang phục bằng vải liệm trắng. Người Trung Quốc gọi thần này là Diêm Vương - vị thần có quyền năng chấm dứt sự sống của bất kì người nào. Người Nhật Bản gọi là Shinigami. Người Việt gọi là thần chết. Thần chết vị thần chủ trì cái chết gây đau thương, mất mát cho con người. |
| 22 | Thần hổ và ma trành ở Thanh Hóa | Truyền thuyết dân gian lưu truyền ở Thanh Hóa | Theo truyền thuyết ở Thanh Hóa khi một người bị hổ ăn thịt sẽ biến thành ma trành. Ma trành có hình dạng như con người. Nếu là phụ nữ thì thường là rất đẹp. Ma trành luôn đi theo con hổ và phục dịch nó như kẻ hầu người hạ. Ma trành thường làm công việc dụ dỗ người đi lạc vào rừng sâu, để hổ ăn thịt người đó. |

Bảng thống kê hệ thống ác thần mà chúng tôi đã tập hợp cho thấy một diện mạo thần linh hết sức phức tạp và đa dạng. Tuy chưa phải đầy đủ, mới chỉ dừng lại ở bước thống kê ban đầu qua những nguồn tư liệu và quá trình điền dã được, nhưng hệ thống ác thần trên đủ để chúng tôi phác thảo một đời sống tín ngưỡng đặc biệt của người Việt. Căn cứ vào bảng thống kê trên, dựa vào nguồn gốc xuất thân của các thần, chúng tôi phân loại ác thần thành hai nhóm: nhiên thần và nhân thần.

Bảng 3.2: Bảng phân loại ác thần

| Loại ác thần Stt | Nhiên thần | Nhân thần | |
|---------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------|
| | | Thần ngoại bang | Thần người Việt |
| 1 | Thần Xương Cuồng (thầy cây) | Phạm Nhan | Thần trẻ con |
| 2 | Ngư tinh | Cao Biền | Bà chúa Ngựa |
| 3 | Hô tinh | Ba tên giặc Tàu | Ma ả đào |
| 4 | Thủy tinh | Ngô Bát Ngạo | Anh học trò dâm |
| 5 | Thần sông Độc | Giặc Tàu họ Ngô | Ma trành |
| 6 | Thỏ thần | Ma chú Khách người Tàu | |
| 7 | Ông Cụt | Quý thần cụt đầu | |
| 8 | Thần yêu hồ | | |
| 9 | Hà bá sông Hóa | | |
| 10 | Thần chết | | |
| Tổng | 10 | 7 | 5 |

Nhìn vào bảng phân loại 3.1 và bảng 3.2, dù chỉ mang tính chất tương đối nhưng chúng tôi đã cố gắng nhóm các ác thần vào những nhóm có đặc điểm chung nhất để có thể dễ dàng đối chiếu. Nhóm những ác thần này đều giống nhau ở điểm đều có những hành vi gây ác, dù hành vi đó từ lúc các thần còn tại thế hay sau khi các thần đã biến hóa.

Trước tiên nói về các ác thần có nguồn gốc từ trong tự nhiên: Thiên nhiên từ ngàn xưa đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho con người. Con người cũng vì thế mà phủ lên thiên nhiên một tấm áo choàng rộng lớn dệt bằng huyền thoại. Mỗi phong cảnh núi, rừng, sông nước... đều có truyền thuyết hoặc thần linh riêng. Tất cả những biểu hiện của thiên nhiên đều do sức mạnh của một vị thần chi phối. Mỗi hành vi của đời sống con người đều như có một sự sắp đặt, an bài: những điều thiện được ban thưởng còn điều ác sẽ bị trừng trị. Mặt khác, người Việt tin rằng thế giới có những nguyên lí sinh tồn và hủy diệt. Nguyên lí sinh tồn làm cho sự sống được sinh sôi, còn nguyên lí hủy diệt sẽ làm tan rã mọi vật và gây cái chết cho con người. Với quan niệm về sự tồn tại của một trật tự vũ trụ bao quát cả con người và tự nhiên, từ xưa dân gian đã cho rằng số mệnh của mỗi con người là do thiên định trong đó có sự ảnh hưởng không nhỏ của các vị thần linh. Những thần có nguồn gốc từ tự nhiên có lẽ là những thần xuất hiện sớm nhất trong đời sống văn hóa tín ngưỡng Việt. Con người quá nhỏ bé trước sức

mạnh của tự nhiên. Những hiện tượng mưa, gió, bão lụt là những hiện tượng mà người Việt cổ chưa có khả năng kiểm soát và khống chế. Những cơn lụt lội tàn hại cùng với những trận hạn hán khô cằn, những hiện tượng thiên nhiên thay đổi thất thường khiến cho con người hoang mang. Từ đó dẫn đến tâm lí cầu đảo, người dân gán cho tất cả các hiện tượng tự nhiên sức mạnh của thần linh. Các thần núi, thần sông, thần nước... có lẽ ra đời từ lí do đó. Và hầu hết các thần có xuất thân tự nhiên đều có bản chất hung bạo, dữ tợn. Thần Xương Cuồng được ghi lại trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (tập 4) chính là một cái cây lớn lâu đời thành tinh. Nghĩa của từ Xương Cuồng là hành động một cách bạo ngược, tàn ác không thể trấn át được. Truyền thuyết kể ở đất Phong Châu thời thượng cổ có một cây lớn gọi là cây chiêm đàn cao hơn ngàn nhẫn, cành lá xum xuê, không biết che rợp tới mấy ngàn dặm. Có chim hạc đến đậu nên đất chỗ đó gọi là Bạch Hạc (nay là đất Bạch Hạc (gần Việt Trì) thuộc tỉnh Vĩnh Phúc). Cây trải qua hàng mấy ngàn năm khô héo mà biến thành yêu tinh, thường thay ánh đổi dạng, rất dũng mãnh, có thể giết hại người vật. Kinh Dương Vương dùng nhạc mà đánh thắng yêu, yêu hơi chịu nhún nhưng vẫn nay đây mai đó, biến hóa khôn lường, thường ăn thịt người. Dân phải lập đền thờ, hằng năm tới ngày 30 tháng chạp, theo lệ phải mang người sống tới nộp, dân mới được yên ổn. Khi Nhâm Hiêu được bổ làm quan lệnh, muốn dẹp bỏ lệ cúng thần Xương Cuồng. Thần đã tức giận vật chết Hiêu, vì thế về sau lại phụng thờ cẩn thận. Ngư tinh là thần ở biển đông, dài hơn năm mươi trượng, chân nhiều như chân rết, biến hóa vạn trạng, linh dị khôn lường, khi đi thì âm âm như mưa, lại ăn thịt người nên ai cũng sợ. Thuyền của nhân dân đi qua chỗ này thường bị Ngư tinh làm hại. Lại có Hồ tinh chính là nơi tương truyền có con cáo chín đuôi sống hơn nghìn năm thành yêu quái biến hóa vạn cách, thành người hoặc thành quỷ, đi khắp nhân gian. Con cáo chín đuôi biến thành người áo trắng nhập vào giữa đám dân Man (tên gọi 1 bộ tộc thời Hùng Vương) cùng ca hát rồi dụ dỗ trai gái trốn vào trong hang núi. Người Man rất khổ sở. Rồi chuyện kể ở sông Độc xứ Sơn Nam, nguồn từ sông Hát chảy ra, là nhánh của sông Phú Lương (sông Nhị), chảy đến làng Đốc Tín, huyện Kim Bảng hợp với sông Lương mà thành ra sông Độc. Chỗ ngã ba sông, có cái miếu thờ thần sông. Thuyền buôn qua lại phải sửa đồ lên lễ, không thì buồm, cột, chèo, lái chẳng cái gì còn. Theo truyền thuyết, xưa Thổ thần cũng từng được gán cho sức mạnh hung ác. Thuở ấy trời nước mênh mông người thì ít mà yêu quái thì nhiều vô kể. Thổ thần có quyền to và rất hung ác. Lão sai yêu nước, yêu gió, yêu lửa hoành hành quấy nhiễu khắp nơi. Lão đi đến đâu người vật tan tác đến đấy. Thủy tinh là thần nước thành tinh vì ân oán riêng với Sơn tinh mà hằng năm cứ vào tháng 6, 7 âm lịch lại hô mưa, gọi gió, gây nên những trận lụt lớn, nhấn chìm nhiều làng mạc, tàn hại muôn loài. Xưa nay, hà bá thường được coi là một vị thần có sức mạnh ghê gớm, dữ tợn. Vào những năm nước dâng cao, gió bão thất thường, những

năm mất mùa, đói kém, rồi những hiện tượng người chết đuối... đều được người dân cho rằng đó là vì hà bá nổi giận hoặc không hài lòng vì một điều gì đó. Muốn cho dân an vật thịnh, người dân phải làm lễ cúng tế hà bá rất cẩn thận. Có lẽ việc thờ thần sông hay thường gọi là thờ hà bá là đặc trưng chung của những cư dân vùng sông nước. Và liên quan đến việc thờ thần hà bá thường gắn với tục hiến tế, hiến sinh, nhân dân cổ xưa tin rằng phải cống nạp cho hà bá thì mới có một cuộc sống yên ổn, mùa màng tốt tươi. Các ác thần thường có những yêu sách mà người dân phải ngầm hiểu và thực hiện để thỏa mãn lòng thần. Ở làng Ngọc Cục huyện Bình Giang - Hải Dương khi xưa truyền rằng có tục thờ yêu hồ, phải bắt người làm vật hi sinh để cúng. Ông Cụt có nguồn gốc từ rấn. Từ khi ông đến ở gành Bợ thì nước ở đây tự nhiên réo lên âm âm, thuyền bè đi lại rất khó khăn. Vào những hôm trở trời, ông Cụt lại nổi lên. Đầu ông Cụt nhô lên cao ba bốn thước, to như cái thúng cái lớn. Ông Cụt nổi sóng đánh đắm thuyền qua lại. Theo lệ thường, ngày xưa cứ mỗi năm ông Cụt bắt một người để ăn thịt. Vì vậy gành Bợ đã nổi tiếng là một gành hung dữ trên sông Đà. Người ta có câu: “Nhất thác Bờ, nhì gành Bợ”. Trên đây, chỉ là những trường hợp điển hình cho hàng nghìn, hàng vạn các thần trên đất Việt có xuất thân từ tự nhiên. Các thần đều gặp nhau ở tính cách hung dữ, tàn bạo, sẵn sàng tạo nên sự hủy diệt và chết chóc theo quan niệm dân gian chính là sự thần thánh hóa sức mạnh hủy diệt của tự nhiên.

Loại ác thần là nhân thần bao gồm thần ngoại bang và thần người Việt. Có lẽ những thần này xuất hiện muộn hơn thần tự nhiên. Khi mà bóng dáng của vó ngựa xâm lược đã tràn trên đất nước ta, lúc này mới có sự xuất hiện của những người ngoại quốc. Sự giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn hóa kéo theo đời sống sinh hoạt cộng đồng cũng có nhiều biến đổi. Trong ác thần ngoại bang thì cả 7 đều xuất thân từ Trung Quốc, có lẽ nước ta đã phải trải qua hàng ngàn năm chịu sự kiểm tỏa của giặc phương Bắc nên đối với dân gian nhắc đến kẻ thù xâm lược không thể không nghĩ đến Trung Quốc. Từ đó hình bóng của những ma Tàu, quỷ thần Tàu, ác bá Tàu cũng xuất hiện nhiều trong đời sống tâm linh của người Việt. Phạm Nhan là kẻ trong người mang hai dòng máu mẹ người Việt, cha người Tàu. Khi còn tại thế vì ham cứu lấy mạng sống của mình mà dẫn quân xâm lăng về dày xéo lên đất mẹ, giẫm đạp lên sinh linh đồng loại. Khi chết lại trở thành quỷ ác chuyên làm những điều xấu xa, hãm hại phụ nữ, gieo bao đau thương, khổ hạnh. Cao Biền vốn là người Trung Quốc, rất giỏi về nghề địa lý, những phép hô thần tróc quỷ hấn đều thông thạo. Hấn sang Việt Nam đi khắp nước trấn yểm các huyệt tốt của nước ta. Một kẻ ngoại quốc xấu xa đã dùng tà thuật để yểm huyệt và phá tất cả các long mạch của nước Nam ta. Ác giả ác báo, Biền đã bị nhân dân ta dùng nỏ để bắn, hàng trăm vạn mũi tên nhất tề phóng trúng cánh diều của Biền. Cao Biền bị trọng thương chết ngay (Sự tích Núi cánh Diều - Tổng tập văn học dân gian người Việt, tập 4). Cao Biền sau khi chết hóa thành yêu tinh có phép thuật

cao cường, thường hại những người đi đường. Thường hiện hình giống người con gái trong cung, ăn mặc rất đẹp, có khi lại hóa thành đứa trẻ hay bà lão ngồi bên đường lừa và hại người qua lại. Những thần có nguồn gốc ngoại bang còn là những tên giặc chết bỏ mạng trên đất Việt sau đó sẵn lòng tà đạo gây nên nhiều chuyện tai quái, nhiều loại bệnh tật cho người dân quanh vùng. Truyền thuyết Đượng ba thằng ở vùng đảo Hà Nam - Quảng Ninh kể có ba thằng giặc sót lại sau trận Bạch Đằng. Dân làng dùng đất lấp mà thành một cái đượng (gò đồng). Sau này ba hồn này cũng bày trò ám hại nhân dân mắc tai ương, dịch bệnh, rồi về báo mộng dân làng phải làm lễ cúng tế. Thế mới biết loại ác thần này sống đã tạo nghiệp, chết lại còn tác oai tác quái trên đất người. Những Ngô Văn Ngạo, giặc Tàu họ Ngô đều xuất thân Trung Quốc, đều là những kẻ ham mê sắc dục mà bị vua Tàu chém đầu. Chết rồi thành quỷ không đầu chạy sang đất Việt. Ngô Bát Ngạo hoành hành ở Nghệ An, còn tên giặc Tàu họ Ngô kia gây nên những điều quái ác ở vùng đất Cam Lộ - Hải Phòng. Hai kẻ ác quỷ này, tuy được kể ở những vùng khác nhau, nhưng có những điểm khá tương thích. Những tên ma Tàu này chuyên hãm hại những người phụ nữ đẹp. Nửa đêm thường lên vào ngủ cùng những người phụ nữ đẹp. Ban đầu những người này còn tưởng như chồng mình, nhưng sau đó thì thấy lạnh mới biết là bị ma ám, ma theo. Rồi những người phụ nữ đẹp ấy mắc bệnh, người thì hóa điên, hóa dại, người thì ốm liệt giường, không thuốc thang nào chữa được. Sự tích về mã chú Khách ở làng Thanh Nộn - Hà Nam kể về một gã người Tàu không biết thuộc địa phương nào của Trung Quốc, đến cư ngụ ở làng Thanh Nộn, cũng không rõ tên tuổi là gì, dân làng thường gọi là chú Khách. Khi còn sống hành tung của chú Khách khá mờ, bí hiểm, nhưng cũng không gây nên tai tiếng gì. Nhưng sau khi chú Khách qua đời lại hành tác điều ác. Chú Khách có thói hoang dâm. Cứ có phụ nữ sinh đẻ là hẳn mò tới. Hễ trong làng có phụ nữ nào sinh nở mệt mỏi, yếu bóng vía là ban đêm mơ thấy một người đàn ông cao lớn, mắt lồi trố, răng to và trắng nhợt, đến hiếp dâm. Nhiều sản phụ kinh sợ, không dám ngủ một mình, bắt chồng con phải ngủ cùng giường. Trường hợp đề phòng cẩn thận thì hắt rút, trường hợp nào chủ quan không phòng bị thì hẳn được thỏa ham muốn sắc dục. Biết bao năm, chú Khách và mã chú Khách là nỗi ám ảnh dai dẳng với dân chúng trong làng. Có thể nói những vị thần có nguồn gốc ngoại bang hiện tồn trong đời sống văn hóa Việt đều có xuất thân, nguồn gốc từ Trung Quốc. Với một nghìn năm Bắc thuộc, dân ta đã phải chịu biết bao kìm kẹp của phương Bắc. Sự xâm lấn về đất đai lãnh thổ, sự bá đạo, độc quyền văn hóa có ảnh hưởng không nhỏ tới sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt. Những ác thần có nguồn gốc ngoại bang này đều là những kẻ đáng khinh ghét, lên án.

Trong thế giới văn hóa đa dung, hỗn hợp của người Việt, những thần có nguồn gốc ngoại bang tồn tại khá nhiều. Dân tộc ta phải trải qua bao cuộc chiến tranh dựng và giữ nước, hình bóng kẻ thù trở thành nỗi ám ảnh khôn nguôi trong mỗi người dân.

Chiến tranh xảy ra sự mất mát và chết chóc là điều không thể tránh khỏi. Đối với những anh hùng dân tộc hi sinh vì nền độc lập là niềm tự hào và trở thành vinh dự cao quý, được đời đời tưởng nhớ. Còn đối với những tên tướng giặc, những kẻ cướp nước cái chết của họ là một sự mất mát uổng phí. Cái giá mà họ phải trả cho cuộc chiến phi nghĩa đó là việc phải bỏ mạng nơi xứ người, đến linh hồn cũng phải trốn chui trốn lủi, ẩn nấp trong bóng đen. Trên đất Việt có biết bao những linh hồn như vậy. Trong quan niệm của nhân dân đã là giặc thì không thể tốt. Việc đánh giá thiện ác, tốt xấu đứng trên quyền lợi và danh dự của quốc gia dân tộc. Như vậy những tên tướng giặc, những kẻ ngoại quốc thường được xếp vào hạng ác như trường hợp của Trọng Thủy, Sầm Nghi Đống, Cao Biền và còn rất nhiều các tướng lĩnh khác. Trọng Thủy là kẻ tình báo, dùng hôn nhân hòa hảo làm chỗ nương mình sau đó lừa tình, ăn cắp quốc bảo, trộm bí kíp chế nỏ thần lật lọng quay lại đánh chiếm Âu Lạc, truy sát An Dương Vương và người vợ đã hết mực tin tưởng mình. Những hành động của Trọng Thủy có thể quy vào tội bất nhân, bất nghĩa. Nỗi căm giận của người dân Cổ Loa với Trọng Thủy được thể hiện ở việc họ không chôn xác Trọng Thủy, mà chỉ khơi một cái lạch để xác trôi ra sông Hoàng (sông Nguyệt Đức). Khi xác trôi vào bờ, người dân cách làng Cổ Loa 15 km vớt xác Thủy lên chôn và lập miếu thờ. Hiện tượng Trọng Thủy được dân gian chú ý tới khi sống là kẻ địch, gây việc ác cho đất nước Âu Lạc và gián tiếp tạo nên cái chết của cha con An Dương Vương và Mị Châu. Tuy nhiên sau khi chết mặc dù có nói đến việc được lập miếu thờ nhưng không có câu chuyện nào về việc hồn Trọng Thủy làm việc ác. Bởi vậy mà không thể xếp Trọng Thủy vào trong những ác thần. Trường hợp của Sầm Nghi Đống cũng vậy, mặc dù vốn là một tên tướng giặc từng chiếm đóng trên đất ta, sau khi chết hán cũng được dân lập đền thờ, như một vị thần trấn tại vùng đất đó, nhưng không có chuyện kẻ hán tiếp tục gây tội ác. Có lẽ còn nhiều những tên giặc kiểu như vậy trên đất Việt. Như vậy việc xác định hành vi gây ác có thể được nhóm thành 3 loại như sau: thứ nhất khi sống làm việc ác nhưng khi chết không tiếp tục hành ác; thứ hai khi sống làm việc ác khi chết tiếp tục hành ác; thứ ba khi sống không hành ác nhưng khi chết lại gây nên nghiệp ác. Trường hợp thứ nhất không được xem là ác thần, ác thần nằm trong hai trường hợp còn lại. Đây cũng là căn cứ giúp chúng tôi có thể nhận biết và hệ thống ác thần trong đời sống văn hóa Việt.

Bên cạnh những thần có nguồn gốc ngoại bang còn có những thần cũng xuất phát là nhân thần nhưng có nguồn gốc Việt. Hiện tượng thờ cúng nhân thần rất phổ biến trong tín ngưỡng của người Việt. Tuy nhiên các nhân thần cũng được phân chia cấp bậc, thứ hạng khác nhau. Ngoài những nhân thần là anh hùng dân tộc, được bia đời ghi danh và tiếng thơm truyền mãi thì trong dân gian còn có rất nhiều thần có xuất thân từ tầng lớp bình dân. Những thần này thường giống nhau ở cái chết đột ngột, bất thường vào những giờ thiêng, giờ phạm được thượng đế cho làm thần: như thần ăn xin

ở Cương Kỳ (Nam Đàn); thần lặt phân ở Thanh Chương; thần trẻ con ở làng Dương Xá; thần trèo cây hái quả bị ngã ở làng Long Trảo - Nghi Khánh (Nghệ An); thần buôn lợn ở núi Cô Sơn - Thanh Thủy (Nam Đàn); thần chăn trâu bò như bà chúa Nhâm ở Yên Lại (Hòa Sơn - Đô Lương); những dâm thần như bà chúa Ngựa ở Hải Dương; dâm thần ở Dị Nậu (Quỳnh Dị - Nghệ An); thần Trâm Một - cậu học trò có thói dâm ô; v.v... Và còn rất nhiều thần dạng như vậy tồn tại trong cộng đồng Việt. Những loại thần này được xếp vào hạng tà thần, dâm thần. Trong nhóm những tà thần này, chỉ những thần nào tạo tác việc ác, quấy hại nhân dân làm chao đảo cuộc sống nơi dân già mới được xem là ác thần. Sự khác biệt giữa tà thần và ác thần chính bởi hành vi gây ác của thần. Những thần trẻ con, những ma ả đào, bà chúa Ngựa, anh học trò dâm đều có những hành vi gây ác khiến nhân dân vì khiếp sợ mà phải thờ cúng. Bởi nếu không thờ họ, họ sẽ gây nên bạo bệnh, thiên tai, dịch họa tàn sát cả muôn vật, nhấn chìm tàu bè, thậm chí giết hại cả người vô tội. Trước những hành động tạo ác này các thần tự kiếm tìm chỗ đứng của họ để đòi hỏi nhân dân phải chấp bái tuân phục. Ở Thanh Hóa có lưu truyền câu chuyện khá li kì liên quan đến thần hổ và một loại thần phục dịch cho thần hổ là ma trành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thành Yên, ông Trương Văn Gương cho biết: “Ở đây ngoài việc tôn trọng thần rừng, thần núi, thì sợ thần hổ với ma trành lắm, không dám vào rừng lấy que củi, chứ đừng nói chuyện vào đó chặt phá rừng. Ngoài chuyện sợ hổ, người Mường rất sợ ma trành, là loại ma bị hổ ăn thịt mà biến thành, chuyên dụ dỗ người, khiến người lạc đường vào rừng mà bị hổ ăn thịt. Rừng là chốn chúa sơn lâm với ma trành ở, nên không ai dám kinh động. Chỉ có mấy thợ săn, bắt chấp tính mạng mới dám mò vào rừng. Nhưng những người vào rừng ăn cắp của rừng, đều chẳng ra sao, không nghèo đói thì cũng gặp tai họa. Dòng họ nhà tôi có mối thâm thù với hổ, nhưng cũng sợ lắm, phải thờ hổ, thờ cả ma trành, mà bà tổ cô trong họ là một ví dụ”[139]. Cũng tại nơi đây còn lưu truyền câu chuyện về bà tổ Mối bị hổ giết hại và hóa thành ma Trành. Bà tổ Mối vốn là người con gái họ Đinh, do đánh nhau với hổ mà chết. Khi bà qua đời, loài mối đã xây mộ cho bà. Nghĩ việc mối xây mộ là linh thiêng, nên gia đình không đưa bà về làm tang, chôn cất như bình thường, mà để mối phủ kín. Chỉ đến sáng hôm sau, tổ mối đã to bằng đồng rom, trùm kín thân thể bà, biến thành ngôi mộ khổng lồ. Bà Tổ Mối dù có mối thâm thù với hổ, nhưng theo quan niệm của người dân vùng Thạch Thành - Thanh Hóa, khi bà bị thần hổ sát hại, thì bà sẽ biến thành ma trành mà đi theo làm nô lệ cho nó. Thần hổ xám oai phong lừng lẫy, thoát ản, thoát hiện trong rừng già, ăn thịt vô số người. Thế nhưng, có những lúc nó lại biến thành cụ già cao lớn phong độ, ngồi bên suối Vó Ấm, và có rất nhiều nữ ma trành xinh đẹp vây quanh, như những chồn tinh mê đắm lòng người trong Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh. Ngôi miếu thờ thần hổ bên con suối Vó Ấm ở trong rừng, ít người dám qua

lại. Họ vẫn tin có thần hổ và ma trành ngự ở đó. Nhiều người kể rằng, đi làm nương, nghỉ trưa gần ngôi miếu, đang thiu thiu thì đều nghe thấy tiếng khúc khích phát ra từ ngôi miếu bên suối Vó Âm chảy róc rách. Họ tin rằng, đó chính là tiếng của ma trành và ma Trành không chỉ có một mà có rất nhiều ma Trành, phạm là những người bị hổ ăn thịt đều biến thành ma Trành. Người dân phía tây Thanh Hóa có mối thâm thù với hổ nhưng cũng sợ hổ, phải thờ hổ, thờ cả ma Trành nữa.

Qua những hiện tượng ác thần kể trên, chúng ta đã thấy một đời sống văn hóa tín ngưỡng vô cùng phức tạp của người Việt. Xu hướng thần thánh hóa khá lỏng lẻo trong dân gian. Sự ám ảnh về thần linh và những thế lực huyền bí, khiến nhân dân đắm mình trong dòng thác tâm lí rất đặc biệt. Trong dân gian có câu “quỷ thần hai vai”, nghĩa là họ quan niệm trong cuộc sống của mình luôn có bóng dáng quỷ thần. Chính điều đó đã tạo nên một hệ thống mang danh hiệu ác thần. Ác thần là tên gọi mà giới nghiên cứu phân loại để nhấn mạnh vào hành trạng của thần. Còn trong dân gian vẫn chỉ tồn tại một khái niệm duy nhất đó là THẦN. Với nhân dân thần để kính hay thần để sợ thì sức ảnh hưởng tới đời sống tâm linh của họ vẫn không thay đổi. Và cũng bởi các thần dù có làm điều ác, có từng hoành hành quấy nhiễu, nhưng sau khi được nhân dân hương khói, tất cả đều trở về trật tự bình an. Điều đó khiến cho dân gian tin ở những điều mình làm đã lay động và cảm hóa thần linh. Thiết nghĩ nếu thờ những thần ác mà nhân dân vẫn đau khổ, vẫn chết chóc, tang thương thì chắc không ai còn muốn hương khói cho những vị thần này nữa. Bằng một năng lực và niềm tin vô hình nào đó mà giữa ác thần và con người vẫn có sự ràng buộc.

3.1.2. Sự tương quan giữa kiểu truyện về ác thần của người Việt với truyền thuyết Phạm Nhan

Nghiên cứu truyền thuyết Phạm Nhan trong mối quan hệ với kiểu truyện về ác thần từ góc độ so sánh cũng đồng nghĩa với việc thừa nhận tính cùng loại của kiểu truyện như một hiện tượng văn hóa, có khả năng lan truyền rộng khắp. Cùng phản ánh một đối tượng là nhân vật phản diện, các truyện kiểu này chứa đựng những nội dung có những nét tương đồng với nhau.

Về nhân vật:

Nhân vật chính trong truyền thuyết Phạm Nhan cũng như trong các truyện về ác thần đều mang bản chất xấu xa, độc ác. Các kiểu nhân vật: nhân vật là vật hoặc người hóa thành tinh, nhân vật là những người chết bất đắc kì tử, những vong hồn lang thang cơ nhỡ, nhân vật là những thần có tính dâm, nhân vật là những tên giặc hoặc tướng giặc, nhân vật là người nước ngoài (người Tàu). Những nhân vật phản diện này được khắc họa là những kẻ ác độc, có sức mạnh hung dữ, sẵn sàng hại người hại vật. Bản chất của kiểu nhân vật này là ác. Hành động nhân vật được bộc lộ tương đối rõ

ràng. Những loại người, kiểu người khác nhau được khắc họa ở mức độ cao nhất những nét bản chất loại hình được soi chiếu theo quy chuẩn về cái ác, cái xấu nên cũng hiện ra trước mắt chúng ta với nét đặc tả chân thực nhất.

Về cấu tạo cốt truyện:

Trong các kiểu nhân vật phản diện mà chúng tôi thống kê được có nguồn gốc và đặc điểm khác nhau có thần có nguồn gốc từ tự nhiên, có thần xuất thân từ con người nhưng đều giống nhau ở một điểm đó là sự gây hại cho con người. Cốt truyện về các nhân vật ác này được diễn tiến theo ba chặng: chặng thứ nhất là sự xuất hiện kì lạ của nhân vật, chặng thứ hai là hành trạng bất thường, đặc tính xấu xa của nhân vật, chặng cuối cùng trong cuộc đời nhân vật là sự tái sinh, gây họa. Truyền thuyết Phạm Nhan và các truyền thuyết trong kiểu truyện về ác thần đều giống nhau ở chặng tái sinh, gây họa của nhân vật. Một trong những đặc điểm căn bản của các ác thần đó là tính chất gây hại cho con người. Cốt truyện tập trung vào cuộc đời và hành trạng gây ác của các nhân vật phản diện.

Về môtip:

Kiểu truyện là một tập hợp những truyện kể có những môtip cùng loại hình. Qua khảo sát chúng tôi thấy kiểu truyện về ác thần có các dạng môtip: môtip ra đời kì lạ, môtip người, vật hóa thành tinh; môtip về tính dâm; môtip quỷ không đầu; môtip đồng mỗi đùn mộ; môtip tái sinh gây họa; môtip phù thủy sử dụng phù phép; môtip báo mộng. Các môtip này tồn tại trong kiểu truyện về ác thần nhằm làm sáng rõ bản chất xấu xa, độc ác của nhân vật. Trong một kiểu truyện có nhiều môtip nhưng không nhất thiết mỗi truyện trong kiểu truyện đó phải có đủ các môtip chung. Trong số những truyền thuyết mà chúng tôi khảo sát được về các nhân vật ác thần không phải truyền thuyết nào cũng bao hàm đầy đủ các môtip nêu trên. Mỗi cốt truyện khác nhau chỉ gặp nhau ở một hoặc một vài môtip, trong đó có những môtip nòng cốt giữ vai trò quan trọng trong cốt truyện.

Môtip về sự tái sinh, gây họa là môtip liên quan trực tiếp đến hành động của ác thần. Kiểu truyện về ác thần nhất thiết phải có một môtip liên quan đến thần ác gây họa. Đó chính là cốt truyện tối thiểu. Một cốt truyện tối thiểu có thể chỉ gồm một môtip quan trọng nhưng có một cấu trúc trọn vẹn và tên của truyện thường chính là tên của môtip quan trọng đó. Ngoài môtip nòng cốt là môtip tái sinh, gây họa, trong kiểu truyện về ác thần còn có các môtip quan trọng liên quan đến cuộc đời và bản tính xấu xa của nhân vật như môtip về tính dâm, môtip phù thủy sử dụng phù phép cùng với sự lồng ghép, đan xen một số môtip phụ tạo ra những kết cấu phức tạp, độc đáo của truyện về ác thần.

Truyền thuyết Phạm Nhan có sáu môtip trong đó ba môtip liên quan trực tiếp đến hành động của nhân vật ác thần Phạm Nhan là Môtip về tính dâm, Môtip tái sinh gây họa, môtip phù thủy nuôi âm binh. Ba môtip này có mặt ở hầu hết các truyện

thuyết về Phạm Nhan với tần số xuất hiện dày đặc nhằm khắc họa tính cách xấu xa, bản chất đê hèn của nhân vật. Những truyện cùng kiểu về ác thần với truyền thuyết Phạm Nhan có ít môtip hơn, trong mỗi truyện chỉ có một hoặc hai môtip căn bản làm nổi bật nội dung cốt truyện. Các truyện về Ngư tinh, Mộc tinh, Hồ tinh có môtip nổi bật là người, vật hóa thành tinh. Cây sống lâu đời tu luyện hóa thành tinh, con ngư xà sống lâu năm cũng hóa tinh, con cáo sống hơn nghìn năm tuổi có thể hóa yêu tinh... Khi đã hóa tinh, những nhân vật này có khả năng biến hóa khôn lường, rất dũng mãnh có thể giết hại người và vật. Truyền thuyết về miếu bà chúa Ngựa, tên giặc Tàu họ Ngô, truyền thuyết về Ngô Bát Ngạo, Ngô Văn Trọc, sự tích Trầm một linh thần ở Nghệ An, sự tích mả chú Khách ở Thanh Nộn - Hà Nam có môtip nòng cốt là môtip về tính dâm. Ác thần trong các truyền thuyết này gặp nhau ở bản tính dâm dăng, thói dâm và những tật xấu của nhân vật đã xui khiến những hành động làm hại người, hại đời. Hàng loạt những hiện tượng lạ xảy ra trong đời sống với những người phụ nữ, đặc biệt đối với những người có nhan sắc là hệ quả của tính dâm do các ác thần này gây ra. Ác thần có tính dâm có thể đi khắp mọi nơi, len vào bất cứ đâu để tư thông và hành hạ phụ nữ đến ốm đau, bệnh tật, người thì hóa điên, hóa dại, người thì ốm liệt giường, người thì tử phạm mà chết... Môtip sử dụng phép phù thủy để phù phép chỉ có ở những truyện liên quan đến người Tàu. Những Cao Biên, những chú Khách người Tàu, những Phạm Nhan đều là những người được học phép phù thủy từ Trung Quốc rồi sang nước Nam dùng bùa chú để trấn yểm long mạch chặn hết các mạch đất quý của nước Nam; sử dụng phép phù thủy để nuôi dưỡng âm binh phục vụ cho những mục tiêu bất chính của mình. Truyền thuyết về các tên tướng giặc phải bỏ mạng nơi đất khách quê người, cảm thấy tử phạm khi không được thờ cúng thường báo mộng cho người dân để thực hiện một cuộc trao đổi. Những ác thần này thường làm cho người dân tại những địa phương mà hồn còn lẩn quất bị bệnh tật, ốm đau, chết chóc khiến nhân dân kinh hãi trước tai ách do thần gây ra buộc phải thờ cúng ác thần để mong mang lại sự bình an cho mình.

Truyền thuyết Phạm Nhan trong tương quan so sánh với những truyện cùng kiểu của người Việt có nhiều dấu hiệu thể hiện tính chất loại hình trên các phương diện: nhân vật, cốt truyện, môtip. Có thể xem đây là một hiện tượng văn học độc đáo, nảy sinh và phát triển dưới sự tác động của các yếu tố lịch sử, văn hóa. Kiểu truyện tập trung vào một loại nhân vật phản diện có liên quan mật thiết tới đời sống văn hóa, tín ngưỡng của nhân dân. Truyện thuộc tiểu loại truyền thuyết tín ngưỡng hay truyền thuyết tôn giáo như một số nhà nghiên cứu đã phân loại. Kiểu truyện này không nhằm mục đích tôn vinh các biểu tượng lịch sử mà dựa trên nhu cầu tâm lý về sùng bái lực lượng siêu hình và khát vọng giải mã những hiện tượng bí ẩn của đời sống. Khi con người khó có thể nắm bắt và làm chủ vận mệnh của mình, họ nghĩ luôn có một thế lực nào đó ám ảnh, làm hại họ và để thay đổi được điều đó họ tìm đến với thế giới tâm linh huyền bí để lí giải những hiện tượng lạ diễn ra trong đời sống của con người.

3.2. Cặp đôi nhân vật Phạm Nhan - Đức Thánh Trần trong truyền thuyết về ác thần và phúc thần

3.2.1. Tương phản về môtip

Sự đa dạng, phong phú của thế giới nhân vật truyền thuyết không chỉ phác họa những chân dung lịch sử mà còn mở rộng biên độ về đối tượng phản ánh. Nội dung truyền thuyết không dừng lại ở cảm hứng tôn vinh lịch sử mà còn góp phần tái hiện thực tại. Thế giới của truyền thuyết là một xã hội thu nhỏ với đủ loại người từ dân thường áo vải đến những bậc thiên tử, thân vương tôn quý; từ những người công trạng hiển hách đến những kẻ xấu xa, trộm cướp... Dòng tâm thức dân gian có đủ các cung bậc cảm xúc từ tôn sùng đến bài bác, từ thành kính đến khinh miệt. Bởi vậy, nguồn cảm hứng chủ đạo giữa truyền thuyết về ác thần có sự khác biệt với những truyền thuyết về phúc thần. Từ đó chi phối tới nội dung phản ánh và hình thức nghệ thuật trong mỗi tác phẩm dân gian. Môtip truyền thuyết là một trong những chi tiết nổi bật thể hiện sự khác biệt căn bản này.

Trong những môtip mà chúng tôi liệt kê khi khảo sát truyền thuyết Phạm Nhan có môtip chung thường gặp trong hầu hết các truyền thuyết của người Việt, có những môtip chỉ có trong những truyền thuyết về nhân vật phản diện. *Môtip về tính dâm, Môtip tái sinh gây họa, môtip phù thủy nuôi âm binh* là những môtip đặc biệt trong truyền thuyết Phạm Nhan nói riêng và truyền thuyết về những nhân vật phản diện nói chung. Những môtip này không xuất hiện trong những truyền thuyết về phúc thần. Đây là điểm khác biệt căn bản giữa môtip truyền thuyết Phạm Nhan với môtip truyền thuyết về phúc thần. Những môtip thể hiện bản tính xấu, ác: tính dâm, sự gây hại, nổi ám ảnh... là đặc sản riêng của những truyền thuyết về ác thần.

Một số *môtip về sự ra đời kì lạ, môtip khống chế bằng vật đặc biệt, môtip báo mộng* xuất hiện phổ biến trong truyền thuyết người Việt. Tuy nhiên, nội dung của những môtip này trong truyền thuyết Phạm Nhan cũng có sự khác nhau rõ rệt với những truyền thuyết về phúc thần. Sự ra đời kì lạ của những nhân vật phúc thần luôn gửi gắm niềm yêu, sự mong đợi của nhân dân và luôn hứa hẹn những con người lớn lên sẽ xuất chúng. Còn sự ra đời của Phạm Nhan cho thấy những bất thường và đã dự báo trước được kẻ sinh ra để gây họa. Ở môtip khống chế bằng vật đặc biệt hầu hết các truyền thuyết đều nhấn mạnh vào vai trò của vật khống chế cũng như người có đủ tài năng và đức độ để điều khiển vật khống chế đó. Trong môtip này nhân vật Phạm Nhan được tái hiện với tư cách kẻ tội phạm phải chịu sự khống chế đó. Môtip báo mộng một môtip vô cùng quen thuộc trong truyền thuyết ở đó các nhân vật thường đem đến những giấc mộng lành, và thông qua giấc mộng để phù nước cứu dân. Nhưng giấc mộng trong truyền thuyết Phạm Nhan là mộng dữ, ở đó có sự đe dọa, ra điều kiện và những giao ước bắt buộc giữa ác thần với những người dân vô tội. Như vậy, có thể

thấy dù tên môtip có thể giống nhau, song nội dung của các môtip này trong truyền thuyết về phúc thần với truyền thuyết về Phạm Nhan là hoàn toàn khác nhau. Khai thác những nội dung cụ thể giúp chúng ta có thể đánh giá được bản chất của nhân vật chính trong truyền thuyết.

3.2.2. Tương phản về kết cấu

Phạm Nhan được truyền thuyết khắc họa là kẻ bán nước hại dân. Cốt truyện về Phạm Nhan cũng phát triển theo ba chặng như một công thức chung cho các truyền thuyết dân gian. Tuy nhiên, đặc điểm của các chặng đời Phạm Nhan có sự khác biệt rõ rệt với những truyền thuyết về phúc thần. Xưa nay, chúng ta mới tìm hiểu nhiều về cốt truyện của những nhân vật có công tích hiển hách trong lịch sử “sinh vi tướng, tử vi thần”. Còn về những nhân vật đối nghịch ít khi được nhắc tới. Để so sánh cốt truyện truyền thuyết Phạm Nhan với tư cách là ác thần với các cốt truyện về phúc thần, chúng tôi chọn một nhân vật tiêu biểu, nổi bật cho hàng phúc thần là Đức Thánh Trần để làm căn cứ soi chiếu với cốt truyện Phạm Nhan. Đức Thánh Trần với Phạm Nhan cũng là hai nhân vật vốn có mối liên quan mật thiết trong chuỗi truyền thuyết mà chúng tôi tìm hiểu được.

Cốt truyện về Đức Thánh Trần có mẫu số chung với truyền thuyết về những nhân vật lịch sử khác, bao gồm ba chặng: Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm của nhân vật, hành trạng và chiến công của nhân vật, nhân vật hoá và hiển linh, âm phù. Truyền thuyết về Đức Thánh Trần được xâu chuỗi từ đặc điểm xuất thân hiển hách đến sự hóa thân, phong thánh mang màu sắc thiêng liêng. Trần Hưng Đạo là con trai An Sinh vương Trần Liễu vốn là một vị thiên thần tinh vàng tướng ngọc Thanh Tiên Đồng Tử, theo lệnh Ngọc Hoàng xuống đầu thai vào gia đình thân vương. Khi Ngài được sinh ra, trong nhà hào quang tỏa sáng rực, mùi hương thơm ngào ngạt. Cha đặt tên là Trần Quốc Tuấn. Trần Quốc Tuấn thông minh rất sớm. Mới lên 5 tuổi đã biết làm thơ, có óc lãnh đạo, thường bày trò chơi bát trận. Lớn lên, càng học giỏi, tinh thông nhiều sách thánh hiền và cổ nhân, tinh thông lục thao tam lược, văn võ toàn tài. Trần Quốc Tuấn lúc nào cũng là một thân vương đỉnh đạc, tài ba thao lược. Ba lần quân Nguyên tràn sang đất Việt, đều hoảng hồn quay về. Tướng Trần Quốc Tuấn đã thống lĩnh binh sĩ, cùng dân chúng một lòng cương quyết, đánh bật quân ngoại xâm ra khỏi bờ cõi Việt. Quân Mông Cổ từng “trăm trận trăm thắng”, đã thảm bại kéo quân trở về. Bằng trí tuệ của người anh hùng, tướng Trần Hưng Đạo đã diệt trừ được tên giặc Phạm Nhan chuyên quấy nhiễu làm hại nhân dân. Họ rất nể sợ uy danh của Trần Quốc Tuấn, không dám nhắc tên ông, chỉ gọi là Hưng Đạo Vương. Về già, Trần Hưng Đạo sống ở Vạn Kiếp. Ông được vua tôn kính phong làm Thái Sư Thượng Phụ Hưng Đạo Đại Vương, lập miếu sinh từ ở Vạn Kiếp và khắc văn bia để ghi nhớ công đức của Ngài. Ngoài 70 tuổi, Hưng Đạo Vương mất. Dân chúng ghi nhớ công đức của Ngài,

lập đền thờ ngài khắp nơi để cậy uy linh của Ngài mà trừ tà ma. Từ một nhân vật lịch sử đến một nhân vật huyền thoại, từ một con người trần tục đến một vị thần thiêng, từ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đến Đức Thánh Trần là sự phát triển của mạch truyền thuyết về phúc thần.

Trái ngược với cốt truyện về Đức Thánh Trần - một hiện tượng phúc thần tiêu biểu, cốt truyện về Phạm Nhan đại diện cho hiện tượng ác thần trong truyền thuyết người Việt. Cũng ra đời kì lạ, nhưng ngay từ trong bụng mẹ đã dự báo những điềm xấu. Tin về một người phụ nữ ở Đông Triều có mang và sau này sẽ đẻ ra kẻ nghiệt chủng hại nước hại dân đã chấn động cả thiên đình. Ngọc Hoàng muốn ngăn chặn điềm dữ đó nên mới phái Thanh Tiên Đồng Tử xuống trần để diệt trừ mối hậu họa sau này. Đời có Nguyễn Bá Linh thì ắt cũng có Trần Quốc Tuấn, kẻ gian - người hùng, kẻ quỷ - người thần, có kẻ gây họa thì sẽ có người diệt họa. Nếu như Trần Quốc Tuấn lớn lên thông minh, rạng ngời, văn võ toàn tài. Hành trạng của nhân vật là vị tướng tài cứu nước, độ dân. Thì Bá Linh lớn lên chỉ giỏi những chiêu trò mánh khéo, thích trêu chọc phụ nữ. Hành trạng của nhân vật là kẻ dâm loạn, bậy bạ. Bỏ quê mẹ, sang Tàu sinh sống, học được thuật phép phù thủy, vẫn chứng nào tật ấy thông dâm với cung nữ, phi tần hậu cung. Bị phát giác, Bá Linh xin đáo công chuộc tội bằng việc xin vua Nguyên cho làm hướng đạo, dẫn đường cho quân xâm lược tiến đánh nước ta. Dòng sữa của người mẹ Việt đã bị làm vẩn đục khi nuôi nấng một kẻ nghịch tử, một loài vô nhân tính, lại còn “dẫn voi về dẫy mã tở”. Một kẻ hại nước, hại dân đã theo vó ngựa của quân xâm lược dày xéo biết bao làng mạc, dẫm đạp lên biết bao thân xác của đồng loại. Tội ác mà nhân vật này mang đến gây nên sự ớn lạnh trong nhân dân. Mặc dù thân xác Phạm Nhan bị Hưng Đạo Vương chặt làm ba khúc nhưng cái ác thì vẫn chưa đứt. Từ một tên tướng giặc, hồn ma Phạm Nhan lại tái sinh thành quỷ thần tiếp tục quấy nhiễu nhân dân. Sau khi chết, ma Phạm Nhan đi khắp nơi hễ gặp đàn bà, phụ nữ là máu dâm nổi loạn, làm cho họ bệnh tật, ốm đau liên miên. Cái chết không làm dừng lại sự ác độc đến ghê tởm của một nhân vật phản diện. Dân gian có liên tưởng về sự tái sinh, gây họa để nhấn mạnh vào cái ác đã thuộc về bản chất của nhân vật này.

Như vậy, cốt truyện Phạm Nhan phát triển theo mạch: Hoàn cảnh xuất thân bất thường và đặc điểm kì quái của nhân vật; hành trạng tội ác của nhân vật; Nhân vật tái sinh, gây hại quấy nhiễu nhân dân. Sự bất thường trong hoàn cảnh xuất thân dẫn tới những hành động độc ác hại dân hại nước. Kết cục nhận được sự trừng trị thỏa đáng với cái chết không toàn thây. Nhưng cái ác đó giống như một thứ ung nhọt vẫn tiếp tục tái sinh quay trở lại để hoành hành, quấy nhiễu nhân gian mãi không thôi. Đó cũng chính là sự khác biệt căn bản giữa cốt truyện truyền thuyết về ác thần với cốt truyện về phúc thần.

Có thể hình dung sự khác biệt giữa cốt truyện Phạm Nhan với cốt truyện Đức Thánh Trần qua bảng lược đồ sau:

| Cốt truyện Phạm Nhan | Cốt truyện về Đức Thánh Trần |
|--|---|
| Nhân vật ra đời là hóa thân của dải khí trắng | Nhân vật ra đời là Thanh tiên đồng tử đầu thai |
| ↓ | ↓ |
| Được dự báo sẽ mang lại hiểm họa cho quốc gia, dân tộc | Được dự báo là người có sứ mệnh diệt trừ hiểm họa, cứu dân, giúp đời |
| ↓ | ↓ |
| Nhân vật lớn lên, sang Tàu học, có thói dâm ô chuyên trêu chọc, quấy phá đàn bà, con gái | Nhân vật lớn lên văn võ toàn tài, có nhân có đức |
| ↓ | ↓ |
| Làm hướng đạo cho quân Nguyên sang đánh chiếm Việt Nam | Là đại tướng quân lãnh đạo quân dân nhà Trần chống Nguyên |
| ↓ | ↓ |
| Bị Hưng Đạo Vương tiêu diệt | Tiêu diệt Phạm Nhan |
| ↓ | ↓ |
| Hóa ma quỷ, tiếp tục quấy nhiễu làm hại nhân dân | Nhân vật hiển thánh tiếp tục phù trợ nhân dân, chế ngự ác khí của Phạm Nhan |

Phạm Nhan và Đức Thánh Trần là hiện tượng nhân vật sóng đôi trong truyền thuyết người Việt. Trong đó thể hiện sự đối lập, tương khắc giữa một người đại diện cho quốc gia dân tộc, một kẻ đại diện cho quân xâm lược. Một người là chính nhân quân tử, một kẻ là loại bán nước cầu thân. Phạm Nhan dù có nguồn gốc là người Việt nhưng lại chọn vị trí là kẻ đối đầu với xã tắc. Tội lỗi của Phạm Nhan chồng chất qua truyền thuyết dân gian. Tội thứ nhất của Phạm Nhan là tội lợi dụng dòng máu Việt, biết quen thuộc địa hình để xin làm hướng đạo cho quân Nguyên. Tội thứ hai là dẫn vó ngựa quân thù để dày xéo lên từng tấc đất quê mẹ. Tội thứ ba là tội tàn sát đồng bào, đồng loại. Tội thứ tư là tội làm ô nhục danh tiết của những người con gái. Tội thứ năm là tội đeo bám, gây nhiễu loạn đời sống của nhân dân mặc dù chỉ còn là vong hồn... Truyền thuyết về Phạm Nhan chủ yếu khắc họa một tên cầm thú khát máu. Tính cách của Phạm Nhan được khúc xạ theo logic niềm căm phẫn của cả dân tộc. Bản chất xấu xa của y được hình dung như một loại vi rút có độc. Mặc dù, Phạm Nhan cũng là kẻ đã từng tu tập, ôn học đỗ cao đến tước vị Tiến sĩ nhà Nguyên. Lại có tài tu luyện chức

thuật phù thủy, song cái tài của Phạm Nhan lại dụng không đúng chỗ. Phạm Nhan tài ít nhưng tật nhiều, cái tật lớn của hắn là nhục dục. Hắn không có phong thái của người đàng hoàng. Nếu Hưng Đạo Vương được nhân dân ca tụng, xây dựng một bức tượng đài về trí, dũng, đức, nhân thì Phạm Nhan khiến cho nhân dân căm ghét mà tô vẽ nên một kẻ hình thù kì quái, tính cách lập dị, cử chỉ đê hèn, lương tâm bất chính. Đối với những kẻ ham quyền đoạt vị, muốn cướp đi những thứ vốn không phải của mình ắt sẽ bị đại bại. Đất ta là của dân ta, truyền thống anh hùng suốt mấy ngàn năm lịch sử gìn giữ bờ cõi non sông. Dân tộc Việt căm thù những kẻ dùng đao binh cướp đi sự bình yên chân chính. Bởi vậy, lòng căm thù giặc là thứ vũ khí có thể chiến thắng tất cả những sức mạnh thù địch, đập bằng mọi âm mưu tằm tối. Truyền thuyết Việt thêm một lần nữa khắc ghi, tái hiện những thời khắc lịch sử quan trọng, mà ở đó sức mạnh của dân tộc được hun đúc trong hình tượng của những người anh hùng, còn kẻ xâm lược luôn được mô tả dưới tư thế chiến bại thê thảm. Tư thế của Hưng Đạo Vương trong truyền thuyết là tư thế của vị chủ tướng oai phong lẫm liệt. Còn Phạm Nhan vốn chỉ là kẻ tay sai cho quân địch. So với Đức Thánh Trần, Phạm Nhan không đủ tư cách để đối sánh. Từ một kẻ đại bại trong chiến trận, Phạm Nhan được nhân dân tưởng tượng như một loài khắc tinh luôn lẫn lẩn trên mảnh đất Việt. Những nỗi đau đớn, thương vong mà Phạm Nhan mang lại cho nhân dân ta nhiều không kể xiết. Phạm Nhan dẫu được thờ nhưng không phải để tưởng nhớ ghi ơn mà để thể hiện lòng thương hại, cũng là cách để nhân dân tự bảo vệ mình. Đối với Phạm Nhan chúng ta thấy có cả chất đê tiện, chất ma tà, quỷ quái trong ác thần này. Truyền thuyết sẽ mãi khắc ghi một kẻ hung tàn, bạo ngược trên không thuận ý trời, dưới không thuận lòng dân đó chính là tên giặc Phạm Nhan.

3.3. Truyền thuyết Phạm Nhan trong đời sống văn hóa dân gian

3.3.1. Truyền thuyết về tục chữa bệnh

Phong tục tập quán thuộc bộ phận văn hóa phi vật thể của mỗi dân tộc. Trong văn hóa dân gian, mối quan hệ giữa truyền thuyết, tín ngưỡng và phong tục được tạo lập bởi niềm tin của con người với thế giới thần linh. Khi giải mã phong tục tập quán trong văn học dân gian, tác giả Nguyễn Bích Hà đã khẳng định: “Văn học nói chung, văn học dân gian nói riêng đều có ý thức hoặc vô thức thể hiện phong tục tập quán của cộng đồng mà nó sản sinh... Với tư cách là một bộ phận của văn hóa, văn học dân gian có điều kiện thể hiện sinh động và sâu sắc hơn về phong tục tập quán” [37, 83]. Truyền thuyết là một thể loại văn học dân gian hòa nhập vào dòng chảy văn hóa dân tộc, lưu giữ, truyền bá những phong tục tập quán mang bản sắc cộng đồng.

Truyền thuyết Phạm Nhan có nhiều chi tiết gắn với sinh hoạt tín ngưỡng và được hiện thực hóa qua các phong tục tập quán. Trong đó, nổi bật nhất là tục chữa bệnh của người dân có liên quan mật thiết tới cốt truyện về Phạm Nhan. Những truyền thuyết kể về quãng đời sau khi Phạm Nhan bị Hưng Đạo Vương tiêu diệt là mạch nối cho những tập tục chữa bệnh của người dân sau này. Qua khảo sát thực tế, chúng tôi

thấy ở một số địa phương có lưu truyền nhiều truyền thuyết về Phạm Nhan hiện vẫn đang duy trì những phong tục riêng gắn liền với nhân vật này. Tại Quảng Ninh, Hải Dương và Hải Phòng phong tục chữa bệnh có liên quan đến truyền thuyết về Phạm Nhan được lưu truyền rộng rãi. Truyền kể Phạm Nhan sau khi bị giết, thân xác chia làm nhiều mảnh trôi dạt đến những vùng đất khác nhau. Tại những nơi mà xác Phạm Nhan dạt đến đều có hiện tượng lạ nhiều phụ nữ mắc bệnh liên quan tới sức khỏe sinh sản.v.v... Những căn bệnh lạ của người phụ nữ đều được kể gắn liền với sự kiện trong truyền thuyết. Trước khi bị hành quyết Phạm Nhan có hỏi: “*Phải cho tôi ăn cái gì chứ?*”, sự tức giận và căm phẫn đối với tội ác của kẻ xâm lược khiến Hưng Đạo Vương cùng nhân dân lên tiếng “*Cho mi ăn máu để của đàn bà*”. Kể từ đó nỗi ám ảnh mang tên căn bệnh Phạm Nhan được lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Phạm Nhan trở thành tác nhân gây bệnh đối với những người phụ nữ Việt, đặc biệt là những người phụ nữ ở miền biển. Những căn bệnh liên quan tới phụ nữ nhiều nguyên nhân do đặc điểm vùng miền sông nước, họ quanh năm kiếm ăn bằng nghề chài lưới, phải ngâm mình trong nước dẫn tới những bệnh liên quan đến sức khỏe sinh sản. Nhưng không biết từ bao giờ căn bệnh này được gắn với cái tên Phạm Nhan trở thành một nỗi sợ hãi chung đối với người dân các vùng. Với niềm tin vào những điều huyền bí xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, những người mắc bệnh thường tìm đến cầu cúng, khấn bái để mong chữa trị. Đặc biệt, dân gian truyền nhau về căn bệnh Phạm Nhan uống thuốc không khỏi, nhiều người cho rằng ai sớm biết mình mắc bệnh này thì lên đền Kiếp Bạc chữa mới khỏi. Cách chữa bệnh rất lạ nhưng lại linh nghiệm: người nhà của bệnh nhân lên đền xin chiếu về cho người bệnh nằm. Nhiều năm liền chiếu đền Kiếp Bạc dần ít đi dẫn tới hiện tượng đổi chiếu, mang chiếu mới lên đền Kiếp Bạc đổi lấy chiếu cũ về. Sau đó sẽ bí mật trải cho người bệnh nằm. Có người đổi chiếu, còn chưa dùng thì bệnh tình đã chuyển biến, thuyên giảm. Đúng sai chưa ai quả quyết, nhưng giờ đây những phụ nữ mắc bệnh lên đền Kiếp Bạc cầu khỏi bệnh rất đông. Từ truyền thuyết về khả năng chữa bệnh, đuôi tà Phạm Nhan của Đức Thánh Trần mà hiện nay tục xin chiếu cũ tại đền diễn ra rất thường xuyên. Vì vậy mà mỗi dịp lễ hội Kiếp Bạc diễn ra, người dân làm chiếu cói ở Thái Bình, Nam Định cũng mang chiếu lên bán xung quanh đền. Ông Phạm Khắc Cường - Phó ban quản lí di tích đền Kiếp Bạc cho biết: “Mỗi dịp chính hội có hàng trăm trường hợp lên xin chiếu cũ. Ngoài ra những người ốm đau còn lên đền Kiếp Bạc xin nước ở giếng Mắt Rồng về dùng, xin chân hương, ấn của đền Kiếp Bạc về đốt lấy tro, hòa vào nước uống sẽ khỏi. Vì Phạm Nhan sợ nhất vía của Đức Thánh Trần, chỉ có Ngài mới trị được hắn”. Có thể nói, câu chuyện liên quan tới căn bệnh Phạm Nhan và cách chữa bệnh tại đền thờ Đức Thánh Trần đã được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân. Sự thừa nhận của tập thể quần chúng, được nối tiếp nhiều đời đã minh chứng mối liên hệ giữa truyền thuyết Phạm Nhan và tập tục chữa bệnh trong dân gian là có thật. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là quan

niệm của từng người, mang tính chất tâm linh rất cao, gắn với suy nghĩ của người Việt “có bệnh thì vái tứ phương” lại gắn liền với tục thờ và tôn sùng một vị anh hùng dân tộc nên cũng không hẳn bị coi là mê tín dị đoan. Đối với tục chữa bệnh, đặc biệt là bệnh phụ nữ mà Phạm Nhan chính là kẻ gây bệnh, còn Đức Thánh Trần là vị thần có thể sát quỷ trừ tà, loại bỏ vía độc Phạm Nhan, thêm một lần nữa chứng minh mối liên kết giữa truyền thuyết, tín ngưỡng và phong tục tập quán của nhân dân. Truyền thuyết là chỗ dựa niềm tin cho các phong tục tập quán có cơ sở được thực hiện, còn các phong tục lại là sự hiện thực hóa những sự kiện truyền thuyết.

3.3.2. *Truyền thuyết về tục cầu con*

Theo truyền thuyết, Phạm Nhan sau khi chết, đầu được cho vào một cái giỏ mây đem liệng xuống sông Thanh Lương. Dân chài quăng lưới bắt cá thấy đầu Phạm Nhan mắc vào lưới, và lần nào cũng vậy. Sợ quá họ đem cái đầu đó chôn ở cạnh bờ sông. Từ đó hẳn thường trở về vùng Đông Triều tác oai tác quái. Từ lời nguyện rủa của Hưng Đạo Vương, Phạm Nhan bắt đầu ám ảnh và gây bất trắc cho phụ nữ trong vùng, khiến vô số sản phụ bị chứng sản hậu, xuất huyết, bị bệnh về đường kinh nguyệt và sinh dục và nhất là sinh con yếu tử v.v... Những người tin vào sự tích này đã dùng câu chuyện này để giải thích hiện tượng con ranh, con lộn.

Trong quan niệm dân gian người Việt, hiện tượng con ranh, con lộn là tiếng đê gọi con cái sinh ra khó nuôi, thường khi sinh ra vài tháng thì lại chết. Đặc biệt những người mẹ có con trong trường hợp này lại rất mau có thai trở lại, nhưng khi sinh đứa con thứ hai thì đứa bé này cũng èo ọt, đau ốm hoặc lại chết. Thường khi phải 3 hay 4 lần xảy ra như vậy. Có nghĩa rằng người mẹ khốn khổ này phải chịu đau khổ vì những đứa con sinh ra đều chết và đôi khi cái chết của những hài nhi ấy xảy ra cùng một thời điểm. Giải thích hiện tượng này, người Việt cho rằng những người đàn bà nào có sinh đê nhưng không nuôi được con là do bị tà ma quấy phá ngăn trở. Tà ma là những vong hồn người chết thường vì lẽ gì đó, theo đuổi ám ảnh khiến người đàn bà ấy không thể gần gũi chồng hoặc nếu có gần gũi phối hợp với chồng và có thai thì khi sinh con, đứa con cũng không sống được bao lâu. Vì những đứa con này thường có sự pha hợp với những vong linh theo ám ảnh người đàn bà nên rất khó sống. Liên quan đến Phạm Nhan, người xưa tin rằng sở dĩ có con ranh con lộn là do nhân vật quỷ thần này gây ra.

Đối với những gia đình xảy ra chuyện sinh con mà không dưỡng, họ tìm đến với thế giới thần linh để giải tỏa, cũng để cầu mong có thể xuôi chèo mát mái về đường con cái. Người ta đi rất nhiều nơi và có nhiều địa điểm linh thiêng để cầu con, nhưng đối với những hiện tượng dân gian cho rằng đã mắc vía Phạm Nhan thì phải đến đền thờ Đức Thánh Trần để làm lễ hóa giải, đuổi tà Phạm Nhan mới khỏi bệnh.

Truyền thuyết có kể, tại thôn Hưng Học thị xã Quảng Yên ngày xưa thường xảy ra những hiện tượng lạ, khó giải thích. Phụ nữ mang thai chín tháng, nhưng đến kì sinh

nở chỉ để ra nước. Dân làng vô cùng sợ hãi. Sau có người nằm mộng thấy hồn Phạm Nhan về đòi cúng tế. Các cụ trong làng mới bàn bạc và làm lễ cúng tế vong hồn Phạm Nhan. Lễ vật phải có một thau nước màu đỏ. Từ đó về sau hàng năm làng Hưng Học đều phải làm lễ cúng, rước Phạm Nhan. Phụ nữ (tuổi sinh đẻ) tại làng Hưng Học không còn hiện tượng sinh ra nước nữa.

Người Việt rất coi trọng việc sinh con nối dõi. Bởi vậy, sinh con được coi là việc hệ trọng trong cuộc đời mỗi con người. Không một bất hạnh nào lớn hơn việc sinh nở gặp tai ương bất trắc. Cũng vì lẽ đó mà những sinh hoạt tín ngưỡng có liên quan tới tục cầu con cũng là hoạt động phổ biến rộng rãi trong đời sống văn hóa Việt. Từ xa xưa, trong nhiều truyền thuyết tục cầu con được thể hiện một cách rõ nét. Với những cặp vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con, ngoài việc chạy chữa thuốc thang thì việc thực hiện các hành vi tâm linh có lẽ là liều thuốc an thần tốt nhất. Trong nhiều truyện cổ của người Việt có miêu tả lại các hình thức cầu con khác nhau: người thì cầu xin trời, người thì đi lễ phật, người thì tu nhân tích đức làm việc thiện.v.v... Hiện nay, trong đời sống hiện đại, tục cầu con vẫn tiếp diễn trong mỗi mái nhà, phía sau những hoàn cảnh hiểm muộn. Đặc biệt vào mỗi dịp lễ tết, xuân về người người kéo nhau đi trảy hội để cầu phúc, cầu may. Theo lẽ thường con người ta thiếu gì sẽ cầu đầy. Và có lẽ cầu con là hoạt động tín ngưỡng xuất phát từ khát khao tận sâu thẳm trong trái tim mỗi người mẹ, người cha. Từ đó, một số di tích được truyền là rất linh ứng trong việc cầu con đã được đông đảo người dân tìm đến như chùa Hương, đền Mẫu Đầm Đa và còn vô số những đền phủ khác. Dân gian thường quan niệm vái cửa cha, lạy cửa mẹ sẽ là phương thức hữu hiệu nhất để được cha mẹ ban con. Vì thế, sinh hoạt tín ngưỡng cầu con thường được diễn ra tại các đền phủ thờ Mẫu, thờ Cha. Mẫu mẹ thì có rất nhiều vị, nhưng vị Thánh Cha trong lòng dân tộc thì chỉ có một Đức Thánh Trần Hưng Đạo. Đồng thời liên quan tới hiện tượng con ranh, con lộn, hữu sinh vô dưỡng mà dân gian quan niệm do quỷ Phạm Nhan gây ra thì chỉ có thể đến đền thờ Đức Thánh Trần để trấn tai, cầu phúc. Những hiện tượng sinh nở khó khăn trong dân gian được kết nối với truyền thuyết về sự ác độc, keo bẩn của nhân vật Phạm Nhan sau khi chết. Phạm Nhan vốn là kẻ mang nhiều tính xấu, lại có một cái chết không bình thường cộng với sự căm ghét của nhân dân nên dù khi còn là người hay khi đã hóa ma thì trời đất vẫn không dung. Quan niệm của người Việt “trần sao âm vậy”, trên trần hấn đi đến đâu đều gặp sự đánh đuổi của quân dân ta, khi chết linh hồn hấn cũng không có một nơi, một chỗ để trú ngụ. Những vong hồn vất vưởng như vậy thường phần uất không cam chịu và sẽ lẩn quất xung quanh đời sống của con người để quấy phá. Nhiều câu chuyện được lưu truyền trong dân gian về nỗi bất hạnh riêng của người phụ nữ cũng như nỗi ám ảnh chung của mỗi gia đình, làng mạc đều xuất phát từ nguyên nhân chung có tên quỷ Phạm Nhan. Dân gian tin ở cách tháo gỡ, rũ bỏ nỗi bất hạnh này bằng cách tìm đến Đức Thánh Trần - một phúc thần có uy lực sát quỷ trừ tà. Việc hiếm

muộn con cái mà nguyên nhân do Phạm Nhan gây ra thì chỉ cần trừ được vía Phạm Nhan là loại bỏ được bất hạnh đó. Lâu dần, tục cầu con, xin con tại đền thờ Đức Thánh Trần trở nên phổ biến rộng rãi trong dân gian. Từ truyền thuyết dân gian, việc cầu cúng Đức Thánh Trần nhằm trấn yểm vong hồn Phạm Nhan, còn việc cúng Phạm Nhan để vỗ về sự che chở của ác thần. Đây chính là hai cách mà dân gian đã thực hiện trong nghi thức tín ngưỡng cầu con.

Truyền thuyết kể, tại làng Hưng Học năm xưa những người phụ nữ mang thai đến tháng thứ 8, thứ 9 sinh ra nước hoặc sinh ra những em bé thiếu chân, thiếu tay... những hiện tượng rất thương tâm. Dân làng được mộng báo yêu cầu phải làm lễ cúng, họ giã cây vẹt lấy nước đỏ dâng cúng hồn Phạm Nhan, rồi đổ những chậu nước đỏ ấy quanh chân dậu trước nhà. Đồng thời với việc làm lễ dâng cúng Phạm Nhan, dân làng còn lập một ngôi miếu nhỏ để thờ ác hồn này. Việc lập miếu thờ và đáp ứng nguyện vọng của kẻ quỷ thần này đã mang lại sự bình yên trong đời sống của nhân dân. Người dân tin rằng, từ khi họ cúng khấn vong hồn Phạm Nhan thì cuộc sống của họ yên ổn trở lại. Lâu dần, những hoạt động đó trở thành tập tục riêng của một cộng đồng. Vô hình chung đã trở thành sinh hoạt tín ngưỡng riêng của người dân địa phương.

Tóm lại, tục cầu con là một trong những phong tục phổ biến của người Việt. Gắn với tập tục này có nhiều chi tiết liên quan tới cốt truyện Phạm Nhan. Để giải thích cho một loạt những hoạt động tín ngưỡng chung của cộng đồng, dân gian đã gắn kết những sự kiện trong truyền thuyết. Có thể thấy, truyền thuyết phản ánh những phong tục tập quán của một cộng đồng dân tộc, và ngược lại các phong tục tập quán góp phần giải mã những hiện tượng văn học đặc biệt. Đây là sự hòa quyện không tách rời của một mối quan hệ bền chặt.

3.3.3. Truyền thuyết về tục che mặt của người phụ nữ

Ở Hải Phòng có một phong tục vô cùng độc đáo đó là tục che mặt của người phụ nữ huyện Thủy Nguyên. Tục che mặt này gắn liền với sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng hát đúm và lễ hội mở mặt của người dân địa phương. Giải thích hiện tượng người phụ nữ xưa phải che mặt khi đi ra đường có nhiều ý kiến khác nhau. Mặc dù những người con gái tổng Phục (vùng ven sông Bạch Đằng) được cho rằng là những người mạnh mẽ “ăn sóng nói gió”, sinh sống bằng nghề khai thác thủy sản nhưng cũng nổi tiếng với vẻ đẹp thiên phú nước da trắng ngần, môi đỏ, má hồng. Để giữ gìn vẻ đẹp, nhất là làn da khỏi rám vì nắng và gió mặn của biển, từ xa xưa những người phụ nữ nơi đây, đặc biệt là những cô gái đang độ xuân thì đã dùng những chiếc khăn mỏng phủ trên đầu để bịt mặt. Tập tục này được lưu truyền từ đời này sang đời khác, trở thành nếp văn hóa chung trong khắp các làng, các vùng tại Thủy Nguyên - Hải Phòng. Cũng từ tục che mặt quanh năm suốt tháng của những người phụ nữ nơi đây đã tạo nên một nét tính cách kín đáo, e thẹn, một vẻ đẹp rất truyền thống. Chiếc khăn che mặt chỉ được cởi bỏ một lần duy nhất trong một năm, đó là vào dịp hội làng đầu xuân, khi các

chàng trai, cô gái gặp gỡ, đối đáp trao nhau bằng những lời ca, tiếng hát tình tứ. Trong lễ hội hát đúm, nếu chàng trai nào chiếm được tình cảm của cô gái sau những bài hát, cô gái sẽ mở khăn che mặt và đôi nam nữ ấy sẽ sánh duyên cầm sắt. Sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng này trở thành một nét độc đáo, cuốn hút và nổi tiếng của người dân Hải Phòng. Trong lễ hội hát đúm, ngoài những câu hát tình tứ, thơ mộng thì tục bịt khăn che mặt của chị em phụ nữ lại tạo ra sự tò mò, cuốn hút những người xem hội. Những chàng trai đến tuổi trưởng thành quanh năm suốt tháng chỉ thấy các chị em che mặt, giữ gìn. Vì vậy, hội hát đúm ngày xuân còn được gọi là hội “mở mặt”. Hội mở mặt được tổ chức vào những ngày đầu xuân hàng năm, từ ngày mồng 4 đến ngày mồng 10 tháng giêng. Tục che mặt của người phụ nữ Thủy Nguyên còn liên quan đến câu chuyện trong truyền thuyết: xưa trong các trận chiến trên sông Bạch Đằng, quân xâm lược chết như ngã rạ, linh hồn không siêu thoát, thường quấy phá trêu ghẹo chị em phụ nữ vùng tổng phục. Để tránh tà ma, vía Phạm Nhan những người con gái nơi đây che mặt ngay từ khi tuổi đời còn rất trẻ. Tiêu biểu nhất cho những vong hồn không siêu thoát được đó chính là Phạm Nhan. Truyền thuyết về Phạm Nhan còn lưu truyền ở vùng đất này kể về nỗi ám ảnh của người phụ nữ không dám để lộ mặt khi đi ra đường, tránh để hồn ma Phạm Nhan nhìn thấy được nhan sắc của mình. *Trong trận Bạch Đằng, quân ta tiêu diệt các đoàn thuyền tiếp vận lương thảo của giặc từ ngoài cửa sông, xác giặc Nguyên trôi dạt chất chồng hai bờ. Với nhận thức nguyên sơ, người ta cho rằng thiên tai, bệnh tật, giàu nghèo, sống chết, thành bại... đều do những thế lực siêu hình cùng tà ma quỷ quái gây ra. Đêm đêm, người ta thường thấy ma trôi bởi chất lân tinh từ những xác chết trôi dạt rữa nát trên bờ. Người ta cho rằng chúng còn đang trong cơn đói khát, do ta đánh phá chìm hết lương thảo, bởi vậy dân ta mới mời thầy phù thủy lập đàn bên sông Bạch Đằng cúng lễ, tống tiễn các vong hồn đói khát. Trong buổi lễ cúng các vong hồn, các cụ cao tuổi ở địa phương tham dự lễ đàn có hỏi: “Hồn muốn gì?” Qua thanh đồng, các vong hồn tỏ ra lưỡng lự, bối rối, mãi lâu sau chúng mới đáp: “Cho gì cũng được”. Các cụ sẵn lòng cầm thù giặc, nóng nảy quát to: “Cho chúng mày ăn máu... (của đàn bà)”. Sau đó các cụ tự thấy lơ lửng, và quần chúng vùng này xem đó như một lời nguyện. Sợ các vong hồn sẽ theo dõi hút máu phụ nữ, nên đàn bà con gái ở đây từ đó không dám ra khỏi nhà nếu chưa bịt kín mặt” (truyền thuyết số 11).* Ngày nay, mặc dù tục che và mở mặt chỉ được thực hành trong môi trường lễ hội, nhưng nhân dân nơi đây vẫn một lòng tin vào nghi thức có tính chất tâm linh này. Dù chỉ diễn ra một lần trong một năm, nhưng trước sự chứng kiến của thần linh và những hành động diễn ra trong lễ hội mang tính chất phù phép đủ để nhân dân tin rằng một năm bình yên sẽ đến, những người phụ nữ sẽ không còn sợ vía của Phạm Nhan nữa. Đây cũng là cách dân gian tưởng tượng ra để tự cứu rỗi bản thân mình trước những ám ảnh mang tên bóng ma của quỷ dữ ham sắc dục.

Tiểu kết chương 3

Trong chương 3: *Truyền thuyết Phạm Nhan và kiểu truyện về ác thần của người Việt* chúng tôi đã triển khai 3 nội dung chính: *Kiểu truyện về ác thần của người Việt; Cặp đôi nhân vật Phạm Nhan - Trần Hưng Đạo trong truyền thuyết về ác thần và phúc thần; Truyền thuyết Phạm Nhan trong đời sống văn hóa dân gian.*

Tìm hiểu về kiểu truyện về ác thần của người Việt, chúng tôi đã tìm kiếm, thống kê và phân loại ác thần được lưu truyền trong truyền thuyết của người Việt. Từ những đặc trưng riêng có tính chất loại hình về kiểu truyện này, giúp tác giả có cái nhìn so sánh giữa truyền thuyết dân gian về ác thần với truyền thuyết về phúc thần cũng như mối tương quan giữa truyền thuyết Phạm Nhan trong mạch truyện về ác thần của người Việt.

Trong chương này, chúng tôi đưa ra quan điểm đối sánh giữa cặp đôi nhân vật Đức Thánh Trần và Phạm Nhan. Trong đó Đức Thánh Trần là đại diện cho hình tượng nhân vật phúc thần của người Việt. Còn Phạm Nhan tiêu biểu cho hình tượng nhân vật ác thần. Hai hình tượng nhân vật trong truyền thuyết được đặt cạnh nhau làm tăng thêm sự hấp dẫn, ảnh hưởng lẫn nhau. Phạm Nhan được khắc họa càng ác độc, dã man bao nhiêu thì càng tôn lên phẩm đức độ dân, độ nước của Đức Thánh Trần bấy nhiêu. Nhân vật Phạm Nhan là sự hư cấu có chủ định cho mục đích ca ngợi, thần thánh hóa công trạng của danh tướng Trần Hưng Đạo.

Tìm hiểu truyền thuyết Phạm Nhan trong đời sống văn hóa dân gian, chúng tôi đã phác họa mối quan hệ giữa truyền thuyết Phạm Nhan với các phong tục liên quan đến nhân vật này. Sự ám ảnh về hồn vía Phạm Nhan có thể đi khắp nơi gieo họa mang đến bệnh tật, chết chóc và khổ đau đã khiến cho nhân dân nhiều nơi phải phục tùng để làm thỏa mãn lòng thần. Truyền thuyết về Phạm Nhan trong sự thể hiện các tục chữa bệnh, tục cầu con, tục che mặt của người phụ nữ phần nào thể hiện được một đời sống sinh động của truyền thuyết trong thực hành văn hóa dân gian. Truyền thuyết Phạm Nhan thuộc kiểu truyện về ác thần, những phong tục dân gian được thể hiện trong truyền thuyết cũng mang tính độc đáo, kì lạ phù hợp với tính chất ác độc của nhân vật.

Văn học dân gian và văn hóa dân gian có mối quan hệ thâm thấu, đan xen. Truyền thuyết và tín ngưỡng luôn song đôi và có những tác động lan tỏa lẫn nhau. Truyền thuyết Phạm Nhan không chỉ có giá trị về mặt văn học mà còn có vị trí và ảnh hưởng không nhỏ trong đời sống văn hóa dân gian. Để thấy được mối liên hệ bền chặt ấy, chúng tôi triển khai nội dung chương 4: Tục thờ Phạm Nhan trong tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt.

Chương 4.

TỤC THỜ PHẠM NHAN TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ ÁC THẦN CỦA NGƯỜI VIỆT

Tín ngưỡng dân gian là một lĩnh vực rộng lớn, vô cùng phong phú, đa dạng. Từ thời xưa, tục thờ thần, thờ thánh của người Việt đã thể hiện rõ bản chất tín ngưỡng đa thần bản địa. Trong lịch sử, ông cha ta đã bảo lưu rất nhiều hình thái tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Hiện nay trong hoạt động tín ngưỡng dân gian bên cạnh những lễ hội mang tầm quốc gia, dân tộc và có tầm ảnh hưởng lớn thì trong dân gian vẫn lưu truyền và tồn tại những hình thức cúng tế, những hoạt động tín ngưỡng nhỏ lẻ đối với những nhân vật là ác thần, tà thần. Phạm Nhan là một nhân vật phản diện trong truyền thuyết, một ác thần trong đời sống tâm linh người Việt, tuy nhiên nhân vật này vẫn được một số nơi thờ cúng và lưu truyền nhiều tập tục khác nhau. Bên cạnh Phạm Nhan, trong đời sống văn hóa của người Việt còn có nhiều những vị thần đáng sợ khác mà nhân dân vẫn tiến hành thờ cúng. Thực hành văn hóa tín ngưỡng thờ ác thần nhằm đi tìm sự an ninh trong tinh thần mỗi người Việt. Tìm hiểu tín ngưỡng thờ cúng ác thần của người Việt sẽ mang đến một diện mạo khác trong đời sống văn hóa xưa nay. Góp phần thể hiện đời sống văn hóa dân gian phong phú, phức tạp của người Việt.

4.1. Hiện tượng Phạm Nhan trong văn hóa tín ngưỡng người Việt

4.1.1. Một số quan niệm khác nhau về việc thờ cúng Phạm Nhan

Tín ngưỡng dân gian là một thế giới vô cùng phong phú và phức tạp. Xưa nay những sinh hoạt tín ngưỡng đều xuất phát từ tâm thức và niềm tin của dân gian. Bởi vậy hoạt động tín ngưỡng có lẽ là hoạt động khó nắm bắt và vượt lên trên sự chế định của nhà nước ở mọi thời đại. Niềm tin của tập thể đã dung nạp các loại hình tín ngưỡng phù hợp với nhận thức của nhân dân. Từ niềm tin và sự sùng bái với thế giới hồn linh, siêu thực con người sáng tạo nên các loại hình tín ngưỡng dân gian để thực hiện hành vi tôn sùng của mình. Khó mà có thể kể hết hay phân loại một cách rành mạch các loại hình tín ngưỡng trong dân gian. Một số loại hình tín ngưỡng phổ biến trong đời sống văn hóa người Việt như: tín ngưỡng tôn sùng tự nhiên; Tín ngưỡng tôn sùng vật tổ; Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên; Tín ngưỡng thờ thần; Tín ngưỡng thờ Mẫu.v.v... Ghép vào cái nền tín ngưỡng phong phú ấy, tín ngưỡng thờ cúng Phạm Nhan được xem là một hiện tượng vô cùng đặc biệt và phức tạp trong đời sống văn hóa dân gian.

Thông thường tín ngưỡng dân gian người Việt chủ yếu dựa trên lòng biết ơn và ngưỡng mộ của các thế hệ sau đối với những bậc thánh thần, tiên nhân có công lao hiển hách, cũng bởi lẽ lòng biết ơn là một loại cảm xúc dễ lây lan và nhanh chóng được cộng hưởng bởi đông đảo tập thể. Tuy nhiên, với một số thần không có công

trạng hay nguồn gốc đặc biệt gì, thậm chí chỉ là những người tầm thường hoặc giả còn là quân xâm lược hiện nay vẫn được nhân dân âm thầm thờ cúng. Trong dân gian các hoạt động thờ cúng ấy đôi khi được tổ chức một cách tự phát và có tính chất hạn chế trong một không gian tín ngưỡng riêng biệt phù hợp với tâm lí của một số nhóm dân cư. Phạm Nhan là một hiện tượng đặc biệt trong những sinh hoạt cộng đồng và tín ngưỡng của người Việt. Đối với danh dự quốc gia, dân tộc Phạm Nhan vốn là kẻ giặc. Đối với sự sống của nhân dân, Phạm Nhan lại là kẻ quấy nhiễu, phiền hà. Nhưng có một sự thật là Phạm Nhan vẫn được lập miếu thờ và nhân dân nhiều đời hương khói. Đứng trước một hiện tượng tín ngưỡng đặc biệt như vậy tất yếu nảy sinh nhiều quan niệm khác nhau. Việc thờ cúng Phạm Nhan trong những sinh hoạt cộng đồng tại một số địa phương gây nên những ý kiến trái chiều. Hiện tượng thờ cúng một kẻ từng làm hướng đạo dẫn đường cho quân Nguyên sang xâm lược nước ta, các nhà nho đã từng lên tiếng gọi đó là việc làm “quái đản” và yêu cầu các quan bộ Lễ xem xét mà triệt bỏ. Sau này, trong một tài liệu tuyên huấn chống mê tín dị đoan do Ty văn hóa Hải Dương ấn hành đã bàn bạc trực diện về hiện tượng thờ cúng Phạm Nhan. Đứng trên quan điểm triết học, tài liệu đó đã khẳng định việc nhân dân sợ hãi bóng ma Phạm Nhan rồi nay cầu mai đảo khắp nơi để chạy chữa bệnh tật chính là biểu hiện của mê tín dị đoan. Sợ dĩ có hiện tượng thờ cúng Phạm Nhan là do sự u mê của những người dân kém hiểu biết: *“Phạm Nhan thối nát xương tan ngót 700 năm rồi, mà vẫn còn cứ lôi cái tên Phạm Nhan ra để nát mình, nát người, rồi sợ bóng sợ gió đến bây giờ vẫn còn các cô, các bà đã xanh xao, vàng vọt khi nhắc đến Phạm Nhan lại càng xanh xao vàng vọt hơn; đến bây giờ vẫn còn các cụ mỗi lần thấy con gái phơi quần một cách hở hênh, lại giật mình nhớ tới Phạm Nhan. Tại sao cái “oai” của Phạm Nhan lại ghê đến thế? Chẳng qua là do đầu óc mê tín dị đoan của nhân dân ta”* [110,3]. Truyền thuyết kể, những người dân chài vớt được xác Phạm Nhan vì động lòng thương hại nên đem chôn cất tử tế, sau này lập miếu để hương khói. Cũng từ đó, việc thờ cúng Phạm Nhan gặp phải sự cấm đoán từ phía chính quyền, các ban văn hóa. Phạm Nhan là loại thần được thờ mà không có sắc phong. Miếu thờ Phạm Nhan được lập tại một số làng ở Hải Dương, Quảng Ninh nơi tương truyền là xác của Phạm Nhan trôi dạt vào.

Đứng trên quan điểm nhân dân, tuy tín ngưỡng là niềm tin chung của quần chúng nhưng tín ngưỡng cũng mang đặc trưng riêng của từng vùng và đôi khi chỉ là đặc sản của một làng. Vì vậy, trước hiện tượng thờ cúng Phạm Nhan cũng có nhiều quan điểm khác nhau giữa những người trực tiếp thờ cúng Phạm Nhan và những người không thờ cúng Phạm Nhan. Qua thực tế điền dã, chúng tôi đã tiến hành điều tra tại nhiều địa phương khác nhau, với những địa phương không thờ cúng Phạm Nhan họ đều thẳng thắn bộc lộ thái độ không đồng tình với hiện tượng này. Họ cho rằng việc

thờ cúng tên giặc cướp nước, đồng thời là kẻ tà dân là việc trái với lẽ thường tình. Họ ghét Phạm Nhan, ghét cả những người dân thờ cúng Phạm Nhan. Trong cùng một phường Nam Hòa tại Quảng Yên - Quảng Ninh, người dân làng Trung Cốc không thích giao du với người dân làng Hưng Học - nơi thờ cúng Phạm Nhan. Với những người dân tại các làng, các địa phương không thờ Phạm Nhan họ gọi Phạm Nhan là kẻ, là hần, là y, thậm chí còn gọi “thằng giặc Tàu”. Những cách gọi tên này đối với Phạm Nhan thể hiện thái độ khinh ghét, tức giận và có cả sự căm phẫn trong lòng nhân dân. Ở những làng đó, nhân dân có đình thờ Đức Thánh Trần, họ tin tưởng ở sự phù trợ, che chở của Đức Thánh mà không sợ bóng vía của Phạm Nhan.

Với những người dân thờ cúng Phạm Nhan họ có lí do để tin theo và thực hành các hoạt động tín ngưỡng của mình. Họ gọi Phạm Nhan là ngài, là cụ, là ông. Nhưng vì gặp phải nhiều sự đàm tiếu, kì thị nên lâu dần việc thờ cúng Phạm Nhan trở thành bí mật riêng của những làng đó. Đến với làng Hưng Học - Quảng Ninh và làng An Bài - Hải Dương, chúng tôi đều gặp rất nhiều khó khăn để tiếp cận thông tin. Người dân nơi đây đều cảnh giác, dè dặt trước những câu hỏi của chúng tôi. Phải rất khó khăn mới có thể phỏng vấn và được đến những địa điểm thờ cúng. Những người dân nơi đây cho rằng thần Phạm Nhan có ảnh hưởng với đời sống của họ. Dù đã từng có những ảnh hưởng xấu gây nên tai ương dịch bệnh, nhưng sau khi được thờ cúng bệnh tình tiêu tan. Rồi đời truyền đời, người truyền người thờ cúng Phạm Nhan đổi lại được sự bình an trong cuộc sống của họ. Và chỉ cần đơn giản như vậy đủ để người dân tin theo và thực hiện những hành vi cầu cúng của mình.

Tuy nhiên thờ cúng Phạm Nhan là một trong những sinh hoạt khó có thể nhận được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân và sự thuận tình của những tổ chức văn hóa cho nên những tập tục, tín ngưỡng liên quan đến Phạm Nhan thường được núp dưới những ngôi nhà, miếu nhỏ và diễn ra thầm lặng trong một ngôi làng hay một xóm thôn nhỏ. Đối với việc thờ cúng Phạm Nhan trong một số đình, đền nơi tập trung những sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng dân cư được nhiều người biết đến thì nhân vật này không được xem như vị thần chủ. Hiện tượng nguy trang hay việc phối thờ các vị thần linh khác nhau trong cùng một không gian tín ngưỡng khá phổ biến trong văn hóa Việt. Cũng như vậy tại một số nơi Phạm Nhan được thờ phối hợp với một số vị thần khác để tránh sự tập trung trước nhất vào nhân vật này. Tại đình Hưng Học - Nam Hòa - Quảng Yên, Quảng Ninh Phạm Nhan được thờ sau hai vị: một là đức thánh tổ Huyền Quang, hai là cụ Vũ Hoàng Đào. Trưởng ban khánh tiết đình Hưng Học cho biết người dân Hưng Học cùng quê với đức thánh tổ Huyền Quang ở Tả Quang - Chí Linh nên lên Yên Tử xin chân nhang về thờ Ngài. Vị thứ hai là Đông hải đại vương thành hoàng bản thổ Vũ Hoàng Đào, ông là người thi đỗ quận công sau được vua đưa

về trấn giữ vùng Đông Hải, sau bị đắm thuyền chết trôi vào bờ đê làng Hưng Học, từ đó dân làng lập đền thờ và coi như thành hoàng của làng. Phạm Nhan được thờ ghép trong đình và hội rước, hội tế đều được thực hiện đằng sau những vị thần được cấp sắc phong kia.

Tóm lại, trước một hiện tượng vô cùng phức tạp trong đời sống văn hóa dân gian tạo nên những luồng ý kiến khác nhau xung quanh việc thờ cúng Phạm Nhan, chúng tôi vẫn cho rằng việc thực hiện những hành vi tín ngưỡng có liên quan đến nhân vật này đều có tính lí do của nó. Có những điều người này không thể chấp nhận được nhưng lại là niềm tin không gì lay chuyển được của người kia. Điều quan trọng là có thể lí giải và cắt nghĩa được những hiện tượng đó trong đời sống văn hóa dân gian. Đây cũng là nhiệm vụ mà chúng tôi sẽ giải quyết trong chương 4 này.

4.1.2. Những dấu tích thờ cúng Phạm Nhan

Lịch sử đã đi qua gần tám thế kỉ, nhưng truyền thuyết về tướng giặc Phạm Nhan và những nơi miếu thờ, những tập tục, kiêng kỵ huyền bí vẫn được nhân dân một số địa phương rỉ tai nhau truyền miệng từ đời này qua đời khác. Mặc dù là tướng giặc, khi sống gây nên bao tội ác đối với đất nước, nhưng sau khi chết nhân vật này được dân gian âm thầm thờ cúng. Tuy nhiên, việc thờ một tên giặc xâm lược thì không thể được thực hiện một cách công khai. Mọi hoạt động tín ngưỡng của nhân dân đối với nhân vật này vẫn là những ẩn số đang tìm lời giải đáp. Và những địa điểm thờ cúng Phạm Nhan còn tồn tại nhiều nghi vấn trong dân gian cũng như giới nghiên cứu văn hóa.

Đình làng An Bài: Truyền thuyết có nhắc tới ngôi miếu thờ Phạm Nhan tại xã An Bài, huyện Đông Triều, nằm ngay bên bờ sông Thanh Lương. Khi Hưng Đạo Đại Vương cho đem hãn về chém tại xã An Bài rồi quăng xác xuống sông. Bấy giờ, có hai người đánh cá ở khúc sông này, kéo lưới lên, chẳng được cá mà được cái đầu của Bá Linh, hoảng sợ, họ bèn cùng nhau khẩn thềm rằng: Nếu hồn ông có thiêng thì xin phù hộ cho chúng tôi đánh được nhiều cá, chúng tôi sẽ xin mai táng hãn hoi. Họ vừa khẩn xong thì lạ thay, kéo mẻ lưới nào cũng được rất nhiều cá, vì thế họ bèn đem đầu Bá Linh lên táng trên bờ sông. Từ đấy về sau, mỗi lần ra chợ bán cá, đi qua chỗ mai táng đầu Bá Linh, họ đều chỉ tay vào đó mà nói: Mời bác cùng đi chơi cho vui. Rồi thành thói quen, hồn ma Bá Linh cùng nhập bọn mà đi với họ, người đương thời gọi là Tam hồn. Tam hồn phải thói hay chòng ghẹo phụ nữ. Hễ thích chòng ghẹo ai, họ chỉ cần đưa tay về phía người đó rồi gọi tên Bá Linh, người ấy nhất định sẽ bị ma ám ngay, vì thế, người trong vùng ấy phải lập miếu để thờ. Theo lời kể, chúng tôi tìm về ngôi miếu thờ Phạm Nhan nay thuộc thị xã Chí Linh, Hải Dương. Cụ Đào Thị Miêng (90 tuổi) và cụ Nguyễn Thị Hợi (83 tuổi) đều cho biết: thôn An Bài có thờ Phạm Nhan. Các cụ kể chuyện Phạm Nhan xưa bị Hưng Đạo Vương chém, đầu trôi về phía làng An Bài, và

những người phụ nữ, đặc biệt là những người xinh đẹp đều bị trêu ghẹo, rồi bị mắc những căn bệnh khó chữa. Tại làng đó, người dân kinh hãi lập miếu thờ, sau đưa vào thờ trong đình. Các cụ cho biết: người dân làng này bị cấm không được lên đền Kiếp Bạc là nơi thờ Đức Thánh Trần. Khi đến đình An Bài, chúng tôi gặp bà Chèn (74 tuổi) bà là người giữ chìa khóa trông coi đình An Bài. Bà hết sức cảnh giác với những câu được hỏi về nhân vật được thờ trong ngôi đình này. Bà cho biết ngôi đình này thờ Thượng đẳng tối linh. Bà cũng công nhận rằng dân làng mình bị cấm lên đền Kiếp Bạc. Và bà Chèn cũng nói rằng những người phụ nữ đến kì nguyệt san, những nhà có tang và những người ăn thịt chó không được đến đình.

Dấu tích Miếu Ông - Chùa Máng: Trong một lần đi điền dã tại Hải Dương, chúng tôi có nghe người dân địa phương kể truyền thuyết về ngôi miếu Ông nằm tại thôn Cầu Quan, xã Tân Dân huyện Nam Sách. Xưa kia người dân An Bài quanh năm thuyền chài sông nước để kiếm cơm. Một ngày nọ, có đôi vợ chồng thuyền chài kéo vó lên không thấy tôm cá mà thấy một cái đầu. Nhiều người cho rằng đó chính là đầu Phạm Nhan. Bối sau khi chém thành ba mảnh, mảnh đầu của hắn được ném xuống sông. Sợ hãi, đôi vợ chồng nọ vớt chiếc đầu lâu xuống sông. Một tháng sau, họ kéo lưới cũng lại thấy cái đầu, rồi họ khấn: “Nếu ông có thiêng thì phù hộ cho chúng tôi kéo được nhiều tôm cá, tôi sẽ đem ông về thờ cúng hẳn hoi”. Quả nhiên sau đó, đôi vợ chồng đó kéo được nhiều tôm cá, rồi ăn nên làm ra. Vì thế, họ bèn đem đầu Phạm Nhan táng trên bờ sông và đắp thành cái đống cao để thờ cái đầu trôi trên sông đó. Dân làng từ xưa gọi đó là Miếu Ông, nằm giữa cánh đồng. Nay thuộc thôn Cầu Quan, xã Tân Dân huyện Nam Sách - Hải Dương. Tuy nhiên, gọi là Miếu nhưng hiện nay không có một ngôi miếu nào, chỉ còn một cái gò rất cao, mà người dân chỉ lên đó bảo chính là Miếu Ông. Đền thờ Phạm Nhan đã bị phá hỏng từ rất lâu. Cũng theo lời kể, trong miếu thờ không có bài vị, chỉ có một ụ nổi hình con đĩa - liên quan đến cái chết của Phạm Nhan.

Nghè Phạm Nhan tại xã An Lạc: Một lần khác trở lại làng An Bài, chúng tôi nhận được sự giúp đỡ của anh Nguyễn Sỹ Đông (37 tuổi) làm việc tại Ban quản lí di tích đền Kiếp Bạc, anh cho biết tại làng An Bài, xã An Lạc, Chí Linh - Hải Dương hiện có một ngôi nghè thờ Phạm Nhan. Ngôi nghè này nằm trong khuôn viên vườn nhà ông Pháo, bà Oanh. Đến nơi, chúng tôi được bà Oanh (66 tuổi) kể cho nghe về ngôi đền được phục dựng lại năm 1978. Sau những giấc mộng cứ lặp đi lặp lại khi bà mới 27 tuổi về những cô gái xinh đẹp, tóc dài hằng đêm đi từ trên nền đất nghè vào nhà bà. Giai đoạn đó, bà bị ốm đến rụng tóc đầu, thuốc thang chạy chữa không khỏi. Những người phụ nữ trong xóm bà nếu mang thai con trai thì không sao, còn khi mang thai con gái một là hỏng thai, hai là khi sinh ra sẽ bị chết yểu. Vì vậy, hiện nay những

gia đình xung quanh đất nghề đó đều không có con gái. Một cô đồng (nay đã mất) gọi cho bà biết bà và dân làng phải lập lại nghề để thờ thì sẽ yên ổn, nhưng không được nói là thờ ai. Bà Oanh có kể mập mờ về việc các cụ truyền lại: “có hai người kéo được... cứ thả xuống sông, rồi vẫn kéo được, sau đó thì vớt lên và về ngụ tại đất này. Ngôi nghề này hiện là một địa điểm hiếm hoi còn lại những chứng tích và câu chuyện truyền khẩu về Phạm Nhan. Bà Oanh cho biết cứ mỗi năm “4 vắn”: đầu xuân, đầu hè, ngày kị (15/7 âm lịch), dịp cuối năm bà và người dân quanh xóm vẫn làm lễ để dâng cúng. Trong lời kể của bà Oanh vẫn còn nhiều điều giấu kín, và nhiều thắc mắc của chúng tôi không thể được giải đáp. Đây cũng chính là tập tục và những bí mật riêng của dân làng có quyền được giấu kín về vị thần mà họ thờ cúng.

Miếu Phạm Nhan và đình Hưng Học: Tại thôn Hưng Học, xã Nam Hòa, huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh) cũng có một ngôi miếu thờ Phạm Nhan nằm trong khuôn viên chùa Hưng Linh. Truyền thuyết kể về khúc đầu của Phạm Nhan sau khi bị Hưng Đạo Vương chém trôi về gò đất Hưng Học. Một năm dân làng Hưng Học bị dịch bệnh, nhiều người bị chết. Dân làng mộng thấy Phạm Nhan hiện về và yêu cầu thờ cúng thì mới hết bệnh. Dân làng hỏi khi cúng thì dùng lễ vật gì? Nhan nói: “cúng máu bà đẻ”. Dân làng bèn làm một ngôi miếu thờ ở bờ đê ven sông, nơi đầu Phạm Nhan trôi dạt đến và một ngôi miếu ở trong làng, chỉ thờ một cái mũ tượng trưng cho đầu Phạm Nhan, dùng nước lá vông đỏ như máu thay cho máu đẻ đàn bà đẻ cúng tế, thì thấy hết bệnh tật. Từ đó, có tục thờ Phạm Nhan ở làng này. Mỗi khi rước thành hoàng làng trong các ngày sinh ngày hóa đầu rước mũ Phạm Nhan song hành. Từ lâu, những người con gái khi sinh nở đều phải kiêng không dám đi qua miếu thờ Phạm Nhan. Hàng năm lễ hội làng Hưng Học còn gọi là lễ đại kỳ phước được tổ chức trong ba ngày 13, 14 và 15 tháng giêng âm lịch. Không gian hội diễn ra ở trung tâm làng, từ đình Hưng Học tới đền Đức Huyền Quang và miếu Phạm Nhan ở chùa Hưng Học. Ngày 13 tháng giêng dân làng rước tượng Thần Hoàng từ đền Đức Huyền Quang và Mũ thần Phạm Nhan từ miếu thờ Thần về đình Hưng Học. Thứ tự đoàn rước Thần như sau: Đi đầu là người khênh chiêng, trống; tiếp theo là đoàn cờ thần (cờ ngũ phương); đến hai hàng chấp kích, bát bửu; sau là hương án lễ vật gồm hoa, quả, bánh rươi, lợn quay của làng; tiếp theo là kiệu Long Đình rước hộp sắc; tiếp theo là kiệu Bát Cống trên rước Thần Tượng Đức Huyền Quang; đến kiệu rước mũ thần Phạm Nhan; đi sau là đoàn đội lễ của các bản đền, bản phủ trong khu vực đón ngõ đi theo đoàn rước; tiếp theo là các quan viên đoàn tể và nhân dân dự rước Thần. Miếu thờ Phạm Nhan hiện nằm trong khuôn viên chùa Hưng Linh, thôn Hưng Học, xã Nam Hòa, huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh). Gần đây nhân dân làng Hưng Học muốn di dời miếu thờ Phạm Nhan ra ngoài khuôn viên chùa, và xây

dụng đền thờ khang trang hơn. Nhưng việc làm này đã gặp trở ngại bởi sự không nhất trí của chính quyền địa phương. Đền thờ được xây móng nhưng đã dừng thi công và hiện tại đang là một đồng ngồn ngang

Miếu Phạm Nhan trong điện Hòn Chén: Truyền thuyết kể, xưa sau khi Bá Linh bị chặt làm ba khúc, xác đem vớt trôi sông, phần đầu trôi về gò đất Hưng Học - Quảng Ninh; phần thân trôi về bãi đá Hải Phòng; phần chân trôi dạt vào tận sông Hương - Huế. Nơi mà người dân tin là một phần thân xác của Bá Linh trôi dạt, sau nhiều hiện tượng lạ liên quan đến những người con gái quanh vùng rất khó lấy chồng, tình duyên muôn lần trắc trở. Người dân lập một miếu nhỏ thờ Phạm Nhan, nay ngôi miếu này nằm trong khuôn viên điện Hòn Chén. Xưa nay nhắc đến điện Hòn Chén ai cũng biết điện thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na, sau này còn thờ Liễu Hạnh công chúa tức Vân Hương Thánh Mẫu. Ngoài ra tại điện Hòn Chén còn thờ Phật, thờ Thánh Quan Công và hơn 100 vị thần thánh khác, nhưng ít ai biết đến trong khuôn tự còn có miếu thờ Phạm Nhan. Nhân dân vùng này gọi Phạm Nhan là quan Tam.

Qua khảo sát tại các địa phương, chúng tôi thấy thái độ của nhân dân đối với nhân vật Phạm Nhan phần lớn là sợ hãi, không thích nhân vật này. Đó là điều dễ hiểu đối với một nhân vật chuyên làm việc ác, dù có tài nhưng tài năng lại dùng vào việc làm hại thiên nhân. Dân gian luôn giữ thái độ dè dặt và kính sợ với vị thần linh này. Hầu hết mọi người đều muốn có thái độ giữ mình, kiêng kị và tránh phạm phải vía của Phạm Nhan. Từ thái độ sợ hãi trong dân gian dẫn đến kín đáo và giữ bí mật với bên ngoài như vậy mà công việc điều tra khảo sát truyền thuyết về Phạm Nhan gặp rất nhiều khó khăn. Người ta lập đền thờ hay làm lễ vật để dâng cúng Phạm Nhan chỉ là để mong cầu bình yên cho bản thân và gia đình mình. Quan niệm của dân gian “Có thờ có thiêng, có kiêng có lành” vì kính sợ mà thờ cúng để mong cầu bình an, để tránh hậu họa, phiền toái và có những kiêng kị riêng. Đó cũng chính là bản sắc văn hóa riêng của dân tộc mang dấu ấn văn hóa địa phương đậm nét.

4.1.3. Những hèm tục có liên quan đến Phạm Nhan trong dân gian

Phạm Nhan là một hiện tượng đặc biệt trong đời sống văn hóa tín ngưỡng dân gian. Mặc dù là tướng giặc, khi sống gây nên bao tội ác đối với đất nước, nhưng sau khi chết nhân vật này được dân gian âm thầm thờ cúng. Tuy nhiên, việc thờ một tên giặc xâm lược thì không thể được thực hiện một cách công khai. Mọi hoạt động tín ngưỡng của nhân dân đối với nhân vật này vẫn là những ẩn số đang tìm lời giải đáp.

Truyền thuyết về Phạm Nhan được lưu truyền khá rộng rãi, nhân dân nhiều vùng đều ái ngại khi nghe nhắc tới nhân vật này. Các tập tục trong dân gian có liên quan đến Phạm Nhan đều được thực hiện một cách đầy bí ẩn. Người thì ghê tởm, khinh miệt; người lại sợ hãi, nương mình tất cả đều tạo nên một sắc màu tâm linh

huyền bí. Cái thế giới nửa thực nửa ảo, nửa lịch sử nửa hư vô ấy đã tác động trực tiếp đến đời sống tinh thần của con người. Những hành vi thờ phụng, cúng bái Phạm Nhan, đồng thời những kiêng kỵ hèm tục được dân gian gói ghém trong cái túi văn hóa phong tục đầy bí ẩn.

Ở làng Hưng Học thuộc phường Nam Hòa, vùng đảo Hà Nam thị xã Quảng Yên nhân dân kể lại rằng: có con ma Phạm Nhan vẫn hay về quấy nhiễu khi có mùi máu. Đàn bà con gái đến kỳ hoặc sau khi sinh nở thường khổ sở vì hấn. Các bà, các chị phải giã vỏ cây vẹt pha vào nước rồi đổ ra bát hay cái niêu đất đựng nước vỏ vẹt có màu đỏ giả làm máu để cúng bái đánh lừa hấn. Làng cũng làm một miếu thờ mong hấn đừng về quấy phá, chọc gheo phụ nữ. Nhiều người vừa ghê tởm, vừa sợ hãi khi đi qua đây thường vòng sau miếu để tránh mặt hấn. Người dân có tục cúng hấn ở chân hàng rào ngoài cổng bằng bát nước vẹt màu đỏ.

Phạm Nhan xưa bị Hưng Đạo Vương chém, đầu trôi về phía làng An Bài. Tại đây, những người phụ nữ, đặc biệt là những người xinh đẹp đều bị trêu gheo, rồi bị mắc những căn bệnh khó chữa. Trong làng, người dân kinh hãi lập miếu thờ, sau đưa vào thờ trong đình. Người dân làng này bị cấm không được lên đền Kiếp Bạc. Vào những ngày hội tại đền Kiếp Bạc, đặc biệt ngày chính hội 20 tháng 8 âm lịch, thì những đền, miếu, nghề thờ Phạm Nhan đều phải úp bát hương xuống và không được hương khói trong những ngày ấy. Ở đình An Bài có tục hèm là: những người phụ nữ đến kì nguyệt san, những gia đình có tang, hay những người ăn thịt chó không được đến đình. Nếu đến đình chắc chắn sẽ bị vạ. Truyền thuyết còn kể ở thôn Cầu Quan, xã Tân Dân huyện Nam Sách - Hải Dương xưa có ngôi miếu gọi là Miếu Ông thờ đầu Phạm Nhan. Ngôi Miếu Ông trước kia nằm giữa cánh đồng. Dân làng An Bài thường sang cánh đồng của xã Tân Dân gặt trộm lúa. Đi qua Miếu Ông nếu thắp hương cầu khẩn thì sẽ được tha. Còn không, thường về sẽ phải chịu tội, không bệnh nọ thì tật kia.

Nhân vật Phạm Nhan có ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống của nhân dân một số địa phương. Truyền thuyết dân gian đã tái hiện lại một thời kì lịch sử có hào hùng nhưng cũng không ít đau thương. Phạm Nhan đại diện cho thế lực thù địch xâm chiếm dày xéo trên từng mảnh đất quê hương. Sau này hồn vía Phạm Nhan lại trở thành những con ác mộng gây nên bao phiền toái, thương đau. Những căn bệnh khó nói của người phụ nữ, những nỗi ám ảnh khôn nguôi trong tâm thức mỗi người dân, tất cả đều mang tên Phạm Nhan. Ở Hải Phòng có câu phương ngôn "*Phục, Phả bịt má; Hà Nam vá trôn*". Câu nói này có nguồn gốc từ truyền thuyết kể về những người con gái vùng ven biển Bạch Đằng xưa là huyện Thủy Đường, nay là xã Phục Lễ, Phả Lễ thuộc huyện Thủy Nguyên - Hải

Phòng vì sợ mắc phải vía Phạm Nhan nên từ rất nhỏ đã phải che mặt. Tục che mặt của người phụ nữ Thủy Nguyên được giải thích gắn liền với nỗi ám ảnh mang tên Phạm Nhan. Và không chỉ bên này của sông Bạch Đằng địa bàn Thủy Nguyên mà đối diện bên kia là vùng đảo Hà Nam, Phong Cốc thuộc thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh, phụ nữ xưa vì sợ hãi tà ma Phạm Nhan nên đối phó bằng cách vá thật dày đũng váy, nhất là những ngày có kinh nguyệt lại càng phải che dấu kín đáo hơn.

Khi tiến hành điền dã tại những địa phương có lưu truyền truyền thuyết về Phạm Nhan, chúng tôi gặp phải rất nhiều khó khăn, trở ngại. Đối với những nơi được phỏng đoán và được người dân chỉ điểm là nơi thờ cúng Phạm Nhan đều có những điều hết sức kì lạ. Phải mất rất nhiều thời gian, trở đi trở lại chúng tôi mới tiệm cận được những thông tin có liên quan đến các tập tục thờ cúng, kiêng kị đối với Phạm Nhan. Tại phường Nam Hòa - Quảng Yên, Quảng Ninh những người dân thuộc làng Trung Cốc cho biết, dân làng bên Hưng Học tuyệt đối giữ bí mật về các nghi thức cúng tế Phạm Nhan. Họ hoàn toàn tránh, và không thích bị người ngoài hỏi đến việc này. Cho nên tìm hiểu truyền thuyết về Phạm Nhan ngay tại thôn Hưng Học là một điều hết sức nhạy cảm và tế nhị. Người dân những phường, xã nơi có đình, đền thờ Trần Hưng Đạo thường không thích giao du với người dân làng Hưng Học. Họ cho biết, những người dân làng Hưng Học không được phép đến thắp hương hay cúng lễ tại đình, đền thờ Trần Hưng Đạo. Các cụ cao tuổi làng Trung Cốc phường Nam Hòa và người dân xã Liên Hòa còn cho biết trước kia họ cấm tuyệt đối con cái không được kết hôn với người làng Hưng Học. Ngày nay, tục lệ này cũng được nói lỏng hơn, nhưng về tâm lí thì đó vẫn là một việc không tốt.

Tại điện Hòn Chén bên bờ sông Hương, có những tục hèm liên quan đến tín ngưỡng Phạm Nhan như: xưa có tục hiến sinh, cứ đến ngày hội mùng 8 tháng 7 âm lịch thường phải tế những cô gái đẹp chưa chồng. Dâng tặng cho thần mới mong cầu được cuộc sống bình an. Sau này, tục hiến sinh đã được bỏ, người ta thay thế bằng cách cúng tế hình nhân thế mạng là những cô gái được làm bằng giấy và ném xuống Sông Hương những tảng thịt lợn sống thì dân quanh đó mới được yên.

Người dân tộc Nùng thờ Phạm Nhan được gọi là phi Phạm Nhan. Việc thờ phi Phạm Nhan là hình thức thờ cúng được lưu truyền và bảo hộ từ đời này qua đời khác của một gia đình hay dòng họ. Tổ tiên thờ phi Phạm Nhan thì con cháu cũng thờ phi Phạm Nhan. Tục này cũng chỉ tồn tại trong một số gia đình, dòng họ. Những người thờ phi Phạm Nhan thường có những hành vi gây ác như trả thù, làm hại người, giết súc vật v.v... Phạm Nhan là ác thần ẩn sau mỗi hành động độc ác của người chủ thờ. Chủ

ghét ai, người đó sẽ bị Phạm Nhan đến cắn làm đau đớn và khờ dại đi. Chủ thích con súc vật nào của ai đó, súc vật liền bị Phạm Nhan đến cắn cho thật đau, có trường hợp bị cắn chết. Chính vì vậy, người ta rất sợ chơi với những người có phi Phạm Nhan. Những người bị dư luận cho là có phi Phạm Nhan thường bị mọi người xa lánh và con cái của họ khó dựng vợ, gả chồng.

Trong đời sống văn hóa dân gian của người Việt, việc thờ cúng, phụng sự Phạm Nhan gặp phải sự cấm đoán từ phía chính quyền, sự khinh bỉ, nhieéc móc của những người dân theo chính đạo. Nhưng không vì thế mà tục thờ Phạm Nhan bị triệt tiêu, một số bộ phận nhân dân vẫn âm thầm tổ chức những nghi lễ phụng sự. Tuy nhiên, đó không phải sự phụng sự đối với cái ác mà là niềm sùng bái đối với một vị thần linh có sức ảnh hưởng quá lớn trong đời sống của họ. Những hành vi tín ngưỡng ấy xuất phát từ sự sợ hãi, nỗi lo âu pháp phông hơn là sự yêu thương, thành kính.

Tín ngưỡng thờ Phạm Nhan mang bản chất của tín ngưỡng thờ ác thần. Việc thực hiện các hành vi tín ngưỡng đối với Phạm Nhan xuất phát từ nỗi sợ hãi và niềm kinh hoàng về những điều kì dị xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Sự ám ảnh về hồn vía Phạm Nhan có thể đi khắp nơi gieo họa mang đến bệnh tật, chết chóc và khổ đau đã khiến cho nhân dân nhiều nơi phải phục tùng để làm thỏa mãn lòng thần. Trước những vị thần chủ trì cái ác, cái xấu nhân dân không mong cầu hay khẩn nguyện được ban tài, tiếp lộc như đối với những vị phúc thần. Cái mà con người muốn đổi lại từ sự phục tùng, và những nghi thức lễ tục đối với ác thần chính là niềm mong mỏi được bình an. Trước sức mạnh và sự thống trị của thần ác, con người thực hiện các hành vi thờ cúng nhằm cân bằng tâm lí lo âu, sợ hãi đồng thời giúp giải tỏa những ám ảnh về các hiện tượng lạ xảy ra trong đời sống của họ. Lâu dần trở thành tín ngưỡng như một quy luật không thể cưỡng lại. Đây chính là minh chứng cho tín ngưỡng đa thần chi phối đời sống tâm linh của người Việt.

4.1.4. Phạm Nhan - Đức Thánh Trần: hai loại hình tín ngưỡng

Trong hệ thống ác thần được thờ rải rác trên rất nhiều vùng miền của đất nước thì Phạm Nhan là một ác thần tiêu biểu và phổ biến hơn cả. Không tuân theo lễ lối phong thần của thể chế nhà nước, tất cả những ác thần đều được phong dựa vào bầu không khí tâm linh của tập thể nhân dân. Và chủ yếu mang tính chất riêng lẻ, địa phương. Mỗi địa phương, mỗi vùng miền tùy theo những biểu hiện khác nhau của bầu không khí thần linh mà có một hoặc một vài những vị thần mang tính ác khác nhau. Bởi vậy, việc thờ cúng ác thần có tính chất địa phương. Duy chỉ có ác thần Phạm Nhan là nổi tiếng và phổ biến trên khắp các vùng miền của cả nước. Nhắc tới Phạm Nhan

hầu như tất cả những người dân Việt đều biết đến xuất thân, hành trạng và những hành vi quái ác của vị thần này. Điều đó cho thấy hành tung của nhân vật này quá nổi bật. Nếu chỉ là con của một bà mẹ quê vùng Đông Triều, cha có thể là thương khách người Phúc Kiến - Quảng Đông thì sẽ không có gì đáng nói. Nhưng sự xuất hiện của Phạm Nhan cũng là sự xuất hiện của vó ngựa xâm lược. Đối với nhân dân ta, bất cứ kẻ nào chà đạp lên quyền độc lập dân tộc, lên nền tự chủ của lãnh thổ, kẻ ấy là thù. Phạm Nhan dù mang dòng máu Việt trong người nhưng đã làm vấy bẩn dòng máu đó. Để cứu lấy mạng sống của mình sẵn sàng lấy sự bình an của cả dân tộc để đổi lại. Khi sống là kẻ bán nước cầu vinh đã là một cái tội bất nghĩa. Khi chết Phạm Nhan lại hóa kiếp thành loài quỷ dữ hút máu người. Hồn ma Phạm Nhan đi khắp thôn cùng ngõ hẻm trong các làng quê để giở những trò xằng bậy, ám hại phụ nữ, gây bệnh tật, tạo thương đau cho người dân. Đó chính là cái tội bất nhân. Phạm Nhan tuy sống một đời nhưng cái nhục, cái ác tồn tại đến muôn đời.

Trong đời sống dân gian có những hiện tượng xảy ra tại nhiều địa phương và ở các thời điểm khác nhau nhưng lại được nhân dân kết nối tạo thành một mạch chuyện có liên quan đến Phạm Nhan. Đó là những căn bệnh của người phụ nữ, đặc biệt là sau khi sinh nở thường mắc chứng hậu sản. Hiện tượng này phổ biến trong đời sống người Việt xa xưa, khi điều kiện kinh tế còn khó khăn, người phụ nữ không mấy khi được chăm sóc. Trải qua cơn vượt cạn, cùng những ngày tháng nuôi con vất vả lại không có được sự bồi dưỡng sức khỏe nên thường ốm đau, gây mòn.v.v... Với nhận thức còn ngây thơ và sức nặng của đời sống tâm linh, nhân dân đã gán ghép với câu chuyện Phạm Nhan và truyền thuyết về lời nguyện “Cho mi ăn máu đẻ của đàn bà”. Từ đó, hễ ở đâu có những hiện tượng phụ nữ ốm đau sau kì sinh nở, những hiện tượng con ranh con lộn đều được nhân dân gọi với cái tên căn bệnh Phạm Nhan. Đặc trưng truyền miệng của tác phẩm dân gian và sức cộng cảm của tập thể nhân dân đã tạo nên một sự lan tỏa rộng rãi về nhân vật Phạm Nhan. Vì thế, Phạm Nhan trở thành nỗi ám ảnh chung của tất cả những người dân Việt. Dân gian cho rằng nơi nào Phạm Nhan đi qua thì sẽ gieo bệnh tật và đau thương cho người phụ nữ. Cũng đồng nghĩa với việc trong dân gian nơi nào người phụ nữ mắc bệnh liên quan đến sức khỏe sinh sản được cho rằng nơi đó có Phạm Nhan.

Tội ác của Phạm Nhan cả trước và sau khi nhân vật này chết đều là những tội khó dung tha. Tại trần thế, tội xâm chiếm lãnh thổ quốc gia là tội ác thiên thu không xóa được. Dưới âm phủ, tội quấy nhiễu nhân gian, làm hại người vô tội là tội ác trời, đất và lòng người không dung. Phạm Nhan mắc phải cả hai tội ác đó. Với những ác

thần khác mà chúng tôi đã khảo sát hầu hết đều chỉ gây nên một hành vi ác và sau đó được dẹp bỏ. Còn với Phạm Nhan hành vi gây ác của kẻ này không giới hạn trong một vùng mà tại nhiều vùng, không chỉ hại một người mà hại vô số người, không chỉ là ám ảnh của một đời mà trở thành nỗi ám ảnh của nhiều đời. Chính vì vậy, khi nhắc tới ác thần ai cũng sẽ có liên tưởng ngay tới Phạm Nhan. Phạm Nhan trở thành một dạng ác thần tiêu biểu nhất trong đời sống tâm linh của người Việt.

Từ góc độ tín ngưỡng dân gian, hình ảnh về người anh hùng dân tộc và tên tướng giặc mờ đi, lúc này mối quan hệ giữa Đức Thánh Trần và Phạm Nhan là sự đối diện giữa một phúc thần và một ác thần. Điều này đã phản ánh sự phức tạp trong tín ngưỡng dân gian khi phúc thần và ác thần đều được thờ cúng, phụng sự. Nhân dân cho rằng cả phúc thần và ác thần đều tạo oai tác phúc cho họ. Sự đối lập giữa cặp đôi Đức Thánh Trần và Phạm Nhan là sự đối lập, tương khắc giữa thiện và ác, chính và tà. Trong đó Đức Thánh Trần là biểu tượng cho chí thiện, Phạm Nhan biểu tượng cho chí ác. Và theo quy luật chính luôn thắng tà, thiện sẽ dẹp ác.

Tác giả Nguyễn Quỳnh Phương khi nghiên cứu về tín ngưỡng Đức Thánh Trần kết luận rằng: “Tín ngưỡng Đức Thánh Trần có bản chất là tín ngưỡng thờ phúc thần, nhưng đồng thời cũng là một tín ngưỡng phức hợp được hội tụ bởi nhiều dạng thức tín ngưỡng: Đạo giáo thần tiên (sùng bái người anh hùng hiền Thánh), tín ngưỡng bản địa (thờ cúng tổ tiên) và cả tín ngưỡng thờ thần tự nhiên (thủy thần)... Từ trong nội dung cũng như trong các phương thức thực thi tín ngưỡng, người ta thấy rất đậm nét những dấu ấn của Đạo giáo”[119,181-182].

Trần Hưng Đạo xuất thân từ thiên giới là Thanh Y Đồng Tử phụng mệnh Ngọc Hoàng xuống đầu thai trong gia đình thân vương. Trong con người Ngài có ba đức tính quý (Từ, Kiệm, Khoan) và ngũ tài (Trí, Nhân, Dũng, Trung, Tín). Sau khi đại phá quân Nguyên Mông (1257 -1288), Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn được dân chúng khắp nơi coi như vị Thánh giúp dân thoát kiếp lầm than. Tư tưởng quân sự của ông là dựa vào dân, khoan thư sức dân, xây đoàn kết toàn dân, toàn quân và thể chế chính trị cầm quyền. Đó là những tư tưởng vượt thời gian, luôn có mặt trong mọi thời đại mà hậu thế tôn vinh. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn không chỉ có tài năng kiệt xuất về quân sự mà ông còn là một tấm gương sáng về lòng trung nghĩa, coi việc nước, coi giang sơn Tổ Quốc cao hơn mọi hiềm khích riêng tư, Tổ quốc cao hơn ngai vua, cao hơn những tư thù, tị hiềm, vị kỷ. Dưới trướng của ông, những bậc hiền tài lương tướng trưởng thành và được trọng dụng, là giương cột quốc gia. Những tướng lĩnh được ông đào tạo không những có biệt tài đánh giặc, họ còn thể hiện đức cao vọng trọng từ chính tấm gương của ông.

Việc tôn thờ Đức Thánh Trần có cả một quy mô rộng lớn. Sự tôn vinh, phụng thờ Đức Thánh Trần qua hệ thống di tích, lễ hội là hiện tượng phổ biến trong dân gian. Các đền thờ, các thần tích, truyền thuyết đã chứng minh sự Thánh hoá Trần Hưng Đạo là một nhu cầu tâm linh của quần chúng. “Việc phụng thờ người anh hùng Trần Quốc Tuấn còn bắt nguồn từ truyền thống dân tộc, đó là truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”. Yêu nước, tự hào dân tộc và lòng biết ơn cội nguồn là những khía cạnh nổi trội trong tâm thức dân gian người Việt. Việc phụng thờ Đức Thánh Trần còn có sự ủng hộ của cả vương triều nhà nước và dân chúng. Đức Thánh Cha Trần Hưng Đạo được thờ như vị thần chủ của một dòng tín ngưỡng, bởi Ngài đáp ứng được nhu cầu tâm linh bình dị của những người dân nghèo. Ngoài cầu mùa, họ cầu tài, cầu lộc, cầu phúc, cầu an. Cầu phúc trước hết là cầu con, cầu sức khoẻ. Ai cũng muốn có con cái sum vầy, đường dây thế hệ không bị đứt nối. Nhưng trong thực tế, có nhiều người hiếm muộn con cái hoặc hữu sinh vô dưỡng. Họ hình dung có một thế lực siêu hình nào đó ngăn trở, hãm hại con đường sinh nở tự nhiên cũng như hành hạ thân xác của mình. Vì thế, họ mong được một sức mạnh siêu phàm giúp đỡ và Đức Thánh Trần là đối tượng được họ tin tưởng khẩn cầu” [90,87]. Hưng Đạo Vương khi sống khiến giặc Bắc phải khiếp sợ, khi thác hiển Thánh giải trừ tà ma, bệnh tật cứu giúp nhân dân. Việc xin ấn nhằm “sát quỷ trừ tà” đã trở thành một trong những tập tục phổ biến rộng rãi tại mỗi mùa lễ hội. Người dân tin rằng nhờ vào phù ấn của Ngài có thể che chở cho họ tránh được tà ma, thoát khỏi những thế lực xấu và cầu mong sự may mắn. Theo tài liệu do Ban quản lí đền Kiếp Bạc cung cấp: tại đền còn giữ được 4 chiếc ấn cổ có niên đại hơn 700 năm. Nội dung của bốn chiến ấn cổ như sau: Trần Triều Hưng Đạo Đại Vương chi ấn, Quốc pháp Đại Vương, Vạn Dược Linh phù, Phi Thiên thần kiếm linh phù. Ấn thứ nhất: Trần Triều Hưng Đạo Đại Vương chi ấn (ấn của Hưng Đạo Vương triều Trần) hình vuông, kích thước 10x10 cm. Đây là phù ấn quan trọng nhất, nội dung thể hiện uy quyền và sức mạnh của Đức Thánh Trần. Ấn thứ hai: Vạn Dược Linh phù (phù ấn linh thiêng của đền Vạn Dược), ấn có hình vuông, kích thước 4,3x4,3 cm. Đây là phù ấn linh thiêng giúp mọi người có sức khỏe, bình an, vạn vật được sinh sôi, phát triển, trường sinh. Ấn thứ ba: Quốc pháp Đại Vương (ấn phù Quốc pháp của Đức Thánh Trần), ấn có kích thước 4,5x4,5 cm. Đây là phù ấn thể hiện quyền uy của Đức Thánh Trần bắt mọi thế lực trong tam giới phải tuân theo luật pháp, lẽ phải và sự công bằng. Ấn thứ tư: Phi thiên thần kiếm linh phù (phù ấn linh thiêng của Phi thiên thần kiếm – thanh kiếm thiêng của Đức Thánh Trần), ấn hình chữ nhật, kích thước 5,2x 7,8 cm. Đây là phù ấn dùng để cầu bình an, trừ tà ma, quỷ quái. Theo quan niệm dân gian,

muốn cầu việc lớn, cầu quan tước, cầu phải trái phân minh thì xin ấn “Trần Triều Hưng Đạo Vương chi ấn” hoặc ấn “Quốc pháp Đại Vương”. Đó là ấn thể hiện sự quyền uy của một nhà thiên tài quân sự, một thống soái mà tên tuổi của Ngài nổi tiếng khắp năm châu. Với những người muốn cầu sinh con, cầu tài lộc dồi dào, giải trừ tật bệnh mong muốn sự tốt lành phát triển thì xin ấn “Vạn Dược linh phù”. Từ “Vạn Dược” (萬藥) có nghĩa là rất nhiều vị thuốc, “linh phù” (靈扶) có nghĩa là được thần linh giúp đỡ. Ấn “Vạn Dược linh phù” được xem như bài thuốc trị bệnh, gửi gắm niềm mong mỏi tin tưởng của người dân với Đức Thánh Trần. Còn ấn “Phi thiên thần kiếm linh phù” là loại ấn có thể trị tà ma, quỷ quái. Lễ khai ấn và ban ấn hằng năm được tổ chức vào 14, 15 tháng giêng tại đền Trần (Nam Định) và 16 tháng tám âm lịch tại đền Kiếp Bạc. Nhân dân khắp nơi trên cả nước đều trở về đền Trần và đền Kiếp Bạc vào những dịp này để xin cho mình một cái ấn của Đức Thánh Trần, họ tin rằng có ấn của Thánh họ sẽ được ban tài lộc, sức khỏe và bình an.

Kết luận về tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần, Phạm Quỳnh Phương cho rằng: “Tín ngưỡng Đức Thánh Trần đáp ứng nhu cầu của cả vương triều (yêu cầu khẳng định ý chí độc lập tự chủ của dân tộc) và lớp nho sĩ (trong ý niệm về địa linh nhân kiệt) cũng như nhu cầu giản dị của tầng lớp bình dân (bắt tà trừ ma chữa bệnh). Đức Thánh Trần cũng đáp ứng được mong muốn có một biểu tượng chống lại lực lượng xấu, tà khí (mà Phạm Nhan là đại diện). Đức Thánh Trần là biểu tượng của chính khí. Chính những nhu cầu vừa thế tục, vừa tâm linh ấy đã nuôi dưỡng cho tín ngưỡng tồn tại và phát triển trong suốt bảy thế kỷ và vẫn còn nguyên sức hấp dẫn đối với nhân dân của xã hội đương đại” [90, 87].

Tại đền Kiếp Bạc có đôi câu đối nói về công đức của Đức Thánh Trần trong việc diệt trừ Phạm Nhan:

“Lực tán Trần Triều công đức long ân phổ tế
Uy trừ Phạm đảng nhĩ hà sử sách trường lưu”

Dịch nghĩa:

(Tận lực giúp nhà Trần công đức ân sâu phổ tế

Ra uy trừ Phạm (ý nói Phạm Nhan) xa gần sử sách lưu truyền mãi mãi)

Tín ngưỡng Đức Thánh Trần có nhiều hoạt động mô tả lại tài năng và đức hạnh của Ngài trong việc diệt trừ ma quỷ Phạm Nhan. Phạm Nhan là một trong những căn nguyên cho một số hoạt động tín ngưỡng Đức Thánh Trần như hầu đồng, lên đồng để chữa bệnh, trừ tà ma. Những người theo đạo thờ Đức Thánh Trần được gọi là Thanh đồng: “Thanh đồng là những người thờ về Đức Thánh Trần... Đàn bà sản sinh đau

yếu, hoặc con gái hiếm muộn, thường cho là bệnh Phạm Nhan làm, hoặc là tiền kiếp phu thê ghen tuông hoặc vì thạch tinh cốt khí yêu ma quỷ quái ám ảnh mà thành bệnh. Người có bệnh đem vàng hương giàu rượu đến cửa điện lễ bái, nhờ thanh đồng kêu khẩn xin Thánh trừ tà cho”[9,298].

“Trong ngày hội trước sân đền đầu đầu ta cũng thấy cảnh tượng những người phụ nữ không đẻ con, hay sinh con nhưng không được, quỳ niệm thần chú. Một ông đồng mặc quần áo lờ loẹt, dất cờ xanh đỏ quanh người, nhảy múa, gõ trống, khua thanh la để đuổi tà ma đang ẩn nấp trong người chị để làm hại. Một lúc từ chỗ sợ sệt, chị ta cảm thấy mình bị thôi miên và bỗng nhiên như nhìn thấy hồn ma Phạm Nhan, chị lảo lộn, đập đầu xuống đất như để xua đuổi, đánh đập chính tà ma. Có người như không chịu đựng được đã ù té chạy ra sông, lao xuống dòng nước như để chìm chết hồn ma. Tới khi lả đi vì mệt, người ta vớt chị lên thấy thân thể rũ rượi, coi như hồn ma đã bị xua đuổi”[125].

Hiện nay, bên cạnh hầu đồng còn có nhiều hình thức khác như bùa hộ mệnh, chẩn trách... Sau khi lễ Thánh người ta xin bùa, xin chẩn trách về dán ở nhà hoặc đeo vào người. Một số hình thức trừ tà ma trước đây nay đã mất như xiên linh, rạch lưỡi, phép phù thủy.... Những người bị bệnh đặc biệt những người bị bệnh thần kinh, điên, nghi bị ma ám, người mắc chứng vô sinh hay hữu sinh vô dưỡng đều đến đền Kiếp Bạc cầu khẩn Đức Thánh Trần. Sau khi khẩn xin âm dương nếu được thì ra chỗ thủ nhang đóng dấu đồng màu đỏ vào giấy bản màu vàng, rồi lại vào cung, đến bàn thờ Đức Thánh Trần lễ trình. Sau đó họ mang tờ giấy bản đốt hòa lẫn với rượu và nước cúng, chắt nước trong uống, bã tro thì dùng để day vào thái dương hoặc xoa từ ngực trở xuống. Tương truyền nhiều người làm như thế và đã khỏi bệnh.

Ngoài ra, tại các đền thờ Đức Thánh Trần hoặc các chùa có ban thờ Ngài, còn phổ biến hình thức bán khoán cho trẻ em trong vòng mười hai năm. Những đứa trẻ khó nuôi, người ta đem bán cho Đức Thánh Trần, dùng oai của Ngài để trấn mọi ma tà quỷ dữ, cho đứa trẻ lớn ngoan ngoãn, mạnh khỏe. Thậm chí có người còn đổi họ cho con thành họ Trần.

Tín ngưỡng thờ Phạm Nhan mang bản chất của tín ngưỡng thờ ác thần. Việc thực hiện các hành vi tín ngưỡng đối với Phạm Nhan xuất phát từ nỗi sợ hãi và niềm kinh hoàng về những điều kì dị xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Sự ám ảnh về hồn vía Phạm Nhan có thể đi khắp nơi gieo họa mang đến bệnh tật, chết chóc và khổ đau đã khiến cho nhân dân nhiều nơi phải phục tùng để làm thỏa mãn lòng thần. Những sinh hoạt tín ngưỡng đối với Phạm Nhan được thực hiện dựa trên những thỏa thuận ngầm. Không vì kính nể công đức, không phải đền đáp ơn sâu, các tập tục thờ cúng

đôi với Phạm Nhan không xuất phát từ tấm lòng tự nguyện mà đó là sự ràng buộc giữa vị thần tác oai tác quái với những người dân lương thiện.

Hai hình thức tín ngưỡng thể hiện sự đối lập rõ rệt giữa chính và tà, giữa thiện và ác, giữa một vị thần là anh hùng dân tộc với một vị thần là tên giặc cướp nước hại dân. Thờ phúc thần và thờ ác thần không thể dung hòa trong cùng một không gian tín ngưỡng. Những địa phương thờ Phạm Nhan phải thực hiện một số sự chế ngự trong môi trường tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần như không được đến các đền thờ Trần Hưng Đạo, thậm chí sự giao du giữa các làng thờ Phạm Nhan với những địa phương thờ Đức Thánh Trần cũng bị hạn chế. Tại thôn An Bài, xã Văn Đức, huyện Chí Linh - Hải Dương có miếu thờ Phạm Nhan vì thế người dân làng này bị cấm không được lên đền Kiếp Bạc. Vào mỗi dịp hội 20 tháng 8 kỉ niệm ngày mất của Đức Thánh Trần, tại miếu thờ Phạm Nhan phải úp bát hương và người dân không được thắp hương hay cúng lễ Phạm Nhan trong những ngày này. Một số nơi khác như ở thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh trong cùng phường Nam Hòa, người dân hai thôn Hưng Học và thôn Trung Cốc không giao lưu với nhau, xưa các cụ không gả con cái cho nhau vì một làng thờ Phạm Nhan và một làng thờ Đức Thánh Trần.

Giữa truyền thuyết, tục thờ Đức Thánh Trần và Phạm Nhan đều cho thấy sự đối lập giữa cặp đôi này. Trong truyền thuyết là sự đối lập giữa một anh hùng dân tộc với một tên tướng giặc cướp nước hại dân. Trong tín ngưỡng là sự đối lập giữa một vị phúc thần cứu nhân độ thế với một ác thần chuyên quấy nhiễu, gây họa cho nhân dân. Đối với phong tục thờ cúng hai vị cũng có những biểu hiện hoàn toàn khác nhau. Những phủ, điện thờ Đức Thánh Trần thường nguy nga hoành tráng và luôn nhộn nhịp người hành hương. Người ta tìm đến nơi này như tìm về cội nguồn, tìm đến sự che chở của một thứ tình cảm đặc biệt đầy thiêng liêng, thành kính, giúp họ xua tan nỗi nhọc nhằn, băn khoăn hằng ngày, những xót xa, bất hạnh và hướng tới sự bình yên, may mắn. Ngược lại, Phạm Nhan được thờ tại những nghè, miếu nhỏ đơn sơ, hẻo lánh. Việc thờ cúng Phạm Nhan hiện vẫn còn là những điều khó lí giải và được thực hiện trong bí mật của người dân địa phương. Họ không công khai danh tính của Phạm Nhan, một số nơi nhân dân nguy trang bên ngoài bởi các hình thức thờ một vị thành hoàng nào đó. Tại các miếu, nghè thờ Phạm Nhan hương án được bày đơn sơ, giản tiện đôi khi chỉ cần một bát nhang. Bước vào những nơi này cho ta một cảm giác ớn lạnh đến hãi hùng. Nếu không phải ngày lễ, kì thì bản thân những người dân thờ Phạm Nhan cũng ít khi lui tới. Những người thờ và buộc phải đến dâng lễ tại các miếu, nghè thờ Phạm Nhan xuất phát từ sự kinh hãi đối với quyền lực linh thiêng

hơn là lòng mến yêu mộ đạo. Trước cái ác, trước sự tác oai tác quái của thể lực thần linh, con người chỉ còn biết nhẫn nhịn, phục tùng miễn sao đổi lại được sự bình yên trong cuộc sống của họ.

Đặt truyền thuyết và tục thờ Phạm Nhan trong mối tương quan với Đức Thánh Trần, chúng tôi có căn cứ xác lập vị trí của truyền thuyết và tín ngưỡng thờ Phạm Nhan, đồng thời có cơ sở để khai thác độ lan tỏa và sự phức tạp của các loại hình tín ngưỡng trong đời sống văn hóa Việt. Đây cũng là vấn đề mấu chốt mà đề tài cần thực hiện để giải quyết nhiệm vụ đã đặt ra.

4.2. Tín ngưỡng, tục thờ ác thần của người Việt

4.2.1. Quan niệm về việc thờ ác thần

Tư tưởng thâm căn cố đế đã ăn sâu vào suy nghĩ của người Việt đó là sự tồn tại của một hệ thống thần linh đa tạp trong đời sống văn hóa dân gian. Người Việt thờ từ các nhiên thần như thần núi non, thần nước, thần sông biển; thờ cúng động vật như rắn, hổ; thờ cúng cây cối, thờ đất đá, thờ thiên thần đến nhân thần (từ những anh hùng cứu quốc đến những kẻ từng là giặc ngoại xâm). Trong tâm thế của những người bình dân luôn đầy ắp các thần, đối lập với phúc thần, chính thần còn có các thần là ma, quỷ. Người Việt tin rằng, trong cuộc đời này, ở vũ trụ này, ngoài con người còn có các thể lực siêu nhiên khác với các tên gọi khác nhau như: trời, đất, thần, Phật, ma quỷ, linh hồn... Thực tế cho thấy người Việt đều có chung niềm tin và thực hành tín ngưỡng thờ cúng đa thần. Đặc biệt trong hệ thống thần linh được người Việt thờ cúng có nhóm các thần thuộc loại ác quỷ, tà ma. Trong thế giới tâm linh, con người thực hiện các hành vi thờ cúng xuất phát từ niềm kính yêu, tưởng nhớ song hiện tượng thờ cúng vì sợ cũng khá phổ biến. Sở dĩ hiện tượng thờ cúng ác thần tồn tại trong đời sống văn hóa tín ngưỡng vì người Việt tin vào sự tồn tại của các thần ác bên cạnh những thần thiện và có những thế đối xử với các thần cho phù hợp. Tuy nhiên, thờ cúng ác thần không phải luôn là một hiện tượng phổ biến và rộng khắp, hành động thờ cúng được thực hiện trong bí mật và cũng khá khiêm tốn. Giống như việc thờ cúng Phạm Nhan, xung quanh hiện tượng thờ cúng ác thần cũng có những quan niệm khác nhau: người phản đối, kẻ âm thầm thực hiện. Tâm lí phổ biến cho rằng ác thần không xứng đáng được thờ cúng hương khói bởi chỉ những người có công, có đức mới đáng được tưởng nhớ và đền ơn. Tuy vậy, trong cái thế giới tâm linh rộng lớn, bí ẩn và khó lí giải ấy, hành vi thờ cúng ác thần lại tồn tại một cách có lí do. Với những người thực hiện hành vi thờ cúng ác thần họ có quan niệm việc thờ cúng thần ác là một lễ bình thường nhằm mang lại sự bình an trong chính tinh thần của con người. Niềm mong cầu ấy cũng là lí do khiến tục

thờ ác thần được nuôi dưỡng và bảo mật trong đời sống văn hóa dân gian người Việt từ bao đời nay. Đây chính là những biểu hiện cụ thể của lí thuyết về an ninh tinh thần mà chúng tôi đã đưa ra trong chương 1.

Ý niệm về linh hồn và sự tồn tại tinh thần qua các ác thần trong đời sống văn hóa dân gian đã khiến con người bầu víu vào đó để đạt đến niềm tin an ủi trong sự tiếp nối các hành vi thờ cúng. Thờ cúng ác thần xuất phát từ một nhu cầu tự thân rất dễ cảm thông và lan tỏa đó là niềm mong muốn có một cuộc sống bình an, tránh được các tai họa có thể ập đến bất cứ lúc nào. Con người tin rằng quỷ thần hai vai, nghĩa là thần hay quỷ đều có sức ảnh hưởng như nhau trong thế giới tâm linh huyền bí. Ở đó mỗi vị thần dù là thần thiện hay thần ác đều có chức năng và vai trò khác nhau. Với thần thiện luôn mang lại sự an yên trong tâm hồn, con người thờ vì kính còn với các thần ác ở những trạng thái tâm lí bất an nhất, con người thờ vì sợ. Hiện tượng thờ cúng và những sinh hoạt nghi lễ, phong tục đối với các ác thần được thực hiện khi cần thiết để mong cầu một sự tốt lành và bình an nhất.

Thực tế cho thấy, cùng với những giá trị văn hóa tâm linh và tín ngưỡng dân tộc không thể phủ nhận sự tồn tại hành vi thờ cúng ác thần của người Việt. Đây là một trong những sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng đặc biệt và độc đáo dựa trên niềm tin của con người về sự tồn tại của thế giới luôn có hai mặt đối lập thiện - ác, chính - tà. Thờ cúng ác thần là sự tự nguyện của con người được đổi lại sự an tâm trong tâm hồn.

4.2.2. Di tích thờ ác thần

Đối với sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của dân gian tại từng địa phương khác nhau: tính trong cả nước có hàng nghìn, hàng vạn đình, đền miếu thờ thần linh - nơi nhân dân thực hiện hành vi tín ngưỡng của mình. Ngoài những vị thần được chính thức sắc phong, có cấp bậc, thì tại mỗi làng quê, mỗi địa phương còn có rất nhiều những điểm thờ vô danh khác: như các miếu, các lầu, thậm chí mỗi bên sông, gốc cây nhân dân cũng có thể lập bát hương để thờ. Bên cạnh những di tích được xếp hạng và được các cơ quan tổ chức văn hóa quản lí thì có rất nhiều những ngôi đền, ngôi miếu nhỏ ẩn hiện trong mỗi thôn làng của người Việt. Hơn nữa, giữa số lượng ác thần được lưu truyền trong đời sống của người Việt với những di tích thờ cúng là không tương thích. Bởi có rất nhiều ác thần được lưu truyền trong dân gian, hiện nay không còn những di tích thờ cúng bởi nhiều lí do khác nhau. Như vậy có thể thấy để thống kê chính xác các di tích thờ cúng ác thần của người Việt là điều vô cùng khó, vậy nên qua quá trình điền dã chúng tôi chỉ đưa ra một số địa điểm, di tích có tính chất đại diện cho hành vi tín ngưỡng này của nhân.

Bảng 4.1: Bảng thống kê di tích, địa điểm thờ cúng ác thần

| STT | Tên di tích, địa điểm thờ cúng | Vị thần được thờ |
|-----|--|-------------------------------|
| 1 | Miếu Phạm Nhan tại thôn Hưng Học - Nam Hòa, Quảng Yên - Quảng Ninh | Phạm Nhan |
| 2 | Nghè Phạm Nhan tại thôn An Bài - thị xã Chí Linh - Hải Dương | Phạm Nhan |
| 3 | Đình An Bài, thị xã Chí Linh - Hải Dương | Phạm Nhan |
| 4 | Miếu Phạm Nhan tại điện Hòn Chén - Huế | Phạm Nhan |
| 5 | Đền thờ thần Xương Cuồng - Vĩnh Phúc | Thờ thần cây thành tinh |
| 6 | Đền ghênh Bợ, xã Tòng Bạt, Sơn Đà, huyện Bát Đạt cũ thuộc tỉnh Sơn Tây xưa | Thờ ông Cụt |
| 7 | Làng Ngọc Cục huyện Bình Giang - Hải Dương | Thờ yêu hồ |
| 8 | Làng Dương Xá | Thờ thần trẻ con |
| 9 | Miếu bà chúa Ngựa - Cẩm Giàng, Hải Dương | Thờ bà chúa Ngựa |
| 10 | Đượng ba thặng - Hà Nam, Quảng Ninh | Thờ 3 tên giặc Tàu |
| 11 | Góc đa làng, có một bệ thờ, trên đặt bát hương, người ta nói đó là nơi thờ hoặc yểm Ngô Bát Ngạo (Diễn Châu - Nghệ An) | Thờ Ngô Bát Ngạo |
| 12 | Miếu tại xóm 7 thôn Cam Lộ - Hùng Vương, Hải Phòng | Thờ giặc Tàu họ Ngô |
| 13 | Đền Gốm, xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, Hà Nam | Thờ bà Tổ Nga Thanh Thủy |
| 14 | Mả chú Khách, làng Thanh Nộn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam | Thờ người Tàu |
| 15 | Đền Kê kia ở thôn Võ Uyên, nay thuộc xã Thanh Giang, huyện Diễn Châu, Nghệ An | Thờ anh học trò dâm |
| 17 | Miếu thờ quý cụt đầu ở Việt Tiến - Vĩnh Bảo - Hải Phòng | Thờ quý thần cụt đầu |
| 18 | Miếu âm hồn ở Vĩnh Long, Vĩnh Bảo, Hải Phòng | Thờ hà bá bên bến đò sông Hóa |
| 19 | Miếu bên suối Vó Âm xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa | Thờ thần hồ và các ma trành |

Trên đây là một số di tích, dấu tích điển hình là nơi thờ cúng và thực hiện những hành vi tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt. Hầu hết những ác thần đều được thờ tại những ngôi miếu nhỏ, cũng rất hiếm khi được đưa vào thờ cúng trong đình làng. Riêng chỉ có đình làng An Bài rước linh vị Phạm Nhan để thờ. Còn lại việc thờ cúng ác thần tại những ngôi miếu, ngôi nghè nhỏ nằm khiêm tốn trong mỗi góc làng, mỗi bên sông, góc đa đều không có ảnh hưởng gì đến những sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng khác của làng như việc thờ cúng những thành hoàng có sắc phong. Đối với

những thần ác mặc dù hoành hành quấy quả, dồn ép nhân dân đến khi được thờ cúng mới yên. Nhưng dường như cũng không dám đòi hỏi đến một thánh điện cao sang, hiển hách. Chỉ cần một chỗ đủ cho linh hồn có thể trú ngụ, chỉ cần có chút hương khói cho khỏi lạnh lẽo, cô liêu cũng có thể làm thỏa mãn các thần. Việc lập miếu thờ thần cũng được diễn ra một cách tự phát trong dân gian. Sự quản lí của các cấp chính quyền cũng khó ngăn được bầu không khí tâm linh của nhân dân. Trong sự vọng tưởng về một thế giới khác ở đó cũng có chính và tà, có thiện và ác đã tác động tới những hành vi tín ngưỡng của cộng đồng. Một số miếu xưa, tích xưa qua thời gian đã bị mất bỏ. Một số ngôi miếu mới lại được lập thêm, phục dựng dựa trên những giấc mộng, những điềm báo được lưu truyền trong dân gian. Chỉ là những không gian nhỏ bé, cũ kĩ đôi khi rất hẻo lánh, nhưng trong dân gian những sinh hoạt liên quan đến việc thờ cúng các vị thần này đã trở thành tập tục không thể bỏ.

4.2.3. Những nghi lễ và tập tục thờ cúng ác thần của người Việt

4.2.3.1. Nghi lễ thờ cúng

Xuất phát từ nhu cầu tâm linh của nhân dân, tín ngưỡng thờ thần cũng như những loại hình tín ngưỡng khác đều được bảo lưu trong dân gian. Tuy nhiên, thật khó để lý giải sức mạnh chi phối và chế ngự của tín ngưỡng thờ ác thần trong niềm tin dân gian. Tín ngưỡng thờ ác thần và việc thực hiện các hành vi thờ cúng đã và vẫn đang hiện tồn trong đời sống con người Việt Nam như một sự sùng bái, tôn thờ khó cưỡng. Không có những mùa lễ hội, không có những phủ, điện phổ biến khắp mọi miền tổ quốc, không có những cuộc hành hương tìm đến với một thứ tình cảm thiêng liêng thành kính như đối với các vị phúc thần. Nghi lễ thờ cúng ác thần chính là việc thực hiện hành vi tín ngưỡng với niềm tin mãnh liệt vào quyền lực thần bí. Ở đó con người phụ thuộc vào sự chế ngự của thần, nhỏ bé và sợ sệt trước sự ra oai, hoành hành của ác thần. Trong dòng văn hóa dân gian, thờ cúng ác thần là một hình thức được thực hiện nửa công khai. Tức là nhân dân vẫn tiến hành lập đền, lập miếu, lập nghề... để thờ. Các nghi lễ vẫn được thực hiện đều đặn vào những ngày tuần tiết, ngày kỵ húy của thần. Song việc thờ cúng ác thần có những quy ước cần được giữ bí mật. Đặc biệt về danh tính của thần, về các nghi thức thần bí... Hầu hết người dân tại những địa phương thờ cúng ác thần khi được hỏi đều không công nhận vị thần của họ là ác. Phần vì họ sợ sức mạnh bóng tối của thần, phần họ lại sợ sự đàm tiếu không hay của người đời.

Nghi lễ thờ cúng ác thần mang sắc thái riêng của từng địa phương cũng như tùy thuộc vào những điều bí ẩn đằng sau mỗi một ác thần. Mỗi vùng, miền có sắc thái văn hoá khác nhau nên cũng có sự ảnh hưởng và chi phối để tạo nên diện mạo đa sắc của loại hình tín ngưỡng này. Những ác thần được thờ đều không được tạc tượng, không có hình vẽ, tranh thờ phác họa chân dung... Có chăng chỉ là một bài vị đã được cài

biến danh tính, một bát hương sơ sài, hay như Phạm Nhan chỉ là một chiếc mũ. Nghi thức thờ cúng ác thần đa phần được tiến hành đơn giản hoặc chỉ để đáp ứng những yêu cầu đòi hiến tế của các thần. Người Việt xưa thực hiện rất nhiều những nghi lễ có liên quan đến tục hiến sinh, hiến vật. Đối với những thần có sự hoành hành, quấy nhiễu trong dân gian, hoặc đã từng báo mộng, nhân dân sẽ đáp ứng những nghi thức và vật dâng cúng do thần yêu cầu. Có khi đó là những yêu cầu rất dã man như đòi hiến tế, đòi cúng người, đòi ăn thịt người... Có thần Xương Cuồng ở vùng đất Phong Châu thời thượng cổ, thường ăn thịt người. Dân phải lập đền thờ, hằng năm tới ngày 30 tháng chạp, theo lệ phải mang người sống tới nộp, dân mới được yên ổn. Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng có mời pháp sư bày cách dụ thần Xương Cuồng đến, đọc mật chú và chém được yêu thần này. Lệ tiến lễ hằng năm từ đó bèn bỏ.

Làng Ngọc Cục huyện Bình Giang - Hải Dương khi xưa truyền rằng có tục thờ yêu hồ, phải bắt người làm vật hi sinh để cúng. Cứ mỗi năm, trong làng phải một người làm chủ tế. Người chủ tế phải lừa dỗ kẻ hành khách nào đi một mình, bắt lấy, giam ở hầm dưới đất, và đem mài da gót chân cho mỏng đi, đến khi tế thần thì giết, thái nhỏ trộn lẫn với thịt trâu, thịt bò mà cúng. Cúng rồi thừa huệ cùng ăn. Người nào gặp được miếng thịt người thì hí hửng lấy làm mừng. Truyện này được ghi lại trong *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hồ. Thiết nghĩ những tục này quả là quá dã man, không có nhân tính. Sau này, việc tế thần người dân đã giết trâu bò để thay thế.

Nói đến tục hiến sinh, hiến vật cúng ác thần còn phải kể đến các hình thức thờ cúng Hà bá của những người dân ven sông biển. Nghi lễ tế Hà bá là một tục lệ cổ xưa xuất hiện ở nhiều nơi trên đất nước ta. Những năm nước dâng cao, gió bão thất thường và hung dữ, những năm mất mùa đói kém, dịch bệnh, những hiện tượng người bị chết đuối, lũ cuốn... đều được người dân cho rằng đó là vì Hà bá nổi giận hoặc không hài lòng vì một điều gì đó. Rất nhiều địa phương ven biển có tục dâng người đẹp để cúng thủy thần. Mỗi năm vào dịp đầu hè, họ sẽ làm lễ cưới vợ cho thủy thần. Cô gái được chọn để hiến tế phải trẻ đẹp, trinh tiết. Người con gái ấy tượng trưng cho sự hòa hợp âm dương, là sứ giả nối nhịp cầu thần linh với thế giới trần tục. Nghi thức dâng cúng người, dâng cúng người đẹp cho thủy thần được thực hiện trên một bãi sông rộng, bày hương án, bài vị của Hà bá. Phía gần mặt nước có mắc một cái màn chăng vuông vắn, dưới màn là chiếc chiếu hoa. Xung quanh là tiếng trống, tiếng chiêng hò vang. Đúng lúc đó mấy cô gái mặc áo đỏ, vàng hộ tống cô gái trẻ đẹp, trần truồng vào trong màn coi như cô dâu đã về với Hà bá. Khi ông chủ tế vừa dứt tiếng, ba hồi chiêng trống nổi lên là lúc cô gái vén màn nhảy xuống sông. Với nghi thức này, nhân dân cổ xưa tin rằng đã cống nạp cho Hà bá để đổi lấy một cuộc sống yên ổn, tránh được thiên tai dịch họa. Nhưng sau này, khi đời sống văn minh tiến bộ hơn, người ta thấy làm như vậy rất bất công cho những cô gái phải chọn làm

người hiến tế. Dân gian đã thay hình thức cúng tế trực tiếp bằng cách dùng hình nhân thể mạng. Họ làm những cô gái bằng giấy rất đẹp, mặc váy áo cô dâu cho những người giấy đó. Sau khi làm lễ cúng tế tại các bến sông, người dân thường thả những hình nhân thể mạng ấy xuống sông với niềm tin hòa hợp với Hà bá. Tại mục 3.2.4. *Những tục hèm có liên quan đến Phạm Nhan trong dân gian* ở chương 3, chúng tôi có đề cập đến việc người dân bên bờ sông Hương xưa vì sợ hãi trước bóng thần Phạm Nhan nên hàng năm phải dâng tế những cô gái đẹp chưa chồng cho thần này. Sau cũng được thay thế bằng những cô gái làm bằng giấy và ném xuống dòng Hương giang những tảng thịt sống để dâng thần, mới mong có được cuộc sống bình yên và những người con gái ở vùng này có thể tìm được hạnh phúc của mình.

Bên bờ sông Hóa vùng Vĩnh Bảo có một ngôi miếu thờ Hà bá, nơi đây hàng năm vào dịp rằm tháng bảy đều được nhân dân lập đàn cúng lễ thần sông. Vì trước kia, như một định ước, mỗi năm thần sẽ bắt đi một người ngay tại khúc sông đấy. Nhiều năm liền, trong làng đều có người chết đuối từ bến sông ấy. Nhân dân vô cùng kinh hãi đã xây miếu, lập đàn cúng lễ thần sông. Lễ cúng được thực hiện từ chiều ngày rằm tháng bảy, khi màn đêm buông xuống những hình nhân thể mạng bằng người giấy được đánh thuyền thả ra giữa sông, cùng rất nhiều đèn hoa đăng. Nhân dân tin rằng việc làm của họ sẽ tạo nên sự hòa hợp giữa thần linh và con người, cũng như chiêu hồn các vong thác oan được siêu thoát để không còn lẩn quất làm hại người qua sông nữa.

Một số ác thần là giặc Tàu, là những ác thần có nguồn gốc ngoại bang như Phạm Nhan, như Ngô Bát Ngạo hay cái tên phiếm chỉ giặc Tàu họ Ngô, rồi những bóng quỷ thần cụt đầu đầu đó còn lẩn quất trong một số làng quê của người Việt, những thần này thường hay làm người dân ốm đau, có người không khỏi nguy hiểm đến tính mạng, thường giở trò dâm dăng đòi bại với phụ nữ khiến nhân dân vô cùng kinh hãi. Người dân đặt dưới gốc đa làng, một bệ thờ, trên đặt bát hương, người ta nói đó là nơi thờ hoặc yểm Ngô Bát Ngạo (tại Nghệ An). Dân làng lập một miếu thờ nhỏ, cứ vào dịp cuối năm lại cúng tế bằng đầu lợn, và tế gà để cúng tên giặc Tàu họ Ngô (Hải Phòng). Đặc biệt là Phạm Nhan dù được một số địa phương lập miếu để thờ, nhưng các nghi thức cúng lễ cũng hết sức đơn giản. Dân gian cúng vong hồn Phạm Nhan tại chân các hàng rào trước nhà, bằng cách đổ nước cây vẹt giã ra có màu đỏ để cúng cho Phạm Nhan cũng chính là để ngăn chặn Phạm Nhan làm hại mình. Một số nơi dùng nước rượu vang có màu đỏ, lễ cúng còn có món tiết canh để cúng Phạm Nhan. Duy chỉ có ở làng Hưng Học, Quảng Yên, Quảng Ninh hàng năm vào dịp đầu xuân từ ngày 13 đến ngày 15 tháng giêng trong lễ hội Đại kì phước của làng người dân dùng kiệu để rước mũ (tượng trưng cho đầu Phạm Nhan) từ miếu trong chùa Hưng Linh sang đình Hưng Học để tế lễ. Nghi lễ này được xem là hình thức trang trọng nhất đối với Phạm Nhan.

Một số các ác thần khác được thờ cúng trong dân gian nhưng về nghi lễ không có gì đặc biệt. Như ở miếu thờ bà chúa Ngựa, những người đến cúng thường lấy lõi mít làm hình dương vật để cúng. Dựa vào tích bà là người ham dục và không ai thỏa mãn được lòng dục của bà. Những miếu thờ chú Khách, những đền thờ anh học trò dân cũng các nghi lễ chỉ được thực hiện một cách sơ sài.

Tại làng Gồm - Hà Nam, thờ bà Tổ Nga Thanh Thủy, trước kia khi dân chưa thờ bà, bà hành cho dân làng mắc các loại bệnh tật khó chữa, trong làng bất ổn, gia đình tranh cãi nhau... Nhưng sau này được thờ, bà lại trở thành thần phù trợ cho dân làng nên trong những lễ hội mùa xuân của làng, người dân đều cúng tế và có hoạt động rước bài vị bà Tổ Nga. Hàng năm, cứ đến dịp hội đình (11/11 âm lịch), hội đền (4 - 6/1 âm), dân làng lại rước kiệu, đưa bài vị bà Tổ Nga du thị, rồi hội tế tại đình làng (thờ Thành hoàng là Tống Hậu và Tô Đại Lư), rất nghiêm cẩn và vui nhộn. Phương ngôn làng Gồm có câu: “Rước Thánh đi du thị, rước các linh vị ra tế xuân” diễn tả không khí náo nức, sôi động trong ngày hội kỉ niệm bà Tổ Nga và các vị thần của làng cách đây hàng thế kỉ.

Nhìn chung các nghi lễ thờ cúng ác thần mang đặc trưng theo từng vùng, từng địa phương khác nhau gắn liền với những tích xưa truyền lại về sự giáng họa của các thần. Tùy theo những quan niệm của dân gian mà chọn cách đối đãi với ác thần. Có những thần sau khi được nhân dân thờ, bằng một sự linh nghiệm nào đấy mà họ cảm thấy được trợ giúp. Vì thế mà lâu dần họ đã thuần hóa những vị thần này giống như vị thành hoàng của làng. Có những ác thần mặc dù được nhân dân thờ cúng, nhưng trong tâm thức dân gian họ vẫn không muốn gần gũi, làm thân. Thờ thì có thờ, nhưng họ vẫn cố gắng tránh. Tâm lí của dân gian “kính ác thần nhi viễn chi”. Cũng từ quan điểm đấy, nên các miếu, nghè thờ ác thần thường vắng người qua lại. Thường thì đàn ông, những người được xem là cứng bóng vía mới được giao nhiệm vụ trông nom, hương khói. Phàm con gái, phụ nữ đều rất hạn chế đến những nơi này. Các nghi thức cúng tế cũng được thực hiện rất đơn giản. Phần lớn những ác thần chỉ được cúng tế trong các trường hợp con người xác định khi họ gây họa cho ai đó. Nhân dân thường tổ chức cúng tế định kỳ hằng năm vào những ngày và địa điểm định sẵn. Đôi khi có những lễ cúng đột xuất vì các lí do khác nhau, do một gia đình hay dòng họ hoặc cả cộng đồng thực hiện. Những nghi lễ như thế thường được tổ chức ở bất kỳ nơi nào mà con người tin rằng ác thần đang hiện hữu.

4.2.3.2. *Những tục hèm trong tín ngưỡng thờ ác thần*

Có thể khẳng định rằng trong bất cứ một hình thức tín ngưỡng nào cũng đều có những điều thần bí, khó lí giải riêng. Tục hèm là những đặc sản riêng của mỗi loại hình tín ngưỡng, mỗi sinh hoạt văn hóa riêng biệt được thực hiện dựa trên những quy ước bí mật của một cộng đồng người nào đó. Tín ngưỡng thờ ác thần là hình thức tín

ngưỡng mang màu sắc riêng biệt. Tính chất phức tạp của loại hình tín ngưỡng này tạo nên vô số hèm tục trong dân gian. Có hèm tục là những quy ước về nghi thức thờ cúng; có hèm tục lại nghiêng về những điều cấm, những kiêng kỵ trong đời sống thường ngày. Điều này phụ thuộc vào tâm lí dân gian và bầu không khí tín ngưỡng của từng thời điểm, từng địa phương và khu vực khác nhau. Việc xác định thiện thần, ác thần cũng phụ thuộc vào sự chi phối của thời kì lịch sử và những quan niệm xã hội. Xưa kia đa phần những thần có xuất thân là nhiên thần được nhân dân gán cho những sức mạnh hung dữ, có khả năng nhấn chìm cả sự sống. Trước sự dữ dằn của các thần, con người quan niệm dùng chính thân xác người để hiến tế là cách thể hiện thành ý nhất. Bởi vậy, hằng năm dân làng đều phải tìm một người thế mạng cho cả cộng đồng, để dâng tặng cho các thần. Khi sự nhận thức của con người đã văn minh hơn, tục này dần xóa bỏ. Người ta sẽ nghĩ ra những cách khác nhau để ứng xử, đối đãi với các thần.

Tục hèm thể hiện ở những lễ vật dâng lên cúng thần. Miếu thờ bà chúa Ngựa ở Hải Dương, có tục lấy lõi mít làm hình dương vật để cúng, vì khi sống bà có sự đòi hỏi ghê gớm về nhục dục, khi chết, thành thần, dân lập đền thờ, cầu đảo được nhiều điều ứng nghiệm. Hay như Phạm Nhan trước khi chết còn đòi hỏi được ăn món gì, Trần Hưng Đạo căm phẫn mà nói “Cho mi ăn máu đẻ của đàn bà”. Đó được xem như một lời nguyện mà muôn đời sau còn bị ám ảnh. Những nhà có sản phụ thường treo những vật kị với tà ma, quỷ thần cũng để tránh các vía ác như cành xương rồng, cành mây gai, cành dâu hoặc đốt đồng rằm trước cửa nhà v.v... Một số nơi ở Hà Nam - Quảng Ninh còn giã cây vẹt thành nước có màu đỏ đỏ tại chân các hàng rào trước nhà để tránh vía Phạm Nhan và bảo vệ những phụ nữ mới sinh. Gắn với tích truyện mà trong dân gian tin rằng Phạm Nhan đặc biệt thích thứ nước màu đỏ đỏ, nên lễ vật dâng cúng Phạm Nhan thường là những thau nước đỏ làm giả từ các loại lá cây, sau này có nơi dùng rượu vang đỏ để thay thế.

Tục hèm còn là những điều kiêng kỵ thâm kín, là biểu hiện của những hiện tượng âm bản đời thường. Đó là những hiện tượng lạ, những điều có thể ngẫu nhiên xảy ra trong cuộc sống nhưng lại có ảnh hưởng không nhỏ tới tâm lí dân gian. Chuyện chú Khách người Tàu ở Hà Nam chuyên quấy nhiễu phụ nữ. Người cao tuổi kể trước năm 1945, hẽ làng có phụ nữ nào sinh nở mệt mỏi, yếu bóng vía là ban đêm mơ thấy một người đàn ông cao lớn, mắt lồi trố, răng to và trắng nhớn, đến hiếp dâm. Nhiều phụ nữ sản kinh sợ, không dám ngủ một mình, bắt chồng con phải ngủ cùng giường. Như thế cũng chưa yên tâm, có người còn để dao đầu giường, lấy bùa treo ở cửa ra vào, hi vọng ngăn chặn được âm hồn chú Khách. Một số những kiêng kị khác đối với nhiều thần hay quấy nhiễu đàn bà, phụ nữ, hẽ gặp những người phụ nữ có nhan sắc đều hành, thì tại những địa phương đó, phụ nữ đều tránh đi qua cửa đền, miếu, đặc biệt trong những ngày mang bệnh phụ nữ thì tuyệt đối kiêng không dám đến gần khu vực thờ

cúng thần linh. Hay ở làng Dương xá thờ thần trẻ con, thần này do bị ngỗng đuổi ngã xuống hồ mà chết, sau trận bệnh dịch, người làng nằm mộng thần trẻ con yêu cầu làm lễ cúng, rước kiệu võng chung quanh các gò đồng ngoài làng để đón thần về. Từ đó làng có tục nghiêm cấm không nhà nào được nuôi ngỗng, ý sợ thần trẻ con tức giận, quở phạt. Vào cuối năm Cảnh Hưng trong làng có một nhà nuôi ngỗng thì cả làng sinh ốm đau, không được yên. Người làng đều đổ lỗi cho nhà nuôi ngỗng, bắt phải giết đi. Từ đó trở đi dân trong làng không ai dám nuôi ngỗng nữa.

Trong cái nền tín ngưỡng đa thần giáo của người Việt, hệ thống thần linh cũng hết sức đa tạp. Từ các nhiên thần như thần núi, thần sông, thần biển, động vật như rắn, hổ...; thần cây cối, thần đất đá v.v...; thờ thiên thần (trời, Ngọc hoàng, Diêm Vương...) đến nhân thần trong đó có những anh hùng cứu nước, thậm chí thờ cả kẻ thù, quân xâm lược. Người Việt tin rằng trong cuộc đời này ngoài con người còn có các thế lực siêu nhiên khác. Ý niệm về linh hồn và sự tồn tại tinh thần khiến con người bầu víu vào đó để đạt đến niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Con người gán cho thần thánh những hình ảnh, những niềm say mê và cả bản chất con người. Từ đó trong cuộc sống của người tốt người xấu thì thế giới thần linh cũng có thiện thần và ác thần. Đó chính là niềm tin về sự cân bằng của thế giới, sự hòa quyện của các nhân tố tạo nên một đời sống đa sắc thái. Dân gian thờ các ác thần bên cạnh hệ thống phúc thần sùng sùng trong đời sống Việt. Và cũng đặt ra những tập tục khác nhau ứng với mỗi loại thần. Tục hèm không chỉ có trong tín ngưỡng thờ phúc thần mà còn là một loại đặc sản đặc biệt mang màu sắc thần bí của loại hình tín ngưỡng thờ ác thần. Tục hèm tạo nên những dấu ấn riêng trong mỗi sinh hoạt mang tính cộng đồng.

4.3. Những đặc điểm có tính chất quy luật trong tín ngưỡng thờ Phạm Nhan và tục thờ ác thần của người Việt

4.3.1. Đặc điểm về nguồn gốc của việc thờ cúng ác thần

Từ thời nguyên thủy con người đã quan niệm thế giới luôn có sự tồn tại song song giữa thực và ảo. Người nguyên thủy quan niệm mọi vật đều có linh hồn. Trong thế giới hồn linh rộng lớn ấy có vô vàn những năng lực siêu nhiên thường xuyên tác động đến con người. Khi trình độ lao động và tư duy của người nguyên thủy còn thấp kém, trước sức mạnh kì vĩ lớn lao của thiên nhiên họ đã nảy sinh sự hoảng sợ và tâm lí bấp bênh trước vận mệnh của mình. Từ đó họ tưởng tượng và hình dung ra một thế giới thần linh có sức mạnh thần bí để rồi tôn sùng và thờ phụng. Đó cũng chính là nguồn gốc sâu xa làm nảy sinh các tín ngưỡng, tôn giáo sơ khai nguyên thủy.

Trên thế giới ở tất cả các bộ tộc nguyên thủy, con người luôn có niềm tin về sự tồn tại của những linh hồn sau khi chết. Tại mục 1.1.3 trong chương 1 chúng tôi đã đi từ thuyết vật linh đến tục thờ ác thần trong lịch sử. Từ nội dung thuyết vật linh của

Tylor công nhận sự tồn tại của các thực thể tâm linh có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của con người đến việc cụ thể hóa thành những hành vi cúng tế, thờ phụng là bước chuyển biến phù hợp với tâm lí của người nguyên thủy. Sự phát triển đầy đủ của thuyết vật linh bao trùm cả những tín ngưỡng thờ thần. Thờ Thần là hành vi thể hiện sự sùng bái của con người với những linh hồn có năng lực đặc biệt. Trong thế giới thần linh vô cùng phức tạp của người nguyên thủy, thần được phân chia thành hai loại: thần thiện và thần ác. Ở đó thần thiện và thần ác đều được thờ cúng, phụng sự, thậm chí con người đôi khi sợ hãi và phục tùng thần ác hơn là thần thiện. Những dẫn chứng về các tập tục của người nguyên thủy ở Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Á, người da đỏ Bắc Mỹ, cư dân quần đảo Ấn Độ... đối với ác thần đã được mô tả rõ tại mục 1.1.3. trong chương 1. Tục thờ ác thần có từ trong lịch sử nguyên thủy của loài người khi trình độ xã hội còn man dã. Sau này, khi trình độ văn hóa cao hơn, nhận thức của con người về thế giới cũng rõ ràng hơn, tục thờ ác thần dần bị thu hẹp. Trong cuộc sống hiện nay, tín ngưỡng thờ thần vẫn là một trong những sinh hoạt văn hóa được duy trì và phát triển rộng rãi. Bên cạnh phúc thần có khả năng che chở phù hộ cho con người, trong dân gian còn tồn tại và lưu truyền những vị thần mang sức mạnh ác cũng ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống tâm linh của người dân. Người dân Trung Quốc quan niệm rằng thần linh có ở khắp muôn nơi, trong đó không ngoại trừ thần ác. Thế giới thần linh của người Trung Quốc luôn tồn tại song song hai mặt thiện và ác, ngay trong một vị thần là thần đường cũng được chia thành thần đường trắng và thần đường đen. Thần đường trắng gọi là thần cát tường bảo vệ an toàn cho người dân. Thần đường đen là ác thần chuyên cướp trộm tài sản, thậm chí còn cướp cả linh hồn và tính mạng của con người. Việc thực hiện hành vi cầu cúng được tiến hành với cả hai loại thần này với cùng một mong muốn tai qua nạn khỏi, có được bình an và hạnh phúc.

Người Việt cũng chịu ảnh hưởng bởi quan niệm và tục thờ ác thần có từ lâu đời trong lịch sử loài người. Quan niệm về sự tồn tại của những linh hồn có sức mạnh khổng lồ con người gọi là ác thần đó được cụ thể dưới các biểu tượng và hành vi thờ cúng. Niềm tin về sự tồn tại của thần linh có thể hiện diện ở khắp mọi nơi: ở ngay trong nhà, ngoài sân, trong vườn, trên ngọn cây, đình làng ... đã khiến con người tin rằng tất cả các vị thần đều có ảnh hưởng đến đời sống vận mệnh của họ. Vì vậy người Việt không chỉ thờ thổ công, thổ địa, tổ tiên trong nhà mà còn thờ thánh, thần ở các nơi như đình, đền, miếu, nghề...

Xuất phát từ quan niệm “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”, hành vi thờ cúng có thể thực hiện ở bất cứ nơi đâu, và trong bất cứ hoàn cảnh nào. Tín ngưỡng thờ thần là một tín ngưỡng rất độc đáo của người Việt. Khi tìm hiểu về *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Ngô Đức Thịnh đã chỉ ra đặc điểm của tín ngưỡng thờ thần hay gọi là đạo thờ Thần của người Việt như sau: “Tuy cùng một loại là đạo thờ thần,

nhưng nó không có một vị thần chủ chung, giáo đường chung, giáo lý và nghi lễ chung như nhiều tôn giáo khác, mà mỗi anh hùng dân tộc được tôn thờ trở thành một giáo chủ, vị thần thánh cao nhất và duy nhất được thờ phụng ở các đền miếu khắp mọi nơi, không có đội ngũ đệ tử riêng, mà người dân Việt Nam nào cũng có thể đến thờ cúng các vị thần thánh đó ở đền miếu để tỏ lòng ngưỡng vọng và cầu xin sự che chở” [118, 21-22]. Bởi vậy mà hệ thống các thần được thờ cũng hết sức đa dạng. Có nhiều cách để phân loại các thần theo các nhóm khác nhau. Ở đây, chúng tôi căn cứ vào hành trạng của thần để nhóm thành hai loại: phúc thần và ác thần. Phúc thần là những thần luôn mang lại những điều may mắn, ấm áp và có chức năng che chở, phù trợ cho con người. Còn ác thần có bản chất không lương thiện, luôn mang lại những sợ hãi, lo âu, có khả năng chế ngự hành vi của con người.

Việc thờ phụng những vị phúc thần như một điều tất yếu. Xuất phát từ lòng biết ơn, niềm ngưỡng mộ, thành kính mà ngàn năm hương khói. Hơn nữa, phúc thần luôn mang lại sự may mắn, hạnh phúc bình an cho con người. Nhưng đối với ác thần mà được thờ cúng lại là một hiện tượng lạ thường, cho thấy một đời sống tín ngưỡng phức tạp và đầy bí ẩn. Trong cuộc sống có nhiều điều con người không thể làm chủ được. Ngay cả vận mệnh và tương lai của con người cũng không nằm trong tay họ. Cuộc sống có nhiều điều xảy ra không như ý muốn của con người. Cũng do không tự cắt nghĩa nổi những quy luật tự nhiên và xã hội, đã tác động trực tiếp đến bản thân những người mê tín, nên họ cho rằng, đời sống của họ là do những sức mạnh huyền bí, những thần linh quyết định. Do đó, muốn được tốt lành, tránh được mọi rủi ro, bất hạnh thì phải cầu cúng thần linh mong được che chở. Lợi dụng nhân sinh quan hữu thần của nhân dân, tất cả các thực thể siêu tự nhiên, hồn người chết, ma quỷ, thần linh đều biểu hiện bằng những phép lạ và giấc mộng. Con người cũng có thể giao tiếp với các thực thể đó, hỏi han và được trả lời. Thờ cúng ác thần không nằm ngoài quan niệm về sự tồn tại của thế giới hồn linh và tâm thức “có thờ có thiêng, có kiêng có lành” của dân gian. Tuy nhiên, việc thờ cúng ác thần có mâu thuẫn chung với quan niệm của cộng đồng đó chính là tính chất bí mật. Vì rất nhiều lí do khác nhau khiến cho nhân dân không thể công khai hành vi thờ cúng ác thần của mình. Quan niệm của một bộ phận nhân dân cho rằng việc thờ cúng không chỉ vì sức mạnh đáng sợ mà còn vì tinh thần của các vị thần này rất mạnh, có thể nhạy cảm với những lời cầu xin của mọi người. Là tín ngưỡng dân dã nên khó tránh khỏi cách ứng xử với thần theo tâm thức dân gian. Suy cho cùng các hình thức tín ngưỡng thờ thần nói chung hay thờ ác thần nói riêng đều được nảy sinh khi: Con người có sự hụt hẫng về tinh thần; hoặc trong đời sống của họ có những biến chuyển thay đổi đặc biệt nào đó. Khi họ ý thức được mình đã bị rơi vào vòng bẫy nào đó, khi ấy họ mong muốn được thoát khỏi thực tại để đi tìm hoặc chuyển sang một thế giới khác được coi là tốt đẹp hơn.

4.3.2. Đặc điểm về bản chất của việc thờ ác thần

Tín ngưỡng, phong tục là những sản phẩm của xã hội, đồng thời cũng phản ánh nhân sinh quan, thế giới quan của nhân dân. Đối với một cộng đồng thì niềm tin tín ngưỡng cũng như sự ràng buộc về những điều cấm kỵ trong cuộc sống có khả năng tiết chế hành vi của con người trong những sinh hoạt văn hóa mang tính chất cộng đồng. Việc thờ cúng thần linh là những hoạt động được diễn ra theo sự quy ước của thể chế quốc gia, dân tộc. Hệ thống các thần nhận được sự sắc phong của nhà nước phong kiến, sau đó là sự đón nhận của quần chúng nhân dân. Những tấm sắc phong của nhà nước trở thành bệ đỡ hợp pháp hóa cho hoạt động thờ cúng thần linh. Tuy nhiên trên thực tế tín ngưỡng bản địa trong dân gian lại có sự đi ngược lại với quy luật đó: “Các hiện tượng có tính phổ biến trong các làng quê: trước hết thần là do dân tôn sùng, sau đó triều đình phong tặng mỹ hiệu. Các nhà nghiên cứu văn hóa tín ngưỡng cho rằng có hai lí do: một là, nhà nước quân chủ tập quyền cố vươn tay nắm lấy các làng xã, bao gồm cả không gian thiêng; mặt khác còn có lý do từ lợi ích của các làng xã. Việc triều đình phong chức cho thần đã tạo điều kiện cho các làng xã nâng cấp vị thần bản thổ, vừa tránh cho các dân thần, ác thần, tà thần (theo quan điểm của nhà nước Nho giáo) tránh khỏi sự đàn áp của nhà nước. Chính từ sự kết hợp này, thần của vua và thần của dân nhập vào làm một, nên một số nhà nghiên cứu đã nhận xét về tính phức tạp của nghi lễ: cúng thần của vua theo điển lễ, cúng thần của dân lại theo tập tục” [46, 241]. Bởi vậy, khi nhìn nhận đánh giá những hoạt động tín ngưỡng điều quan trọng là đứng ở vị trí nào, và nhìn nhận theo quan điểm nào. Trước hiện tượng thờ cúng những vị thần không chính thống, theo quan điểm Nho gia cho rằng vì dân “ngu xuẩn, tin bậy mà thờ”[9]. Nhưng đứng trên quan điểm nhân dân, từ góc độ tâm linh họ cho rằng việc thờ tự các thần đều có lí do. Chỉ cần họ chấp nhận được lí do đó thì họ sẽ có niềm tin để thực hiện các hành vi tín ngưỡng. Như vậy có thể thấy sự phong thần không phải chỉ theo thể chế quốc gia của lớp trí thức nho gia mà còn xuất phát từ không khí và trình độ tín ngưỡng của làng xã.

Tín ngưỡng dân gian là biểu tượng của sự cố kết cộng đồng, thông qua những niềm tin và tập tục, lễ thức cầu cúng của tập thể nhân dân. Việc thờ cúng ác thần tồn tại trong đời sống văn hóa Việt mang bản chất của một nền tín ngưỡng đậm chất dân chủ, giàu tính nhân bản và mang tính nhân dân.

Tín ngưỡng dân gian đậm chất dân chủ: bên cạnh những thần tự nhiên, những con người cao quý được thờ làm Thành hoàng, nhân dân còn thờ cả những người bình thường, thậm chí tầm thường: những đứa trẻ nhỏ chết bất đắc kì tử, những người chết trôi, những ma trêu, thậm chí cả những tên tướng giặc, những người ngoại quốc... Những con người đó khi sống có thể bị coi là thấp hèn nhưng khi chết gặp phải giờ thiêng nên những linh hồn ấy có khả năng đặc biệt, hoặc vì những linh hồn do thác oan

mà còn lẩn khuất trong dân gian để tìm cách giải oan... nên có thể báo mộng cho nhân dân thờ cúng, sau được thờ cúng lại có thể che chở cho cư dân.

Tín ngưỡng dân gian mang đậm tính nhân bản: dù có nguồn gốc thế nào là thần tự nhiên, nhân thần hay là ma Tà... chung quy đều có linh hồn, và nhất là với những linh hồn cơ nhỡ, không nơi tựa nương, không người hương khói, nhân dân ta vì an ủi, vì tấm lòng nhân hậu của mình mà đều có thể thắp một nén nhang hay biện một chút lễ mọn. Vì vậy mà việc lập một ngôi miếu nhỏ, thắp một nén hương cũng là tấm lòng của dân gian dùng để đối đãi với ngay cả những tên tướng giặc tử trận trên đất Việt. Chiến tranh là điều mà không ai mong muốn, là con người ai cũng có linh hồn. Người Việt quan niệm người chết ở đâu thì hồn sẽ lưu ở đó, bởi vậy mà những tên tướng giặc đã chết không còn đường để quay về cố hương. Sống nơi đất khách quê người đã khổ, chết còn bơ vơ xa xứ còn khổ gấp trăm lần. Không một tấm bia, không một bài vị, cũng không có chỗ nào để nương nhờ. Vì tấm lòng ái hậu và suy nghĩ đầy nhân tình ấy mà nhân dân ta đã bao dung cho những vong hồn này. Không quên những tội ác của những kẻ đó, nhưng cũng không nỡ để hương lạnh khói tàn. Người phương Đông sống trọng tình, lại nặng về cõi âm, quan niệm cuộc sống trên trần thế chỉ là thân tạm gửi, cái chết mới là sự trở về vĩnh hằng. Lâu dần việc thờ cúng được thực hiện trở thành một thói quen, một tập tục mà đời trước truyền cho đời sau. Những đời sau này không còn mấy quan tâm lí do, nguyên nhân của sự thờ mà chỉ biết thực tập theo một truyền thống đã định sẵn. Cuộc sống muôn màu con người có vui có buồn, có lúc thành công nhưng cũng có lúc bất hạnh và điều trùng hợp là với việc thực hiện hành vi thờ cúng thần linh ít nhiều mang lại cho họ sự an nhiên tĩnh tại. Đối với người Việt họ sẽ thờ và khấn nguyện những thần nào ở gần họ nhất dù thần đó có từng làm điều ác. Hàng trăm hàng nghìn những ngôi miếu, ngôi nghề nhỏ trong mỗi xóm thôn chính là nơi thực hiện các hành vi tín ngưỡng này.

Tín ngưỡng dân gian còn mang tính nhân dân: những vị thần được thờ tại mỗi địa phương đều được coi là vị thần của người dân quê. Bên cạnh việc huyền thoại hóa, thần thánh hóa để cho các vị thành hoàng trở nên linh thiêng, người dân còn kéo họ trở về với đời sống dân dã. Các vị thần dù có nguồn gốc như thế nào, và đối với những vị ác thần được thờ này đều được địa phương hóa, nên chỉ được thờ cúng trong phạm vi của từng địa phương. Xuất phát từ không khí tín ngưỡng của từng làng xã, mỗi địa phương lại có những vị thần để thờ cúng nhằm thỏa mãn một đời sống tâm linh phức tạp. Các vị thần có xuất thân là anh hùng tướng sĩ được thờ phụng trong phạm vi cả nước và có quy mô lớn. Những vị thần này là niềm tự hào, tự tôn và sự ngưỡng vọng của cả dân tộc. Bên cạnh đó có những vị thần chỉ xuất hiện trong một không gian tín ngưỡng nhỏ. Đặc biệt đối với ác thần thì việc cúng tế chỉ diễn ra trong những hoạt động tâm linh bí mật riêng của từng địa phương. Dù không được nhà nước công nhận, chính quyền đồng tình nhưng chỉ cần không làm gì ảnh hưởng

đến thuần phong mỹ tục, thì những sinh hoạt tín ngưỡng ấy vẫn được nhân dân thực hành thành những tập tục riêng. Niềm tin dân gian trở thành nơi dung nạp, bao bọc cho hình thức thờ cúng ác thần này.

Đối với việc thờ cúng ác thần, nghi lễ không được tiến hành trọng thể như các lễ hội lớn mang tầm quốc gia, mà chỉ được thực hiện một cách nhỏ lẻ, quy mô hẹp trong phạm vi làng xã, nhiều khi nhân dân phải thực hiện hành vi tín ngưỡng của mình một cách bí mật. Bản chất của việc thờ cúng ác thần cũng chính là niềm mong cầu một cuộc sống bình an, tai qua nạn khỏi của dân gian. Thờ cúng ác thần xuất phát từ nhu cầu tâm linh của nhân dân. Việc thờ cúng vì được truyền từ đời này qua đời khác, lâu dần trở thành thói quen trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Hành vi thờ cúng ác thần lý giải sức mạnh chi phối và chế ngự của tín ngưỡng, của niềm tin trong dân gian. Nhiều khi đời sau không dám phá bỏ những gì đời trước đã làm, vì thế chỉ là những ngôi miếu, ngôi đền còn lại sẽ đều được hương khói. Nhân dân thờ đầy nhưng cũng sợ đầy, họ không đủ sức mạnh để khước từ trước những ảnh hưởng của thế giới thần linh, đặc biệt lại là ác thần. Cơ chế tồn tại cơ bản của các loại hình tín ngưỡng dân gian bản địa có sự liên kết gắn bó với các đình, đền, miếu - nơi thờ phụng các vị thần linh. Từ một địa chỉ cố định là cái đền hay cái miếu các hoạt động cúng tế thường niên ở đó trở thành những câu chuyện tâm linh của nhân dân. Một khi đã thấu nhập đến tâm linh dân gian thì hẳn nhiên thuộc về tiềm thức, thuộc về phần linh thiêng nhất trong tâm khảm của nhân dân - nơi không có bất kỳ thế lực nào, sức mạnh nào có thể tàn phá nổi. Tác giả Tạ Chí Đại Trường trong cuốn *Thần, người và đất Việt* đã khẳng định: “Các thần linh nằm ở những cơ sở tụ tập dân cư, có từ căn bản những yếu tố giới hạn ảnh hưởng, quyền uy đối với đám dân chúng ở nơi khác, cùng một tin tưởng thờ cúng. Đối với người dân, quyền phép của thần thật to lớn, đáng sợ. Những nhân thần hiển linh nơi họ thoát xác (chết chôn bình thường, chết vì tai nạn, tử trận...) với một đền thờ lập nên làm chứng tích của sự sùng kính, nhưng đồng thời cũng là vật trói buộc chân thân. Do vậy, mà thần trở thành một thế lực địa phương tiềm tàng” [103].

Người xưa có câu “Kính quỷ thần nhi viễn chi” nghĩa là đối với quỷ thần, ác thần được thờ vì niềm kính vì sợ chứ không phải kính vì ơn, thì tốt nhất vẫn nên phải tránh xa. Có lẽ đối với bản thân những người dân thờ cúng ác thần họ có những điều thầm kín khó nói về những nỗi sợ hãi trong lòng họ. Tuy nhiên, trước mặt người khác họ vẫn bảo bọc cho các vị thần đó cũng là bảo vệ cho những tập tục của mình là không hề phù phiếm hay bậy bạ như trong suy nghĩ của nhiều người. Thiết nghĩ đã là sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian chỉ cần nhân dân có thể chấp nhận được, và nhận được sự đồng lòng của một cộng đồng thì ắt sẽ vẫn tồn tại và có thể công nhận. Mỗi vùng miền, mỗi địa phương có sắc thái văn hóa khác nhau tạo nên diện mạo đa sắc thái của loại hình tín ngưỡng này.

Tiểu kết chương 4

Trong chương 4: *Tục thờ Phạm Nhan trong tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt* chúng tôi đã triển khai 3 nội dung chính: *Hiện tượng Phạm Nhan trong văn hóa tín ngưỡng người Việt; Tín ngưỡng, tục thờ ác thần của người Việt; Những đặc điểm có tính chất quy luật trong tín ngưỡng thờ Phạm Nhan và tục thờ ác thần của người Việt.*

Tìm hiểu hiện tượng Phạm Nhan trong đời sống văn hóa dân gian chúng tôi nhận thấy đây là một hiện tượng đặc biệt. Hiện tượng Phạm Nhan đã cho chúng ta những nhận thức ban đầu về một hình thức tín ngưỡng không mới nhưng lạ trong văn hóa dân gian - Tín ngưỡng thờ ác thần. Tín ngưỡng thờ Phạm Nhan mang bản chất của tín ngưỡng thờ ác thần. Chúng tôi đã tìm hiểu và đưa ra những quan niệm khác nhau có liên quan tới việc thờ cúng Phạm Nhan, đồng thời thống kê một số di tích, tàn tích để lại dấu ấn của việc thực hiện hành vi thờ cúng Phạm Nhan trong dân gian.

Tín ngưỡng thờ ác thần là một loại hình tín ngưỡng đặc biệt trong dân gian. Đây cũng là một vấn đề chưa có một công trình chuyên khảo đề cập tới. Chúng tôi cố gắng tổng hợp những nét chung nhất về loại hình tín ngưỡng này, lí giải nguồn gốc, bản chất của việc thờ cúng ác thần đã và đang hiện tồn trong dân gian. Không gian văn hóa của tín ngưỡng ác thần nằm trong khuôn khổ mỗi làng, mỗi địa phương khác nhau. Và xuất phát từ quan niệm về sự tồn tại của hai thế giới thực và ảo, con người đã hình dung ra sự tồn tại của các vị thần ác cùng với hệ thống phúc thần tạo nên một màu sắc tổng hợp, đa tạp trong tín ngưỡng dân gian.

Ác thần không có những di tích đền phủ lung linh, huyền bí mà những hành vi tín ngưỡng thường được thực hiện trong những ngôi miếu, ngôi nghề... nằm thâm sâu trong mỗi làng quê. Các ác thần cũng được phân loại dựa trên những đặc điểm xuất thân khác nhau như thần có nguồn gốc từ tự nhiên, thần có xuất thân là người ngoại bang; thần có nguồn gốc nhân thần tầm thường.

Tiêu biểu nhất cho loại hình tín ngưỡng thờ ác thần có lẽ là thần Phạm Nhan. Phạm Nhan là một ác thần hiếm thấy phổ biến trên khắp các địa phương của người Việt. Sức ảnh hưởng của ác thần này không chỉ một đời mà nhiều đời, nhiều thế hệ khác nhau. Nằm trong hệ thống tín ngưỡng thờ ác thần, Phạm Nhan để lại những dấu ấn khó phai trong đời sống tâm linh người dân Việt. Những sinh hoạt tín ngưỡng thờ ác thần cũng có những nét riêng biệt khác với tín ngưỡng thờ phúc thần. Trong khả năng còn hạn chế, chúng tôi hi vọng phác điểm để thấy diện, từ những hiện tượng tiêu biểu để khai thác và tổng hợp về một loại hình tín ngưỡng hiếm được nhắc tới trong giới nghiên cứu từ trước đến nay.

KẾT LUẬN

Đề tài luận án được chúng tôi nghiên cứu, tìm hiểu: “*Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ*”. Quá trình thực hiện, nghiên cứu và hoàn thiện luận án, chúng tôi thấy được nhiều giá trị và ý nghĩa thiết thực trên nhiều phương diện:

Về cơ sở lí thuyết: Nghiên cứu về thần và tục thờ thần đã có một bề dày lịch sử. Ở đó các nhà nghiên cứu đều khẳng định: thờ thần là một hoạt động tâm linh thừa nhận về sự hiện hữu của các thế lực siêu nhiên, có quyền lực siêu phàm, có thể tác động đến đời sống của con người. Không chỉ riêng ở Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới đạo thờ thần cũng hết sức phức tạp và mang nhiều màu sắc khác nhau. Sở dĩ con người tin vào sự tồn tại của thần là do ý niệm về linh hồn. Thuyết hồn linh mà Tylor là người đại diện đã nghiên cứu và chỉ ra rằng tất cả mọi sinh vật, hiện tượng đều có hồn và có thể là thần linh tùy thuộc vào kích cỡ, hình thù hoặc hoàn cảnh xuất thân của nó. Con người thường gán cho thần thánh những hình ảnh, những niềm say mê và cả bản chất con người. Trong thế giới có người xấu, người tốt, ở cõi thần cũng tồn tại thần thiện - thần ác. Thần thiện thường ban phước che chở cho nhân gian còn thần ác thường giáng họa, gây đại loạn. Nhưng cả hai loại thần đều được nhân dân thờ cúng, phụng sự. Một mặt kính vì ơn, một mặt kính vì sợ tất cả tạo nên một sự cân bằng trong bầu không khí tín ngưỡng dân gian. Trên cơ sở lí thuyết và thực tiễn đó, chúng tôi có căn cứ để triển khai đề tài và khai thác những đặc điểm về một thế giới tâm linh đa tạp trong văn hóa Việt trong đó tín ngưỡng thờ ác thần là một loại hình tín ngưỡng đặc biệt.

Về góc độ nghiên cứu văn học dân gian: Truyền thuyết là một thể loại hấp dẫn trong văn học dân gian bởi tính chất vừa huyền bí lại vừa gắn liền với các yếu tố lịch sử. Sự kết hợp giữa những yếu tố vừa hư vừa thực tạo nên một bầu không khí linh thiêng gắn liền với sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của dân gian. Truyền thuyết Phạm Nhan lại mang một hình hài và sắc vị khác hẳn với những truyền thuyết lịch sử xưa nay. Bởi hình tượng nhân vật vốn là tên tướng giặc xâm lược, sau này lại trở thành ác thần trú ngụ khắp nơi trên mỗi miền đất Việt để tác oai, gây họa. Đề tài luận án đã xử lí nguồn tư liệu dân gian cũng như một số tư liệu trong thư tịch cổ hiếm hoi có đề cập đến nhân vật này. Chúng tôi đã tiến hành diễn hóa cốt truyện và môtip truyền thuyết Phạm Nhan để thấy rõ sự khác biệt giữa truyền thuyết về ác thần với các truyền thuyết về phúc thần khác. Một nhân vật phản diện, một mảng truyền thuyết xưa nay ít được chú ý đến trở thành đối tượng nghiên cứu của luận án mang đến một màu sắc mới trong nghiên cứu về truyền thuyết của người Việt. Nhân vật Phạm Nhan thuộc một

tuyển khác trong hệ thống nhân vật truyền thuyết của người Việt. Một kẻ trong người mang hai dòng máu Nam - Bắc, nhưng lại lợi dụng điều đó để gây họa cho nước nhà. Theo vó ngựa quân Nguyên sang xâm lược nước ta trở thành kẻ thù của nhân dân. Sau khi bị trừng trị dưới tay kiếm của Hung Đạo Vương lại tiếp tục tái sinh gây họa trở thành một ác thần tiêu biểu trong đời sống tâm linh Việt. Chúng tôi mạnh dạn đặt chân vào địa hạt mới trong nghiên cứu về truyền thuyết, để thấy được một diện mạo truyền thuyết dân tộc đa sắc màu hơn. Với một dân tộc trải qua hàng nghìn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước thì truyền thuyết dân gian càng trở nên quan trọng trong việc đem đến nhận thức và giáo dục những bài học về lịch sử, về lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm với cộng đồng dân tộc. Truyền thuyết Phạm Nhan được đặt bên cạnh truyền thuyết về người anh hùng cứu nước Trần Hưng Đạo thêm một lần khẳng định sức mạnh của chính nghĩa sẽ chiến thắng những âm mưu đen tối và ác bá. Hình tượng Phạm Nhan trong truyền thuyết nhắc nhở với muôn đời sau về một kẻ sống một đời nhưng để lại nỗi nhục muôn đời. Đó cũng chính là đóng góp mới của đề tài khi chúng tôi tìm hiểu truyền thuyết Phạm Nhan dưới góc độ nghiên cứu văn học dân gian.

Về góc độ nghiên cứu văn hóa dân gian: Tìm hiểu hiện tượng Phạm Nhan trong đời sống văn hóa dân gian chúng tôi nhận thấy đây là một hiện tượng đặc biệt. Tín ngưỡng Phạm Nhan mang bản chất của tín ngưỡng thờ ác thần. Sự ảnh hưởng của Phạm Nhan trong đời sống dân gian được thể hiện trong cả tín ngưỡng và phong tục dân gian. Những nghi lễ thờ cúng, những tập tục có nguồn gốc từ câu chuyện Phạm Nhan như: tục chữa bệnh, tục cầu con, tục che mặt của người phụ nữ và còn nhiều hèm tục kiêng kỵ khác cho thấy sự ám ảnh không nhỏ và mối liên hệ đặc biệt giữa truyền thuyết Phạm Nhan với đời sống văn hóa cộng đồng. Trước vị thần chủ trì cái ác, cái xấu nhân dân không mong cầu hay khẩn nguyện được ban tài, tiếp lộc như đối với những vị phúc thần. Cái mà con người muốn đòi lại từ sự phục tùng, và những nghi thức lễ tục đối với ác thần chính là niềm mong mỏi được bình an. Để thấy được diện mạo tổng quát của tín ngưỡng dân gian chúng tôi đặt đối sánh giữa hai cặp nhân vật, hai hình thức tín ngưỡng tương phản nhau. Phạm Nhan và Đức Thánh Trần không chỉ là cặp nhân vật sóng đôi có những chi tiết liên quan mật thiết đến nhau trong truyền thuyết mà còn đại diện cho hai hình thức tín ngưỡng tiêu biểu của người Việt. Đức Thánh Trần là đại diện cho hình thức tín ngưỡng thờ phúc thần của người Việt. Phạm Nhan lại là đại diện cho hình thức tín ngưỡng thờ ác thần. Một cặp nhân vật có nhân hình và nhân tính hoàn toàn đối lập nhau, người chính kẻ tà, kẻ gian người hùng, người thiện kẻ ác đã cho thấy những màu sắc khác nhau trong văn hóa dân tộc.

Đặt Phạm Nhan như một hiện tượng tiêu biểu, luận án còn phác họa một diện mạo tín ngưỡng đa thần của người Việt, trong đó tín ngưỡng thờ ác thần được xem như một loại hình độc và lạ. Thờ cúng ác thần có nguồn gốc từ quan niệm về thế giới hồn linh ở đó có cả điều thiện và điều ác. Thần thiện và thần ác được xác định do chức năng của thần chi phối. Những ác thần đã và đang tồn tại trong đời sống tâm linh người Việt bao gồm những thần có nguồn gốc tự nhiên như thần sông, thần biển, thần cây...; những thần có xuất thân ngoại bang là những tên tướng giặc, những người Tàu trôi đến đất Việt; những thần là nhân thần xuất thân tầm thường nhưng chết vào giờ linh lại tác oai tác quái, quấy nhiễu người trần. Việc thờ cúng ác thần tồn tại trong đời sống văn hóa Việt mang bản chất của một nền tín ngưỡng đậm chất dân chủ, giàu tính nhân bản và mang tính nhân dân. Thờ cúng ác thần có những điểm khác biệt rõ rệt với các hình thức tín ngưỡng khác của người Việt. Đặc trưng của tín ngưỡng thờ ác thần là được thực hiện trong bí mật và mang tính quy ước riêng của mỗi một cộng đồng. Từ hiện tượng Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt, chúng ta có sự nhận thức về thế giới thần và người đa chiều hơn.

Về lĩnh vực học thuật: Luận án “Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ” đã đem lại cho chúng tôi nhiều kinh nghiệm và kiến thức nghiên cứu Folklore. Đó là kinh nghiệm sưu tầm, khảo sát tác phẩm văn học dân gian; hệ thống, phân tích giá trị của truyền thuyết về nội dung và thi pháp, khả năng đối chiếu so sánh. Qua đó chúng tôi có thể nhận diện một cách sâu sắc hơn về đặc trưng thể loại cũng như vốn văn hóa tín ngưỡng phong phú của đời sống dân gian.

Đề tài: “Truyền thuyết Phạm Nhan và tín ngưỡng thờ ác thần của người Việt ở Bắc Bộ” mà chúng tôi thực hiện mới chỉ là bước đầu đặt chân tới một vùng đất mới. Chúng tôi mới dừng lại ở việc phác điểm để thấy diện. Việc mở rộng và đi sâu nghiên cứu vấn đề này ở nhiều khu vực khác nhau trong cả nước, sẽ đem đến những hiệu quả nghiên cứu hữu ích và toàn diện hơn.

**DANH MỤC NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Đoàn Thị Ngọc Anh, (2016), “*Khảo sát truyền thuyết Phạm Nhan ở thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh*”, Kỉ yếu hội thảo sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, NXB Đại học Sư phạm, ISBN 978- 604-54-3343-0 Tháng 9/2016, tr. 13 -18
2. Đoàn Thị Ngọc Anh, (2017), “*Hình tượng Phạm Nhan trong truyền thuyết dân gian người Việt*”, Tạp chí khoa học trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, ISSN 2354 - 1067; Volume 62; Issue 11 - 2017; tr 76 - 80
3. Đoàn Thị Ngọc Anh (2018), “*Sự tương phản giữa Đức Thánh Trần và Phạm Nhan về truyền thuyết và tục thờ*”, Tạp chí khoa học trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, ISSN 2354 - 1067; Volume 63; Issue 1 - 2018; tr 68 - 73
4. Đoàn Thị Ngọc Anh, (2018), “*Truyền thuyết Phạm Nhan và những bí ẩn ở nơi thờ cúng*”, Tạp chí KH trường ĐHHHP, số 27 (T3/ 2018) tr 24 - 29
5. Đoàn Thị Ngọc Anh (2018), “*Truyền thuyết Phạm Nhan với một số phong tục dân gian*”, Kỉ yếu hội thảo KH Quốc gia: Cán bộ trẻ với đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0, NXB Quốc gia Hà Nội, tháng 8/2018, ISBN: 978-604-968-493-7 tr 544 – 550
6. Đoàn Thị Ngọc Anh (2019), “*Hệ thống truyền thuyết Phạm Nhan của người Việt ở Bắc Bộ*”, Đề tài khoa học cấp trường, Đại Học Hải Phòng, tháng 4/2019, Mã số: ĐT.XHNV.2019.01

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An (2014), *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội.
2. Trần Thị An, Phạm Minh Thảo, Bùi Xuân Mỹ (biên soạn) (1997), *Thành hoàng Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Trần Thị An (2016), “*Motif thi thể trôi dạt hiển linh và được thờ cúng*” - lý giải từ tiếp cận nhân học ở các cộng đồng ngư dân Bắc Bộ và bắc Trung Bộ, Tạp chí Văn học, số 6/2016, Hà Nội.
4. A. A. Radugin (2002), Từ điển bách khoa văn hóa học, Vũ Đình Phòng (dịch) Viện Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
5. A. Ia. Gurevich (1972), *Các phạm trù văn hóa trung cổ*, NXB Nghệ thuật Maxcova, Hoàng Ngọc Hiến (dịch) (1998), NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Đào Duy Anh (1957), *Hán Việt từ điển*, Trường Phi xuất bản, Sài Gòn.
7. Toan Ánh (1992), *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam*, NXB TP Hồ Chí Minh, TP. HCM.
8. Phan Kế Bính (1968), *Nam Hải dị nhân liệt truyện*, Mặc Lâm xuất bản, Sài Gòn.
9. Phan Kế Bính (1992), *Việt Nam phong tục*, NXB TP Hồ Chí Minh, TP. HCM.
10. Nguyễn Huy Bình (2015), *Truyện kể dân gian trong không gian văn hóa xứ Bắc*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Ban quản lí di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (1994), *Đền Kiếp Bạc sự tích, truyền thuyết và giai thoại*, Hội văn học nghệ thuật Hải Hưng.
12. Đoàn Văn Cừ (1971), *Trần Hưng Đạo anh hùng dân tộc: sử ca*, in lần 2, Nam Hà, Ty Văn hóa Nam Hà.
13. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (2001), *Các triều đại Việt Nam*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
14. Nguyễn Đông Chi (2015), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, NXB trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
15. Nhật Chiêu (2007), *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến năm 1868*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Nhiều tác giả (1971), *Truyền thống anh hùng dân tộc trong loại hình tự sự dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
17. Nhiều tác giả (2010), *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: những cách tiếp cận nhân học*, NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.

18. Phan Huy Chú (1960), *Lịch triều hiến chương loại chí, tập 1 (Dư địa chí, nhân vật chí, quan chức chí)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Minh Châu (sưu tầm, biên soạn) (2010), *Hồn sử Việt - Những truyền thuyết và giai thoại nổi tiếng*, NXB Lao động, Hà Nội.
20. Hoàng Dương Chương - Trịnh Thị Nga (sưu tầm, biên soạn) (2011), *Đông A nhân kiệt*, NXB Văn hóa dân tộc.
21. Cocchinara, Giuseppe (1960), *Lịch sử khoa học folklore ở Châu Âu*, Tạp chí Văn học nước ngoài, Maxcova, Tài liệu dịch Thư viện Viện Văn học, Hà Nội.
22. Chu Xuân Diên (1984), *Từ điển Văn học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Di sản Hán Nôm (2006) *Côn Sơn Kiếp Bạc phương hoàng*, NXB Học viện chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Vũ Phương Đề (1972), *Công dư tiếp ký*, Trung tâm học liệu, Bộ Giáo dục, Sài Gòn.
25. Cao Huy Đình, Nguyễn Đông Chi, Đặng Nghiêm Vạn (1969), *Phương pháp sưu tầm văn học dân gian ở nông thôn, tập 1, VHDG cổ truyền*, Vụ Văn hóa quần chúng, Hà Nội.
26. Cao Huy Đình (1974), *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Lê Quý Đôn (chủ biên) (1957), *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, NXB Xây Dựng, Hà Nội.
28. *Đền Kiếp Bạc và truyền thuyết* (1994), hội Văn học nghệ thuật Hải Hưng.
29. E. Btylor (2001), *Văn hóa nguyên thủy*, Huyền Giang (dịch), NXB Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
30. Émile Durkheim (1996), *Một vài vấn đề về xã hội học và nhân loại học*, Phan Ngọc dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
31. Frank Proshan, Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2005), *Folklore - một số thuật ngữ đương đại*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
32. Ninh Viết Giao (1993), *Kho tàng truyện kể dân gian xứ Nghệ, tập 1*, NXB Nghệ An.
33. Ninh Viết Giao (2015), *Tục thờ thần và thần tích Nghệ An*, Sở Văn hóa thông tin Nghệ An.
34. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm, tập 2*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
35. Nguyễn Bích Hà (1998), *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

36. Nguyễn Bích Hà (2008) *Văn học dân gian*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
37. Nguyễn Bích Hà (2014), *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hoá dân gian*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
38. Ngô Thị Ngọc Hà (2005), *Khảo sát, so sánh môtip “hóa” của thành hoàng làng trong thần tích và truyền thuyết của người Việt ở Bắc Bộ*, Luận văn thạc sĩ khoa học, ĐHSP Hà Nội, Hà Nội.
39. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (2007) *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
40. Hoàng Quốc Hải (2007), *Văn hóa phong tục*, NXB Phụ nữ.
41. Nguyễn Thừa Hỷ (2001), *Lịch sử văn hóa Việt Nam truyền thống giản yếu*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
42. Ngọc Hồ, Nhất Tâm (1992), *Việt điện u linh (tập lục toàn biên)*, NXB Cửu Long.
43. Phạm Đình Hổ (1972), *Vũ trung tùy bút*, NXB Văn học, Hà Nội.
44. Phạm Đình Hổ, Nguyễn Án (1972), *Tang thương ngẫu lục*, NXB Văn học, Hà Nội.
45. Mai Hồng (dịch) (1998), *Sự tích Trần Hưng Đạo*, Thư viện tỉnh Hải Dương.
46. Hội văn nghệ dân gian Việt Nam (2001), *Một thế kỉ sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
47. Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
48. Lê Hiệu (1958), *Trần Hưng Đạo: diễn ca*, NXB Phổ thông, Hà Nội.
49. Kiều Thu Hoạch (2000), *Thế loại truyền thuyết dưới con mắt các nhà nghiên cứu folklore Nhật Bản và Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 1, năm 2000, Hà Nội.
50. Kiều Thu Hoạch (chủ biên) (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, tập 4 (truyền thuyết)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
51. Kiều Thu Hoạch (chủ biên) (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, tập 5 (truyền thuyết)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
52. Kiều Thu Hoạch (2012), *Văn học dân gian người Việt góc nhìn thế loại*, NXB Lao động, Hà Nội.
53. Ứng Hòe, Nguyễn Văn Tố (1997), *Đại Nam dật sử, sử ta so với sử Tàu*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
54. Tăng Bá Hoành (chủ biên) (1999), *Hải Dương di tích và danh thắng, tập 1*, NXB Sở văn hóa thông tin tỉnh Hải Dương.

55. Ngô Thị Huệ (2008), *Khảo sát truyền thuyết dân gian Kim Bảng - Hà Nam*, Luận văn thạc sĩ khoa học, Trường ĐHSPT Hà Nội.
56. Nguyễn Thị Huệ, Trần Thị An (2001), *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
57. Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
58. Hoàng Công Khanh (1995), *Danh tướng Trần Hưng Đạo: Tiểu thuyết lịch sử*, NXB Văn học, Hà Nội.
59. Đinh Gia Khánh và Nguyễn Ngọc San (dịch, chú thích, giới thiệu) (1960), *Lĩnh Nam chích quái*, NXB Văn hóa và Viện Văn học, Hà Nội.
60. Đinh Gia Khánh (1997), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
61. Vũ Ngọc Khánh (1999), *Tiếp cận kho tàng folklore Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
62. Vũ Ngọc Khánh (1984), *Sự thật trong việc thờ cúng dị đoan*, NXB Thanh Hóa.
63. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Văn Ty (1990), *Vân Cát thần nữ*, NXB dân tộc, Hà Nội.
64. Vũ Ngọc Khánh, Trần Thị An, Phạm Minh Thảo (biên soạn) (1988), *Truyền thuyết Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
65. Vũ Ngọc Khánh (1999), *Đạo Thánh ở Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
66. Vũ Ngọc Khánh (1999), *Tiếp cận kho tàng folklore Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
67. Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh (1999), *Từ bắt tử*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
68. Vũ Ngọc Khánh (chủ biên), Nguyễn Phương Châm, Phạm Quỳnh Phương (2007), *Đền, miếu Việt Nam*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
69. Vũ Ngọc Khánh (2012), *Tục thờ Thánh - Mẫu ở Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
70. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Vũ (2002), *Từ điển Văn hóa dân gian*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
71. Jean Chevalier & Alain Gheerbrant (Tái bản năm 2002), Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Phòng, Nguyễn Văn Vỹ dịch, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng.
72. K. C. Đavletov (1966), *Sáng tác dân gian - một loại hình nghệ thuật*, NXB khoa học, Maxcova, Hoàng Lộc dịch, Tài liệu đánh máy, Thư viện Viện văn học, Hà Nội

73. Lê Xuân Kỳ, Hoàng Hùng, Thích Tâm Minh (biên soạn) (2008), *Các vị thần thờ ở xứ Thanh*, NXB Văn học, Hà Nội.
74. Lê Văn Kỳ (1997), *Mối quan hệ giữa truyền thuyết người Việt và hội lễ về các anh hùng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
75. N.I. Konrat (1997), *Phương Đông và Phương Tây*, Trịnh Bá Đĩnh dịch, NXB Giáo dục, Hà Nội.
76. Laurence Joseph brahm (2013), (Đặng Văn Hân dịch), *Văn hóa Việt Nam, ý chí Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
77. Nghiêm Thị Mai Lan (2006), *Khảo sát truyền thuyết và một số phong tục, lễ hội ở vùng đảo Hà Nam - Quảng Ninh*, Luận văn thạc sĩ khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội.
78. Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (2006), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
79. Phan Huy Lê (1993), *Đại Việt sử kí toàn thư: Tác giả - Văn bản - Tác phẩm*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
80. Nguyễn Quang Lê (chủ biên), Lê Văn Kỳ, Phạm Quỳnh Phương (2001), *Khảo sát thực trạng văn hóa lễ hội truyền thống của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
81. Đoàn Triệu Long (2014), *Tín ngưỡng truyền thống Việt Nam (hỏi - đáp)*, NXB Chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội.
82. Nguyễn Đức Lữ (chủ biên) (2007), *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
83. Ngô Đăng Lợi (1988), *Người Hải Phòng tham gia chống giặc Mông Nguyên thế kỷ XIII*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3+4/1988, tr.37, 41.
84. Ngô Đăng Lợi (Chủ tịch hội KHLS Hải Phòng) (2002), *Tinh thần yêu nước, truyền thống quật cường của nhân dân Hải Phòng thời Bắc thuộc*. Tham luận hội thảo biên soạn bộ sách lịch sử Hải Phòng tập 1.
85. Mircéa Éliade (1967), *Văn học truyền miệng lịch sử văn học, tập 1: Văn học cổ phương Đông và truyền miệng*, Bộ Từ điển Bách khoa pléiade (bản dịch của Cao Nhị), Gallimard, Pari.
86. Lê Nguyễn (1930), *Lịch - sử Đức Thánh Trần*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
87. Bùi Mạnh Nhị (chủ biên) (2002), *Văn học dân gian - những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

88. Bùi Mạnh Nhị (1985), “*Tiếp cận văn học dân gian địa phương từ đặc trưng văn học dân gian*”, Tạp chí văn học số 3/1985.
89. Pierre Gourou (1936), *Les paysans du delta tonkinois Études de géographie humaine - Người nông dân Châu thổ Bắc Kỳ*, NXB Nghệ thuật và lịch sử, Pari. Nguyễn Khắc Đạm, Đào Hùng, Nguyễn Hoàng Oanh dịch theo bản tiếng Pháp (2003), Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Viện viễn đông Bắc cổ Pháp, NXB trẻ, Hà Nội.
90. Phạm Quỳnh Phương (1998), *Tìm hiểu hiện tượng tín ngưỡng Đức Thánh Trần*, Luận văn thạc sĩ văn hóa dân gian, Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian, Hà Nội.
91. Phạm Quỳnh Phương (1999), *Truyện Phạm Nhan - đôi điều lí giải*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 1, năm 1999, Hà Nội.
92. Quốc sử quán triều Nguyễn (1960), *Việt sử thông giám cương mục*, NXB Sử học, Hà Nội.
93. Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập III, NXB Thuận Hóa.
94. Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Việt sử kí tiền biên*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
95. Lê Xuân Quang (1995), *Thần tích Việt Nam*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
96. Lê Chí Quế (2001), *Văn hoá dân gian khảo sát và nghiên cứu*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
97. Lê Chí Quế (2001), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
98. Vũ Quỳnh, Kiều Phú (2001), *Lĩnh Nam chích quái*, NXB Văn học, Hà Nội.
99. Lê Đình Sỹ (chủ biên), Trịnh Vương Hồng, Phan Đại Doãn (2000), *Trần Hưng Đạo nhà quân sự thiên tài*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Nguyễn Văn Sỹ, Hoàng Túy, Đinh Thế Lộc (2002), *Văn học dân gian châu Á*, Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
101. S. IU. Nekliudov (2007), *Những hình ảnh của thế giới bên kia trong tín ngưỡng dân gian và văn chương cổ truyền*, Tạp chí Nghiên cứu xã hội, số 11, Tr. 79 - 101.
102. Đỗ Bình Trị (1970), *Giáo trình Văn học dân gian*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
103. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần, Người và Đất Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
104. Tạ Chí Đại Trường (2014), *Những bài dã sử Việt*, NXB Tri thức, TP Hồ Chí Minh, HCM.

105. Hoàng Tiến Tựu (1990), *Lịch sử văn học Việt Nam (phần Văn học dân gian)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
106. Lê Anh Tuấn (2011), *Các vị thần nước Việt*, NXB Lao động, Hà Nội.
107. Vũ Anh Tuấn (chủ biên) (2012), *Giáo trình Văn học dân gian*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
108. Trần Xuân Toàn (2011), *Một số phương pháp điền dã sưu tầm văn học dân gian*, NXB ĐHQG Hà Nội.
109. Vũ Huy Tô (1922), *Chuyện Đức Thánh Trần*, Phù văn, Hà Nội.
110. Ty văn hóa Hải Dương (1957), *Trần Hưng Đạo kháng chiến anh dũng của quân dân thời nhà Trần TK 18*, tỉnh Hải Dương.
111. Ty Văn hóa và thông tin Hải Hưng (1978), *Anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn tít Trần Hưng Đạo và di tích lịch sử Kiếp Bạc*, Hải Hưng.
112. Thần tích Đức Thánh Trần (1963), Ủy ban văn hóa hội Bắc Việt tương tế.
113. Hà Đình Thành (1996), *Trên quan điểm folklore xem xét quá trình biến đổi từ truyện kể dân gian truyền miệng đến văn bản truyện dân gian*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học, Hà Nội.
114. Phạm Minh Thảo (2006), *Đức Thánh Trần (Bộ sách kể chuyện lịch sử Việt Nam, tập 5)*, Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
115. Nguyễn Khắc Thuần (1997), *Việt sử giai thoại, tập III*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
116. Nguyễn Đăng Thục (1992), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập 1*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh
117. Thư mục thần tích, thần sắc (1996), Viên thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.
118. Ngô Đức Thịnh - Frank Proschan (chủ biên), (2005), *Folklore thế giới một số công trình nghiên cứu cơ bản*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
119. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2012), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, NXB trẻ, Hà Nội.
120. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, NXB trẻ, Hà Nội.
121. Trương Thìn (2007), *101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục Việt Nam*, NXB Hà Nội.
122. Trương Thìn (2007), *Nghi lễ thờ cúng tổ tiên, đền chùa, miếu phủ*, NXB Hà Nội.
123. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

124. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
125. Hồ Đức Thọ (2002), *Trần triều Hưng Đạo đại vương trong tâm thức người Việt*, NXB Văn hóa du lịch, Hà Nội.
126. Hồ Đức Thọ (2006), *Trần miếu (đền Trần Nam Định) - Di sản và tín ngưỡng dân gian*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
127. Hồ Đức Thọ (2012), *Đức Thánh Trần với Thiên trường và cộng đồng dân tộc Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
128. V. Guxep (1967), *Mĩ học Folklore*, (bản dịch Hoàng Ngọc Hiến, năm 1999), NXB Leeningrat.
129. V. Ia. Propp (2003), *Tuyển tập Propp, tập 1*, NXB Văn hóa dân tộc & Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
130. V. Ia. Propp (2004), *Tuyển tập Propp, tập 2*, NXB Văn hóa dân tộc & Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
131. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) (1996), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Nxb KHXH, Hà Nội.
132. Trần Quốc Vượng (1996), *Theo dòng lịch sử - những vùng đất, thần và tâm thức người Việt*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
133. Will Durant (2016), *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, Nguyễn Hiến Lê (dịch), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
134. Lý Tế Xuyên (1960), *Việt điện u linh tập*, Lê Hữu Mục dịch, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn.
135. Phạm Thu Yến (1982), *Mối quan hệ giữa thể loại VHDG trong một vùng văn hoá (khảo sát vùng văn hoá Liễu Đôi)*, Luận văn thạc sĩ.

TÀI LIỆU HÁN NÔM

136. *Dược sơn kỹ tích toàn biên* (1912), Tư liệu Lịch sử Việt Nam, Bản khắc lại tháng chạp năm thứ 6, Hoàng Triều Duy Tân, Hoàng Đình Đá (dịch)
137. *Kiếp Bạc vạn linh từ điển tích*, Tư liệu Hán Nôm, chép tay. Thư viện viện Hán Nôm, ký hiệu: A 321, MF.322
138. *Ngọc phả nhà Trần*, Tư liệu Hán Nôm (Dương Văn Vượng dịch), lưu trữ tại bảo tàng Nam Định.
139. VTC News/ <https://baomoi.com/chuyen-ly-ky-ve-nguoi-phu-nu-bi-ho-an-thit-bien-thanh-ma-tranh-o-thanh-hoa/c/26564684.epi>

TÀI LIỆU TIẾNG TRUNG

140. 吕绍纲、吕美泉 (1991年), “中国历代宰相志”, 吉林文史出版社, 长春, 411页
 Lữ Thiệu Cương, Lữ Mỹ Tuyên (1991), “*Những vị tể tướng trong lịch sử Trung Quốc*”, NXB văn sử Cát Lâm, Trường Xuân, trang 411.
141. 莫久愚、赵英(主编) (2001) 《中国通史图鉴》, 内蒙古大学出版社.
 Mạc Cửu Ngu, Triệu Anh (2001), *Sách ảnh thông sử Trung Quốc*, NXB Đại học nội Mông Cổ
142. 内蒙古社科院历史所(2001) 《蒙古族通史》, 民族出版社.
 Viện nghiên cứu KH lịch sử nội Mông Cổ, Thông sử Mông Cổ, NXB dân tộc, 2001.
143. 叶新民 (1980年), 《伯颜与平宋战争》, 中国蒙古史学会论文选集, 199-206页
 Diệp Tân Dân (1980), “Bá Nhan và cuộc chiến bình Tống”, Tuyển tập bài viết của hội sử học Mông Cổ Trung Quốc, trang 199-206
144. 张广智、高有鹏 (2015年), 《遍地神灵民众的俗信》, 生活书店出版有限公司, 北京
 Trương Quảng Trí, Cao Hữu Bằng (2015), “Thần linh ở muôn nơi – Tập tục tín ngưỡng dân gian”, Công ty TNHH xuất bản Sách đời sống, Bắc Kinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐOÀN THỊ NGỌC ANH

PHỤ LỤC

**TRUYỀN THUYẾT PHẠM NHAN
VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ ÁC THẦN
CỦA NGƯỜI VIỆT Ở BẮC BỘ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

MỤC LỤC PHỤ LỤC

| | |
|--|----|
| PHỤ LỤC I: TRUYỀN THUYẾT VỀ PHẠM NHAN TRONG CÁC TÀI LIỆU, THƯ TỊCH CỔ | 1 |
| 1. Truyện Phạm Nhan..... | 1 |
| 2. Bản khác về Truyện Phạm Nhan..... | 2 |
| 3. Sự tích ra đời của Phạm Nhan..... | 2 |
| 4. Bản khác về sự ra đời của Phạm Nhan..... | 3 |
| 5. Phạm Nhan bị diệt trước kiếm thần của Trần Hưng Đạo..... | 3 |
| 6. Thu phục Phạm Nhan..... | 5 |
| 7. Phạm Nhan một kẻ tà thần, hại dân hại nước, gươm thần trừ đi | 5 |
| 8. Chuyện Phạm Nhan trong “Sự tích Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn” | 7 |
| 9. Truyện phi Phạm Nhan của người Nùng | 9 |
| PHỤ LỤC II: CÁC TRUYỀN THUYẾT VỀ PHẠM NHAN QUA NGUỒN SỬU TÂM TRONG DÂN GIAN | 10 |
| 10. Truyền thuyết Phạm Nhan..... | 10 |
| 11. Khi Phạm Nhan ra trận..... | 10 |
| 12. Sự tích miếu Vua Bà và việc diệt Phạm Nhan | 11 |
| 13. Phạm Nhan hóa thân | 12 |
| 14. “Phục, Phá bịt má, Hà Nam vá trôn” | 12 |
| 15. Phạm Nhan và tục che mặt của phụ nữ Thủy Nguyên - Hải Phòng..... | 13 |
| 16. Căn bệnh mang tên Phạm Nhan | 13 |
| 17. Nỗi ám ảnh về Phạm Nhan..... | 14 |
| 18. Truyền thuyết Phạm Nhan liên quan đến sắc đẹp của người phụ nữ..... | 14 |
| 19. Sự tích miếu “Linh ứng tôn thần” tại thôn Hưng Học | 14 |
| 20. Phạm Nhan trong trận đại thắng Bạch Đằng năm 1288..... | 15 |
| 21. Sự tích miếu Phạm Nhan..... | 16 |
| 22. Thần Phạm Nhan..... | 17 |
| 23. Truyền thuyết về tuổi thơ của Phạm Nhan..... | 18 |
| 24. Chuyện tình yêu của Nhan | 19 |

| | |
|--|----|
| 25. Về sự ra đi và trở về của Phạm Nhan trên đất An Bài | 19 |
| 26. Sự tích Miếu Ông ở thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, huyện Nam Sách, Hải Dương | 20 |
| 27. Sự tích “Bệnh Phạm Nhan” và ngôi miếu thờ địa ở thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, Chí Linh - Hải Dương | 21 |
| 28. Truyện Phạm Nhan gắn với công lao của bà hàng cơm | 21 |
| 29. Nghề thờ Phạm Nhan ở An Bài | 23 |
| PHỤ LỤC III: PHỤ LỤC ẢNH | 24 |
| 1. Miếu Phạm Nhan tại Hưng Học - Quảng Yên, Quảng Ninh | 24 |
| 2. Miếu Phạm Nhan tại làng An Bài - Chí Linh, Hải Dương | 28 |
| 3. Miếu Ông - Mãng Xứ thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, huyện Văn Đức - Hải Dương | 31 |
| 4. Miếu Phạm Nhan tại Huế | 33 |

PHỤ LỤC I: TRUYỀN THUYẾT VỀ PHẠM NHAN TRONG CÁC TÀI LIỆU, THƯ TỊCH CỔ

1. Truyện Phạm Nhan

Cái miếu Phạm Nhan ở tại bên sông Thanh Lương, làng Yên Bái, huyện Đông Triều, nguyên người Phạm Nhan tên là Nguyễn Bá Linh. Cha người ấy quê ở tỉnh Quảng Đông bên Tàu sang nước Nam lấy vợ tại làng Yên Bái, đẻ ra người Nguyễn Bá Linh.

Nguyễn Bá Linh đỗ Tiến sĩ đời nhà Nguyên, có phép phù thủy, vào trong cung vua chữa bệnh, rồi ngủ với người trong cung. Việc to phải tội, toan đem ra chém..

Nhân khi ấy nhà Nguyên sang quấy nước Nam, người Nguyễn Bá Linh xin đưa đường, lập công để chuộc tội. Vua nhà Nguyên cho đi.

Đánh nhau ở sông Bạch Đằng, người Nguyễn Bá Linh cùng người Ô Mã Nhi đều phải ông Hưng Đạo Đại Vương bắt được.

Lúc đem ra chém, người Nguyễn Bá Linh xin đem chém tại quê mẹ làng Yên Bái, chém rồi bỏ đầu xuống sông. Có hai người đánh cá bỏ lưới xuống thời thường được cái đầu lâu người Nguyễn Bá Linh.

Hai người đánh cá nói rằng: Như có thiêng thời cho chúng tao được nhiều cá, thời chúng tao đem chôn. Nói thế rồi quả được nhiều cá, hai người ấy chôn ở bên bờ sông. Rồi hai người khi nào đi chơi qua chỗ mả, thường vờ người Nguyễn Bá Linh đi chơi.

Lâu ngày quen đi, cái hồn người Nguyễn Bá Linh cùng hai người ấy hợp làm ba, cho nên gọi là tam hồn thân.

Vả từ lúc chôn rồi, người ta nhớ cái tính người Nguyễn Bá Linh, bốn chỉ bảo ghẹo đàn bà, thời đều nghiệm cả, cho nên cùng nhau làm miếu mà thờ.

Vả nói chuyện lại, khi đem chém người Nguyễn Bá Linh, thời người ấy có xin ông Hưng Đạo Đại Vương rằng: cho người ấy ăn cái gì, ông Hưng Đạo Đại Vương nói rằng: cho mày ăn máu dê đàn bà.

Vì thế cái hồn người Nguyễn Bá Linh đi khắp cả trong nước, gặp người đàn bà nào đẻ, thời ngủ với, hễ người phải người Nguyễn Bá Linh ngủ với, thời phải đau mầu mãi, uống thuốc không khỏi. Phòng như người nào biết phép mà chữa, thời đến kêu cầu ở đền Vạn Kiếp, đem chiếu mới đổi lấy chiếu cũ ở đền ấy, đem về để cho người phải đau nằm, và lấy tàn hương nước lã ở trong đền ấy mà uống thời bệnh sẽ khỏi cả.

(Tổng tập Văn học dân gian người Việt, tập 5)

2. Bản khác về Truyện Phạm Nhan

Phạm Nhan tên thật là Nguyễn Bá Linh, cha quê ở Quảng Đông bên Tàu sang nước Nam lấy vợ tại làng Yên Bái - Đông Triều, đẻ ra Nguyễn Bá Linh. Nguyễn Bá Linh đỗ tiến sĩ đời Nguyên, có phép phù thủy, vào cung vua chữa bệnh, rồi ngủ với người trong cung. Việc to phải tội, toan bị đem ra chém. Nhân khi ấy, nhà Nguyên sang quấy nước Nam, Bá Linh xin đưa đường lập công. Đánh nhau ở sông Bạch Đằng, cả Nguyễn Bá Linh và Ô Mã Nhi đều bị Trần Hưng Đạo bắt. Lúc đem ra chém, Nguyễn Bá Linh xin đem chém tại quê mẹ làng Yên Bái, chém rồi bỏ đầu xuống sông. Có hai người đánh cá bỏ lưới xuống thời vớt được đầu Bá Linh. Hai người nói rằng: “Như có thiêng thời cho chúng tao được nhiều cá, thời chúng tao đem chôn”. Nói thế rồi quả được nhiều cá. Hai người đem chôn đầu ở bên bờ sông, rồi khi nào qua chỗ mỏ, thường cùng Bá Linh đi chơi. Lâu ngày quen đi, cái hồn Nguyễn Bá Linh cùng hai người ấy hợp làm ba, cho nên gọi là “tam hồn thần” Và từ lúc chôn rồi, người ta nhớ cái tính Bá Linh, bốn chỉ bảo gheo liền bà, thời đều nghiệm cả, cho nên cùng nhau làm miếu mà thờ. Và nói chuyện lại, khi đem chém Bá Linh, thời người ấy có xin ông Hưng Đạo Đại Vương rằng: cho mình ăn cái gì, ông Hưng Đạo Đại Vương nói rằng: cho mày ăn máu đẻ liền bà. Vì thế cái hồn người Nguyễn Bá Linh đi khắp cả trong nước, gặp người liền bà nào đẻ, thời ngủ với, hễ người nào bị Bá Linh ngủ với, thời phải đau mãi mãi, uống thuốc không khỏi. Phỏng như người nào biết phép mà chữa, thời đến kêu cầu ở đền Vạn Kiếp, đem chiếu mới đổi lấy chiếu cũ ở đền ấy, đem về để cho người phải đau nằm, và lấy tàn hương nước lã ở trong đền ấy mà uống thời bệnh sẽ khỏi cả.

(Theo “Trente contes & Lesgende Tonkinois” – 30 truyện cổ tích và truyền thuyết Bắc Kỳ)

3. Sự tích ra đời của Phạm Nhan

Ở thời kì đầu của nhà Trần, ở đất Nam Định có một người tên là Nguyễn Sĩ Thành đã chết, tự nhiên sống lại kể chuyện ở trên trời rằng: ở huyện Đông Triều có người con gái họ Nguyễn, vợ của một thương khách ở Phúc Kiến mơ thấy giao hợp với giao long, đẻ ra một kẻ về sau sẽ gây loạn ở đất nước ta. Thượng đế nghe tin, bèn cho Thanh Tiên đồng tử, có Kim Đồng, Ngọc Nữ hộ vệ xuống phương Nam trừ họa giúp dân lành. Thanh Tiên đồng tử đã đầu thai làm con của An Sinh Vương Trần Liễu và Thiệu Đạo quốc mẫu, xuống trần được đặt tên là Trần Quốc Tuấn. Còn môi hiểm họa của dân tộc, do người con gái họ Nguyễn sinh ra kia chính là tên giặc Phạm Nhan.

Phạm Nhan có nhiều phép lạ, thần thông biến hóa, sau này chỉ có Thanh Tiên đồng tử - Trần Quốc Tuấn mới có thể diệt trừ được.

(Theo Cung lục linh tích hành trạng)

4. Bản khác về sự ra đời của Phạm Nhan

Vào thế kỷ XIV, ở Phúc Kiến (Trung Quốc) có một người lái buôn tên là Nguyễn Bá Quang, có vợ rất đẹp, thường bị nhiều người trêu ghẹo, kể cả Long Vương. Do dan díu với vua Thủy Tề mà người đàn bà này có một con trai đặt tên là Nguyễn Bá Linh. Bị người đời khinh ghét, hấn trở về thủy phủ khóc lóc với cha. Long Vương thương con, nên dùng phép biến hấn thành ba con quý, cho quay lại dương gian được gọi bằng 3 cái tên: Nguyễn Ngông, Nguyễn Nghênh và Nguyễn Bá Linh. Ba con quý này chuyên đi ghẹo đàn bà con gái, luôn vào những chỗ thâm nghiêm, giở trò quý quái. Nhân dân gọi chúng là quý Phạm Nhan. Từ Thanh Hóa trở vào bên cạnh tên Ngông - Nghênh, chúng còn được gọi là Ngô Văn Ngao hay Hoàng Văn Trọc.

(Theo Thiên Nam Ngũ lục)

5. Phạm Nhan bị diệt trước kiếm thần của Trần Hưng Đạo

Trước sự ngông nghênh, tặc quái của Nguyễn Bá Linh, làm hại dân, rối long quân, dùng tà thuật khi đánh trận. Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa hai vị tướng của nhà Trần đã bắmlại với Hưng Đạo Vương. Khi Hưng Đạo Vương hỏi có ai có kế gì giết giặc có yêu thuật không, thì Yết Kiêu thưa:

“Tôi nghe khi xưa công chúa có gặp Tiên Mẫu, được cho thanh thần kiếm, giao cho Đại Vương, hẹn đến khi nào gặp giặc có yêu thuật. Hễ chỉ thanh kiếm ấy, niệm thần chú thì tự khắc phá được. Đại Vương sao không dùng kiếm ấy?” Hưng Đạo Vương cười nói: “Thuật ấy chẳng qua là ảo thuật, xưa nay dùng phép phù thủy hay có đồ ấy. Chỉ dùng dơ bản thì trừ được. Can chi phải mượn đến phép thần tiên”. Bèn cho Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa lại và hẹn: “Hai người cho quân sĩ trữ sẵn đồ dơ bản, phục sẵn hai bên trái núi, ngày mai ta đánh giặc... khi nào giặc dùng đến yêu thuật, có âm binh trên không kéo xuống thì cho quân sĩ từ trên núi, phóng uế xuống, tấtphá được giặc”. Hai tướng phụng mệnh, chứa sẵn máu chó, máu dê vẩy ra. Tức thì khí mù tan hết, giông gió liền tạnh, rồi thấy người, ngựa, khí giới của địch tinh bằng cỏ gà, giấy nửa lá tả rơi xuống đất, giặc tan.

Thua trận đó, Bá Linh phải dùng phép thuật khác để cướp trại Vạn Kiếp. Nửa đêm âm binh thần tướng kéo tới bạt ngàn, nhô nhỏ quân đầu trâu mặt ngựa, mặt mũi dữ tợn như hung thần. Cung nỏ bắn cũng không được âm binh. Trận đó, Hưng Đạo Vương và quân sĩ phải rút lui về Thăng Long. Để diệt Phạm Nhan, Hưng Đạo Vương

nói: “Ta thuở xưa thường có học được dị thuật lập thành đồ trận. Gọi là cửu cung bát quái, lại may có thanh thần kiếm. Vậy để ngày mai, ta dẫn quân vào thành dàn trận, đánh nhau với quân giặc, kỳ cho bắt được yêu nhân mới thôi”.

Hung Đạo Vương bày thành trận đồ thế, chia quân dàn ra 8 cửa, mỗi cửa định một sắc cờ: mặt chính đông cờ xanh. Mặt chính tây cờ trắng. Mặt chính nam cờ đỏ, mặt chính bắc cờ đen. Góc đông nam cờ sắc đỏ trắng, góc tây bắc cờ dán sắc xanh đen. Góc tây nam cờ đỏ trắng, góc tây bắc cờ trắng đen. Mỗi mặt 300 quân, 50 tên kỵ mã cầm cờ, 250 tên bộ tốt cầm cờ khí giới. Ở chính giữa có một toán quân cầm cờ vàng. Bá Linh xem xét thế trận, cho là có sát khí bốc lên, chắc có quỷ thần chi đây. Khi Bá Linh dẫn 500 quân đánh ở mặt chính đông vào, Hung Đạo Vương cầm thanh kiếm niệm chú mấy câu, rồi cầm cờ vàng phát lên. Bá Linh phải dùng phép độn giáo, tàng hình để trốn mất. Còn 500 quân bị chết và bắt sống hết. Quân Nguyên phải chạy lui về Vạn Kiếp.

Hung Đạo Vương sai Yết Kiêu đi đục thuyền bắt Bá Linh nhưng cứ bắt được thì nó lại biến mất. Sau Hung Đạo Vương dặn: “Định bắt được Bá Linh, phải trừ sẵn chỉ ngũ sắc, chờ khi bắt tình cờ, phải dùng ngay chỉ ngũ sắc, quấn vào người, thì nó mới không biến được”. Quả nhiên như vậy.

Bá Linh xin được về quê mẹ chịu chết. Hung Đạo Vương sai con là Hung Võ Vương Quốc Nghiễn điệu Bá Linh về An Bài hành hình. Nhưng cứ chém đầu lại mọc đầu khác. Đâm lao búa cũng không đứt thịt. Hung Võ Vương không làm thế nào giết được, liền sai người về tâu Hung Đạo Vương. Vương nổi giận, cầm thanh kiếm thần xuống tận làng An Bài. Bá Linh trông thấy Hung Đạo Vương và thần kiếm mới chịu phép. Khi điệu ra chém Bá Linh còn ngoảnh cổ hỏi: “Đại Vương ra tay thì tôi xin chịu, nhưng xong, khi tôi nhắm mắt, Đại Vương cho tôi ăn đồ gì?” Dã Tượng được Vương đưa kiếm thần, sai khai đao, thấy thế phát câu liền thét: “Cho mày ăn sản huyết thiên hạ”, rồi chém đầu Bá Linh ném xuống sông Thanh Lương cạnh làng ấy”.

Cách hai hôm sau, có hai người dân chài đánh lưới, lần nào cũng chỉ kéo được đầu lâu Bá Linh, lấy làm kỳ lạ, bèn khẩn, nếu phù hộ đánh được nhiều cá, thì sẽ mai táng cho. Quả nhiên như vậy, họ mới đem chôn tạm bên bờ. Từ đây, đi qua mã Bá Linh, thường khẩn đũa rử Bá Linh đi chơi. Vì khi còn sống Bá Linh có tính dâm. Họ nói đùa: đó Bá Linh trêu được con gái. Hễ có người nào đi qua mà đó như vậy thì người ấy quả nhiên về nhà mắc bệnh. Người trong làng thấy linh dị, lập miếu bên sông để thờ.

(Trần Triều Hưng Đạo Đại Vương truyện)

6. Thu phục Phạm Nhan

Khi cuộc chiến giữa quân ta và quân Nguyên đang giằng co ác liệt thì Thoát Hoan ra lệnh Phạm Nhan rắc đậu thành binh. Mỗi nắm đậu gã vung ra mọc thành trăm tên lính mới. Chúng mặc quần áo, sử dụng binh khí Mông Cổ. Bọn này chậm chạp, đi đứng như con lật đật nhưng cơ thể cứng như sắt, giáo đâm, tên bắn không thủng. Quân Trần rút lui. Thoát Hoan khen ngợi Phạm Nhan: Nhờ pháp thuật của quân sư, lần này sang thu phục Đại Việt dễ như trở bàn tay. Thủy quân sẽ chiếm hết các đảo Hoàng Sa, Trường Sa... Ta sẽ tiến xuống phương Nam, thu phục các quốc gia còn lại. Thiên triều sẽ lập lại An Nam đô hộ phủ, rồi nhiều Viễn Nam đô hộ phủ khác...

Vâng mệnh Hưng Đạo Vương, Yết Kiêu đi ngựa trạm về Thăng Long, đón vị pháp sư nổi danh khắp kinh thành về phá giặc. Vị pháp sư thưa: Xin Đại vương cho làm lễ tam sinh để tế cờ. Nhưng thay trâu trắng, ngựa trắng, dê trắng bằng chó đen, mèo đen, dê đen. Máu của chúng ô uế, pháp thuật của Phạm Nhan sẽ mất linh. Đầu mũi tên ngọn giáo tâm máu của những con vật màu đen sẽ bắt âm binh của giặc hiện nguyên hình.

Hưng Đạo Vương nghe theo lời pháp sư mà thực hiện, quả nhiên toàn bộ trận địa của giặc tan rã...

Lúc tỉnh dậy, Phạm Nhan thấy mình bị trói bằng dây ngũ sắc vào một khúc gỗ trên thuyền. Ba lần Hưng Đạo Vương cho chém Phạm Nhan mà không được. Chiếc đầu hấn vừa rơi xuống đất là biến mất ngay và trên cổ hấn mọc ta một chiếc đầu khác. Máu chó đen, mèo đen không hiệu quả...

(Trần Triều Hưng Đạo Vương truyện)

7. Phạm Nhan một kẻ tà thần, hại dân hại nước, gương thần trừ đi

Theo “Trần Đại Vương bình Nguyên thực lục” thì thời nhà Trần có Nguyễn Sĩ Thành đã chết đi rồi sống lại đem việc thiên đình kể lại cho mọi người nghe rằng:

“Vùng Đông Triều tỉnh Hải Dương, có người đàn bà, chồng là khách buôn Phúc Kiến nằm mộng giao cấu với Long tinh, đẻ ra đứa con làm loạn nước Nam, việc ấy trên thiên đình đã biết, Thượng đế sai Thanh Y đồng tử xuống trần để dẹp”.

Thời ấy Trần Liễu phu nhân đang thụ thai, một đêm nằm mộng thấy một cậu bé mặc áo xanh chạy vào lòng, rồi sau sinh ra Ngài.

Sau này quân Nguyên sang ta bắt được Nguyễn Bá Linh nói là con một người đàn bà ở Đông Triều.

Và tục truyền trong trận thủy chiến cuối cùng vào năm 1288 quân ta bắt được nhiều tù binh. Trong số đó có tên Nguyễn Bá Linh, có phép tàng hình, phải dùng chỉ ngũ sắc mới bắt được nó.

Sau xét ra nó là con một khách buôn ở Quảng Đông, mẹ là người làng An Bài thuộc huyện Đông Triều tỉnh Hải Dương. Theo cha sang Tàu học đỗ đến tiến sĩ nhà Nguyên lại có phép phù thủy, ẩn hiện khôn lường, thường tàng hình vào cung điện nhà vua làm những việc dâm ô. Sau bị bắt phải tội chém.

Lúc đó nhà Nguyên đem quân sang ta, Bá Linh xin tha cho tội chết để lập công, nó nói thông thạo đường lối nước Nam, xin làm hướng đạo cho quân sĩ và đồng thời đem tài giúp Nguyên. Vua Nguyên nghe nói liền dùng và tha cho nó tội chết.

Theo quân Nguyên về nước nó làm nhiều tội ác nên ở Bạch Đằng Giang nó không thoát khỏi lưới trời. Nó bị bắt và bị xử tử hình, nhưng chém đầu này, nó lại mọc lên đầu khác. Sau phải dùng thanh kiếm của Ngài mới chém được nó.

Khi đem kiếm ấy ra, Bá Linh biết mình không thoát chết, kêu xin cho ăn một bữa cơm thịnh soạn cuối cùng. Ngài cho ăn, ăn xong Bá Linh lại hỏi sau khi chết rồi sẽ cho ăn gì nữa. Ngài giận bảo rằng “cho người ăn sản huyết đàn bà”.

Bá Linh bị chém, đầu bị vớt xuống Lương Giang, có người chài cá cứ chài phải đầu Bá Linh, mới nói nếu có linh phù hộ cho được nhiều cá, sẽ chôn cất cho. Quả nhiên, hôm ấy người thuyền chài đánh được rất nhiều cá và y lời hứa đem đầu Bá Linh chôn cất hẳn hoi. Từ ấy nhà chài kia với Bá Linh là đôi bạn thân.

Bá Linh uất hận vì bị giết nên hóa tà thần đi khắp nước, hễ gặp đâu có sản phụ là theo quấy nhiễu, làm cho đau ốm gầy mòn không thuốc nào chữa khỏi, dân gian gọi nó là ma Phạm Nhan và đến Ngài cầu cứu.

Ngài viết cho hai câu này:

*“Sinh kiếp dĩ ô Trần nhuệ kiếm
Tử hồn do xuyết phụ nhân quân?”*

(Nghĩa là sống đã làm như grooms báu nhà Trần, nay chết lại còn bám đàn bà làm chi?)

Những người bị nạn Phạm Nhan đem hai câu này về dán ở nhà là khỏi bệnh.

Sau này khi Ngài tịch, gặp nạn Phạm Nhan, dân gian lên đền thờ Ngài ở Kiếp Bạc để cầu xin ngài phù hộ. Họ lấy chiếu trên đền về cho bệnh nhân nằm là khỏi. Chiếu mỗi ngày một hết, dân gian mới đến đền Ngài bắt ma. Cảnh tượng này mỗi năm vào hồi kỉ niệm Ngài, tháng 8 âm lịch, diễn ra một cách rất tưng bừng náo nhiệt ở đền thờ Ngài, nhất là ở Kiếp Bạc và đền Bảo Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày nay chúng ta thấy ở bên cạnh đền Ngài lại có cả miếu Phạm Nhan nữa. Không hiểu tại sao lại có miếu thờ tà thần ấy?

(Trích theo “Thần tích Đức Thánh Trần”, Bắc Việt tương tế hội, 1963; Tài liệu do BQL di tích Kiếp Bạc cung cấp)

8. Chuyện Phạm Nhan trong “Sự tích Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn”

Nguyễn Bá Linh vốn là bố Bắc mẹ Nam, nhờ khoa cử mà được tuyển vào hầu hạ trong cung, phạm tội chờ chết. Thoát Hoan thấy Linh có tài thuật bèn xin chúa Nguyên cho được lập công đền tội. Năm Trùng Hưng thứ hai (1286), chúa Nguyên lại sai Thoát Hoan làm Trần Nam Dương, cùng các tướng áo Lỗ Xích, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ Ngọc, Phi Hoàng... đem 20 vạn hùng binh, hơn hai ngàn chiến thuyền, chia làm ba đạo tiến vào nước ta, lệnh cho Trương Văn Hổ vận chuyển 70 vạn斛 lương bằng thuyền theo sau, Bá Linh tự nguyện làm tiên phong.

Biên ải cấp báo, Thượng Hoàng triệu Đại Vương Trần Quốc Tuấn về giao cho chỉ huy quân tướng, chống địch (...)

Quân Nguyên hùng hổ tiến vào kinh sự. Hôm sau quân hiệu báo về, giặc Nguyên đã hạ chiến thư Đại Vương nhận chiến thư, phê rằng: “Hôm sau quyết chiến” cho sứ giả địch mang về.

Hôm sau đã thấy cờ trống quân hai bên dàn trận. Dưới cờ quân Nguyên, thấy có một tướng đầu trẻ con, mặt trắng, mắt lồi, tay cầm tinh côn xông ra, dữ dằn như mãnh hổ. Đại Vương thấy hấn có vẻ dũng mãnh, lại có tà thuật, bèn lệnh ngay cho Ngũ Lão ra trận. Ngũ Lão hét to:

- Tên tướng giặc vô danh kia, hãy lại ở đây chờ chết.

Tướng giặc đáp:

- Người không biết ta là tướng tiên phong nhà Nguyên là Nguyễn Bá Linh à?

Ngũ Lão nói:

- Mi là đồ chó (cẩu nô) làm tay sai cho giặc. Ta chỉ cần ba hợp là chém được đầu mi rời khỏi xác.

Bá Linh tức giận, múa côn đánh Ngũ Lão. Hưng Nhượng vội bay người đến trợ chiến. Ô Mã Nhi cũng thúc ngựa xông tới. Hai bên nhất tề xung trận, quân nhau từ giờ thìn đến giờ thân (từ sáng đến chiều) quân ta đánh không nổi phải rút về. Quân Nguyên đuổi theo không kịp.

Thoát Hoan ngày đêm ngóng tin thuyền lương mà vẫn chưa thấy, bèn cho Ô Mã Nhi ra biển đón thuyền lương Trương Văn Hổ. Nhưng nghe được tin Văn Ô Mã Nhi đã bị Nhân Huệ, Hưng Nhượng đánh thua, lương bị cướp hết, Ô Mã Nhi hoảng sợ vội

rút về. Thoát Hoan lại dẫn quân đến trước doanh trại Đại Vương khiêu chiến. Đại Vương mặc áo giáp lên ngựa, cùng các tướng phân nhau ra trận.

Thoát Hoan sai Bá Linh xuất trận trước. Đại Vương nói:

- Tên mặt tướng vô danh kia mau về bảo với chủ người là Thoát Hoan ra trận. Mà là đồ chó má (cẩu nô), không xứng đáng làm bản tay cầm thần kiếm của ta.

Bá Linh tức giận, vung côn xông lên. Đại Vương lấy kiếm chém côn, Linh thúc ngựa bỏ chạy. Hoan vội thúc các tướng xông trận. Đại Vương ra lệnh:

- Bất kỳ được tên Thoát Hoan lập công đầu, chém các tướng đều được thưởng lớn.

Lại ra lệnh giao chiến, Đại Vương thúc ngựa xông tới Bá Linh vội thúc ngựa chạy, Đại Vương đuổi theo, dương cung bắn một phát tên, thấy Bá Linh rơi nhào xuống đất. Đại Vương lệnh cho quân sĩ trói giam ở trại. Quân Nguyên chạy toán loạn. Đại Vương về trại thăng tướng, lệnh cho Vũ Sĩ giải Bá Linh đến bắt quỳ để hỏi tội:

- Mẹ người ở Đông Triều, tại sao người lại dẫn cướp vào nhà. Vũ Sĩ mau lòi ra chém.

Bá Linh thấy Vũ Sĩ, vội nói:

- Phải phong ta chức gì ta mới chịu chém

Vũ Sĩ nói:

- Cho mà làm con quỳ đói hút máu

Bá Linh nói:

- Được đấy!

Vũ Sĩ ba lần hạ đao đều chỉ chém vào vai, đầu không bị rơi, vội trở về doanh trại bẩm lệnh. Đại Vương liền cầm thần kiếm đến chém một nhát, đầu Linh rơi xuống đất, vút thây vào nơi ô uest.

(...)

Nói về Bá Linh sau khi chết, làm người đàn bà nước Sùng (nước Tống), đụng đến ai người đó ốm ngay, người ta nói đó là “ma Phạm Nhan”, bùa phép nào cũng không trị nổi. Duy chỉ có kiếm thần của Đại Vương và ông đồng mới trị được bệnh, ma mới bỏ chạy. Người đời thường hay thay kiếm bằng cò có vẽ chân dung Đại Vương để thờ, giữ yên phúc lành.

(Trích theo Bùi Văn Tam, Sự tích các vị thần linh thờ ở đền làng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, tr. 359 -377)

9. Truyện phi Phạm Nhan của người Nùng

Trong dân tộc Nùng, một số dòng họ tin rằng có ma gà. Ma gà có nhiều tên gọi khác nhau như phi cây, phi phạm nhan, phi phần, phi mần lẩn. Theo đồng bào, ngày xưa, ở nước ta có một người tên Phạm Nhan. Phạm Nhan đi sang Trung Quốc học, đậu tiến sĩ, nhưng lại phạm tội gì đó, phải tử hình. Khi quân Nguyên sang xâm lược nước ta, Phạm Nhan xin tha tử hình để đưa quân Nguyên vào Việt Nam lập công chuộc tội. Đưa quân giặc vào Việt Nam, Phạm Nhan đã dùng nhiều tà thuật để đánh quân ta, giết hại nhân dân ta. Trần Hưng Đạo bắt được Phạm Nhan đã sai quân chặt thành ba đoạn, nhưng hồn, vía của Phạm Nhan đã kịp bay lên núi và tiếp tục về hại dân dưới dạng ma nên dân gian vẫn gọi là “*Phạm Nhan slam tòn*” (Phạm Nhan ba đoạn).

Phi Phạm Nhan là phi gia cổ truyền của dòng họ. Tổ tiên có phi Phạm Nhan thì con cháu cũng có. Phạm Nhan sẵn sàng hành động theo ý nghĩ của chủ. Chủ ghét ai, người đó sẽ bị Phạm Nhan đến cắn làm đau đớn và khờ dại đi. Chủ thích con súc vật nào của ai đó, súc vật liền bị Phạm Nhan đến cắn cho thật đau, có trường hợp bị cắn chết. Chính vì vậy, người ta rất sợ chơi với những người có phi Phạm Nhan. Những người bị dư luận cho là có phi Phạm Nhan thường bị mọi người xa lánh và con cái của họ khó dựng vợ, gả chồng.

(Trích theo Hoàng Nam, *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, Nxb VHDT, H.1992,
tr. 151 - 152)

PHỤ LỤC II: CÁC TRUYỀN THUYẾT VỀ PHẠM NHAN QUA NGUỒN SƯU TẦM TRONG DÂN GIAN

10. Truyền thuyết Phạm Nhan

Trong trận chiến Bạch Đằng 1288, quân sĩ nhà Trần đã bắt sống tướng giặc Nguyên là Phạm Nhan. Nhan cha Bắc, mẹ Nam, từ nhỏ theo học pháp sư có tài hô phong hoán vũ, chém đầu này mọc đầu khác, khi trói có thể thu mình nhỏ lại và thoát ra ngoài. Nhan được vua Nguyên cho đi theo đoàn quân của Ô Mã Nhi để động viên khích lệ quân tướng. Được thần báo mộng nên khi bắt được Phạm Nhan, Trần Hưng Đạo sai đem chỉ ngũ sắc ra trói, Nhan sợ khiếp vía. Lại sai quân lính bôi cứt gà sấp và bỏ hóng bếp vào lưới kiếm để chém đầu Nhan thì Nhan biết không thoát thân, bèn cầu xin Trần Hưng Đạo được chặt làm 3 khúc, một khúc vớt xuống sông, một khúc vớt lên bờ và một khúc vớt vào rừng để được đầu thai sang kiếp khác. Trần Hưng Đạo thuận theo ý hấn, cho chém Phạm Nhan làm ba khúc để răn đe quân giặc. Khúc chân vớt lên rừng biến thành con vắt, khúc thân vớt lên bờ biến thành con muỗi, khúc đầu vớt xuống sông trôi về gò đất thôn Hưng Học thì biến thành con đĩa, đều là những con vật hút máu người.

Một năm dân làng Hưng Học bị dịch bệnh, nhiều người bị chết. Dân làng mộng thấy Phạm Nhan hiện về và yêu cầu thờ cúng thì mới hết bệnh. Dân làng hỏi khi cúng thì dùng lễ vật gì? Nhan nói: “cúng máu bà đẻ”. Dân làng bèn làm một ngôi miếu thờ ở bờ đê ven sông, nơi đầu Phạm Nhan trôi dạt đến và một ngôi miếu ở trong làng, chỉ thờ một cái mũ tượng trưng cho đầu Phạm Nhan, dùng nước lá vòng đỏ như máu thay cho máu để đàn bà đẻ cúng tế, thì thấy hết bệnh tật. Từ đó, có tục thờ Phạm Nhan ở làng này. Mỗi khi rước thành hoàng làng trong các ngày sinh ngày hóa đều rước mũ Phạm Nhan song hành. Từ lâu, những người con gái khi sinh nở đều phải kiêng không dám đi qua miếu thờ Phạm Nhan.

(Ghi theo lời kể của ông Phan Thanh Kiếm (69 tuổi) - Trưởng ban khánh tiết đình Hưng Học, phường Nam Hòa, Hà Nam, Quảng Ninh)

11. Khi Phạm Nhan ra trận

Nguyễn Nhan tên chữ là Bá Linh. Cha người Quảng Đông, sang buôn bán bên nước Nam, lấy vợ làng An Bài, huyện Đông Triều, sinh ra Bá Linh. Bá Linh lớn lên theo cha về Tàu học hành, đỗ tiến sĩ triều nhà Nguyên, lại cao tay phù thủy, có phép tàng hình biến hóa. Thường vào cung trị bệnh cho các cung nữ, rồi thường biến hóa

thành con gái, lên vào cung tư thông với cung nhân. Về sau bị lộ chuyện, chúa Nguyễn dùng phép bắt được, định án trăm quyết. Để lập công chuộc tội, Bá Linh tình nguyện xin đi làm hướng đạo sang đánh Nam quốc.

Sau khi đánh trận, Bá Linh thường đi đầu. Bá Linh mắt nhỏ, mặt dài, cười ngửa ra trước trận, tay cầm thanh bảo kiếm, xõa đầu, rũ tóc, trong mồm niệm chú, lẩm bầm mấy câu... trời bỗng nổi cơn giông, cát sỏi bay vù vù, mây kéo tối mù mịt, quân sĩ giáp mặt không trông thấy nhau. Rồi nghe thấy trên không có tiếng reo hò âm âm tựa như có thiên binh, vạn mã đổ xuống khiến quân ta kinh hãi, bỏ chạy. Nhờ tà thuật của Bá Linh mà quân Nguyễn đã phá được nhiều trại của ta.

(Ghi theo lời kể của chú Mỡ (61 tuổi) thôn Cầu Miếu, phường Phong Cốc, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh)

12. Sự tích miếu Vua Bà và việc diệt Phạm Nhan

Miếu Vua bà đặt cạnh đền thờ Trần Hưng Đạo bên dòng sông Bạch Đằng lịch sử, thuộc phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Theo các cụ quản lí di tích miếu Vua bà kể lại: xưa có bà bán hàng nước bên gốc cây Quếch cổ thụ. Trước khi trận chiến Bạch Đằng xảy ra, Trần Hưng Đạo đã thị sát vùng cửa sông Bạch Đằng và đã hỏi bà hàng nước về con nước thủy triều lên xuống. Bà hàng nước đã cung cấp tỉ mỉ về lịch con nước lên xuống góp phần tạo nên chiến thắng lẫy lừng năm 1288.

Bà hàng nước bán hàng ở đây đã nhiều năm. Một hôm có một người ăn vận đồ xanh, tướng người hung dữ, qua quán bà nghỉ chân, bà dò hỏi tên tuổi, biết được đó là tên tướng giặc mang tên Phạm Nhan. Hắn khoe khoang với bà rằng hắn là người có phép thần thông, chém đầu này mọc đầu khác. Bà khéo léo hỏi khích hắn, trong lúc cao hứng hắn đã trót nói cho bà biết muốn trói hắn cần có chỉ ngũ sắc, muốn giết hắn phải dùng vôi tôi, phân gà sấp và bồ hóng bếp bôi lên lưỡi kiếm. Nắm được việc cơ mật đó, bà chủ quán đã kịp thời báo ngay về quân doanh cho Trần Hưng Đạo biết. Tại trận Bạch Đằng lịch sử, đoàn thuyền chiến của giặc sa vào bãi cọc ngầm của bà sẵn. Đoàn thuyền tan vỡ chìm xuống dòng sông. Quân ta tràn lên thuyền soái của Ô Mã Nhi, bắt sống tên tướng giặc và Phạm Nhan. Hưng Đạo Vương sai lấy chỉ ngũ sắc trói chặt Phạm Nhan lại. Hưng Đạo đại vương đã hạ thủ được tên tướng giặc nguy hại này.

Sau khi thắng giặc, Trần Hưng Đạo đã quay lại tìm bà hàng nước nhưng không thấy liền phong bà làm Quốc Mẫu Vua Bà và lập miếu thờ bên cạnh cây Quếch cổ thụ.
(Ghi theo lời kể của bà cụ bán nước ở miếu Vua Bà phường Yên Giang - Quảng Ninh)

13. Phạm Nhan hóa thân

Sau khi Hưng Đạo Vương bắt được Phạm Nhan đã trói đưa ra bờ sông Nam Sách để hành hình. Phạm Nhan thấy vôi, phân gà sấp và bồ hóng bếp đã bôi trên lưới kiếm, hấn sợ hãi vô cùng biết chắc là chết, xin được nói lời cuối cùng. Để mở lượng khoan dung, Hưng Đạo Vương cho hấn nói lời cuối cùng trước khi chết. Hấn nói: xin chém hấn thành ba đoạn, một đoạn vớt xuống sông, một đoạn vớt lên bờ, còn một đoạn vớt lên rừng.

Hưng Đạo Vương sai chém hấn thành ba đoạn, vớt mỗi đoạn một nơi theo lời cầu khẩn của hấn.

Đoạn vớt xuống sông biến thành đĩa, đoạn vớt lên bờ biến thành muối, đoạn vớt lên rừng biến thành vát. Nay mỗi khi gặp những con vật đó nhân dân thường gọi là giặc Phạm Nhan.

(Truyện sưu tầm ở xã Liên Hòa, Quảng Yên, Quảng Ninh)

14. “Phục, Phá bịt má, Hà Nam vá tròn”

Trong trận Bạch Đằng, quân ta tiêu diệt các đoàn thuyền tiếp vận lương thảo của giặc từ ngoài cửa sông, xác giặc Nguyên trôi dạt chất chồng hai bờ. Với nhận thức nguyên sơ, người ta cho rằng thiên tai, bệnh tật, giàu nghèo, sống chết, thành bại... đều do những thế lực siêu hình cùng tà ma quỷ quái gây ra. Đêm đêm, người ta thường thấy ma trôi bởi chất lân tinh từ những xác chết trôi dạt rửa nát trên bờ. Người ta cho rằng chúng còn đang trong cơn đói khát, do ta đánh phá chìm hết lương thảo, bởi vậy dân ta mới mời thầy phù thủy lập đàn bên sông Bạch Đằng cúng lễ, tống tiễn các vong hồn đói khát. Trong buổi lễ cúng các vong hồn, các cụ cao tuổi ở địa phương tham dự lễ đàn có hỏi: “Hồn muốn gì?” Qua thanh đồng, các vong hồn tỏ ra lưỡng lự, bối rối, mãi lâu sau chúng mới đáp: “Cho gì cũng được”. Các cụ sẵn lòng căm thù giặc, nóng nảy quát to: “Cho chúng mày ăn máu... (của đàn bà)”. Sau đó các cụ tự thấy lỗ lòi, và quần chúng vùng này xem đó như một lời nguyền. Sợ các vong hồn sẽ theo dõi hút máu phụ nữ, nên đàn bà con gái ở đây từ đó không dám ra khỏi nhà nếu chưa bịt kín mặt. Đặc biệt những ai khi sinh nở, thường phải hòa một chậu nước có màu đỏ như máu để làm phép trừ tà ma, đem đổ ra sông. Không chỉ bên này của sông Bạch Đằng địa bàn Thủy Đường (nay là Thủy Nguyên - Hải Phòng), mà đối diện bên kia của sông Bạch Đằng là xã Hà Nam - Yên Hưng - Quảng Ninh, phụ nữ đều sợ tà ma này, đối phó bằng cách vá thật đầy đũng váy, nhất là những ngày có kinh lại càng phải che dấu kín đáo hơn. Vì thế dân gian vùng này mới có phương ngữ lưu truyền “Phục, Phá bịt má, Hà Nam vá tròn”.

(Ghi theo lời kể của ông Phạm Lê Công, đình Tràng Kênh - Hải Phòng)

15. Phạm Nhan và tục che mặt của phụ nữ Thủy Nguyên - Hải Phòng

Khi Thoát Hoan đem quân xâm lược nước ta, lần thứ 2 theo tên hướng đạo (Đạo giáo) Nguyễn Nhan, tên chữ là Nguyễn Bá Linh, vốn phạm tội trăm quyết, đã tình nguyện đời công chuộc tội, dùng phép phù thủy để cứu quân Nguyên Mông. Trên trận chiến Bạch Đằng, Tiết chế Đại vương Trần Hưng Đạo bắt được chém đầu. Nguyễn Nhan chết rồi, nhưng linh hồn hắn vẫn thường hiện lên thành hình ma quái trên ghẹo đàn bà con gái. Hễ hồn nó xâm phạm vào ai thì người đó chết. Vì vậy, nó có tên là Phạm Nhan. Sợ hãi vong hồn này, đám đàn bà con gái vùng cửa sông Bạch Đằng, huyện Thủy Đường (nay là Thủy Nguyên - Hải Phòng) phải bịt mắt, tránh hồn ma bắt gặp trên ghẹo. Chỉ có ngày hội đầu xuân trước cửa đình, đèn được các thần linh chứng kiến mới bỏ khăn bịt mắt, do đó có ngày “Hội mở mắt” vào dịp đầu xuân tại đình Kênh Dương - Thủy Nguyên ngày nay.

(Ghi theo lời kể của ông Phạm Lê Công, đình Tràng Kênh - Hải Phòng)

16. Căn bệnh mang tên Phạm Nhan

Người xưa tin rằng sở dĩ có con ranh con lộn là do Phạm Nhan gây ra. Truyền ngôn kể rằng Phạm Nhan tên thật là Nguyễn Bá Linh, có phép phù thủy nên trở nên kiêu ngạo thường làm nhiều điều phạm pháp và bị triều đình nhà Nguyên xử phạt tử hình. Gặp lúc quân Nguyên đang chuẩn bị sang đánh Việt Nam, Nguyễn Bá Linh xin được làm tiên phong để chuộc tội. Vua Nguyên đồng ý. Nhờ tài phù thủy, Nguyễn Bá Linh thắng nhiều trận nhưng trong trận phong thủy chiến ở sông Bạch Đằng, Nguyễn Bá Linh bị một danh tướng nhà Trần tên là Yết Kiêu có tài lặn sâu và lâu dưới nước, đem khuya lên lên thuyền bắt sống và dùng dây thừng 5 màu trói lại. Nguyễn Bá Linh bị đóng cũi đưa về tỉnh Hải Dương chém. Nhờ phép phù thủy, Linh làm nhiều điều kỳ dị khiến tả đao khiếp sợ không dám chém vì chém đầu xong thì đầu khác lại mọc ra. Chuyện lạ được cấp báo lên Hưng Đạo Vương, ngài liền đích thân gặp Nguyễn Bá Linh và rút kiếm báu của mình phạt ngang đường trước mặt Linh. Đường grom vút đi như lưỡi tầm sét khiến Linh kinh hãi biết mình khó toàn tính mạng nên cất tiếng nói: Trước khi chết phải dọn mâm cỗ cho tôi ăn chứ?

Hưng Đạo Vương cả giận thét: mày là đồ phù thủy xấu xa, chỉ có máu huyết người đàn bà sinh đẻ dành cho người uống trước khi chết mà thôi.

Nói xong Hưng Đạo Vương trao kiếm cho đao phủ để chém đầu Nguyễn Bá Linh. Sau khi Linh chết, đầu được cho vào một cái giỏ mây liệng xuống sông Thanh Lương. Dân chài lưới bắt cá thấy đầu Bá Linh mắc vào lưới, và lần nào cũng vậy. Sợ quá họ đem chôn đầu của Bá Linh ở cạnh bờ sông. Từ đó Nguyễn Bá Linh trở

về vùng Đông Triều tác oai tác quái. Vì căm giận lời nguyên rủa của Hưng Đạo Vương, Nguyễn Bá Linh bắt đầu ám ảnh và gây bất trắc cho phụ nữ trong vùng. Khiến vô số sản phụ bị chứng sản hậu, xuất huyết, bị bệnh về đường kinh nguyệt và sinh dục và nhất là sinh con yếu tử...

(Theo lời kể của ông Nguyễn Văn Thắng (59 tuổi) thủ nhang đình Trung Cốc - Nam Hòa - Quảng Yên, Quảng Ninh)

17. Nỗi ám ảnh về Phạm Nhan

Phạm Nhan sau khi bị xử khuyết chặt thành ba phần, khúc đầu trôi về gò đất thuộc thôn Hưng Học, xã Nam Hòa, huyện Yên Hưng, Quảng Ninh (nay là phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên). Linh hồn Phạm Nhan liên tục quấy nhiễu đời sống của nhân dân. Thôn Hưng Học ngày ấy thường xảy ra những hiện tượng lạ, khó giải thích. Phụ nữ mang thai chín tháng, nhưng đến kì sinh nở chỉ đẻ ra nước. Dân làng vô cùng sợ hãi. Sau có người nằm mộng thấy hồn Phạm Nhan về đòi cúng tế. Các cụ trong làng mới bàn bạc và làm lễ cúng tế vong hồn Phạm Nhan. Lễ vật phải có một thau nước màu đỏ. Từ đó về sau hàng năm làng Hưng Học đều phải làm lễ cúng, rước Phạm Nhan. Phụ nữ (tuổi sinh đẻ) tại làng Hưng Học không còn hiện tượng sinh ra nước nữa.

(Theo lời kể của cô Diệp (48 tuổi), Cầu Miếu, phường Phong Cốc, Quảng Yên, Quảng Ninh)

18. Truyền thuyết Phạm Nhan liên quan đến sắc đẹp của người phụ nữ

Ngày xưa phụ nữ làng Hưng Học so với phụ nữ những làng bên thì xấu hơn rất nhiều. Từ già đến trẻ, phụ nữ trong làng ai cũng bị toét mắt. Người dân cho rằng vì làng Hưng Học nhiễm phải ám khí của Phạm Nhan nên không thể xinh đẹp được. Trong khi đó làng bên cạnh là làng Hải Yến thì con gái đẹp sắc nước, rất nhiều người con gái ở làng này đã làm rung động cả lòng vua (truyền thuyết về bà chúa Ngóe được vua Lê Thánh Tông yêu mến). Dân làng Hưng Học đi hỏi thầy phù thủy được mách, do thế đất, làng Hưng Học bị Phạm Nhan trấn giữ, nếu muốn phụ nữ trong làng không còn toét mắt nữa thì phải chặt được một bên cánh tiên phía giáp làng Hải Yến. Người dân làm theo, quả nhiên từ đó phụ nữ làng Hưng Học không còn quá xấu như xưa, và phụ nữ làng Hải Yến cũng không còn được đẹp như xưa nữa.

(Theo lời kể của bà Quế (70 tuổi), làng Hải Yến, Quảng Yên, Quảng Ninh)

19. Sự tích miếu “Linh ứng tôn thần” tại thôn Hưng Học

Miếu Phạm Nhan tại thôn Hưng Học, phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh trước kia nằm ở cánh đồng. Sau khi làm đường xuyên qua miếu, miếu bị

phá dỡ năm 1966. Sau đó dân làng xây hai miếu (miếu đôi) cách đây khoảng hai chục năm để thờ cụ “Thông minh duệ chí, trừ ôn dịch họa”. Theo lời các cụ làng Hưng Học kể lại, vào một năm dân làng bị nạn, dịch bệnh hoành hành, các cụ làm lễ chiêu hồn, có vị thần hiện lên báo: sắm lễ nghi đưa ta về thờ, ta sẽ phù hộ. Dân làng làm theo quả nhiên bệnh tật tiêu tan. Từ đó tôn cụ là *Linh ứng tôn thần*. Thờ chính tại miếu nằm trong khuôn viên chùa Hưng Linh, thuộc thôn Hưng Học. Đến ngày 13, 14, 15 tháng giêng được rước ra đình làng để tế lễ. Trong miếu có thờ một cỗ ngai với bộ mũ giấy. Tương truyền khi cụ bị Hưng Đạo Đại Vương chém thành ba khúc, rồi vớt trôi sông: khúc đầu trôi về gò đất Hưng Học (làng Hưng Học thờ mũ - tượng trưng cho đầu); khúc thân trôi về khu Phà Rừng - Hải Phòng (tại đó dân làng lập miếu có tên miếu Quán đá, thờ áo - tượng trưng cho phần thân); khúc chân trôi về gò đất làng Trung Bản (tại đó, dân làng thờ đôi giày - tượng trưng cho phần chân). Tại những nơi thờ cúng này, đều cấm phụ nữ không được vào nơi hậu cung.

(Ghi theo lời kể của ông Phan Thanh Kiểm (69 tuổi), trưởng ban khánh tiết đình Hưng Học, Nam Hòa, Quảng Yên, Quảng Ninh)

20. Phạm Nhan trong trận đại thắng Bạch Đằng năm 1288

Phạm Nhan sinh ra ở Đông Triều, tên thật là Nguyễn Bá Linh. Mẹ người Việt, cha người gốc Hoa. Cha mất sớm, một mẹ một con nên Phạm Nhan được mẹ nuôi chiều. Được thể, hấn càng lớn càng hư hỏng, đánh chửi lại cả mẹ, bị mẹ từ. Hấn lang thang, trộm cướp rồi tìm về đất Tàu. Về đó hấn theo bọn lừa đảo rồi học được phép tàng hình. Khi quân Nguyên Mông tiến đánh nước ta, hấn xin theo để dẫn đường và làm thông dịch. Hấn luôn cặp kè bên tướng Ô Mã Nhi. Khi quân Nguyên Mông vào chiếm thành Thăng Long thì tất cả đã là vườn không nhà trống. Hàng chục vạn tên giặc chờ đoàn thuyền lương do tướng Trương Văn Hổ áp tải đi sau, chờ mãi không thấy. Ô Mã Nhi phải thân chinh ra cửa sông Bạch Đằng tìm đón cũng không thấy (hấn đâu biết đoàn thuyền ấy đã bị thủy quân Đại Việt dưới sự chỉ huy của tướng Trần Khánh Dư tiêu diệt và bắt sống toàn bộ ở trận Vân Đồn - Cửa Lục). Hấn men theo biển, đi mãi qua cửa sông Cẩm, cửa sông Văn Úc vì ngờ rằng Trương Văn Hổ lạc đường. Chẳng thấy đâu hấn đành quay về, đổ quân lên trại Yên Hưng cần quét vơ vét được một ít thóc gạo, gà lợn. Trong khi lính lên làng cướp bóc thì Phạm Nhan vào chợ Rừng và bị một người đẹp hút hồn. Hấn toan bắt nàng rồi quán xướng cho Ô Mã Nhi “giải buồn” nhưng nàng đã khôn khéo chống đỡ. Nàng bảo tướng quân đang phải lo đại sự, nhà người không biết sao mà lại đưa ta xuống không đúng lúc, chính nhà người sẽ bị chém đầu. Nói đến chém đầu, hấn khoe đầu hấn chém rồi lại mọc, chỉ có âm phép

của mẹ ta thì đầu ta mới không mọc lại được. Rồi hấn ba hoa chỉ về con thuyền đặc biệt sang trọng dành riêng cho hấn và chủ tướng... Liền đó, trời sắp tối, toán quân đi cướp linh kinh khiêng vác các thứ lên thuyền và Ô Mã Nhi lệnh nhổ neo đi gấp về Lục Đầu Giang... Mấy ngày sau, Trần Hưng Đạo về chuẩn bị trận địa, thì chính cô gái ở chợ Rừng đó đã tìm đến kể về tên giặc Phạm Nhan và chỉ dẫn những nét khác biệt ở con thuyền của chủ tướng giặc Ô Mã Nhi. Người ta nói rằng, cô gái này cũng là “người nhà giời”. Giời sai xuống giúp Trần Hưng Đạo và dân ta đánh giặc. Chính nhờ những chỉ dẫn này mà Trần Hưng Đạo đã chọn những chiến binh thông thạo sông nước nhất giao nhiệm vụ xông tới bắt sống Ô Mã Nhi ngay từ đầu trận.

Còn Phạm Nhan, mẹ là người Việt, dẫn đường cho giặc về cướp nước nên tội phản quốc, vừa bất hiếu, vừa bất trung bị quân sĩ ta hết sức căm ghét. Cây thế có phép mọc đầu, hấn ngạo mạn thách thức. Quân ta chém đầu hấn thì quả là chém đầu này hấn mọc đầu khác. Binh sĩ tâu lên Trần Hưng Đạo. Đức Ông bảo đem thanh gươm về Đông Triều, thấp hương nơi mộ mẹ hấn, xin bà cho âm phép để trừ tên giặc. Thanh gươm đưa về, Phạm Nhan biết mình hết phép, hấn xin được ăn uống một bữa no say trước khi chết. Người chiến binh phán rằng: Tội ác của mi chỉ đáng cho ăn máu mũ thiên hạ. Nghe vậy, hấn la hét và thề rằng sẽ hút máu thiên hạ. Đầu hấn rơi xuống. Quân ta quăng đầu hấn vào rừng cho thú ăn, còn thân hấn vút xuống đầm cho cá rĩa, nào ngờ đầu hấn biết thành loài vắt chuyên sống trong rừng chờ hút máu người, còn thân hấn thì biến thành loài đĩa dưới nước. Chỗ hấn bị chém nay là làng Hưng Học thuộc phường Nam Hòa, vùng đảo Hà Nam thị xã Quảng Yên. Ở đây con ma Phạm Nhan vẫn hay về quấy nhiễu khi có mùi máu. Đàn bà con gái đến kỳ hoặc sau khi sinh nở thường khổ sở vì hấn. Các bà, các chị phải giã vỏ cây vệt pha vào nước rồi đổ ra bát hay cái niêu đất đựng nước vỏ vệt có màu đỏ giả làm máu để cúng bái đánh lừa hấn. Làng cũng làm một miếu thờ mong hấn đừng về quấy dân làng. Nhiều người vừa ghé thăm, vừa sợ hãi khi đi qua đây thường vòng sau miếu để tránh mặt hấn. Người dân có tục cúng hấn ở chân hàng rào ngoài cổng bằng bát nước đỏ vệt.

(Theo lời kể của ông Thắng thủ nhang đền Trung Cốc, Nam Hòa, Quảng Yên, Quảng Ninh)

21. Sự tích miếu Phạm Nhan

Miếu Phạm Nhan ở cạnh sông Thanh Lương, xã An Bài, huyện Đông Triều. Tục truyền thần miếu ấy tên là Nguyễn Bá Linh. Bố thần quê ở tỉnh Quảng Đông, sang nước ta lấy vợ người xã An Bài rồi sinh ra Bá Linh.

Bá Linh đỗ Tiến sĩ triều Nguyên, giỏi phép phù thủy, được vào cung chữa bệnh, rồi thông dâm với cung nữ. Sau việc phát giác, phải tội tử hình.

Bấy giờ người Nguyên sang xâm lược nước ta, Bá Linh xin làm hướng đạo để lập công chuộc tội. Vua Nguyên chuẩn y.

Trong trận quân ta đánh nhau với quân Nguyên ở sông Bạch Đằng. Bá Linh và Ô Mã Nhi đều bị Hưng Đạo Đại Vương bắt sống. Khi đem Bá Linh ra chém, hắn kêu xin được hành hình tại quê mẹ. Hưng Đạo Đại Vương bèn cho đem hắn về làng An Bài hành hình rồi vớt thi hài xuống sông.

Lúc bấy giờ, trên khúc sông ấy có hai người đánh cá kéo lưới được cái đầu lâu, bèn khẩn rằng:

- Nếu có linh thiêng, thì phù hộ cho chúng tôi được nhiều cá, chúng tôi sẽ đem mai táng ngay.

Quả nhiên hai người ấy bắt được nhiều cá gắp bội mọi ngày, liền đem cái đầu chôn ở trên bờ sông.

Về sau, những khi hai người đánh cá đi chợ qua chỗ ấy, thường hay rủ thân đi chơi, lâu ngày thành quen. Hai người đánh cá cùng với thân thành ba, cho nên tục gọi là “ba hồn”

Bọn này theo thói cũ, hễ muốn chòng ghẹo phụ nữ nào thì gọi tên Bá Linh rồi chỉ tay vào người ấy, người đó sẽ bị ma ám ngay. Vì thế dân trong vùng phải lập miếu thờ làm thần.

(Ghi theo lời kể của ông Phạm Khắc Thịnh (70 tuổi) thủ nhang đền Kiếp Bạc)

22. Thần Phạm Nhan

Trước khi bị hành hình, Bá Linh hỏi Hưng Đạo Đại Vương cho y ăn gì? Đại Vương bảo cho mày ăn máu để của đàn bà. Sau thần đi khắp trong nước tuyên dâm, hễ gặp đàn bà để là tiếp ngay. Người đàn bà nào gặp thần ấy, bị ốm mê mết, chữa mãi không khỏi. Nếu người nhà biết thì đến ngay đền Vạn Kiếp cầu đảo, lấy một chiếc chiếu mới thay vào chiếc chiếu cũ vẫn ngồi ở đền, rồi lừa lúc người ốm không để ý, đem chiếc chiếu cũ trải vào giường cho người ốm nằm, và lấy hương thờ ở đền đốt ra hòa với nước, cho người ốm uống vào thì khỏi ngay. Nhưng chỉ những người đàn bà nào bị thần tiếp, thì mới ứng nghiệm. Còn những người bị bệnh khác thì không ứng nghiệm.

Các nơi xa gần đem chiếu mới đến đền đổi lấy chiếu cũ rất đông. Có nhà vừa đem chiếu cũ của đền về chưa kịp trải, thì người ốm đã khỏi rồi. Những sự ứng nghiệm đại loại như thế.

Trước thần được phong là Thượng đẳng. Một hôm vua đi tuần du đến cửa miếu, thần không cho thuyền các cung nhân đi qua. Vua tức giận sai lấy súng bắn vào miếu và giáng thần xuống một bậc. Đến nay dân vẫn còn thờ cúng.

(Ghi theo lời kể của cụ Nguyễn Thị Hợi (83 tuổi) Chí Linh - Hải Dương)

23. Truyền thuyết về tuổi thơ của Phạm Nhan

Quê ngoại Nhan ở làng An Bài, huyện Đông Triều. Mẹ Nhan người Việt, bố người Hoa, tổ tiên sống mấy đời bên bến sông Cầm. Dân gian kể rằng có người đàn ông người Hoa chết trong lần đi buôn thuyền, trên sông Bạch Đằng và biến thành một loài thường luồng đáng sợ. Một hôm mẹ Nhan đi bắt cua, bắt cáy ven bờ sông Cầm, bị thường luồng quấn chặt chân. Người đàn bà đó về mang thai.

Ngày hấn sinh trời nổi giông bão, nước sông vỡ òa, gió thổi như rên xiết, lá xoan bay rắc như trấu. Mẹ hấn từ bên sông trở về nhà nhanh cho kịp đưa con sắp ra đời. Nhan được sinh ra, mồ côi cha. Bà mẹ cắt dây rốn tại nhà bằng cật nửa sắc, cho cái nhau thai vào trong lọ đem chôn tại góc sân hẹp. Một thằng bé bình thường, lớn dần.

Người đàn bà góa lấy sông Cầm và những vực nước gần nhà, làm nơi kiếm kế sinh nhai. Mùa hè, dầm cáy ăn. Mùa đông, mò ốc, rét căm cật. Tháng chín đôi mươi, tháng mười mừng năm, hớt rươi ở bãi triều ven sông Cầm, bỏ trong rá phủ lá tre đem bán.

Chợ Cột là nơi mẹ con Nhan và người dân làng An Bài đưa những thứ kiếm được mang ra bán. Những mái lá buộc qua quýt trên chóp cây cho đỡ nắng. Thân cột gỗ hồng, đốn từ núi Đông Bắc xếp chằn chằn bên những đống cành củi chuẩn bị mang ra bến Kinh Thầy. Dầm ba mớ tôm, mớ ốc chợ quê nghèo đựng trong rá rách cạp. Lò rèn bễ đồ lửa, nước xèo xèo, búa vung chóng mặt. Đàn ông rít điếu bát, nhà khói như có nồi nước nóng rục trong ngực. Đàn bà quây quần hàng quà lụp xụp, húp hi hà.

Măng đắng vùng Đông Bắc ăn mãi không chán. Mai rừng từng gốc nhỏ mọc rải rác trên núi, mùa xuân điểm những chấm vàng bên những bụi xanh. Những người con trai làng An Bài rủ nhau vào rừng hái măng, đốt than, chặt gỗ, thả bè theo sông Cầm, sông Đạm, có khi vào đến tận Yên Tử. Những bè gỗ nhỏ lướt trên sông như con thuyền bị dạt mỏng. Nhan cùng trai làng đi bắt cáy, lấy củi kiếm ăn. Nhưng hấn có một tính xấu là thích rình bọ con gái trong làng tắm chỗ dưới sông Cầm. Nhan bò ở bờ sông như con mèo rình chuột, nấp trong bụi cây nhìn nhưng không rõ lắm. Nhan lặn dưới sông như con rái cá. Con rái cá chìm xuống ngay chỗ có những đứa con gái đang tắm, tay chạm vào bầu vú căng nhọn như mầm măng mới nhú. Bị bắt quả tang, bị dân làng tát, chửi và cũng bị mẹ Nhan đánh nhiều lần vì cái tội nhìn trộm đàn bà con gái. Nhưng thói xấu vẫn không sao bỏ được.

(Truyện sưu tầm ở Hải Dương)

24. Chuyện tình yêu của Nhan

Bên cạnh nhà Nhan có một đứa con gái mới mười ba. Con bé ấy tên Nhiên xinh xẻo, có phần dạn dĩ. Nhan thích Nhiên lắm. Cô bé Nhiên đó, tuy biết Nhan có tính xấu nhưng cũng có phần quý mến Nhan.

Nhan lớn lên chỉ thích lêu lổng, lại lười. Thằng bé mồ côi cha trở thành thủ lĩnh của những trò mất dạy của đám trẻ trong làng. Người đàn bà góa chửi mắng. Roi tre vun vút quất, trừng phạt, vẫn không đủ sức dạy đứa con lếu láo. Sau trận đòn cuối cùng hẳn tức giận chửi cả cái người đã đẻ ra nó. Láo như ranh, mà không biết tội từ đâu.

Nhan trốn đi trong đêm tối. Hôm đó, không biết sao đứa con gái hàng xóm lại ra gặp Nhan ở miếu Thủy thần, cạnh gốc cây duối. Nó đưa cho Nhan cái vỏ ốc ngũ sắc, nhặt được ở sông Cầm.

Nhan cầm vỏ ốc ngũ sắc, trong nắm tay xiết chặt. Nhan lấy chiếc lược sừng trâu giấu trong áo đưa cho Nhiên. Nhiên đã gỡ con thuyền nhà đang cột vào tảng đá trên bờ, chèo thuyền đưa Nhan sang bên kia sông Cầm. Kể từ ngày đó, Nhan bỏ làng đi biệt. Cô bé Nhiên ở làng vẫn mong đợi ngày Nhan trở về.

(Truyện sưu tầm ở Hải Dương)

25. Về sự ra đi và trở về của Phạm Nhan trên đất An Bài

Nhan lớn lên là một đứa trẻ ngỗ nghịch, cả dân làng đều không ưa. Rồi Nhan bỏ đất Việt, vượt sang Trung Hoa, bên Trung Hoa đang là thời kì nhà Nam Tống. Nhan dùi mài kinh sách, thi đỗ tiến sĩ để ra làm quan.

Năm 1206, thủ lĩnh Thiết Mộc Chân thống nhất các bộ lạc du mục, lập quốc Mông Cổ, được suy tôn là Thành Cát Tư Hãn. Đội quân viễn chinh Thành Cát Tư Hãn lần lượt đánh bại các nước Hạ, Kim, Nam Tống thống nhất được Trung Quốc, uy hiếp cả hai lục địa Á, Âu. Thành trì bị tàn phá, quân quan triệt hạ làng mạc, vàng bạc cướp được đem giấu chôn góc rừng xó núi, sau quên. Các quốc gia láng giềng rên xiết dưới vó ngựa quân Mông Cổ.

Năm 1271, cháu Thành Cát Tư Hãn là Hốt Tất Liệt định quốc hiệu là Đại Nguyên. Nhan lúc đó lại làm quan cho nhà Nguyên, ra sức phò trợ đế quốc ngoại tộc. Lâu năm chuyên tâm nghiên cứu chước thuật, phù phép ma quỷ, luyện khí, luyện công, biến hóa đã trở ra khôn cùng.

Vua Nguyên có rất nhiều cung nữ, lại chinh chiến vắng lâu ngày, Nhan dùng tà thuật thâm nhập vào cung, chuyên thổi miên các cung nữ làm chuyện dâm ô. Nhan vẽ bùa, vẽ các hình thù kì quái lên chỗ kín cung nữ, sờ soạng trong đêm tối, thông dâm một lúc với nhiều người.

Nhà Nguyên đã hai lần trước đó, năm 1257 và 1284, cử quân đi đánh Đại Việt, nhưng đều đại bại.

Năm 1287, Hốt Tất Liệt tiếp tục sai con trai là Trấn Nam vương Thoát Hoan chỉ huy hơn ba mươi vạn quân chuẩn bị sang đánh Đại Việt lần thứ ba.

Lời đồn đại những hình thù kì quái trên thân thể cung nữ lan đi, việc dâm ô lộ ra. Một đạo sĩ cao tay được bí mật nhập quách thành. Sau ba sáu ngày hết một kỳ Địa sát, Nhan bị phát giác. Triều đình chiếu tội trăm quyết. Nhan cầu xin vua Nguyên cho đáo công chuộc tội.

Nhan râu rắng, hấn vốn sinh ra ở nước Việt, thông thạo tiếng người lương dân, nhận rõ đường đi ngõ ngách, xin nhận làm hướng đạo cho quân Nguyên. Hốt Tất Liệt chấp thuận cho Nhan tham gia vào quân của Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ, sang xâm lăng Đại Việt để có cơ lập công. Lại còn cho Nhan tùy ý dùng tà thuật, cốt là trừng trị được dân chúng nước sở tại.

Nhan đi, cầm lửa trong tay, mang nước phép đen trong bầu, rước voi về giày má tổ. Nhan dẫn đoàn quân thủy xâm lăng dọc, theo đường mép biển Đông, tiến vào đánh phá Đại Việt. Binh thuyền giặc tiến qua cửa Vạn Ninh, Móng Cái, rồi vào đến cửa An Bang, Quảng Yên. Nhan tận sức giúp đội quân viễn chinh, dùng tà thuật gây thật nhiều tội ác. Đoàn quân dã thú tung lên bờ hung hãn chà đạp, giết chóc mọi sinh linh đất Việt. Những thiếu nữ mất đầu, loã thể, đầy ven đường. Những mái nhà lửa cháy, khói bốc ngút trời, khắp chốn. Xác trẻ em khét lẹt trong lửa.

Mẹ hấn học máu ra chết khi hay tin, hấn dẫn lũ giặc man rợ về phá làng, phá nước.

(Truyện sưu tầm ở Hải Dương)

26. Sự tích Miếu Ông ở thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, huyện Nam Sách, Hải Dương

Nguyễn Bá Linh sau khi bị sau khi bị Hưng Đạo Vương bắt được đã trôi đưa ra bờ sông Nam Sách để hành hình. Nguyễn Bá Linh có tài thuật biến hóa khôn lường: chém đầu này liền mọc đầu khác. Nhưng Hưng Đạo Vương có thanh kiếm thần của nhà trời nên đã chém được đầu của Bá Linh. Đầu của Bá Linh trôi dạt về bên bờ sông Nam Sách. Thuở ấy, tại xã Văn Đồi, huyện Văn Đức thuộc trấn Hải Dương có gia đình bác nông dân nghèo đông con, sống bằng nghề chài lưới. Một hôm bác đi quăng lưới, thì thấy một cái đầu mắc vào lưới. Người nông dân nói: Tôi đặt ông lên cái gò cao này, ông phù hộ cho tôi đánh bắt được nhiều tôm cá, để vợ chồng tôi còn nuôi con. Quả từ đó, vợ chồng người nông dân ấy bắt được rất nhiều tôm cá. Sau đó, hai vợ chồng đã đắp thành

cái đồng cao để thờ cái đầu trôi trên dạt trên sông đó. Dân làng từ xưa gọi đó là Miếu Ông, nằm giữa cánh đồng. Nay thuộc thôn Cầu Quan, xã Tân Dân huyện Nam Sách - Hải Dương. Tuy nhiên, gọi là Miếu nhưng hiện nay không có một ngôi miếu nào, chỉ còn là một cái gò rất cao, mà người dân chỉ lên đó bảo chính là Miếu Ông.

Người dân địa phương còn kể về ngôi Miếu Ông trước kia nằm giữa cánh đồng. Dân làng An Bài thường sang cánh đồng của xã Tân Dân gặt trộm lúa. Đi qua Miếu Ông nếu thắp hương cầu khẩn thì sẽ được tha. Còn không, thường về sẽ phải chịu tội, không bệnh nọ thì tật kia.

(Ghi theo lời kể của bà Chèn (74 tuổi) thủ nhang đình An Bài, Chí Linh, Hải Dương)

27. Sự tích “Bệnh Phạm Nhan” và ngôi miếu thờ đĩa ở thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, Chí Linh - Hải Dương

Xưa người dân An Bài quanh năm thuyền chài sông nước để kiếm cơm. Một ngày nọ, đôi vợ chồng kéo vó lên không thấy tôm cá mà thấy một cái đầu. Nhiều người cho rằng đó chính là cái đầu Phạm Nhan. Bởi sau khi chém thành ba mảnh, mảnh đầu của hắn được ném xuống sông. Sợ hãi, đôi vợ chồng vớt chiếc đầu lâu xuống sông. Một tháng sau, đôi vợ chồng đó kéo lưới cũng lại thấy cái đầu. Sợ hãi, đôi vợ chồng khẩn rằng: “Nếu ông có thiêng thì phù hộ cho chúng tôi kéo được nhiều tôm cá, tôi sẽ đem ông về thờ cúng hẳn hoi”. Quả nhiên sau đó, đôi vợ chồng kéo được nhiều tôm cá, rồi ăn ra làm nên, vì thế họ bèn đem đầu Phạm Nhan lên táng trên bờ sông.

Sau đấy, Phạm Nhan luôn hiện về quấy nhiễu đàn bà, con gái. Phàm là những người con gái có nhan sắc, xinh đẹp lại hay bị mắc bệnh lạ. Dân làng hoang mang lập miếu thờ, trong miếu thờ không có bài vị, chỉ có một ụ nổi hình con đĩa - liên quan đến cái chết và sự hóa thân phần đầu của Phạm Nhan. Dân làng thường gọi đây là miếu thờ đĩa. Nay vị trí này được sát nhập vào đất Cầu Quan - Tân Dân - Chí Linh chứ không phải thôn An Bài, xã An Lạc nữa.

(Ghi theo lời kể của bà Thanh (70 tuổi) trông chùa Mãng Xứ, thôn Cầu Quan, xã Tân Dân - Chí Linh - Hải Dương)

28. Truyện Phạm Nhan gắn với công lao của bà hàng cơm

Cách đền Kiếp Bạc 100 mét về phía Bắc, bên dòng sông Thương có di tích một ngôi nghề, theo truyền thuyết ngôi nghề đó thờ bà hàng cơm đã có công trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông ở thế kỷ XIII.

Khi quân Nguyên Mông tràn sang, người chủ quán đó được Hưng Đạo Vương tin cậy, giao nhiệm vụ theo dõi, quan sát các đội binh thuyền của giặc và sự di chuyển

hoạt động của chúng qua những binh lính vào ăn quà, uống rượu, rồi mật báo về để Người kịp thời đối phó.

Một hôm có một người ăn vận đồ xanh, tướng người hung dữ, vào ăn hàng và uống rượu, bà dò hỏi tên tuổi, biết được đó là tên tướng giặc mang tên Phạm Nhan.

Theo truyền thuyết, Phạm Nhan sinh ở Việt Nam, bố người Tàu, mẹ người Việt. Hắn bỏ sang Tàu xin nhập vào đội quân xâm lược nhà Nguyên. Biết được nguồn gốc xuất thân của hắn, vua Nguyên là Hốt Tất Liệt tin dùng, phong làm tướng phù cho con trai hắn là thái tử Thoát Hoan đi xâm lược Đại Việt.

Khi đã tiếp rượu cho tên tướng giặc uống say, bà chủ quán mới lựa lời dò hỏi hắn: “Nghe nói tướng quân tài giỏi có nhiều phép màu có phải không ạ?”

Trong lúc say rượu tên tướng giặc khoe khoang về tài nghệ của mình, hắn nói: “Ta có ngũ phép thần thông, người đang to khỏe hóa nhỏ, không dây nào trói được, chém đầu này mọc đầu khác”.

- Tướng quân tài giỏi như vậy còn sợ ai chém nữa.

- Muốn trói ta phải bằng chỉ ngũ sắc thì ta không hóa nhỏ được, muốn chém đầu ta để không mọc được đầu khác, phải dùng vôi tôi, phân gà sấp và bồ hóng bếp bôi lên lưỡi kiếm.

- Hiện tướng quân đang chỉ huy ở thuyền nào?

Tên tướng giặc chỉ xuống chiếc thuyền to nhất đậu dưới bến sông:

- Trong thuyền có nguyên soái Ô Mã Nhi và ta chỉ huy.

Nắm được việc cơ mật đó, bà chủ quán đã kịp thời báo ngay về quân doanh cho Trần Hưng Đạo biết.

Tại trận Bạch Đằng lịch sử, đoàn thuyền chiến của giặc sa vào bãi cọc ngầm của ta bầy sấn. Đoàn thuyền tan vỡ chìm xuống dòng sông. Quân ta tràn lên thuyền soái của Ô Mã Nhi, bắt sống tên tướng giặc và Phạm Nhan. Hưng Đạo Vương sai lấy chỉ ngũ sắc trói chặt Phạm Nhan lại.

Bà chủ quán hàng cơm được vua Trần phong chức *Thiên Hương Ngọc Trinh công chúa*.

Khi bà mất, để tỏ lòng biết ơn người có công với nước, nhân dân lập đền thờ tại quán hàng của bà. Nghè được xây dựng bên bờ sông Lục Đầu, kiến trúc lộ thiên. Khoảng năm 1954 - 1955 nghè bị người dân phá lấy gạch. Nghè bà hàng cơm hiện chỉ còn nền móng, nằm ở cánh đồng Vạn Yên, bên sông Lục Đầu.

(Theo lời kể của ông Phạm Khắc Hồng - nguyên trưởng BQL di tích đền Kiếp Bạc)

29. Nghè thờ Phạm Nhan ở An Bài

Phạm Nhan tên là Bá Linh, họ Nguyễn, Phạm Nhan là tên chữ khi hấn đi thi và ra làm quan. Bó Nguyễn Bá Linh người Quảng Đông, Trung Quốc sang buôn bán ở chợ Đông Hồ (chợ Cột - Đông Triều sau này). Người lái buôn ấy yêu một cô gái người làng An Bài, cạnh chợ, rồi sinh ra hấn tại đây. Lớn lên hấn về quê cha học thêm rồi đi thi, đỗ tiến sĩ. Vốn có tài làm thuốc, hấn được tuyển vào cung, rồi thông dâm với một cung nữ, bị khép vào tội chém đầu. Đúng lúc đó, vua Nguyên khởi binh đánh Đại Việt lần thứ 3, hấn xin cho lấy công chuộc tội, vì hấn rất thông thuộc “sào huyệt” của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn. Vua Nguyên ưng, phong hấn làm tướng tiên phong, cùng Nguyên soái - Bình chương sự Ô Mã Nhi, theo tiết chế Trần Nam vương Thoát Hoan, con vua Nguyên, dẫn quân theo đường Lạng Sơn đánh thẳng vào Vạn Kiếp. Đây là đạo quân mạnh nhất của giặc. Các con của Hưng Đạo Vương, trong đó có Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Tảng theo cha đánh giặc ở phòng tuyến này. Trong trận đối đầu với hấn ở ải Phú Lương, ngày 14/3 năm Đinh Hợi (1287), mà hấn là tướng tiên phong, Hưng Đạo Vương phải lui quân vì thất thế địch rất mạnh. Được đà, hấn kéo quân từ Vạn Kiếp về Đông Triều, dọc đường đã tàn sát nhân dân ta vô cùng dã man. Trong trận Bạch Đằng ngày 8/3 năm Mậu Tý tức ngày 9/4/1288, Phạm Nhan bị bắt sống. Hấn bị xử tội chết. Trước khi chết, hấn xin được đưa về An Bài để lạy tạ đất mẹ đã sinh ra hấn và xin được Hưng Đạo vương chém đầu hấn tại đây. Có lẽ vì thế chăng, mà xã An Bài, ngay cạnh quốc lộ 18 từ huyện lỵ Đông Triều đi Cầu Cầm (rồi xuôi về thành phố Uông Bí, Quảng Ninh hiện nay) sau này mang tên Hưng Đạo. Quân sĩ chém đầu này, hấn lại mọc đầu khác, cho đến khi Hưng Đạo vương chém mới dứt hấn. Vương cho vớt xác hấn xuống sông, vì không có tác đất nào có thể chôn hấn được. Sau đó từng mảnh xác hấn rửa ra biển thành con đĩa, chuyên đi hút máu người. Đặc biệt thứ máu hấn ưa thích nhất là máu đàn bà đẻ... Làng An Bài nay thuộc huyện Chí Linh - Hải Dương có miếu thờ hấn ở bên bờ sông Thanh Lương. Một khúc của sông Kinh Thầy hiện nay, để vong hồn đau khổ của hấn đỡ quấy nhiễu dân gian trong vùng, nhất là phụ nữ và đàn bà đẻ. Do đó, các xã quanh làng An Bài, hấn ít gây ra tai vạ, còn ở những nơi xa thì người nhà bệnh nhân phải đến đền Vạn Kiếp cầu đàn, đem theo một chiếc chiếu mới, sau khi làm phép xong, mang chiếc chiếu ấy về, rồi lừa trải vào chỗ người ốm nằm... không ai là không khỏi ngay. Nhưng chỉ người nào bị hấn ám thì mới nghiệm. Riêng chiếc miếu thờ hấn ở làng An Bài đã bị phá dỡ từ lâu. Đến năm 1978 được phục dựng lại dưới hình thức một ngôi nghè nhỏ nằm trong khuôn viên gia đình vợ chồng ông Pháo, bà Oanh tại thôn An Bài, xã An Lạc, nay là thị xã Chí Linh - Hải Dương. Hiện nay, ngôi nghè này vẫn còn.

(Ghi theo lời kể của anh Nguyễn Sỹ Đông - Ban quản lí di tích đền Kiếp Bạc)

PHỤ LỤC III: PHỤ LỤC ẢNH

1. Miếu Phạm Nhan tại Hưng Học - Quảng Yên, Quảng Ninh



ảnh 1: Miếu Phạm Nhan trong khuôn viên chùa Hưng Linh
(ảnh tác giả luận án chụp - 2015)



ảnh 2: Miếu thờ Phạm Nhan trong khuôn viên chùa Hưng Linh
(ảnh tác giả luận án chụp - 2016)



ảnh 3: Không gian thờ trong miếu Phạm Nhan
(ảnh tác giả luận án chụp - 2016)



ảnh 4: Hương án trong miếu Phạm Nhan
(ảnh tác giả luận án chụp - 2016)



ảnh 5: Đình làng Hưng Học, phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh
(ảnh tác giả luận án chụp - 2015)



ảnh 6: Hậu cung đình làng Hưng Học, phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên -
Quảng Ninh
(ảnh tác giả luận án chụp - 2015)



ảnh 7: Tác giả luận án phỏng vấn ông Phan Thanh Kiếm (69 tuổi) - Trưởng ban Khánh tiết đình Hưng Học, Nam Hòa, Quảng Yên - Quảng Ninh (ảnh tác giả luận án - 2016)



ảnh 8: Tác giả luận án phỏng vấn ông Hoàng Văn Choảng (57 tuổi) - thủ nhang đình Hưng Học, Nam Hòa, Quảng Yên - Quảng Ninh (ảnh tác giả luận án - 2016)

2. Miếu Phạm Nhan tại làng An Bài - Chí Linh, Hải Dương



ảnh 9: Nghè thờ Phạm Nhan trong khuôn viên vườn nhà ông Pháo, bà Oanh thôn An Bài, xã An Lạc, thị xã Chí Linh - Hải Dương
(ảnh tác giả luận án chụp - 2017)



ảnh 10: Hương án trong nghè thờ Phạm Nhan trong khuôn viên vườn nhà ông Pháo, bà Oanh thôn An Bài, xã An Lạc, thị xã Chí Linh - Hải Dương
(ảnh tác giả luận án chụp - 2017)



ảnh 11: Tác giả luận án phỏng vấn bác Oanh (66 tuổi) thôn An Bài, xã An Lạc, thị xã Chí Linh - Hải Dương
(ảnh tác giả luận án - 2017)



ảnh 12: cổng làng An Bài, xã An Lạc, thị xã Chí Linh - Hải Dương
(ảnh tác giả luận án - 2015)



ảnh 13: Đình làng An Bài, thị xã Chí Linh, huyện Nam Sách - Hải Dương
(ảnh tác giả luận án chụp - 2015)



ảnh 14: Hương án trong đình làng An Bài, thị xã Chí Linh,
huyện Nam Sách - Hải Dương
(ảnh tác giả luận án chụp - 2015)



ảnh 15: Bà Chèn (74 tuổi) thủ nhang đình làng An Bài, thị xã Chí Linh, huyện Nam Sách - Hải Dương (ảnh tác giả luận án chụp - 2015)

3. Miếu Ông - Mãng Xứ thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, huyện Văn Đức - Hải Dương



ảnh 16: Đình làng Mãng Xứ, thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, huyện Văn Đức - Hải Dương (ảnh tác giả luận án chụp - 2015)



ảnh 17: Hương án trong đình làng Mãng Xứ, thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, huyện Văn Đức - Hải Dương (ảnh tác giả luận án chụp - 2015)



ảnh 18: Gò đá tại thôn Cầu Quan, xã Tân Dân, huyện Văn Đức - Hải Dương nơi đây tương truyền xưa có ngôi miếu ông thờ Phạm Nhan, nay đã bị phá bỏ. (ảnh tác giả luận án chụp - 2015)

4. Miếu Phạm Nhan tại Huế



ảnh 19: Miếu Phạm Nhan trong khuôn viên điện Hòn Chén - Huế
(ảnh do anh Nguyễn Sỹ Đông cung cấp - 2017)



ảnh 20: Hương án trong miếu Phạm Nhan, điện Hòn Chén - Huế
(ảnh do anh Nguyễn Sỹ Đông cung cấp - 2017).